



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

An abstract graphic composed of white lines and dots forming a network-like structure, resembling a map or a data visualization, positioned in the upper right quadrant of the page.

2020

**KẾT NỐI THỊ TRƯỜNG
NÂNG TẦM CAO MỚI**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

NỘI DUNG

Báo cáo thường niên 2020

VINARE ĐẶT MỤC TIÊU TRỞ THÀNH NHÀ TÁI BẢO HIỂM, NHÀ ĐẦU TƯ CHUYÊN NGHIỆP, UY TÍN, LÀ CHỖ DỰA VỮNG CHẮC CHO THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM PHÁT TRIỂN THÔNG QUA TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI THỊ TRƯỜNG ĐỂ NÂNG TẦM CAO MỚI TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TƯƠNG LAI.

2020

KẾT NỐI THỊ TRƯỜNG NÂNG TẦM CAO MỚI

04 Thông điệp Báo cáo thường niên 2020

06 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị

10 Thông điệp Tổng Giám đốc



14

kết nối NIỀM TIN

Giới thiệu tổng quan

- 16 Thông tin khái quát
- 18 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20 Quá trình hình thành và phát triển
- 22 Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý
- 26 Giới thiệu Lãnh đạo VINARE
- 32 Vốn cổ phần và Cơ cấu cổ đông
- 34 Các công ty con - công ty liên kết
- 35 Các đối tác và khách hàng
- 38 Các giá trị được tôn vinh
- 39 Các sự kiện tiêu biểu trong năm 2020
- 40 Một số chỉ tiêu kinh doanh chính



42

kết nối TIỀM NĂNG

Môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh

- 44 Môi trường kinh doanh
- 53 Các rủi ro ảnh hưởng tới hoạt động
- 56 Định hướng phát triển
- 57 Chiến lược phát triển bền vững



58

kết nối GIÁ TRỊ

Kết quả hoạt động kinh doanh 2020 và kế hoạch kinh doanh 2021

- 60 Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE
- 75 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các hoạt động của VINARE



76

kết nối ESG

Quản trị Công ty

- 78 Kết nối để tăng sức hút từ cam kết quản trị theo ESG
- 80 Tổng quan về quản trị công ty tại VINARE
- 86 Báo cáo của Hội đồng Quản trị và các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị
- 91 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 93 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
- 94 Phân tích thể điểm Quản trị dựa trên thể điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN
- 103 Hệ thống kiểm soát nội bộ
- 104 Quản lý rủi ro
- 105 Quan hệ cổ đông & Thông tin về sở hữu của cổ đông nội bộ và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ



106

kết nối VỮNG BỀN

Báo cáo phát triển bền vững

- 108 8 xu hướng bền vững năm 2021
- 110 Tổng quan về báo cáo
- 112 Tổng quan về VINARE & hoạt động phát triển bền vững
- 120 Chiến lược phát triển bền vững
- 126 Quản trị phát triển bền vững
- 136 Sự tham gia của các bên liên quan
- 142 Các vấn đề trọng yếu
- 145 Các tiêu chuẩn về Kinh tế - GRI 200
- 152 Các tiêu chuẩn về Môi trường - GRI 300
- 155 Các tiêu chuẩn về Xã hội - GRI 400
- 163 Thực hiện trách nhiệm Xã hội



166

kết nối MINH BẠCH

Báo cáo tài chính

- 168 Báo cáo tài chính hợp nhất
- 227 Báo cáo tài chính riêng

Kết nối thị trường Nâng tầm cao mới

Năm 2020, Việt Nam đã khiến cả thế giới ngạc nhiên với việc kiểm soát COVID-19 một cách ấn tượng và tốc độ tăng trưởng kinh tế đầy cảm hứng đạt 2,91%, đưa Việt Nam trở thành một trong 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới và cũng là một trong 16 quốc gia mới nổi thành công nhất. Năm ngoái, GDP của nền kinh tế ước tính đạt khoảng 6,3 triệu tỷ đồng (273,9 tỷ USD), tăng 263 nghìn tỷ đồng (11,43 tỷ USD) so với năm 2019, đứng thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 543,9 tỷ USD, tăng 5,2% so với cùng kỳ - đạt thặng dư thương mại kỷ lục 19,1 tỷ USD, đặc biệt là trong bối cảnh thương mại toàn cầu giảm mạnh.

Năm 2020 đánh dấu chặng đường 26 năm VINARE đồng hành và phát triển cùng thị trường bảo hiểm Việt Nam. Kể từ khi thành lập đến nay, mặc dù trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh gay gắt, kết quả kinh doanh của VINARE liên tục được cải thiện và phát triển. VINARE kiên định với chiến lược phát triển hiệu quả và bền vững, đề cao việc tuân thủ kỷ luật khai thác, kiểm soát chặt chẽ rủi ro, lấy hiệu quả hoạt động làm thước đo hành động, VINARE đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần vào sự tăng trưởng bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam.

26 NĂM
ĐỒNG HÀNH CÙNG THỊ TRƯỜNG
BẢO HIỂM VIỆT NAM

AM BEST KHẲNG ĐỊNH



NĂNG LỰC TÀI CHÍNH (FSR)

B++
(TỐT)

**NĂNG LỰC TÍN DỤNG DÀI HẠN
CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (ICR)**

bbb+

AM Best khẳng định năng lực tài chính (FSR) mức B++ (Tốt) và năng lực tín dụng dài hạn của tổ chức phát hành (ICR) mức “bbb+” của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE) (Việt Nam). Triển vọng của năng lực tài chính và năng lực tín dụng dài hạn của tổ chức phát hành vẫn giữ ở mức ổn định (stable).

Mức xếp hạng phản ánh tình hình tài chính vững mạnh của VINARE, được AM Best đánh giá ở mức rất tốt, đồng thời cũng phản ánh kết quả kinh doanh tốt, hồ sơ năng lực kinh doanh ổn định, và khung quản lý rủi ro doanh nghiệp phù hợp.

Khả năng tài chính của VINARE, được phản ánh thông qua chỉ tiêu vốn hóa theo rủi ro và đo lường bởi Chỉ số Best's Capital Adequacy Ratio (BCAR), được duy trì ở mức cao nhất. Việc đáp ứng đầy đủ yêu cầu vốn chủ yếu nhờ vào mức giữ lại tương đối thấp, trong khi hoạt động đầu tư được đánh giá có mức độ rủi ro trung bình do có những khoản đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp trong nước đã được niêm yết và chưa niêm yết.

VINARE

KẾT NỐI CÁC YẾU TỐ
BỀN VỮNG
VÀO CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN DÀI HẠN
& MỌI HOẠT ĐỘNG



VINARE

KẾT NỐI THỊ TRƯỜNG



VINARE ĐẶT MỤC TIÊU TRỞ THÀNH NHÀ TÁI BẢO HIỂM, NHÀ ĐẦU TƯ CHUYÊN NGHIỆP, UY TÍN, LÀ CHỖ DỰA VỮNG CHẮC CHO THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM PHÁT TRIỂN THÔNG QUẢ TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI THỊ TRƯỜNG ĐỂ NÂNG TẦM CAO MỚI TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TƯƠNG LAI.



Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính gửi các Quý cổ đông,

Kết nối niềm tin - 26 năm đồng hành cùng thị trường bảo hiểm Việt Nam

Năm 2020 là năm bản lề quan trọng của VINARE, đánh dấu chặng đường 26 năm VINARE đồng hành và phát triển cùng thị trường bảo hiểm Việt Nam. Kể từ khi thành lập đến nay, mặc dù trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh gay gắt, kết quả kinh doanh của VINARE liên tục được cải thiện và phát triển. VINARE kiên định với chiến lược phát triển hiệu quả và bền vững, đề cao việc tuân thủ kỷ luật khai thác, kiểm soát chặt chẽ rủi ro, lấy hiệu quả hoạt động làm thước đo hành động. Nhờ vậy, VINARE đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Kết nối tiềm năng - đẩy mạnh hợp tác quốc tế tìm kiếm cơ hội tăng trưởng

Trong chặng đường 5 năm qua, doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 10,6%/năm, doanh thu phí giữ lại tăng trưởng bình quân 28,6%/năm. Trong lĩnh vực đầu tư tài chính, thu nhập hoạt động đầu tư đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 13%/năm. Bình quân lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty tăng trưởng 7,2%/năm. VINARE đã chi trả tiền bồi thường nhận tái bảo hiểm đầy đủ và kịp thời cho các doanh nghiệp bảo hiểm gốc, góp phần ổn định sản xuất kinh doanh cho người được bảo hiểm. Số vốn đầu tư trở lại nền kinh tế năm 2020 là 4.023 tỷ VND, đóng góp không nhỏ vào thu ngân sách Nhà nước.

Kết nối giá trị - không ngừng tăng cường năng lực tài chính và quản trị

Về năng lực tài chính, từ số vốn 40 tỷ ngày thành lập đến nay, các chỉ tiêu thể hiện năng lực tài chính của VINARE có sự tăng trưởng vượt bậc: Tổng tài sản đạt 6.738 tỷ đồng; Vốn điều lệ 1.310 tỷ đồng; Vốn chủ sở hữu 2.939 tỷ đồng. Giá trị vốn hóa thị trường thời điểm 31/12/2020 đạt 2.621 tỷ đồng. Vị thế kinh doanh của VINARE được đánh giá là cân bằng. Trong hai công ty tái bảo hiểm tại Việt Nam, VINARE là công ty có quy mô lớn hơn với tổng doanh thu phí nhận (GWP) là 2,45 nghìn tỷ VND (hơn 100 triệu USD) trong năm 2020. VINARE được hưởng lợi từ mối quan hệ lâu dài với các công ty bảo hiểm trong nước, bao gồm một số công ty bảo hiểm nắm giữ cổ phần tại VINARE. Cơ cấu nhận tái bảo hiểm của VINARE đa dạng hóa theo nghiệp vụ với trên 70% doanh thu phí đến từ thị trường Việt Nam.

Kết nối minh bạch - củng cố niềm tin vào cổ phiếu VNR

Với những thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh và những đóng góp cho thị trường bảo hiểm Việt Nam trong hành trình 26 năm qua, VINARE đã vinh dự được tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý của Nhà nước, Chính phủ và Bộ Tài chính, trong đó có các Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba, Huân chương Độc lập hạng Ba và nhiều danh hiệu cao quý khác.

VINARE đã nhiều năm được xếp hạng trong Top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Năm 2018, VINARE đã vinh dự được tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ vì những thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh. Năm 2019, VINARE được tặng thưởng Cờ thi đua của Bộ Tài chính cho những thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh. VINARE liên tục được vinh danh trong bảng xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất trong nền kinh tế và Top 5 Doanh nghiệp ngành Bảo hiểm có lợi nhuận tốt nhất do Chương trình xếp hạng Profit500 của Vietnam Report và VietnamNet công bố.

6.738

TỔNG TÀI SẢN
(TỶ VND)

1.310

VỐN ĐIỀU LỆ
(TỶ VND)

2.939

VỐN CHỦ SỞ HỮU
(TỶ VND)

2.621

GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
TẠI THỜI ĐIỂM 31.12.2020
(TỶ VND)



Kính thưa các Quý vị,

Kết nối các yếu tố bền vững vào chiến lược phát triển dài hạn và mọi hoạt động

Trong chặng đường sắp tới, thực hiện Đề án cơ cấu lại thị trường chứng khoán và bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 của Chính phủ, VINARE đã và đang thiết lập một chiến lược phát triển trên tầm cao mới với một kế hoạch hành động tích cực, tiếp tục cam kết mạnh mẽ việc cung cấp các giải pháp dài hạn và dịch vụ chất lượng quốc tế cho thị trường trong nước và khu vực, tham gia vào các chương trình bảo hiểm của Chính phủ, đồng hành và hỗ trợ thị trường bảo hiểm Việt Nam hướng tới sự phát triển bền vững và hiệu quả và thực thi trách nhiệm cộng đồng trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội.

Trong bối cảnh đó, mục tiêu tăng trưởng và phát triển giai đoạn 2020-2024 của VINARE thực sự đặt ra nhiều thách thức để đảm bảo quyền lợi của cổ đông cụ thể như sau; tăng trưởng doanh thu phí nhận đảm bảo bình quân 9%/năm; tỷ lệ combined ratio bình quân tối đa 98%; tăng trưởng lợi nhuận trước thuế tối thiểu bình quân 7%/năm; tỷ lệ cổ tức tối thiểu 12%/năm; ROE bình quân tối thiểu 10%; Vốn điều lệ tăng lên 2.000 tỷ cho đến năm 2024.

Kết nối để tăng sức hút từ cam kết quản trị theo ESG

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, VINARE hiểu rằng mục tiêu của quản trị công ty là để xây dựng

một môi trường của lòng tin, tính minh bạch và tính giải trình, các yếu tố cần thiết để thúc đẩy phát triển đầu tư dài hạn, sự ổn định tài chính và đạo đức trong kinh doanh, từ đó hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng trong dài hạn của các doanh nghiệp. Chính vì vậy, chúng tôi luôn hiểu rằng để cạnh tranh và tồn tại trong dài hạn thì cần áp dụng triết lý đầu tư: "Bền vững chính là cách kinh doanh, chứ không phải cách sử dụng tiền kinh doanh được, dựa trên 3 trụ cột ESG. Khả năng quản lý các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị minh chứng cho khả năng lãnh đạo từ cấp cao nhất là HĐQT và quản trị tốt - là các yếu tố thiết yếu đối với tăng trưởng bền vững".

VINARE nâng tầm cao mới đảm bảo phát triển bền vững

Với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, sự hợp tác quý báu của các đối tác và các cổ đông, sự hỗ trợ tối đa từ chính sách đổi mới của Chính phủ trong lĩnh vực bảo hiểm, cùng với những nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên VINARE, tôi tin tưởng rằng VINARE sẽ tiếp tục chinh phục những thử thách và đạt được những đỉnh cao mới trong chặng đường sắp tới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và nhân danh cá nhân, tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của các cơ quan liên quan, sự hợp tác của các quý cổ đông, đối tác của VINARE và đặc biệt đánh giá cao những nỗ lực và thành tựu mà các cán bộ nhân viên của VINARE đã đạt được trong năm 2020.

Năm 2021 đánh dấu hành trình mới của VINARE, và là năm bản lề quan trọng của nhiệm kỳ mới của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, tôi xin chúc VINARE đạt được những thành tựu xuất sắc trong hoạt động kinh doanh và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Chúc Quý vị hạnh phúc, sức khỏe và thành đạt./.

NGUYỄN ANH TUẤN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Xin được gửi lòng biết ơn và tri ân tới Ông Phạm Công Tú, nguyên Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, vì những đóng góp to lớn không mệt mỏi trong quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của VINARE hơn 26 năm qua.

10 ĐẶC ĐIỂM KHÁC BIỆT SẼ TẠO NÊN SỰ GIỮA CÁC CÔNG TY BẢO HIỂM/TÁI BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU TRONG NĂM 2021



UN CLIMATE CHANGE CONFERENCE UK 2020

“ Khi ngành bảo hiểm chuẩn bị sẵn sàng đáp ứng những kỳ vọng ngày càng cao về biến đổi khí hậu mà Hội nghị về Biến đổi khí hậu lần thứ 26 của Liên hợp quốc (COP 26) sẽ đưa ra, Công ty luật quốc tế Clyde & Co dự báo 10 nhân tố sẽ là dấu hiệu để phân biệt các công ty bảo hiểm/tái bảo hiểm tốt nhất trên toàn thế giới.

Đặc điểm đứng đầu sẽ tập trung nhất quán vào những rủi ro và những cơ hội của biến đổi khí hậu.

Các công ty bảo hiểm/tái bảo hiểm sẽ không chỉ tập trung vào hành động của riêng mình đối với biến đổi khí hậu, mà còn sẽ nâng cao những kỳ vọng của nhân viên, khách hàng và các đối tác khác bao gồm các đại lý, các nhà môi giới và các nhà cung cấp dịch vụ thuộc bên thứ ba.

Sẽ có sự khao khát kinh doanh toàn diện thực sự để hiểu và định lượng tác động của các rủi ro về mặt vật chất, trong thời kỳ quá độ và trách nhiệm phát sinh từ những nguy cơ của biến đổi khí hậu và thời tiết ngày càng thay đổi cũng như thảm họa thiên nhiên.

Sẽ đầu tư đáng kể vào việc khai thác và phân tích dữ liệu khoa học theo chiều sâu để xây dựng sự hiểu biết về các nguy cơ và rủi ro về mặt tài chính của hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Biến đổi khí hậu sẽ được gắn chặt vào các khuôn khổ quản lý rủi ro và hoạt động của công ty bảo hiểm/tái bảo hiểm.

Sẽ có sự tham gia thực sự với cộng đồng và khách hàng để giáo dục và thúc đẩy sự hiểu biết về những lợi ích của việc thực hiện các biện pháp giảm nhẹ và giảm thiểu rủi ro trước khi xảy ra tổn thất.

Các công ty bảo hiểm/tái bảo hiểm sẽ phát triển các biện pháp khuyến khích để thúc đẩy người được bảo hiểm thực hiện các biện pháp giảm thiểu khí hậu và công nhận cũng như khen thưởng người được bảo hiểm.

Việc phát triển sản phẩm sẽ phải bắt đầu một cách vô cùng chăm chỉ, cật lực và có thể sẽ bao gồm việc giới thiệu rộng rãi các đơn bảo hiểm trên cơ sở kích hoạt bồi thường theo chỉ số/tham số cho thị trường bán lẻ bảo hiểm.

Các điều khoản mở rộng sản phẩm bảo hiểm có thể bao gồm các dịch vụ hỗ trợ sức khỏe tinh thần và thiết thực cho các doanh nghiệp trong bối cảnh bồi thường sau khi xảy ra tổn thất.

Sẽ có sự tập trung vào việc phát triển kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm giữa các nhân viên khai thác bảo hiểm và giải quyết bồi thường và chuyển đổi trọng tâm tuyển dụng để bảo đảm doanh nghiệp có đủ các kỹ năng cần thiết nhằm cải thiện một số xu hướng về biến đổi khí hậu.

(Theo Clyde & Co. 16/12/2020)



VINARE

NÂNG TẦM CAO MỚI

VINARE NÂNG TẦM CAO MỚI ĐỂ QUYẾT TÂM HIỆN THỰC HÓA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG. NĂM 2021 LÀ MỘT NĂM ĐẶC BIỆT ĐỂ THIẾT LẬP CÁC NỀN TẢNG TÀI CHÍNH, QUẢN TRỊ TRÊN MỘT TẦM CAO MỚI, TẠO ĐÀ CHO VIỆC TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2020 - 2024 CỦA VINARE.



Thông điệp Tổng Giám đốc

Kính gửi các Quý cổ đông,

2020 là một năm đặc biệt

Có lẽ, sẽ cần cả một bộ phim để ghi lại những hình ảnh có một không hai trong năm vừa qua mà cả thế giới đã phải đối mặt. Hãy cùng VINARE điểm lại những điều đạt được từ một năm đầy biến động.

2020 là một năm đặc biệt với Việt Nam

2020 là năm nền kinh tế Việt Nam thuộc nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng cao hàng đầu thế giới. Mặc dù tình hình kinh tế - chính trị thế giới có nhiều biến động, Việt Nam vẫn giữ được ổn định kinh tế vĩ mô, các chỉ tiêu về kim ngạch xuất nhập khẩu và vốn đầu tư nước ngoài giải ngân đều đạt mức tăng trưởng cao nhất từ trước tới nay.

2020 cũng là một năm đặc biệt với thị trường bảo hiểm Việt Nam

Về tình hình thị trường bảo hiểm, tổng doanh thu phí toàn thị trường năm 2020 ước đạt 185.354 tỷ VND, tăng trưởng 15,7% so với 2019 và chiếm khoảng 3% GDP. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 54.797 tỷ VND, tăng trưởng 3,7% so với 2019. Thị trường bảo hiểm nói chung và bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng đều chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, đặc biệt là tình hình sản xuất kinh doanh của toàn nền kinh tế bị gián đoạn và giảm sút. Tình hình cạnh tranh gay gắt và diễn biến tổn thất phức tạp vẫn là quan ngại chung, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ của nhiều doanh nghiệp.

2020 cũng là một năm có nhiều biến động với VINARE

Cũng có thể khẳng định năm vừa qua là một năm thành công đối với VINARE trong bối cảnh đà tăng trưởng của thị trường bảo hiểm giảm sút do tác động chưa tính toán hết được của dịch Covid-19 cùng với tình hình tổn thất do thiên tai tiếp tục diễn biến phức tạp, VINARE vẫn đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.447,7 tỷ VND, tăng trưởng 10,2% so với năm 2019. Lợi tức trước thuế đạt 357,2 tỷ VND và tăng 7,6% so với năm 2019.

Bên cạnh những thành tích trong hoạt động kinh doanh, VINARE đã chú trọng công tác cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường thông qua các hoạt động đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, phối hợp tham gia khảo sát và đánh giá rủi ro cho các dịch vụ lớn.

Hoạt động đầu tư tài chính của Tổng công ty trong năm 2020 đạt kết quả tốt với thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác tăng 15,6% so với năm trước. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty đạt 357,2 tỷ VND, tăng 7,6% so với năm 2019 và về đích kế hoạch của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Biên khả năng thanh toán của VINARE tiếp tục được duy trì ở mức cao so với biên khả năng thanh toán tối thiểu do Bộ Tài chính quy định. Việc chi trả cổ tức cho cổ đông được thực hiện đúng thời hạn và theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Năm 2020, tỷ lệ cổ tức trình Đại hội đồng cổ đông thông qua là 15%, cao hơn so với dự kiến 12% trước đó.

Những thành tựu trên đạt được là do sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị và nỗ lực không ngừng nghỉ của các cán bộ, nhân viên VINARE đã góp phần tạo ra những "cú hích" riêng biệt cho ngành bảo hiểm. Bởi VINARE không chỉ là một doanh nghiệp, VINARE có trách nhiệm tạo dựng cho cả thị trường bảo hiểm phát triển, mang lại lợi ích bền vững cho xã hội.

2.447,7

(Tỷ VND)
DOANH THU PHÍ NHẬN TÁI BẢO HIỂM
tăng trưởng **10,2%**
so với năm 2019

357,2

(Tỷ VND)
LỢI TỨC TRƯỚC THUẾ
tăng trưởng **7,6%**
so với năm 2019



Cảm ơn 2020 vì đã cho VINARE một cơ hội để vượt qua những giới hạn bình thường.

Cảm ơn 2020 vì đã khiến VINARE trở nên mạnh mẽ hơn, kiên cường hơn.

Qua gian khó, mới thấy rằng, một doanh nghiệp có bề dày, có kinh nghiệm, có đội ngũ tinh nhuệ và gắn bó, sẽ bền vững, phát triển.

Năm 2021 cũng sẽ là một năm nhiều thách thức hơn

Thế giới luôn vẫn xoay với những biến cố bất ngờ nên nếu dừng lại, không học hỏi, không đổi mới dựa trên nguồn lực nội sinh, VINARE sẽ tụt hậu. Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra nhiều cơ hội, nhưng cũng đồng thời tạo ra thách thức bị bỏ lại nếu VINARE không nhanh nhạy đổi mới.

Năm 2021, dự báo chỉ tiêu GDP tăng trưởng 6 - 6,5%, thị trường bảo hiểm được dự báo tăng trưởng với tốc độ 15%, trong đó khối phi nhân thọ tăng trưởng 3 - 5%. Những khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 trong năm 2020 sẽ tác động mạnh hơn đến hoạt động kinh doanh của VINARE trong năm 2021. Với chủ trương phát triển bền vững, chú trọng hiệu quả kinh doanh là chính, VINARE đã xây dựng kế hoạch kinh doanh 2021 với dự kiến doanh thu phí nhận tái bảo hiểm giảm 18% và lợi tức trước thuế dự kiến tăng 5,5% so với năm 2020. Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến được duy trì tối thiểu là 12%.

Năm 2021, VINARE - nâng tầm cao mới

VINARE đã có nền tảng tốt, có môi trường tốt, nhưng để có thể tồn tại và phát triển bền vững thì trong năm 2021 cần tập trung hoàn thiện các công việc sau:

Thứ nhất, Tổng Công ty tập trung nguồn lực ưu tiên hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2021; phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất trong lĩnh vực bảo hiểm công; tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực: bảo hiểm Tài sản công, Bancassurance, Rủi ro thiên tai, Nông nghiệp; đồng thời tăng cường giải pháp/năng lực tái bảo hiểm cho thị trường;

Thứ hai, hoàn thiện mô hình quản trị theo chuẩn mực quốc tế, thiết lập chức năng kiểm toán nội bộ; đánh giá và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực; kiện toàn tổ chức bộ máy theo đề án; đưa vào sử dụng hệ thống IT cho lĩnh vực tài chính - kế toán; tăng cường quản lý rủi ro nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng về quản lý rủi ro cho thị trường; duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm. Mỗi cán bộ mạnh, sẽ góp phần xây dựng doanh nghiệp mạnh. Và cứ như vậy, nó sẽ là một vòng tuần hoàn để thôi thúc VINARE tiếp tục lớn mạnh hơn. Nguồn lực của tất cả các cá nhân, của tất cả các công ty thành viên được phát huy sẽ cộng hưởng thành sức mạnh tổng lực của VINARE.

Thứ ba, tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường; tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả và nâng cao năng lực đầu tư, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá định kỳ.

Bên cạnh đó, VINARE cũng sẽ nâng cao chất lượng tổ chức Hội nghị Tái bảo hiểm; tổ chức lại hệ thống lưu trữ văn bản và đưa vào vận hành hệ thống e-office và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi mặt hoạt động để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Thay mặt Ban Giám đốc điều hành, tôi xin gửi lời cảm ơn tới Hội đồng Quản trị, đặc biệt là Chủ tịch Hội đồng Quản trị vì sự quan tâm và chỉ đạo sát sao, Ban Kiểm soát, cảm ơn Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan đã tạo mọi điều kiện hỗ trợ cho hoạt động của VINARE, cảm ơn các cổ đông, các đối tác của VINARE đã dành cho VINARE sự hợp tác chặt chẽ và bền vững trong quá trình hoạt động.

Trong những năm vừa qua, tôi vui mừng vì mỗi cán bộ VINARE đã phát huy tinh thần học hỏi không ngừng, vận dụng những điều mới, điều hay vào công việc hàng ngày. VINARE cần tôi luyện cả ý chí, nghị lực, luôn chuẩn bị cho mình sức sống mới, tâm thế mới trong bối cảnh thế giới số hóa, Covid hóa.

- Thêm quyết tâm, để cùng nắm tay nhau bước tiếp chặng đường 2021 và dài hơn nữa với những trái ngọt và dấu ấn đậm sâu hơn.
- Thêm yêu thương, trân trọng để cùng nhau bước vào năm 2021 và nhiều năm sau nữa với một tâm thế bình an, bền vững.
- Thêm niềm tin, để cùng nắm chặt tay nhau và dựng lên những thước phim đi vào lịch sử cho VINARE!

Chúc Quý vị hạnh phúc, sức khỏe và thành đạt./.

MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc



Doanh nghiệp niêm yết ĐẠT CHUẨN

công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2020

VINARE được vinh danh là một trong số 329 doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2020 (IR Awards 2020) - chương trình thường niên do Hiệp hội Các nhà Quản trị Tài chính Việt Nam (vafe.org.vn), Vietstock (vietstock.vn) và Tạp chí điện tử Tài chính và Cuộc sống (filii.vn) đồng tổ chức.

IR Awards là Chương trình Bình chọn Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) tốt nhất được tổ chức thường niên. Chương trình thực hiện đánh giá toàn diện về hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) của các doanh nghiệp niêm yết hằng năm; bao gồm thống kê khảo sát thực tế, mở bình chọn công khai cho cộng đồng nhà đầu tư và đánh giá chuyên môn từ các định chế tài chính chuyên nghiệp. Năm 2020 là năm thứ 10 Chương trình IR Awards được diễn ra.

Chương trình IR Awards 2020 đã công bố Báo cáo khảo sát về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2020. Kỳ khảo sát năm nay tương ứng với giai đoạn 01/05/2019-30/04/2020, bộ tiêu chí khảo sát được căn cứ theo các quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định khác từ các cơ quan Nhà nước liên quan đến hoạt động công bố thông tin và xử phạt vì vi phạm về công bố thông tin.

Chương trình khảo sát căn cứ vào thời điểm công bố đầu tư tiếp nhận công bố thông tin. Cụ thể, công bố thông tin của doanh nghiệp căn cứ vào thời điểm thông tin xuất hiện trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định và không thực hiện gỡ bỏ hay gian lận; các văn bản/thông báo về xử phạt căn cứ vào thời điểm công bố quyết định xử phạt, khởi tố... của cơ quan chức năng.

Công bố thông tin (CBTT) trên thị trường chứng khoán là hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp niêm yết căn cứ theo các văn bản pháp luật hiện hành. Đây là trách nhiệm của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với cổ đông nói riêng và cộng đồng nhà đầu tư nói chung.

Có thể thấy rằng việc đáp ứng nghĩa vụ CBTT theo quy định không hề dễ dàng. Tuy nhiên, điều này sẽ giúp gia tăng chất lượng quan hệ nhà đầu tư của các doanh nghiệp niêm yết lên một tầm cao mới và qua đó góp phần nâng cao giá trị đầu tư cho cổ đông. Kết quả khảo sát năm 2020 cho thấy VINARE đã và đang đáp ứng tốt nghĩa vụ CBTT theo quy định, đồng thời đánh giá cao tầm quan trọng của hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR - Investor Relations).

TỔNG TÀI SẢN
(TỶ VND)

6.976

VỐN CHỦ SỞ HỮU
(TỶ VND)

3.145

Kết nối NIỀM TIN

TỔNG DOANH THU
PHÍ TÁI BẢO HIỂM
(TỶ VND)

2.447,7

VỐN ĐIỀU LỆ
(TỶ VND)

1.310

GỚI THIỆU TỔNG QUAN

Thông tin khái quát	16	Vốn cổ phần và Cơ cấu cổ đông	32
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18	Các công ty con - công ty liên kết	34
Quá trình hình thành và phát triển	20	Các đối tác và khách hàng	35
Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý	22	Các giá trị được tôn vinh	38
Giới thiệu Lãnh đạo VINARE	26	Các sự kiện tiêu biểu trong năm 2020	39
		Một số chỉ tiêu kinh doanh chính	40

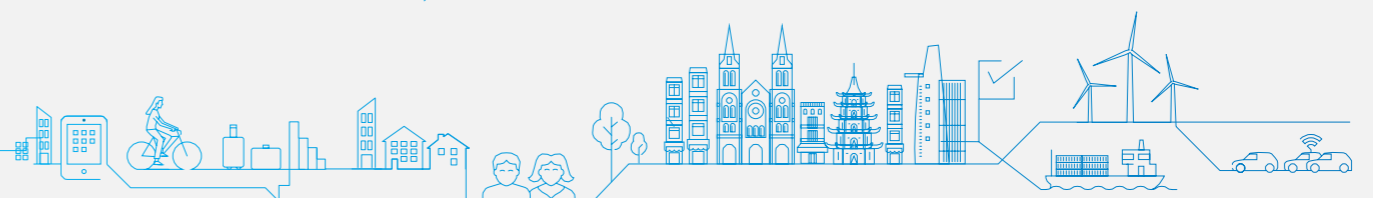
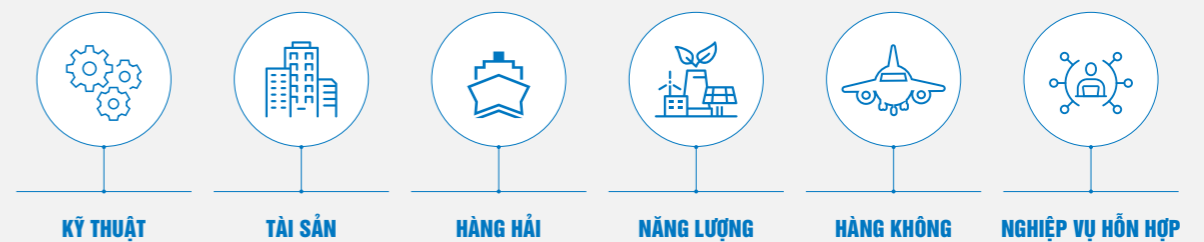


TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
 VIETNAM NATIONAL REINSURANCE CORPORATION

- Tên giao dịch** : TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
- Giấy phép kinh doanh** : 28GP/KDBH ngày 15/11/2004 của Bộ Tài chính
- Vốn điều lệ** : **1.310.759.370.000** VND
- Địa chỉ** : 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại** : 84 24 39422354
- Fax** : 84 24 39422351
- Email** : vinare@vinare.com.vn
- Website** : www.vinare.com.vn
- Mã cổ phiếu** : **VNR**

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm quốc gia Việt Nam kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm Kỹ thuật, Tài sản, Hàng hải (Hàng hóa, Thân tàu, P&I), Năng lượng, Hàng không, Trách nhiệm, Tai nạn con người,... và cung cấp các giải pháp chuyển giao rủi ro theo yêu cầu khách hàng.

Với vị thế là nhà Nhận tái bảo hiểm hàng đầu tại thị trường Việt Nam, sứ mệnh của VINARE là cung cấp các giải pháp dài hạn và các dịch vụ tái bảo hiểm trong nước và quốc tế, nhằm hỗ trợ cho sự phát triển bền vững của ngành bảo hiểm và thúc đẩy nền kinh tế xã hội phát triển.



Ngành nghề kinh doanh của VINARE

Kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ trên thị trường trong và ngoài nước.

Đầu tư tài chính vào các lĩnh vực trái phiếu Chính phủ, trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, kinh doanh bất động sản và các hoạt động đầu tư khác theo luật định.

Địa bàn kinh doanh

Tổng Công ty có trụ sở chính tại 141 Lê Duẩn, Hà Nội và Chi nhánh tại 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm vi kinh doanh

Trong và ngoài nước.

VNR

Các nghiệp vụ tái bảo hiểm chính

- Tài sản (Hoả hoạn, Rủi ro công nghiệp)
- Kỹ thuật (Xây dựng, Lắp đặt, Máy móc, Thiết bị điện tử, ...)
- Hàng hải (Thân tàu, Hàng hóa, P&I, ...)
- Các rủi ro hỗn hợp (Gián đoạn kinh doanh, Trách nhiệm, ...)
- Hàng không
- Dầu khí (Thăm dò, Khai thác, Vận hành, ...)
- Nhân thọ
- Bảo hiểm tai nạn con người
- Các nghiệp vụ khác (Xe cơ giới, Con người, Nông nghiệp, ...)

Năng lực cạnh tranh

ĐỊNH VỊ THỊ TRƯỜNG

- Thu thập và xử lý thông tin;
- Cơ cấu và định giá các giải pháp chuyển giao rủi ro;
- Đảm bảo việc tái bảo hiểm đa dạng và bền vững.

QUAN HỆ ĐỐI TÁC TIN CẬY VÀ DỰA TRÊN CÁC CAM KẾT

- Nhà cung cấp năng lực quản lý rủi ro hàng đầu;
- Nhà cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu.

CON NGƯỜI VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

- Môi trường làm việc thu hút nhân tài.



26 NĂM ĐỒNG HÀNH CÙNG THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM

Năm 2020 cũng là năm đánh dấu chặng đường 26 năm VINARE đồng hành và phát triển cùng thị trường bảo hiểm Việt Nam. Kể từ khi thành lập đến nay, mặc dù trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh gay gắt, kết quả kinh doanh của VINARE liên tục được cải thiện và phát triển.

1994



VINARE chính thức được thành lập và là công ty tái bảo hiểm trong nước đầu tiên với số vốn ban đầu là 40 tỷ đồng;

Quy chế tái bảo hiểm bắt buộc (kết thúc năm 2005).

1999 - 2001



1999

Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba nhân kỷ niệm 5 năm ngày thành lập.



2001

Khánh thành và đưa vào sử dụng trụ sở chính tại 141 Lê Duẩn, Hà Nội.

2004



Thực hiện cổ phần hóa thành công và Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với vốn điều lệ là 500 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp là 343 tỷ đồng;

13 công ty bảo hiểm phi nhân thọ trở thành cổ đông của VINARE với các cam kết về trao đổi dịch vụ;

Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì nhân kỷ niệm 10 năm ngày thành lập.

2006 - 2008



2006

Doanh nghiệp đầu tiên trong ngành bảo hiểm và thứ 10 được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2007 - 2008

Tăng vốn điều lệ thực góp lên đến 672 tỷ đồng;

Swiss Re trở thành đối tác chiến lược (25% cổ phần).

2009 - 2013



2009

Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhất nhân kỷ niệm 15 năm ngày thành lập.

2011

Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ thực góp lên 1.008 tỷ đồng.



2012-2013

Tái cấu trúc bộ máy;

Hệ thống IT mới (WebXL) được đưa vào vận hành;

Được A.M. Best xếp hạng năng lực tài chính mức B++ (Tốt) và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành mức "bbb".

2014 - 2016

2014

Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ lên 1.310 tỷ đồng;

Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng Ba nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập;

Duy trì mức xếp hạng năng lực tài chính B++ và năng lực phát hành tín dụng "bbb".

2015-2016

Chiến lược phát triển 2015 - 2020: hoạch định chiến lược phát triển nâng tầm hoạt động của VINARE;

Duy trì mức xếp hạng năng lực tài chính B++ và năng lực phát hành tín dụng "bbb".

2017 - 2018



2017

Lần thứ tư liên tiếp nằm trong số 30 doanh nghiệp minh bạch nhất năm 2016 - 2017 theo Chương trình đánh giá công bố thông tin và minh bạch của các doanh nghiệp niêm yết trên HNX của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Duy trì mức xếp hạng năng lực tài chính B++ và mức xếp hạng năng lực phát hành tín dụng "bbb+";

Thương hiệu mạnh Việt Nam 2017 (Thời báo Kinh tế Việt Nam);

Thương hiệu Tái bảo hiểm tốt nhất Việt Nam 2017 (Tạp chí Global Brands).

2018

Năm thứ hai liên tiếp được nằm trong bảng xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất 2018 - Xếp thứ 5/15 Top Doanh nghiệp ngành bảo hiểm có lợi nhuận tốt nhất do Chương trình xếp hạng Profit500 của Vietnam Report và VietnamNet công bố;

Thương hiệu mạnh Việt Nam 2018 (Thời báo Kinh tế Việt Nam).

2019 - 2020

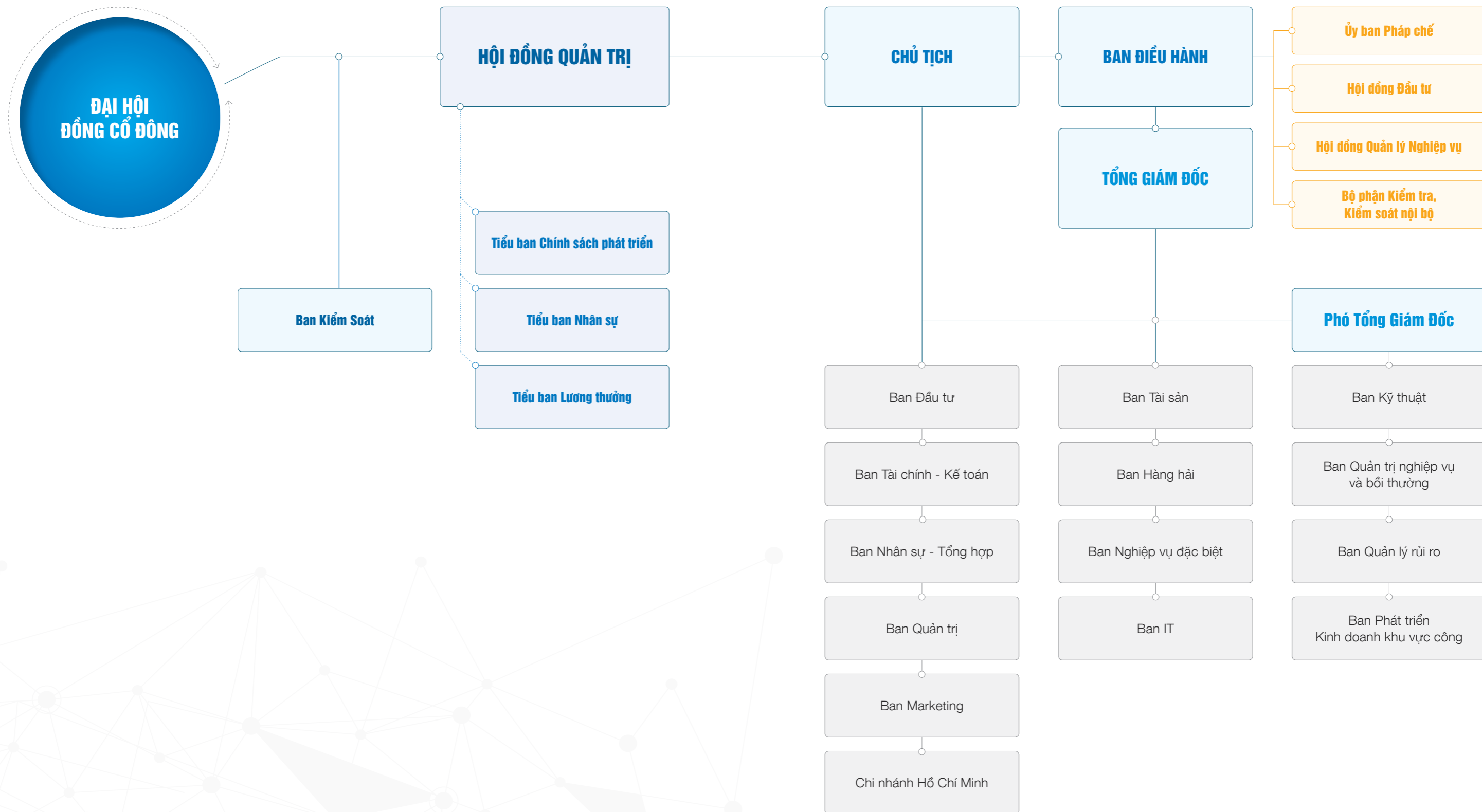


2019

Vinh dự đón nhận Cờ thi đua của Chính phủ cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua nhân kỷ niệm 25 năm ngày thành lập.

2020

Vinh danh là Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2020 (IR 2020)



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VINARE NĂM 2020



Ông **NGUYỄN XUÂN VIỆT**
Phó Chủ tịch HĐQT



Ông **NGUYỄN ANH TUẤN**
Chủ tịch HĐQT



Ông **JARED ORCHARD**
Phó Chủ tịch HĐQT



Ông **MAI XUÂN DŨNG**
Thành viên HĐQT



Ông **ĐÀO NAM HẢI**
Thành viên HĐQT



Ông **NGUYỄN ĐÌNH AN**
Thành viên HĐQT



Ông **VŨ ANH TUẤN**
Thành viên HĐQT



Ông **PHẠM PHAN DŨNG**
Thành viên độc lập HĐQT



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **NGUYỄN ANH TUẤN**
Chủ tịch HĐQT

(Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020 và Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/7/2020).

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ chuyên ngành Luật kinh doanh quốc tế - Đại học Tours - Cộng hòa Pháp liên kết với Đại học Ngoại thương Hà Nội;
- Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại thương Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Chủ tịch HĐQT (làm việc chuyên trách) VINARE;
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Traphaco;
- Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam (Seaprodex).

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng Ban Đầu tư 3 Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (Từ tháng 9/2015 đến nay);
- Thành viên HĐQT (làm việc kiêm nhiệm) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Từ tháng 4/2018 đến tháng 4/2020).



Ông **NGUYỄN XUÂN VIỆT**
Phó Chủ tịch HĐQT

(Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2019 và tiếp tục bầu Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ ngày 11/6/2020).

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy - Đại học Bách khoa Hà Nội.
- Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Trưởng ban Phát triển ứng dụng 2;
- Trưởng ban Vận hành và Bảo trì ứng dụng.



Ông **JARED ORCHARD**
Phó Chủ tịch HĐQT

(Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ 2020-2024 từ ngày 11/6/2020)

Trình độ chuyên môn

- Chứng chỉ kiểm toán viên CPA - CPA Australia
- Cử nhân Thương mại - Đại học Murdoch.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Head Balance Sheet Management Asia, Swiss Re Singapore.

Chức vụ công tác đã qua

- Senior Project Manager, Swiss Re Singapore.



Ông **ĐÀO NAM HẢI**
Thành viên HĐQT

(Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2019 và tiếp tục bầu Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ ngày 11/6/2020).

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học quốc gia Hà Nội & Đại học Irvine Hoa Kỳ;
- Thạc sỹ Luật kinh tế, Viện Nhà nước và Pháp luật;
- Cử nhân Tài chính doanh nghiệp - Đại học Kinh tế quốc dân.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO).

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng phòng Tổng hợp kiểm Trại lý Tổng Giám đốc Công ty PJICO;
- Trưởng phòng Thị trường kiểm Trại lý Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh PJICO Lạng Sơn;
- Phó Tổng Giám đốc Công ty PJICO.



Ông **MAI XUÂN DŨNG**
Thành viên HĐQT

(Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2019 và tiếp tục bầu Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ ngày 11/06/2020).

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế và Tài chính quốc tế, Đại học Queensland, Úc;
- Chứng chỉ ANZIIF (Senior Associate), Học viện Bảo hiểm, Tài chính Úc - New Zealand;
- Cử nhân Kinh tế bảo hiểm, Đại học Kinh tế quốc dân.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Tổng giám đốc VINARE (Bổ nhiệm giữ chức danh Tổng Giám đốc VINARE từ ngày 17/11/2020)

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Trưởng phòng Tái bảo hiểm Hàng hải VINARE;
- Giám đốc Ban Hàng hải VINARE;
- Phó Tổng giám đốc VINARE.

Năm 2020 đánh dấu sự bắt đầu của kế hoạch kinh doanh 5 năm 2020 - 2024 và cũng là nhiệm kỳ mới của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, cùng với những nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên, VINARE sẽ tiếp tục chinh phục những thử thách và đạt được những đỉnh cao mới trong chặng đường sắp tới.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **NGUYỄN ĐÌNH AN**
Thành viên HĐQT

(Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2019 và tiếp tục bầu Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ ngày 11/6/2020).

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh tế - Tài chính - Đại học Staffordshire, Anh Quốc;
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng Ban Thư ký Tổng hợp Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt.



Ông **VŨ ANH TUẤN**
Thành viên HĐQT

(Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2019 và tiếp tục bầu Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ ngày 11/6/2020).

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kế toán - Viện đại học Mở Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.

Chức vụ công tác đã qua

- Giám đốc Công ty Bảo Minh Hà Nội;
- Giám đốc Công ty Bảo Minh Bắc Giang;
- Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.



Ông **PHẠM PHAN DŨNG**
Thành viên độc lập HĐQT

(Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ 2020-2024 từ ngày 11/6/2020).

Trình độ chuyên môn

- Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính;
- Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Tổng hợp Columbia, Hoa Kỳ;
- Cử nhân Kế toán Công nghiệp - Trường Đại học Tài chính - Kế toán (Nay là Học viện Tài chính).

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách Tài chính, Bộ Tài chính;
- Vụ trưởng Vụ Tài chính - Ngân hàng, Bộ Tài chính;
- Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Bộ Tài chính.

BAN KIỂM SOÁT



Ông **TRẦN TRUNG TÍNH**
Trưởng Ban Kiểm soát

(Trưởng BKS nhiệm kỳ 2015 - 2019 và tiếp tục bầu Trưởng BKS nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ ngày 11/6/2020).

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng, Đại học Kinh tế quốc dân;
- Cử nhân Kinh tế & Bảo hiểm - Đại học Kinh tế quốc dân;
- Cử nhân Anh văn - Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội (Nay là Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội).

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC).

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật Công ty Bảo Minh Hà Nội;
- Phó Giám đốc Công ty Bảo Minh Hà Nội;
- Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV.



Bà **LÊ THỊ THANH HIẾN**
Thành viên Ban Kiểm soát

(Thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 - 2019 và tiếp tục bầu Thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ ngày 11/6/2020).

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Tài chính - Đại học Sydney;
- Cử nhân Kế toán - Đại học Kinh tế Quốc dân.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Trưởng Phòng Tài chính Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

Chức vụ công tác đã qua

- Kiểm toán viên cao cấp Công ty TNHH Kiểm toán PricewaterhouseCoopers.



Ông **VŨ NGỌC VƯỢNG**
Thành viên Ban Kiểm soát

(Thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 - 2019 và tiếp tục bầu Thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ ngày 11/6/2020).

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Frederick Taylor;
- Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Học viện Tài chính.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Chuyên viên Ban Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua

- Không.



BAN KIỂM SOÁT



Ông **ĐÀO MẠNH DƯƠNG**
Thành viên Ban Kiểm soát

(Bầu Thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ ngày 11/6/2020).

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ kinh tế;
- Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp - Đại học Tài chính - Kế toán (Nay là Học viện Tài chính);
- Cử nhân ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Giám đốc Ban Marketing VINARE.

Chức vụ công tác đã qua

- Giám đốc Ban Tài sản VINARE.



Ông **TUSHAR CHATTERJEE**
Thành viên Ban Kiểm soát

(Bầu Thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ ngày 11/6/2020).

Trình độ chuyên môn

- Tiến sỹ Đại học Heriot-Watt;
- Sau Đại học chuyên ngành định phí - Đại học Heriot-Watt;
- Thạc sỹ chuyên ngành thống kê - Viện Thống kê Ấn Độ;
- Cử nhân chuyên ngành thống kê - Viện Thống kê Ấn Độ.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro doanh nghiệp, Swiss Re Singapore (Head of ERM).

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động (Head of ORM).

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **MAI XUÂN DŨNG**
Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm giữ chức danh Tổng Giám đốc VINARE từ ngày 17/11/2020).

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính Quốc tế, Đại học Queensland, Úc;
- Chứng chỉ ANZIIF (Senior Associate), Học viện Bảo hiểm, Tài chính Úc - New Zealand;
- Cử nhân Kinh tế Bảo hiểm, Đại học Kinh tế Quốc dân.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Thành viên HĐQT VINARE.

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Trưởng phòng Tài bảo hiểm Hàng hải VINARE;
- Giám đốc Ban Hàng hải VINARE;
- Phó Tổng giám đốc VINARE.



Ông **NGUYỄN MẠNH LINH**
Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm ngày 01/09/2016)

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh doanh quốc tế (MSC);
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA);
- Kỹ sư Tin học.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Trưởng phòng Nhân sự - Tổng hợp VINARE, Trợ lý Tổng Giám đốc;
- Giám đốc Ban Quản lý Rủi ro.



Bà **LƯU THỊ VIỆT HOA**
Kế toán trưởng

(Bổ nhiệm ngày 15/01/2005)

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Tài chính, Đại học Tài chính Kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm

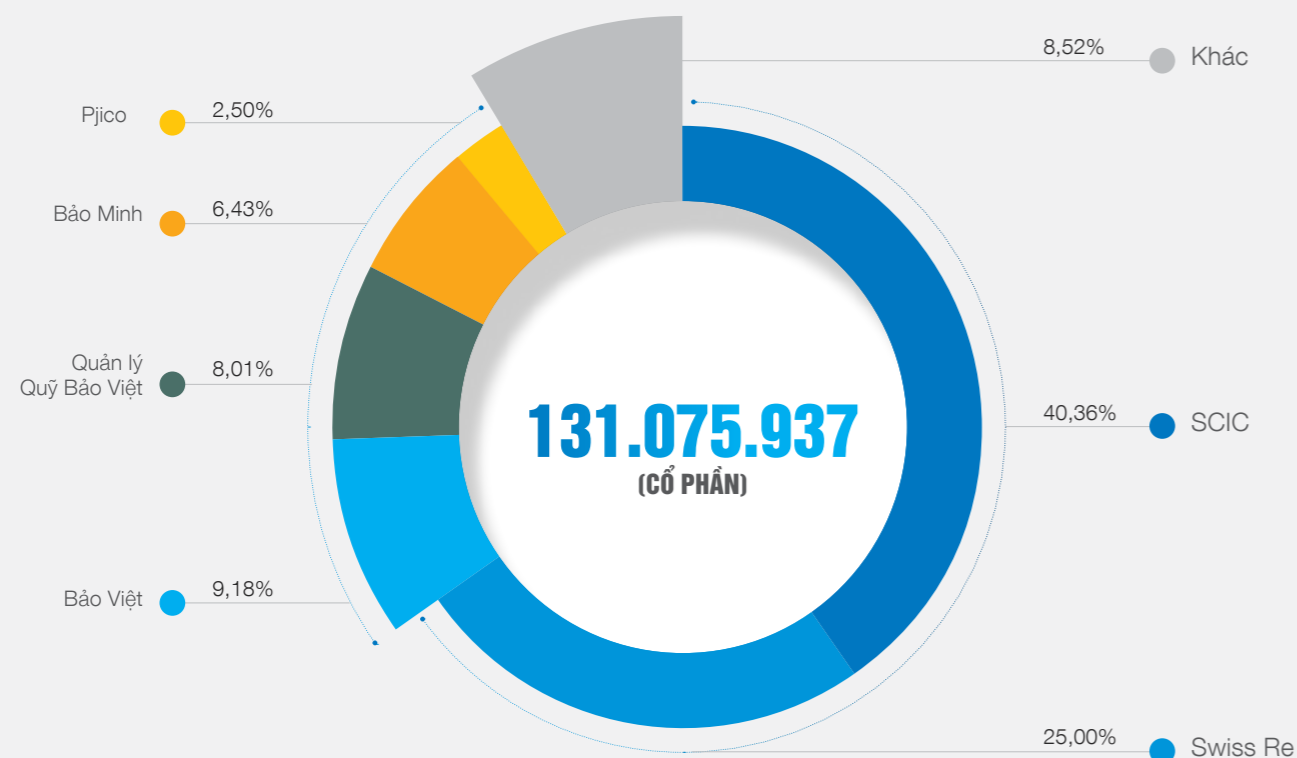
- Kế toán trưởng VINARE

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng phòng Tài vụ - Kế toán VINARE

131.075.937.000

(VND)

VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP


STT	Tên cổ đông	Vốn góp theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	529.060.350.000	52.906.035	40,36
2	Tập đoàn Tái Bảo hiểm Swiss Re	327.689.890.000	32.768.989	25,00
3	Tập đoàn Bảo Việt	120.268.200.000	12.026.820	9,18
4	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	104.956.000.000	10.495.600	8,01
5	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	84.275.100.000	8.427.510	6,43
6	Bảo hiểm PJICO	32.773.650.000	3.277.365	2,50
7	Các cổ đông khác	46.072.230.000	4.607.223	8,52
	Tổng	1.310.759.370.000	131.075.937	100,00

(Căn cứ Danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tại ngày 30/06/2020)

CƠ CẤU CỔ PHẦN

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần
1. Tổng số cổ phần	131.075.937
Cổ phần phổ thông chuyển nhượng tự do	131.075.795
Cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng	142
2. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại	131.075.937
Cổ phiếu phổ thông chuyển nhượng tự do	131.075.795
Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng	142

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Loại cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ /VDL
1. Cổ đông tổ chức	127.786.887	97,49%
a Trong nước	91.767.893	70,01%
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	52.906.035	40,36%
- Các cổ đông pháp nhân khác	38.861.858	29,65%
b Nước ngoài	36.018.994	27,48%
2. Cổ đông cá nhân	3.289.050	2,51%
Trong nước	3.028.211	2,31%
Nước ngoài	260.839	0,20%
Cộng	131.075.937	100%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Loại cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	52.906.035	40,36%
2 Swiss Re	32.768.989	25,00%
3 Tập đoàn Bảo Việt	12.062.820	9,18%
4 Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	10.495.600	8,01%
5 Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	8.427.510	6,43%



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VINARE

Tầng 6, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Vốn điều lệ: 100 tỷ VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2020: 93.919.000.000 VND

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2020

Tổng tài sản: 137,5 Tỷ VND

Vốn chủ sở hữu: 93 Tỷ VND

Doanh thu: 6 Tỷ VND

Lợi nhuận sau thuế: (3,2) Tỷ VND

63,8%

TỶ LỆ GÓP VỐN CỦA VINARE tương đương 60.000.000.000 VND

Giấy phép kinh doanh: 0103034106 cấp ngày 25/12/2008

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Kinh doanh bất động sản và dịch vụ bất động sản;
• Kinh doanh các dịch vụ tài chính;
• Các ngành nghề, dịch vụ khác mà pháp luật không cấm và HĐQT thấy có lợi nhất cho Công ty.

CÁC CỔ ĐÔNG CHÍNH

- VINARE (63,9%);
• Sudico (10,6%);
• Công ty Cổ phần Bất động sản Phú Lộc (10,6%);
• Các cổ đông khác (14,9%).

25%

TỶ LỆ GÓP VỐN CỦA VINARE tương đương 125.000.000.000 VND

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 70/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 17/01/2014.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ (bao gồm cả tái bảo hiểm) và đầu tư tài chính theo luật định.

ĐỐI TÁC LIÊN KẾT

- Công ty Bảo hiểm Cháy và Hàng hải Sam Sung, Hàn Quốc.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SAMSUNG VINA

Tầng 45, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Đường Hải Triều, Quận 1, TP.HCM

Vốn điều lệ: 500 tỷ VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2020: 500.000.000.000 VND

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2020

Tổng tài sản: 2.062 Tỷ VND

Vốn chủ sở hữu: 1.190 Tỷ VND

Doanh thu phí bảo hiểm: 1.006 Tỷ VND

Lợi nhuận sau thuế: 155 Tỷ VND

CÔNG TY BẢO HIỂM VÀ TÁI BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Table listing various insurance and reinsurance companies including AAA, TMIV, PTI, Baoviet Life, ABIC, Fubon VN, PVI, AIA, etc.



Các đối tác và khách hàng

CÔNG TY MÔI GIỚI BẢO HIỂM

Aon Aon plc	Ed Broking ED Broking	M.B. Boda M. B. Boda Reinsurance Brokers	RISK CARE Risk Care Insurance Broking Services Pvt. Ltd.
ARB Asia Reinsurance Brokers Pte Ltd	ENC PLUS ENC PLUS Insurance Brokers Co. Ltd	M.B. Boda M. B. Boda Reinsurance Brokers	UIB UIB Insurance Brokers (Korea) Co., Ltd
AIB Alliance Insurance Brokers Pvt. Ltd.	Haakon Haakon Ltd	Lockton LOCKTON	Willis Re Willis Re (Kuala Lumpur Branch)
AIH AIH Reinsurance brokers limited	HIS HIS Insurance Services Co., Ltd.	MALAKUT RUSSIA Malakut Constellation Insurance Brokers CJSC	Willis Tower Watson Willis Tower Watson
Alexander Leed Alexander Leed Risk Services	HSBC HSBC Insurance Brokers (Korea) Limited	Mathsons Mathrawala and Sons Insurance Brokers	WIS Worldwide Insurance Services Ltd.
AXIOM AXIOM InRe Insurance Brokers	INTERLINK Interlink Insurance Brokers VT. Ltd	Marsh Marsh Ltd	
Asure Re Asure Re Brokers	IRICBS International Reinsurance & Insurance Consultancy & Broking Services Pvt. Ltd.	MHK MHK Insurance Services limited	
BHARAT RE Bharat Re-Insurance Brokers Pvt. Ltd.	INS CORP. INS CORP (Korea)	Pana Harrison Pana Harrison (Asia) Pte Ltd	
BRM BRM Korea Co., Ltd.	KMD KM Dastur Reinsurance Brokers	Pioneer Pioneer Insurance & Reinsurance Broker Pvt Ltd	
Challenge Challenge Group	J.B. Boda J.B Boda & Co.	Protection Protection Insurance and Reinsurance Services	

KHÁCH HÀNG NƯỚC NGOÀI

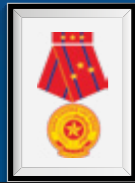
Allianz Re Allianz Reinsurance	CVI Cambodia-Vietnam Insurance Plc.	Kuwait Re Kuwait Reinsurance Company	NH Insurance NongHyup Property and Casualty Insurance	Sirius Point Sirius Point Ltd
AGCS Allianz Global Corporate & Specialty SE	Echo Re Echo Reinsurance Limited Company	KB Insurance KB Insurance Company	Oman Oman Insurance Company	Sompo Re Sompo International Reinsurance
Asian Re Asian Reinsurance Corporation	European Re European Reinsurance Company of Zurich Ltd	Labuan Re Labuan Reinsurance Ltd	ORIENT Orient Insurance PJSC	Steamship Mutual P&I Club Steamship Mutual P&I Club
Amlin MS Amlin	Emirates Insurance Emirates Insurance Company	LVI Lao-Viet Insurance Company	PARTNER RE Partner Reinsurance Company	Swiss Re Swiss Reinsurance Company
AIRCLAIMS AIRCLAIMS LIMITED	GARD GARD AS	London P&I Club The London Steam-Ship Owners' Mutual Insurance Association Limited	Peak Re Peak Reinsurance Company Limited	TRUST Trust International Insurance
ALBA Alba Pte Ltd	GIC Bhutan Re GIC Bhutan Re	LSSO The London Steamship	Allied World Allied World Assurance Company	TUGU RE PT. Tugu Reasuransi Indonesia
AXIS Re AXIS Specialty Limited	GIC India General Insurance Corporation of India	LF Insurance Länsförsäkringar Insurance Sweden	SANTAM RE SANTAM RE	Thai Re Thai Reinsurance Public Company Ltd
Berkley Re Berkley Re	HFW LLP Holman Fenwick Willan Llp	MNRB Malaysian National Reinsurance Berhad	Seoul Guarantee Seoul Guarantee Insurance Company	Toa Re The Toa Reinsurance Company, Limited.
BARLOW LYDE & GILBER Barlow Lyde & Gilber	Hannover Re Hannover Re Company	Meritz Meritz Fire and Marine Insurance Company	SOGAZ SOGAZ INSURANCE	Tokio Marine Kiln Tokio Marine Kiln
BEAZLEY Beazley	Huyndai Huyndai Marine & Fire Insurance Company	Munich Re Munich Reinsurance Company	Russian Re Russian National Reinsurance Corporation	TPRe Taiping Reinsurance Co., Ltd
BH SPECIALTY Berkshire Hathaway Specialty Insurance	Hanwha Hanwha General Insurance Company	mitsui Mitsui	Samsung F&M Samsung Fire & Marine Insurance Co., Ltd	Trans Re Transatlantic Reinsurance Company
China Re China Reinsurance Company	Indonesia Re Indonesian Reinsurance (PT Reasuransi Indonesia Utama)	MSIG Mitsui Sumitomo Insurance Co. Ltd.	Saudi Re Saudi Reinsurance Company	Triglav Re Triglav Re, Reinsurance Company Ltd
Canopus Canopus Specialty	III India International Insurance	Mongolia Re Mongolian National Reinsurance Company	Scor Re Scor Reinsurance Company	ZURICH Zurich Insurance Company
CTA Charles Taylor Aviation	Korean Re Korean Reinsurance Corporation	Nat Re The National Reinsurance Corporation of the Philippines	Shipowners' P&I Club The Shipowners' Mutual Protection and Indemnity Association (Luxembourg)	West of England P&I Club The West of England Ship Owners Mutual Insurance Association (Luxembourg)

CÁC GIÁ TRỊ ĐƯỢC TÔN VINH

VỚI NHỮNG THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CHO THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM TRONG 26 NĂM QUA, VINARE ĐÃ VINH DỰ ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG NHIỀU PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ CỦA NHÀ NƯỚC, CHÍNH PHỦ VÀ BỘ TÀI CHÍNH,...



HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA

Cờ thi đua của CHÍNH PHỦ

VÌ NHỮNG THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TOP 5 Doanh nghiệp ngành Bảo hiểm có lợi nhuận tốt nhất

DO CHƯƠNG TRÌNH XẾP HẠNG PROFIT500 CỦA VIETNAM REPORT VÀ VIETNAMNET CÔNG BỐ

TOP 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất trong nền kinh tế

TOP 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

IR Awards 2020 DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT ĐẠT CHUẨN CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2020



Các sự kiện tiêu biểu năm 2020



A.M.Best khẳng định lại xếp hạng năng lực tài chính mức BB+ và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành mức bbb+ cho VINARE tháng 05/2020.



Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2024 được bầu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 11 tháng 6 năm 2020.



Bộ Tài chính phê duyệt chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Anh Tuấn ngày 22 tháng 7 năm 2020



Bộ Tài chính phê duyệt chức danh Tổng Giám đốc VINARE với ông Mai Xuân Dũng ngày 17 tháng 11 năm 2020



VINARE được vinh danh là Doanh nghiệp đạt chuẩn niêm yết trên thị trường Chứng khoán năm 2020



VINARE đạt giải cuộc thi ảnh "Nét đẹp Nữ công chức, viên chức, người lao động Bộ Tài chính" năm 2020



Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE được bầu Phó Chủ tịch Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam nhiệm kỳ V (2020 - 2025) ngày 18 tháng 12 năm 2020



Đoàn Thanh niên VINARE tham gia hưởng ứng Ngày hội hiến máu tình nguyện năm 2020 do Công đoàn, Đoàn Thanh niên Bộ Tài chính và Viện Huyết học tổ chức ngày 9 tháng 12 năm 2020



VINARE được nhận Giấy khen "Chấp hành tốt chính sách, pháp luật về thuế năm 2019" do Cục Thuế Hà Nội trao tặng.



Một số chỉ tiêu kinh doanh chính (Giai đoạn 2016 - 2020)

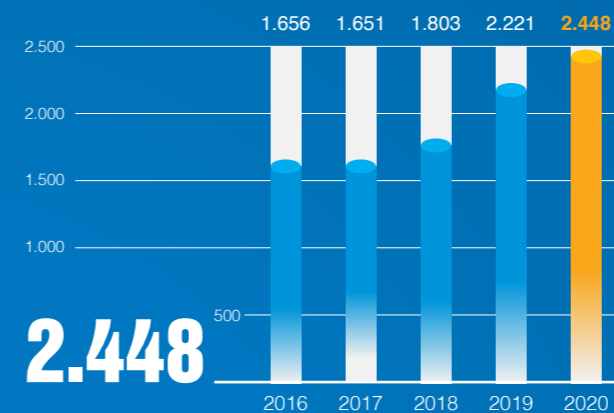
SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN (TỶ VND)

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Doanh thu phí nhận	1.656	1.651	1.803	2.221	2.448
Doanh thu phí giữ lại	562	587	785	1.191	1.497
Doanh thu đầu tư và khác	231	297	365	337	380
Kết dư dự phòng nghiệp vụ (net)	839	910	1.072	1.314	1.543
Vốn điều lệ	1.310	1.310	1.310	1.310	1.310
Tổng tài sản	6.350	6.472	6.667	6.994	6.976
Lợi tức trước thuế	287	311	358	344	377
Lợi nhuận sau thuế	240	259	302	287	311
ROA (%)	3,78	4,01	4,53	4,10	4,46
ROE (%)	8,81	9,64	10,24	9,24	9,89
EPS (VND)	1.777	1.918	2.204	2.118	2.314

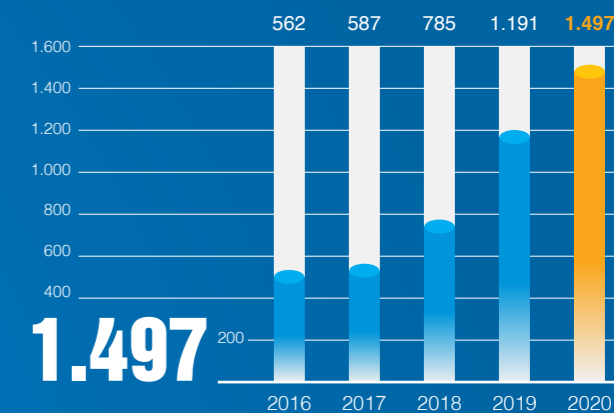
SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN (TỶ VND)

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Doanh thu phí nhận	1.656	1.651	1.803	2.221	2.448
Doanh thu phí giữ lại	562	587	785	1.191	1.497
Doanh thu đầu tư và khác	239	304	355	357	390
Kết dư dự phòng nghiệp vụ (net)	839	910	1.072	1.314	1.543
Vốn điều lệ	1.310	1.310	1.310	1.310	1.310
Tổng tài sản	6.239	6.314	6.456	6.773	6.738
Lợi tức trước thuế	271	285	316	332	357
Lợi nhuận sau thuế	224	234	261	275	291
ROA (%)	3,58	3,70	4,05	4,05	4,32
ROE (%)	8,44	9,05	9,30	9,40	9,90

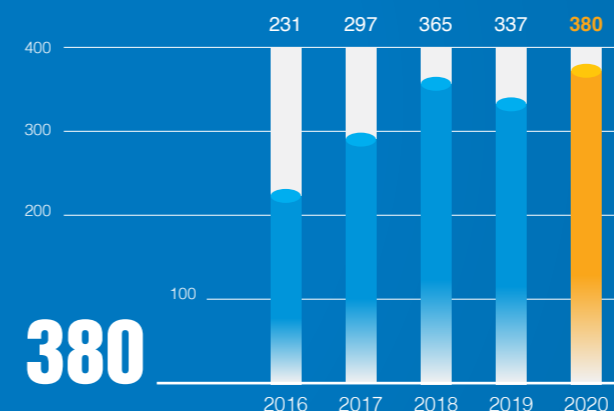
DOANH THU PHÍ NHẬN TÁI BẢO HIỂM (TỶ VND)



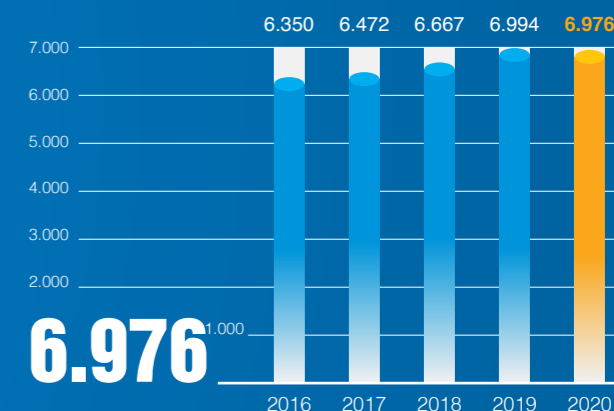
DOANH THU PHÍ GIỮ LẠI (TỶ VND)



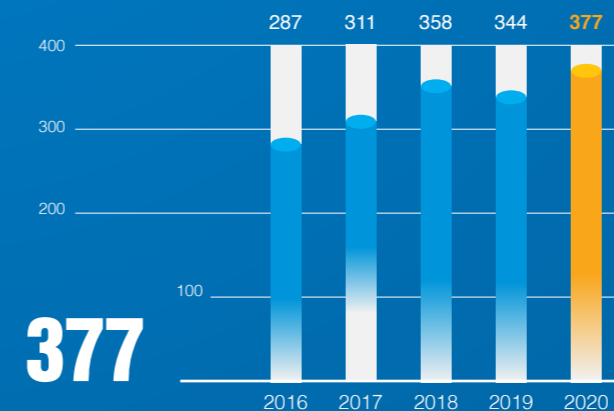
DOANH THU ĐẦU TƯ VÀ KHÁC (TỶ VND)



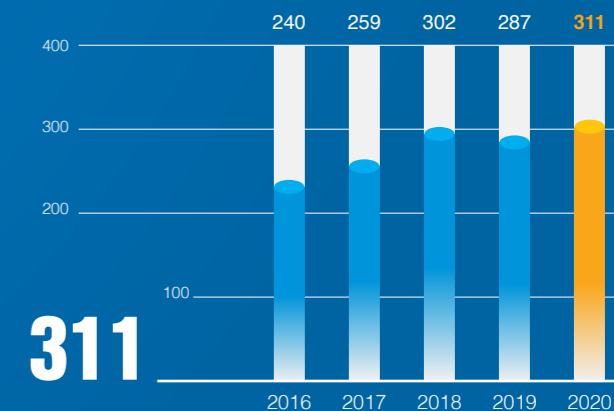
TỔNG TÀI SẢN (TỶ VND)



LỢI TỨC TRƯỚC THUẾ (TỶ VND)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ VND)



TỔNG DOANH THU PHÍ
TOÀN THỊ TRƯỜNG 2020
(TỶ VND)

182.357

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM
PHI NHÂN THỌ
(TỶ VND)

54.797

Kết nối TIỀM NĂNG

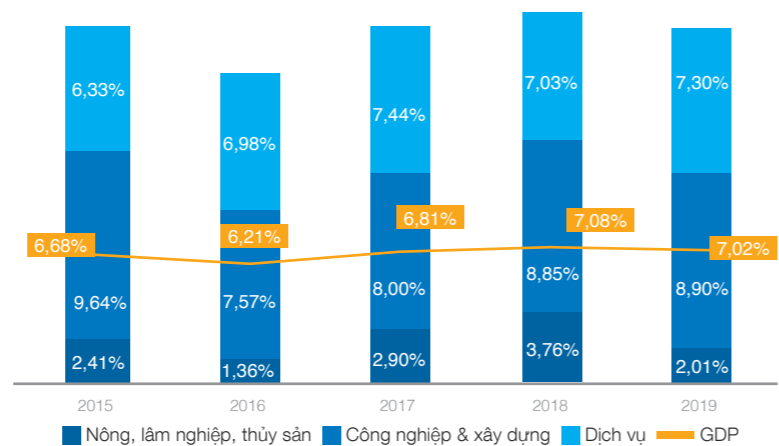
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Môi trường kinh doanh	44
Các rủi ro ảnh hưởng tới hoạt động	53
Định hướng phát triển	56
Chiến lược phát triển bền vững	57



TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM 2020

GDP năm 2020 tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.



Nguồn: GSO

Mức tăng trưởng GDP năm 2020 đạt 2,91% so với năm 2019. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

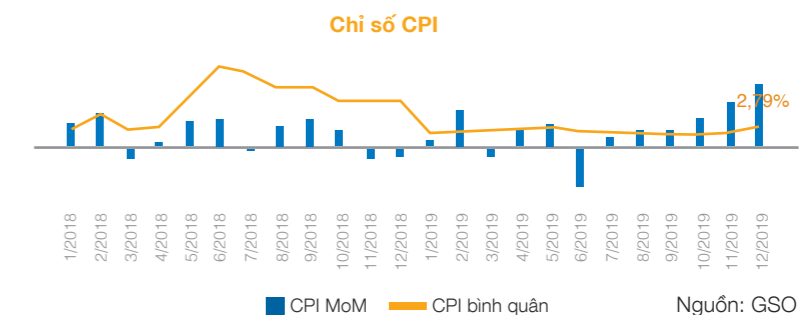
Về cơ cấu nền kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,85%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,72%; khu vực dịch vụ chiếm 41,63% (Cơ cấu tương ứng của năm 2019 là: 13,96%; 34,49%; 41,64%). Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại, dịch vụ. Khu vực dịch vụ trong năm 2020 đạt mức tăng thấp nhất của các năm 2011-2020.

Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện khi mà năm 2020 năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2020 ước tính đạt 117,9 triệu đồng/lao động (tương đương 5.081 USD/lao động, tăng 290 USD so với năm 2019); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,4% do trình độ của người lao động ngày càng được nâng cao.

Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) giảm từ 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017; 5,98 năm 2018 và 6,08 năm 2019. Bình quân giai đoạn 2016-2019, hệ số ICOR đạt 6,13, thấp hơn so với hệ số 6,25 của giai đoạn 2011-2015. Riêng năm 2020, do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế bị đình trệ, các dự án công trình hoàn thành đưa

vào sử dụng chưa phát huy được năng lực nên ICOR năm 2020 đạt 14,28; bình quân giai đoạn 2016-2020 hệ số ICOR đạt 7,04.

Lạm phát dưới mục tiêu quốc hội đặt ra



Lạm phát cơ bản tháng 12/2020 tăng 0,07% so với tháng trước và tăng 0,99% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019.

Để hỗ trợ người dân và Doanh nghiệp giảm gánh nặng khó khăn về kinh tế do tác động của dịch Covid-19, Bộ Tài chính ban hành Nghị quyết số 42/2020/NĐ-CP “về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19”.

TĂNG TRƯỞNG GDP ĐẠT 2,91%

CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA


TỔNG SẢN PHẨM QUỐC NỘI (GDP) TOÀN CẦU GIẢM

↓ **4%**
TRONG NĂM 2020

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM THẾ GIỚI TỐN THẤT LIÊN QUAN ĐẾN COVID-19

29,5
(TỶ USD)

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM THẾ GIỚI 2020

Đại dịch COVID-19 đã gây ra suy thoái kinh tế sâu sắc nhất kể từ những năm 1930. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu giảm khoảng 4% trong năm 2020, dẫn đến sụt giảm nhu cầu về bảo hiểm, trong đó doanh thu bảo hiểm nhân thọ ước tính sẽ giảm khoảng 6%, nhiều hơn so với mức giảm 0,1% của bảo hiểm phi nhân thọ. Theo ước tính, tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm ở mức 1,1% trong năm 2020 so với mức 3% của năm 2019, trong đó bảo hiểm xe cơ giới, hàng không, hàng hải, du lịch và bảo hiểm cho khách hàng doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Tuy nhiên, các doanh nghiệp bảo hiểm chịu ảnh hưởng nặng nề hơn ở mảng đầu tư, khi mặt bằng lãi suất giảm và thị trường chứng khoán biến động.

Tính đến cuối năm 2020, thị trường bảo hiểm thế giới ghi nhận số liệu tổn thất liên quan đến Covid-19 là 29,5 tỷ USD theo số liệu được các công ty công bố công khai. Các tổn thất chủ yếu đến từ mảng bảo hiểm hủy sự kiện (event cancellation).

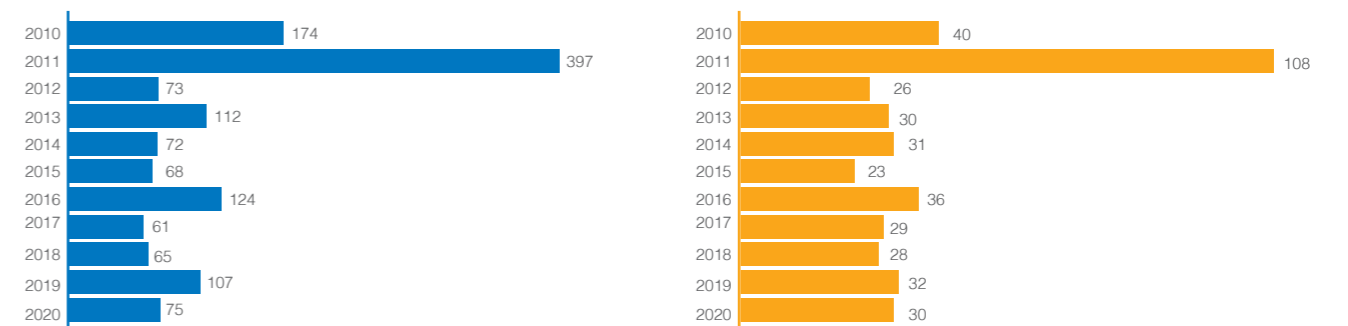
Ngành bảo hiểm có thể đối mặt với rủi ro danh tiếng (reputation risk) liên quan đến các tranh chấp với người được bảo hiểm về việc chi trả bồi thường gián đoạn kinh doanh do hậu quả của Covid-19, khi các vụ kiện giữa người được bảo hiểm và công ty bảo hiểm đang diễn ra ở Mỹ và Anh.

Khoảng 163 vụ thiên tai đã xảy ra trong nửa đầu năm 2020, thấp hơn so với số lượng trung bình của thế kỷ 21 (bình quân là 180 vụ/năm). Bão và lũ vẫn là hai nguyên nhân chính của các tổn thất thiên tai.

TỔN THẤT KINH TẾ VÀ TỔN THẤT ĐƯỢC BẢO HIỂM THEO THẢM HỌA 6 THÁNG NĂM 2020 (TỶ USD)


Tổng tổn thất gây ra do thiên tai được bảo hiểm (insured loss) trên toàn cầu trong nửa đầu năm 2020 ước tính khoảng 30 tỷ USD, tăng thêm 30% so với cùng kỳ năm

2019 (23 tỷ USD). Tuy nhiên con số này vẫn giảm 21% so với mức độ tổn thất trung bình của giai đoạn 10 năm trước (38 tỷ USD).

Tổn thất do thiên tai toàn cầu


Theo số liệu 6 tháng đầu năm 2020, tổng thiệt hại gây ra do thiên tai ước tính lên đến 75 tỷ USD (thị trường Mỹ chiếm tới 82% số tổn thất xảy ra - tăng 60% so với tỷ lệ tổn thất trung bình 10 năm tại đây). Trong đó, các nhà bảo hiểm/tái bảo hiểm chịu trách nhiệm chi trả khoảng 30 tỷ USD, tương đương 40% tổng số thiệt hại.

Đặc biệt, tại khu vực Mỹ, hết quý 3 - 2020, với tổn thất thiên tai do riêng các trận bão Isaias, Laura và Sally, bão gió và cháy rừng ở California và Oregon đã lên tới 25 tỷ USD.

Sự kiện tổn thất	Khu vực chịu ảnh hưởng	Tổn thất ước tính
Giông bão	Bắc Mỹ	20 Tỷ USD
Bão Laura	Louisiana, Texas	12 Tỷ USD
Bão Delta	Đông Nam Mỹ	4 Tỷ USD
Bão Zeta	Louisiana, Mississippi và Alabama	3,2 Tỷ USD
Bão Cian/Sabine	Anh, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Đức, Na Uy, Đan Mạch	2,3 Tỷ USD
Ngập lụt	Pháp, Ý	3,2 Tỷ USD
Lốc xoáy Amphan	Đông Ấn, Bangladesh, Khu vực Ấn Độ Dương	15 Tỷ USD
Các trận lũ mùa Trung Quốc	Trung Quốc	6 Tỷ USD
Mưa đá Calgary	Canada	1,5 Tỷ USD



Do tác động chưa tính toán hết được của Covid-19 cùng với tình hình tổn thất thiên tai tiếp tục diễn biến phức tạp, tỷ lệ phí bảo hiểm ở nhiều thị trường được cải thiện, đặc biệt là trong các phân khúc bảo hiểm bị ảnh hưởng bởi tổn thất, Swiss Re dự báo tỷ lệ phí bảo hiểm sẽ tiếp tục tăng trên tất cả nghiệp vụ bảo hiểm do lãi suất giảm thấp hơn và nhu cầu về phí bảo hiểm để bù đắp cho các xu hướng tổn thất ngày càng tăng. Xu hướng tăng phí và sự phục hồi nhu cầu về bảo hiểm theo dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận nghiệp vụ trong thời hạn dài hơn.

Bên cạnh các ảnh hưởng tiêu cực, Covid-19 cũng mở ra nhiều cơ hội cho ngành bảo hiểm

Kinh nghiệm trong các cuộc khủng hoảng kinh tế và y tế năm nay sẽ nâng cao nhận thức về rủi ro, thúc đẩy nhu cầu với nhiều nghiệp vụ bảo hiểm đặc biệt là bảo hiểm sức khỏe, bao gồm cả các giải pháp bảo hiểm đại dịch (các giải pháp này có

Công ty	Tổn thất Covid-19 (Đã trả và ước tính) (triệu USD)
Lloyd's	3.905
Swiss Re	3.000
Munich Re	2.704
AXA	1.775
Allianz	1.540
Hannover Re	1.005
AIG	915
SCOR	601
CCR Re	56,6

Ảnh hưởng của COVID-19 đối với 1 số nhà tái bảo hiểm lớn

thể cần một số hình thức hỗ trợ của chính phủ do tính chất không đa dạng của rủi ro này).

Covid-19 đã và đang thúc đẩy nhanh những sự chuyển đổi mô hình như tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu để giảm thiểu rủi ro gián đoạn kinh doanh trong tương lai, tạo ra các nhóm liên doanh bảo hiểm mới về bảo hiểm tài sản, bảo hiểm kỹ thuật và bảo hiểm bảo lãnh, xu hướng số hóa trong cuộc sống cá nhân và công việc hơn nữa, khuyến khích sự phát triển nhanh chóng các sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm mới.

“ Lợi nhuận của hầu hết các nhà tái bảo hiểm lớn đều bị sụt giảm hoặc thua lỗ trong nửa đầu năm 2020 với tỷ lệ combined ratio lớn hơn 100% - tỷ lệ CR của top 40 công ty tái bảo hiểm hàng đầu là 104,1%.

Mặc dù tình hình Quý 3 có một số những chuyển biến tích cực song lợi nhuận của các nhà tái bảo hiểm hàng đầu thế giới đều ghi nhận giảm sâu từ 30% đến hơn 50% so với cùng kỳ 2019.

Xu hướng thị trường “cứng” đã quay trở lại trong mùa tái tục tháng 1 2019/2020 và thể hiện rõ rệt hơn trong mùa tái tục tháng 4, tháng 7. Phí các hợp đồng không có tổn thất tăng khoảng 5% và các hợp đồng chịu tổn thất tăng khoảng 15%. Hầu hết các nhà tái bảo hiểm đều nhận định xu thế “hardening” sẽ tiếp tục chi phối thị trường trong mùa tái tục 01/01/2021, trong bối cảnh tổn thất thiên tai có xu hướng gia tăng và tổn thất do dịch bệnh cũng như tình hình kinh doanh không khả quan của hầu hết các nhà tái bảo hiểm quốc tế lớn (tổn thất ảnh hưởng đến kinh doanh nghiệp vụ, thu nhập đầu tư bị ảnh hưởng tiêu cực...). Phí bảo hiểm/tái bảo hiểm sẽ phải có sự điều chỉnh phù hợp nhằm bù đắp cho sự sụt giảm trong ngắn hạn của thu nhập đầu tư cũng như sự gia tăng mạnh các tổn thất bảo hiểm (dịch bệnh và thiên tai).

Điều khoản Communicable diseases exclusion - LMA 5394 loại trừ hoàn toàn các tổn thất gây ra do các loại bệnh truyền nhiễm sẽ là điều kiện bắt buộc được các nhà tái bảo hiểm đưa vào trong các bản chào tái tục 2020/2021.

QUY MÔ VỐN THỊ TRƯỜNG TÁI BẢO HIỂM TẠI THỜI ĐIỂM 30/06/2020 ĐÃ GIẢM KHOẢNG 3% SO VỚI NĂM CUỐI NĂM 2019 TỪ 605 TỶ USD XUỐNG

587
(TỶ USD)



“ THEO CÔNG BỐ MỚI NHẤT TỪ BỘ TÀI CHÍNH, TỔNG DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM NĂM 2020 ƯỚC ĐẠT 182.357 TỶ ĐỒNG (TĂNG 15% SO VỚI 2019). TRONG ĐÓ, DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM LĨNH VỰC PHI NHÂN THỌ ƯỚC ĐẠT 54.797 TỶ ĐỒNG (TĂNG 3,7% SO VỚI 2019), LĨNH VỰC BẢO HIỂM NHÂN THỌ ƯỚC ĐẠT 127.560 TỶ ĐỒNG (TĂNG 19,6%).



TỔNG DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM NĂM 2020 ƯỚC ĐẠT

182.357

(TỶ VND)

TĂNG 15% SO VỚI 2019

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM LĨNH VỰC PHI NHÂN THỌ

54.797

(TỶ VND)

TĂNG 3,7% SO VỚI 2019

DOANH THU BẢO HIỂM NHÂN THỌ ƯỚC ĐẠT

127.560

(TỶ VND)

TĂNG 19,6% SO VỚI 2019

Các doanh nghiệp bảo hiểm đã giải quyết tốt quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng và được khách hàng tin cậy là tấm lá chắn tài chính an toàn trước những rủi ro. Chi trả quyền lợi bảo hiểm trong năm 2020 ước đạt 48.223 tỷ đồng (tăng 11,4% so với cùng kỳ 2019), trong đó các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 23.108 tỷ đồng, các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ước đạt 25.115 tỷ đồng (tăng 10%).

Các doanh nghiệp bảo hiểm đã tích cực tái đầu tư trở lại nền kinh tế, đóng góp vào sự phát triển nền kinh tế xã hội. Đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt 460.457 tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ 2019), trong đó các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 51.308 tỷ đồng; các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ước đạt 409.149 tỷ đồng (tăng 23,5%).

Tổng tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm ước đạt 552.403 tỷ đồng (tăng 20% so với cùng kỳ 2019), trong đó các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 95.949 tỷ đồng, các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ước đạt 456.454 tỷ đồng (tăng 23,3%).

Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm toàn thị trường vẫn duy trì ở mức tăng cao, ước đạt 355.240 tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ 2019), trong đó các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 27.125 tỷ đồng, các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ước đạt 328.115 tỷ đồng (tăng 22,6%). Tổng nguồn vốn chủ sở hữu ước đạt 113.523 tỷ đồng (tăng 18% so với cùng kỳ 2019), trong đó các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 31.035 tỷ đồng, các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ước đạt 82.488 tỷ đồng (tăng 25,2%).

Tổng phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới năm 2020 ước đạt 9.679 tỷ đồng (tăng 16% so với cùng kỳ 2019), trong đó phí bảo hiểm gốc thu xếp qua môi giới ước đạt 7.019 tỷ đồng (tăng 17,6%), phí tái bảo hiểm thu xếp qua môi giới ước đạt 2.660 tỷ đồng (tăng 16,5%).

Theo đánh giá của Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, có được các kết quả đó là nhờ vào sự nỗ lực của toàn ngành. Bộ Tài chính đã kịp thời hoàn thiện các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp bảo hiểm nhằm phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm an toàn, bền vững, hiệu quả. Ngày 11/11/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2020/TT-BTC sửa đổi, bổ sung 4 Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, trong đó có nội dung sửa đổi về trích lập dự phòng nghiệp vụ giúp các doanh nghiệp giảm sức ép về vốn trong ngắn hạn và có khoảng thời gian phù hợp để thực hiện các phương án tài chính tổng thể, ổn định kinh doanh trong bối cảnh lãi suất đầu tư, lãi suất trái phiếu Chính phủ giảm mạnh và dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến khó lường.

Doanh thu phí của Top 6 doanh nghiệp bảo hiểm lớn (theo số liệu báo cáo nhanh HHBVN)

Table with 6 columns: Công ty, 2020 (Doanh thu, Thị phần), 2019 (Doanh thu, Thị phần), Tăng trưởng. Rows include Bảo Việt, PVI, PTI, Bảo Minh, PJICO, MIC.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ 2020. Doanh thu phí bảo hiểm thị trường phi nhân thọ ước đạt 54.797 tỷ đồng, tăng 3,7% so với 2019. Includes image of people working at computers.

CÁC SẢN PHẨM CÁ NHÂN (CON NGƯỜI, XE CƠ GIỚI) VẪN TIẾP TỤC CHIẾM TỶ TRỌNG CHI PHỐI 62% CƠ CẤU DOANH THU THỊ TRƯỜNG. HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN VÀ HÀNG KHÔNG LÀ HAI NGHIỆP VỤ CHỊU TÁC ĐỘNG LỚN NHẤT TỪ DỊCH COVID 19 KHI LẦN LƯỢT GIẢM 14% VÀ 4% SO VỚI CÙNG KỶ NĂM 2019 DO CÁC BIỆN PHÁP CÁCH LY XÃ HỘI CHẶT CHẼ CỦA CÁC NƯỚC.

Tuy nhiên với những khó khăn từ dịch bệnh, đây là cũng là nhóm nghiệp vụ bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Doanh thu nhóm nghiệp vụ bảo hiểm con người/ sức khỏe giảm 2% và bảo hiểm xe cơ giới chỉ tăng 8% so với năm trước. Đây là tốc độ tăng trưởng doanh thu thấp nhất trong vòng hơn 10 năm nay của hai nghiệp vụ này, đặc biệt là với xe cơ giới - nghiệp vụ xương sống của hầu hết các doanh nghiệp bảo hiểm.

Trong nhóm các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại truyền thống thì Hàng hóa vận chuyển và Hàng không là hai nghiệp vụ chịu tác động lớn nhất từ dịch Covid 19 khi lần lượt giảm 14% và 4% so với cùng kỳ năm 2019 do các biện pháp cách ly xã hội chặt chẽ của các nước, trong đó có Việt Nam. Nghiệp vụ Tài sản sau một năm 2019 tăng trưởng nóng thì cũng đã hạ nhiệt khi hầu hết các đơn bảo hiểm đều đã được áp dụng biểu phí mới của Nghị định 23. Tốc độ tăng trưởng nghiệp vụ chỉ đạt khoảng 5% trong năm 2020. Nghiệp vụ Kỹ thuật bắt đầu có những chuyển biến tích cực về mặt doanh thu, ước tăng trưởng 9% so với 2019 nhờ sự gia tăng số lượng các dự án vừa và lớn. Nhìn chung, doanh thu nhóm bảo hiểm truyền thống không có chuyển biến đáng kể trong năm 2020. Tỷ trọng nhóm sản phẩm này trong cơ cấu doanh thu các doanh nghiệp bảo hiểm tiếp tục theo chiều hướng giảm trong vài năm gần đây, kể cả đối với các doanh nghiệp lớn.

Tỷ lệ phí trên thị trường tiếp tục theo xu hướng giảm mạnh với nhóm sản phẩm bảo hiểm thương mại (đặc biệt là các rủi ro Cat 1, 2 nghiệp vụ Tài sản, xây dựng công trình dân dụng của nghiệp vụ Kỹ thuật, bảo hiểm Hàng hóa,...). Doanh thu tăng trưởng chậm, tỷ lệ phí giảm, do đó tỷ lệ tổn thất trên thị trường có xu hướng gia tăng, kể cả đối với các nghiệp vụ có lãi như Kỹ thuật, Hàng hóa.

Tình hình tổn thất tiếp tục diễn biến xấu, đặc biệt trong 6 tháng đầu năm 2020, với hàng loạt các vụ tổn thất lớn như kho Thành Chí (ước tổn thất khoảng 15 triệu USD), CX Technology (3,2 triệu USD), Indochine Foamtech (7,1 triệu USD)... Các vụ tổn thất lớn vẫn chủ yếu xảy ra với nghiệp vụ Tài sản với tần suất và mức độ ngày càng nghiêm trọng, tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh nghiệp vụ cũng như tạo sức ép lớn lên mùa tái tục 2020/2021.

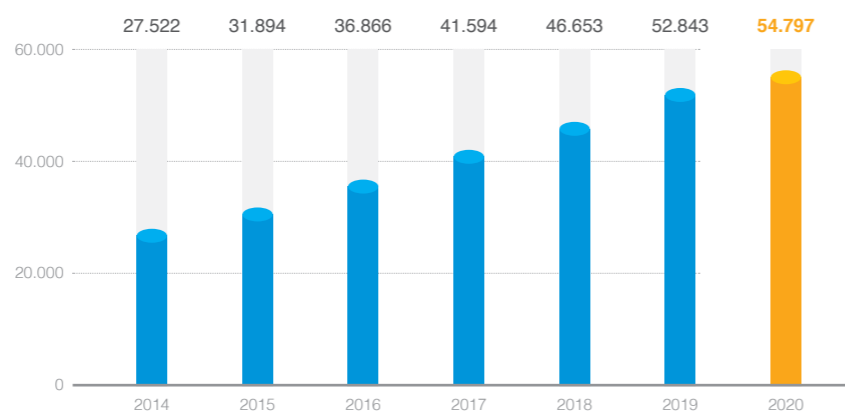


Tổn thất thiên tai luôn là một nguy cơ lớn với thị trường bảo hiểm Việt Nam với diễn biến phức tạp của các cơn bão và áp thấp trong nửa cuối 2020. Tình hình mưa lũ nghiêm trọng tại khu vực miền Trung trong đầu tháng 10 năm 2020 và hàng loạt các cơn bão lớn trong nửa cuối tháng 10 đầu tháng 11 đã gây những thiệt hại nặng nề về sinh mạng, kinh tế và khả năng xuất hiện các tổn thất bảo hiểm lớn, đặc biệt với các nghiệp vụ Tài sản và Kỹ thuật.

Với tình hình tổn thất diễn biến theo chiều hướng xấu qua nhiều năm, cộng với những thay đổi về chính sách khai thác do tác động của dịch bệnh Covid, thị trường bảo hiểm Việt Nam trải qua một mùa tái tục hợp đồng cố định Tài sản khá khó khăn với nhiều điều khoản điều kiện bị thắt chặt, kể cả với các hợp đồng có kết quả khả quan.



Doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ
(ĐVT: Tỷ VND)



Tên dịch vụ	Nghiệp vụ	Ngày tổn thất	Thiệt hại ước tính (USD)
1 Thanh Chi Warehouse	Tài sản	09/04/2020	15.543.181
2 CX technology	Tài sản	29/04/2020	3.275.862
3 Revn	Tài sản	05/01/2020	2.155.172
4 Alutec Vina	Tài sản	27/01/2020	707.543
5 Vinalines Diamond	P&I	02/04/2020	397.038
6 Dai Duong Queen-CW Wharf	P&I	11/02/2020	289.276
7 Oabaysi Vietnam Corporation	Kỹ thuật	05/02/2020	1.014.130
8 Dopimex	Tài sản	16/03/2020	1.300.000
9 Truong Xuan Paper	Tài sản	11/03/2020	890.000
10 Plai Kan HPP	Kỹ thuật	10/11/2020	1.239.130
11 Lam Giang Textile	Tài sản	01/07/2020	780.426
12 Indochine Foam Tech	Tài sản	04/02/2020	6.260.869

CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI HOẠT ĐỘNG

TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VINARE PHẢI ĐỐI MẶT VỚI RẤT NHIỀU LOẠI HÌNH RỦI RO ĐA DẠNG. CÓ THỂ KỂ ĐẾN LÀ CÁC RỦI RO CỐT LÕI TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH, CÁC RỦI RO TỪ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG KINH TẾ VĨ MÔ, THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH; CÁC RỦI RO LIÊN QUAN TÍN NHIỆM CỦA CÁC ĐỐI TÁC; CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CON NGƯỜI, HỆ THỐNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY.

TOÀN CẢNH RỦI RO CỦA VINARE





CÁC RỦI RO NỘI BẬT CẦN ĐƯỢC QUAN TÂM

Các rủi ro được đề cập ở đây là những rủi ro có ảnh hưởng lớn đến hoạt động chung và kết quả kinh doanh của VINARE. Các rủi ro này đang có xu hướng gia tăng hoặc không thuyên giảm.



RỦI RO TỪ THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

RỦI RO 1: Tình hình tổn thất các nghiệp vụ Tài sản, Thân tàu tiếp tục diễn biến xấu.

Năm 2020, tình hình tổn thất của nghiệp vụ Tài sản tiếp tục diễn biến xấu. Thống kê trên danh mục nhận tái bảo hiểm của VINARE, có đến 10 vụ tổn thất có số tiền yêu cầu bồi thường bảo hiểm gốc trên 50 tỷ VND.

Đối với nghiệp vụ Thân tàu, không có nhiều vụ tổn thất lớn so với năm 2019, tuy nhiên, số lượng các vụ tổn thất nhỏ rất nhiều nên nghiệp vụ này tiếp tục xu hướng lỗ trong dài hạn.

RỦI RO 2: Thị trường có tốc độ tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng không như kỳ vọng.

Theo số liệu sơ bộ 2020, tổng doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ chỉ tăng trưởng khoảng 3,7% so với 2019 trong đó nghiệp vụ có nhu cầu tái bảo hiểm truyền thống như Tài sản và Kỹ thuật tăng trưởng nhẹ. Bảo hiểm Thân tàu và Trách nhiệm dân sự chủ tàu giảm nhẹ khoảng 6% tuy nhiên bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển giảm 14% do tác động của dịch bệnh.

RỦI RO 3: Chậm triển khai các chương trình bảo hiểm của Chính phủ (bảo hiểm nông nghiệp, tàu cá, tài sản công, bảo hiểm thiên tai và bảo hiểm vi mô) làm ảnh hưởng đến chiến lược mở rộng hoạt động cũng như thực hiện các mục tiêu 2015 - 2020 và xa hơn.

Kể từ khi chính sách hỗ trợ phí thay đổi theo Nghị định 17/2018/NĐ-CP về bảo hiểm tàu cá, tỷ lệ hỗ trợ phí bảo hiểm tàu cá giảm từ 70-90% xuống còn 50%, không

tiếp tục hỗ trợ phí bảo hiểm đối với ngư lưới cụ thì số tàu tham gia đã giảm đáng kể. Trong khi đó, các vụ tổn thất toàn bộ xảy ra liên tiếp, có dấu hiệu trục lợi bảo hiểm làm ảnh hưởng đến sức khỏe tài chính của các công ty bảo hiểm.

Sau khi Quyết định 22/2019/QĐ-TTg về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp hết hiệu lực vào ngày 31/12/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 03/2021/QĐ-TTg kéo dài thời gian thực hiện hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2021. Tuy nhiên, việc triển khai còn nhiều khó khăn và tiến độ chậm so với dự kiến.

RỦI RO 4: Ảnh hưởng từ chính sách của Chính phủ về phát triển lĩnh vực bảo hiểm.

Đề án "Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025" của Chính phủ đã nêu rõ các mục tiêu đối với các doanh nghiệp Phi nhân thọ (i) nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động, (ii) nâng cao tính tuân thủ pháp luật và (iii) tăng cường hợp tác kinh doanh. Trong thời gian tới Cơ quan quản lý sẽ triển khai các biện pháp cụ thể nhằm đạt được mục tiêu đặt ra như xây dựng hệ thống kiểm soát rủi ro tại doanh nghiệp bảo hiểm, ban hành văn bản pháp luật hướng dẫn về khung quản trị rủi ro, trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm trong việc chủ động áp dụng các biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu rủi ro; chuyển sang mô hình quản lý, giám sát dựa trên rủi ro, tương ứng với mô hình vốn RBC (Risk-based capital); ban hành các quy định nhằm chuẩn hóa chất lượng nguồn nhân lực thông qua hệ thống chứng chỉ chuyên môn phù hợp với khung tiêu chuẩn năng lực.



RỦI RO TỪ MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Kinh tế thế giới biến động phức tạp, khó lường, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn gia tăng, đại dịch Covid 19 bùng phát lan rộng, tác động nghiêm trọng tới mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội khiến kinh tế thế giới suy thoái, đồng thời đặt ra nhiều khó khăn, thách thức đối với công tác điều hành chính sách tài khóa, tiền tệ của cơ quan quản lý Nhà nước và hoạt động của các tổ chức tài chính, trong đó có VINARE.

- Trước bối cảnh đại dịch Covid-19 tác động mạnh, gây nhiều thiệt hại về kinh tế-xã hội, nhưng với sự nỗ lực cố gắng vượt bậc, trong năm 2020 Việt Nam đã đạt được những kết quả, thành tích đặc biệt. Trong khi kinh tế thế giới suy thoái, tăng trưởng âm, Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng 2,91%, là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới. Lạm phát được kiểm soát dưới mức mục tiêu đề ra (CPI trung bình cả năm 2020 đạt 3,23%). Tỷ giá USD/VND ổn định khi nguồn cung dồi dào và đồng USD suy yếu trên thị trường thế giới. Việt Nam được thế giới ghi nhận, coi là điểm sáng trong việc thực hiện

thắng lợi "mục tiêu kép" vừa khống chế, ngăn chặn đại dịch Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế. Những kết quả đạt được trong năm 2020 sẽ tạo nền tảng vững chắc để Chính phủ tiếp tục kiên định thực hiện nhất quán mục tiêu kiểm soát lạm phát, duy trì ổn định vĩ mô, thị trường, hỗ trợ phục hồi nhanh kinh tế trong những năm sau;

- Cùng với xu hướng chung của các ngân hàng Trung ương trên thế giới, năm 2020 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng để ổn định tỷ giá, lãi suất hỗ trợ phục hồi kinh tế. Lãi suất huy động và cho vay được điều chỉnh giảm nhiều lần để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và chính sách này dự kiến sẽ tiếp tục được duy trì trong năm 2021;
- Tốc độ tăng trưởng tín dụng được Ngân hàng Nhà nước điều hành phù hợp với mức độ hấp thụ của nền kinh tế, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, góp phần khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì tăng trưởng kinh tế sau dịch;
- Lãi suất trái phiếu chính phủ (TPCP) có xu hướng giảm trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp. Kỳ hạn niêm yết bình quân năm 2020 đạt 12,45 năm (năm 2019 là 11,16 năm). Lãi suất phát hành sơ cấp bình quân là 2,83% (giảm mạnh từ mức 4,6% của năm 2019); lợi suất giao dịch trên thứ cấp giảm 1,0 - 1,5% ở các kỳ hạn dưới 7 năm và 1,0 - 1,2% ở các kỳ hạn từ 10 năm trở lên. Đối với trái phiếu doanh nghiệp (TPDN), năm 2020 là một năm tăng trưởng nóng, từ tháng 9 Chính phủ siết chặt quy định phát hành TPDN;
- Thị trường chứng khoán biến động mạnh trong năm 2020, có thời điểm VN-Index giảm 33% (còn 650 điểm) nhưng đã dần phục hồi trong quý 2-3/2020 và tăng mạnh mẽ trong Quý 4/2020. Tuy nhiên trong bối cảnh dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp trên toàn thế giới, nhiều khả năng thị trường còn biến động và gây ảnh hưởng đến lợi nhuận đầu tư của VINARE.



TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC



TRỞ THÀNH NHÀ TÁI BẢO HIỂM CHUYÊN NGHIỆP Ở VIỆT NAM

- Trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam và Khu vực. Nhà đầu tư chuyên nghiệp.
- Cung cấp cho khách hàng các dịch vụ gia tăng giá trị với sự đảm bảo cần thiết trên cơ sở phát huy giá trị cốt lõi của công ty.
- Tập trung khả năng sinh lời và tối ưu hóa lợi tức, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.
- Một doanh nghiệp có trách nhiệm cộng đồng.

CÁC GIÁ TRỊ CAM KẾT



LỢI NHUẬN TỐI ƯU CHO NHÀ ĐẦU TƯ

NÂNG CAO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH SINH LỢI CỦA THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

- Quản lý rủi ro và nguồn vốn;
- Đào tạo và chuyển giao kiến thức công nghệ;
- Trung tâm thông tin thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

- Cung cấp năng lực tái bảo hiểm;
- Hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm mới.

THAM GIA TÍCH CỰC VÀO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM

CHỈ TIÊU KẾT QUẢ KINH DOANH (loại trừ ảnh hưởng của đại dịch Covid 19)

- TĂNG TRƯỞNG DOANH THU PHÍ NHẬN
Bình quân năm _____ **9%**
- TỶ LỆ COMBINED RATIO
Bình quân tối đa _____ **98%**
- TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
Tối thiểu (bình quân năm) _____ **7%**
- TỶ LỆ CỔ TỨC
Tối thiểu (năm) _____ **12%**
- ROE
Bình quân tối thiểu _____ **10%**

CHỈ TIÊU VỀ VỐN ĐIỀU LỆ Vốn điều lệ tăng lên 2.000 tỷ cho đến năm 2024. Thời điểm và phương thức phát hành theo đề án do Tổng Công ty xây dựng và trình ĐHCĐ thông qua.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho số đông dân cư.
- Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.



Đa dạng hóa các loại hình nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm để tăng trưởng doanh thu bền vững.



Đảm bảo chính sách khai thác khuyến khích việc quản trị rủi ro tốt và không hỗ trợ các rủi ro có tác động xấu tới môi trường.



Đảm bảo thu nhập ổn định và chính sách phúc lợi ngày càng gia tăng cho người lao động.



Tăng cường trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng.



Tăng cường cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng cho thị trường để hỗ trợ thị trường phát triển bền vững.



Đảm bảo chính sách đầu tư tài chính hướng tới các tài sản đầu tư thân thiện với môi trường.



Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho số đông dân cư.



DOANH THU PHÍ NĂM 2020
(TỶ VND)

2.447,7

PHÍ GIỮ LẠI NĂM 2020
(TỶ VND)

1.496,9

Kết nối GIÁ TRỊ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ NĂM 2020
(TỶ VND)

357,2

CỔ TỨC CHI TRẢ
NĂM 2020

15%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2020 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2021



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE

Trong bối cảnh đà tăng trưởng của thị trường bảo hiểm giảm sút do tác động của dịch Covid-19 cùng với tình hình tổn thất do thiên tai tiếp tục diễn biến phức tạp, VINARE đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Bên cạnh những thành tích trong hoạt động kinh doanh, VINARE đã chú trọng công tác cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường thông qua các hoạt động đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, phối hợp tham gia khảo sát và đánh giá rủi ro cho các dịch vụ lớn.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020 là năm đầy khó khăn với tình hình dịch bệnh và thiên tai diễn biến phức tạp, VINARE đã nỗ lực hết sức mình vào việc thực hiện các mục tiêu 2020 cũng như các mục tiêu chiến lược phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.447,7 tỷ VND, tăng trưởng 10,2% so với năm 2019. Lợi tức trước thuế đạt 357,2 tỷ VND và tăng 7,6% so với năm 2019. Cụ thể như sau

KẾT QUẢ KINH DOANH TÁI BẢO HIỂM 2020

DOANH THU PHÍ NĂM 2020 ĐẠT

2.447,7

(TỶ VND)

TĂNG \uparrow 10,2% SO VỚI 2019

LỢI TỨC TRƯỚC THUẾ NĂM 2020 ĐẠT

357,2

(TỶ VND)

TĂNG \uparrow 7,6% SO VỚI 2019

PHÍ GIỮ LẠI NĂM 2020 ĐẠT

1.496,9

(TỶ VND)

TĂNG \uparrow 25,7% SO VỚI 2019

ĐẠT 102,4% KẾ HOẠCH NĂM

Đà tăng trưởng của thị trường bảo hiểm giảm sút so với năm 2019 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, trong đó các nghiệp vụ về bảo hiểm Hàng hải bị ảnh hưởng nặng nhất. Điều này đã khiến các nghiệp vụ Hàng hải của VINARE bị giảm doanh thu so với cùng kỳ năm trước: nghiệp vụ Hàng hóa tăng trưởng -16,8%, Thân tàu -29,4%, P&I -6%. Nghiệp vụ Hỗn hợp cũng bị giảm doanh thu 13,4%.

Ở chiều ngược lại, một số nghiệp vụ tiếp tục tăng trưởng tốt nhờ các tác động tích cực từ thị trường. Nghiệp vụ Bảo hiểm tai nạn con người liên kết ngân hàng tiếp tục tăng trưởng 61,8% trong năm 2020. Nghiệp vụ Kỹ thuật tăng trưởng 16,7% so với 2019 nhờ thị trường bảo hiểm Kỹ thuật có khởi sắc do giải ngân đầu tư công và việc phát triển năng lực sạch tăng trưởng mạnh.

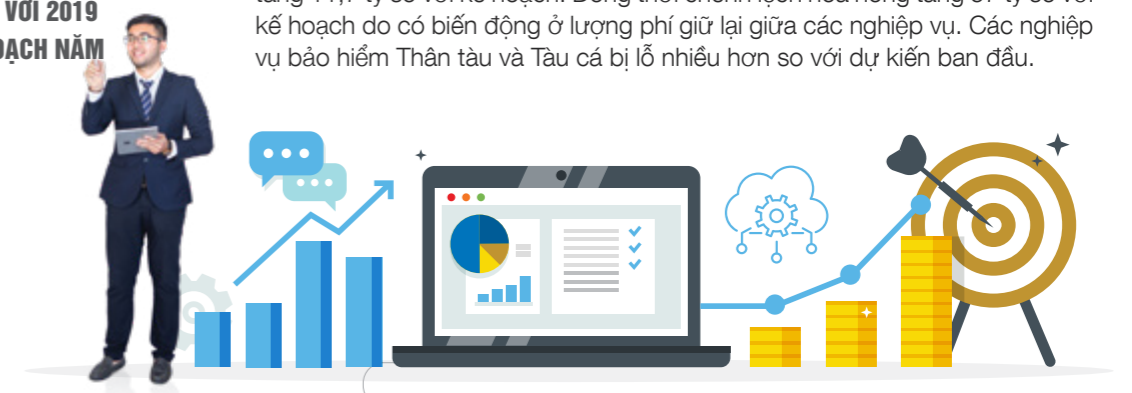
Bảo hiểm Tài sản tăng trưởng nhẹ 1,7% trong năm 2020 sau khi đã có đợt biến trong năm 2019 nhờ tác động của Nghị định 23 về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc.

Bảo hiểm Nông nghiệp theo Nghị định 58 và Quyết định 22 khó triển khai và chưa ghi nhận được doanh thu. Bảo hiểm Tàu cá theo Nghị định 67 cũng gặp khó khăn do tình hình tổn thất nghiêm trọng, các doanh nghiệp bảo hiểm đang tạm dừng triển khai, do đó nghiệp vụ Tàu cá tăng trưởng -52,5%, chỉ đạt 47% kế hoạch đề ra.

Phí giữ lại đạt 1.496,9 tỷ VND, tăng 25,7% so với 2019 và đạt 102,4% kế hoạch năm, chủ yếu do các nghiệp vụ Tài sản tăng 12%, Kỹ thuật tăng 10% và Bảo hiểm tai nạn con người cho người vay vốn tăng 61%.

Lợi nhuận gộp nghiệp vụ đạt 93,2 tỷ VND, đạt 74,2% kế hoạch năm.

Lợi nhuận gộp nghiệp vụ đạt thấp so với kế hoạch do lượng phí giữ lại thuần tăng 11,7 tỷ so với kế hoạch. Đồng thời chênh lệch hoa hồng tăng 57 tỷ so với kế hoạch do có biến động ở lượng phí giữ lại giữa các nghiệp vụ. Các nghiệp vụ bảo hiểm Thân tàu và Tàu cá bị lỗ nhiều hơn so với dự kiến ban đầu.





Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE

Doanh thu phí nhận và phí giữ lại theo nghiệp vụ 2020

ĐVT: Triệu đồng

Nghiệp vụ	Phí nhận			Phí giữ lại		
	2020	2019	So sánh cùng kỳ	2020	2019	So sánh cùng kỳ
Kỹ thuật	244.718	209.773	116,7%	138.043	125.214	110,2%
Tài sản	679.402	668.250	101,7%	262.167	233.984	112,0%
Dầu khí	3.108	3.109	99,9%	244	866	28,2%
Hàng không	4.609	4.171	110,5%	1.903	1.266	150,3%
Hàng hóa	124.836	150.049	83,2%	99.820	117.587	84,9%
Thân tàu	40.984	58.195	70,4%	29.350	33.047	88,8%
P&I	201.415	214.403	93,9%	49.700	52.938	93,9%
Bảo hiểm Tai nạn con người	835.202	516.061	161,8%	835.202	516.061	161,8%
Hỗn hợp	287.406	331.803	86,6%	66.741	79.153	84,3%
Nhân thọ	1.268	2.558	49,6%	1.268	2.558	49,6%
Nông nghiệp	3.833	25.276	15,2%	933	1.977	47,2%
Tàu cá	13.660	28.750	47,5%	6.988	20.786	33,6%
Sức khỏe	7.264	8.850	82,1%	5.534	5.534	100,0%
Tổng doanh thu phí nhận	2.447.705	2.221.248	110,2%	1.496.905	1.190.970	125,7%

Bồi thường

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2020	2019	So sánh (%)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (1)	950.313	1.075.928	88,3%
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm (2)	579.287	669.723	86,5%
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường (3)	59.766	72.113	75,9%
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (4 = 1-2+3)	430.792	478.318	90,1%

Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại giảm 9,9% so với cùng kỳ năm trước (tương đương 47,5 tỷ VND).

BỒI THƯỜNG THUỘC TRÁCH NHIỆM GIỮ LẠI NĂM 2020 GIẢM

9,9%
TƯƠNG ĐƯƠNG 47,5 TỶ VND

Tần suất và mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm của VINARE giảm so với 2019. Tuy nhiên, trong năm 2020 có 2 vụ tổn thất đặc biệt lớn trên 10 triệu USD và có 3 tổn thất ảnh hưởng đến hợp đồng XOL Tài sản.

Trong năm 2020 đã xảy ra nhiều sự cố thiên tai, ảnh hưởng đến các nghiệp vụ Kỹ thuật, Tài sản và Hàng hải, trong đó nghiệp vụ Kỹ thuật bị ảnh hưởng nhiều nhất với số ước bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại VINARE lên tới 30 tỷ VND.



Các tổn thất lớn 2020 (10 tổn thất lớn nhất theo phần nhận của VINARE)

ĐVT: USD

Tổn thất	Ngày xảy ra tổn thất	Nghiệp vụ	100% tổn thất	Tỷ lệ của VINARE	Trách nhiệm giữ lại của VINARE
Dak Mi 3 HPP	28/10/2020	Tài sản	4.160.012	2.080.018	600.000
Pacific Grace-C/W Ken Breeze	06/11/2020	P&I	2.300.000	2.070.000	278.300
Thanh Chi Warehouse	09/04/2020	Tài sản	15.543.181	1.670.466	600.000
CJ Food	10/11/2020	Tài sản	15.000.000	1.253.205	600.000
Plei Kan HPP CECR	11/10/2020	Kỹ thuật	1.277.393	1.250.567	111.978
Cx Technology	30/04/2020	Tài sản	3.275.862	818.966	491.379
Royal 18-C/W Seaspan Bellwether	18/07/2020	P&I	1.000.000	800.000	108.000
Vinalines Diamond	02/04/2020	P&I	804.684	643.747	86.906
REVN	05/01/2020	Tài sản	2.155.172	631.694	314.362
Alutec Vina	27/01/2020	Tài sản	707.543	474.054	28.302
Hansae TG	14/10/2020	Tài sản	3.043.478	460.877	276.526

Tổn thất do bão 2020

ĐVT: Tỷ đồng

	Ước 100% tổn thất	Trách nhiệm giữ lại của VINARE
Bão số 6 (10-14/10/2020)		
Nghiệp vụ Kỹ thuật	80	14
Nghiệp vụ Tài sản	80	10
Cộng	160	24
Bão số 9 (28-29/10/2020)		
Nghiệp vụ Kỹ thuật	100	9
Nghiệp vụ Tài sản	110	14
Cộng	210	23
Tổng	370	47



Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE



Ban Lãnh đạo VINARE

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH 2020

VN-INDEX NĂM 2020 ĐẠT

1.103,87
(ĐIỂM)
TĂNG 14,87% SO VỚI ĐẤU NĂM 2020 VÀ TĂNG 66% TỪ ĐÁY

Tỷ giá USD/VND năm 2020 biến động mạnh trong tháng 3 và tháng 4 nhưng nhanh chóng ổn định, duy trì xu hướng đi ngang khi nguồn cung dồi dào và đồng USD suy yếu trên thị trường thế giới. Đến 31/12/2020, tỷ giá trung tâm giảm 0,1%, tỷ giá niêm yết giảm 0,06% so với cuối năm 2019.

Ngân hàng Nhà nước điều hành chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ phục hồi kinh tế. Lãi suất có xu hướng giảm và thanh khoản hệ thống dư thừa. Tăng trưởng tín dụng đạt 12,13%. Trong năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã 3 lần điều chỉnh giảm lãi suất với tổng mức giảm từ 1,5 - 2,0%/năm.

Đối với lãi suất điều hành 0,6 - 1%/năm với trần lãi suất tiền gửi ngắn hạn, và 1,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ nền kinh tế ứng phó với tác động của dịch Covid-19. Động thái hạ lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước đã tạo nên làn sóng giảm lãi suất tiền gửi tại các ngân hàng thương mại.

Lãi suất trái phiếu Chính phủ có xu hướng giảm trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp. Lãi suất phát hành sơ cấp bình quân là 2,83%, giảm mạnh từ mức 4,6% của năm 2019.

Năm 2020 là một năm tăng trưởng nóng của trái phiếu doanh nghiệp, tăng khoảng 36% so với 2019. Đặc biệt giá trị phát hành tăng đột biến vào tháng 8, sau đó giảm mạnh kể từ tháng 9, do Nghị định số 81/2020/NĐ-CP siết chặt quy định phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Lãi suất trái phiếu doanh nghiệp giảm theo xu hướng chung của thị trường.

Thị trường chứng khoán tăng trưởng tích cực trên tất cả các mặt, VN-Index đạt 1.103,87 điểm, tăng 14,87% so với cuối năm 2019 và tăng 66% so với đợt tháng 3/2020 - thời điểm thấp nhất của năm 2020, HNX-Index đạt 203,12 điểm, tăng tới 98% so với cuối năm 2019 và tăng 119% so với thời điểm cuối Quý I/2020.

Tình hình phân bổ vốn đầu tư (31/12/2020)

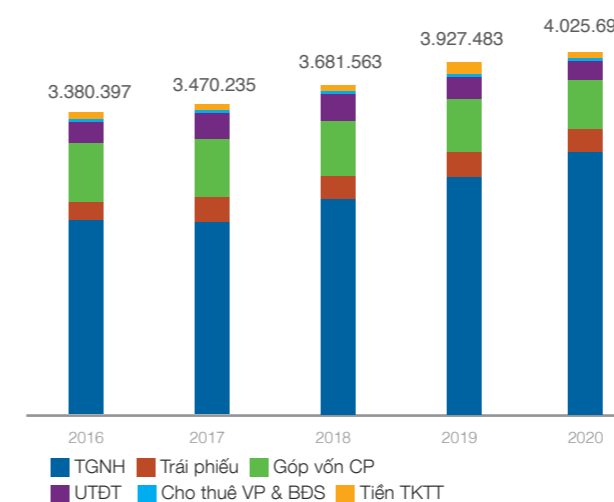
ĐVT: Triệu đồng

Danh mục đầu tư	Giá trị đầu tư 31/12/2020	Giá trị đầu tư 01/01/2020	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
Tiền gửi	2.965.000	2.690.000	275.000	73,7%
Trái phiếu	249.100	270.000	(20.900)	6,2%
Góp vốn doanh nghiệp khác	542.354	588.155	(45.801)	13,5%
Đầu tư chứng khoán, Chứng chỉ quỹ, Ủy thác đầu tư	195.000	255.000	(60.000)	4,8%
Văn phòng cho thuê	8.031	9.409	(1.378)	0,2%
Đầu tư bất động sản	13.304	13.304	0	0,3%
Tiền gửi trên tài khoản thanh toán	52.900	101.616	(48.716)	1,3%
Tổng cộng	4.025.690	3.927.483	98.205	100,0%

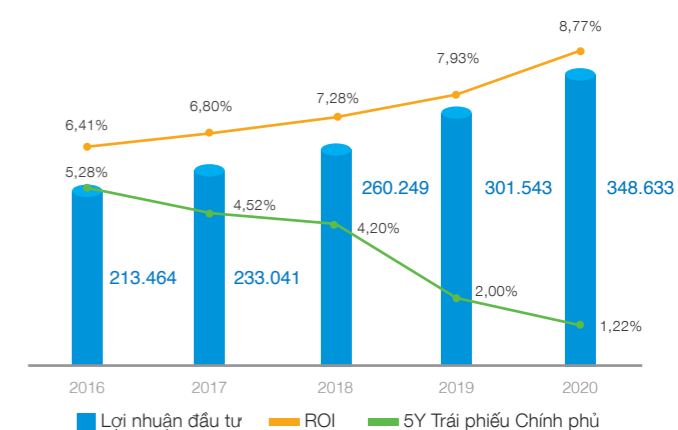
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 2020

Tổng tài sản đầu tư đến 31/12/2020 tăng 98 tỷ VND so với đầu năm. Phân bổ vốn vào danh mục tiền gửi có xu hướng tăng lên, chiếm 73,7% tổng tài sản đầu tư; các danh mục khác như trái phiếu, ủy thác, góp vốn đều giảm. Nhiều khoản đầu tư trái phiếu, ủy thác đến hạn phải tất toán với trị giá 160 tỷ VND đối với trái

phiếu và 60 tỷ VND đối với ủy thác đầu tư. Trong quý 4/2020, VINARE đã tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư trái phiếu, chuyển phân bổ vốn đầu tư sang danh mục trái phiếu có lợi suất tốt hơn, giảm bớt ảnh hưởng của việc mất bằng lãi suất giảm với tổng giá trị là 139 tỷ VND.



Lợi nhuận danh mục đầu tư 2016-2020



Kết quả hoạt động đầu tư & cho thuê văn phòng 2020

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	So sánh cùng kỳ
Doanh thu đầu tư & khác	389.988	356.641	109,4%
Chi phí đầu tư & khác	41.354	55.098	75,0%
Thu nhập đầu tư & khác	348.634	301.543	115,6%



Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE

Chi tiết thu nhập đầu tư & cho thuê văn phòng 2020

ĐVT: Triệu đồng

Danh mục đầu tư	2020	2019	So sánh cùng kỳ	Kế hoạch 2020	So sánh TH/KH
Tiền gửi	197.432	179.593	109,9%	187.592	105,2%
Trái phiếu	19.703	18.680	105,5%	27.470	71,7%
Góp vốn cổ phần	132.146	86.615	152,6%	78.276	168,8%
Chứng khoán, CCQ, Ủy thác	1.643	10.771	15,3%	25.339	6,5%
Văn phòng cho thuê	6.926	12.348	56,1%	10.000	69,3%
Bất động sản	0	0		0	
Thu nhập khác, chênh lệch tỷ giá	(9.217)	(6.464)	142,6%	(8.700)	105,9%
Tổng lợi nhuận hoạt động đầu tư	348.633	301.543	115,6%	320.000	108,9%

NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC



NÂNG CAO NĂNG LỰC NGHIỆP VỤ, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC

- Nâng cao năng lực và thiết lập chức năng tính toán dự phòng và khả năng thanh toán in-house;
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới trên cơ sở phối hợp với đối tác trong và ngoài nước;
- Phân tích mức độ tích tụ trách nhiệm của các nghiệp vụ.

ĐẦU TƯ

- Báo cáo đánh giá danh mục góp vốn cổ phần;
- Đánh giá danh mục trái phiếu, tìm kiếm cơ hội đầu tư trái phiếu 2020;
- Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh tài chính của các ngân hàng thương mại; tái cơ cấu phân bổ vốn đầu tư tiền gửi.



CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Góp ý kiến Dự thảo Thông tư 89/2020/TT-BTC sửa đổi Thông tư 50/2017/TT-BTC và một số thông tư khác về kinh doanh bảo hiểm;
- Góp ý kiến Dự thảo Luật Kinh doanh Bảo hiểm sửa đổi;
- Tiếp tục duy trì vai trò và nâng cao vị thế của VINARE trong lĩnh vực Bảo hiểm Công.



6.976

58,1%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÀI SẢN HỢP NHẤT

TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT NĂM 2020 ĐẠT

6.976

(TỶ VND)

Năm 2020, tổng tài sản hợp nhất của VINARE đạt 6.976 tỷ đồng, tài sản đầu tư chiếm tỷ trọng lớn nhất, với tỷ lệ 58,1%. Tiền gửi và trái phiếu vẫn duy trì là kênh đầu tư chính nhằm tăng khả năng phòng thủ, an toàn vốn đầu tư trước diễn biến bất lợi của thị trường tài chính do tác động của đại dịch Covid-19, đồng thời đảm bảo các cam kết dài hạn của VINARE với khách hàng.

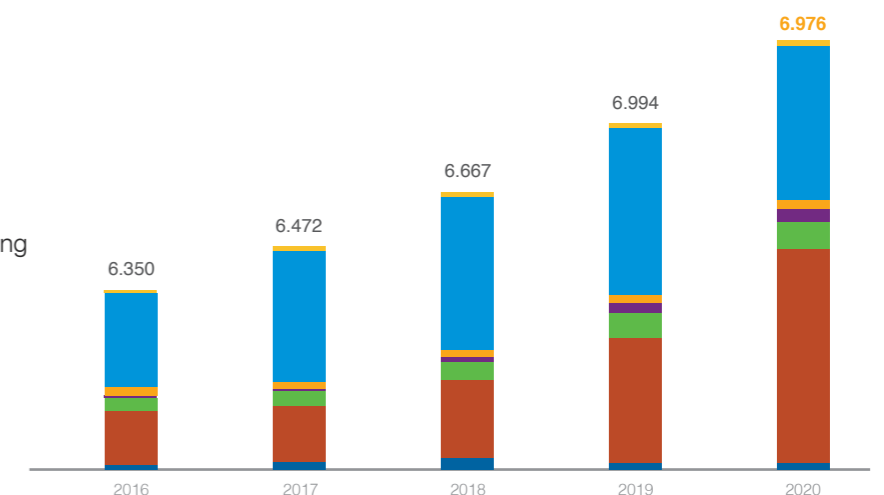
Tổng tài sản hợp nhất giai đoạn 2016-2020

ĐVT: Tỷ đồng

Danh mục đầu tư	2020		2019		2018		2017		2016	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Tài sản khác	635	9,11%	470	6,72%	366	5%	280	4%	236	4%
Đầu tư dài hạn	2.001	28,68%	1.084	15,50%	1.220	18%	1.091	17%	1.244	20%
TSCĐ, BĐS đầu tư, TS dở dang	32	0,45%	31	0,45%	31	0%	32	0%	42	1%
Tài sản tái bảo hiểm	1.463	20,97%	1.511	21,60%	1.662	25%	1.591	25%	1.724	27%
Phải thu ngắn hạn, dài hạn	737	10,56%	1.002	14,33%	891	13%	1.089	17%	984	15%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.053	29,43%	2.793	39,93%	2.433	36%	2.218	34%	2.046	32%
Tiền, tương đương tiền	55	0,79%	103	1,47%	64	1%	170	3%	75	1%
Cộng	6.976		6.994		6.667		6.472		6.350	

ĐVT: Tỷ đồng

- Tài sản khác
- Đầu tư tài chính dài hạn
- TS cố định, BĐS đầu tư, TS dở dang
- Tài sản tái bảo hiểm
- Phải thu ngắn hạn, dài hạn
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Tiền & Tương đương tiền

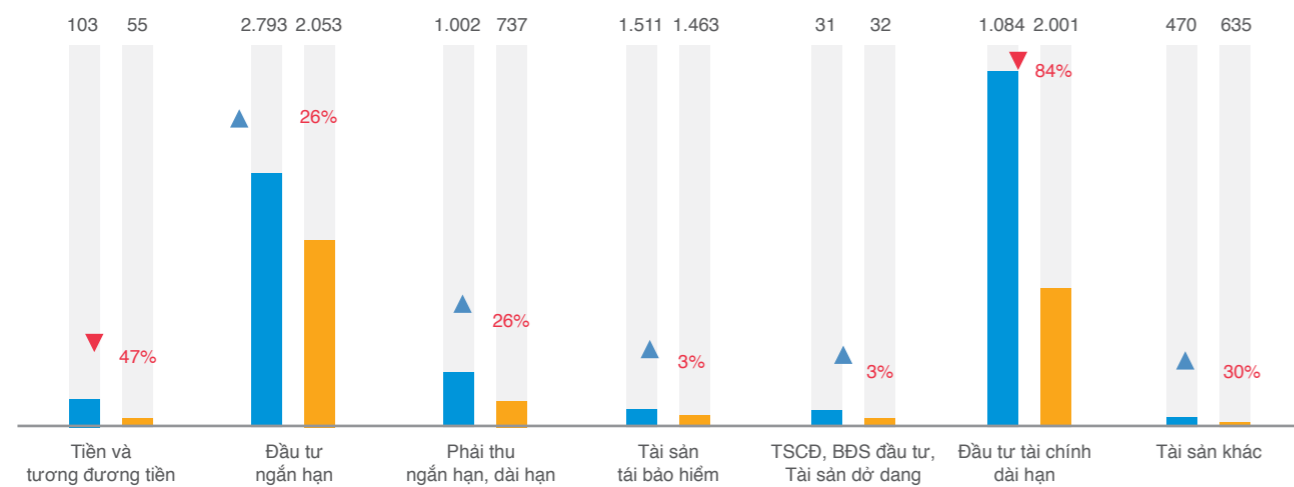




Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE

Tài sản hợp nhất 2020 theo khoản mục chính

ĐVT: Tỷ đồng



TỔNG TÀI SẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2020 TĂNG

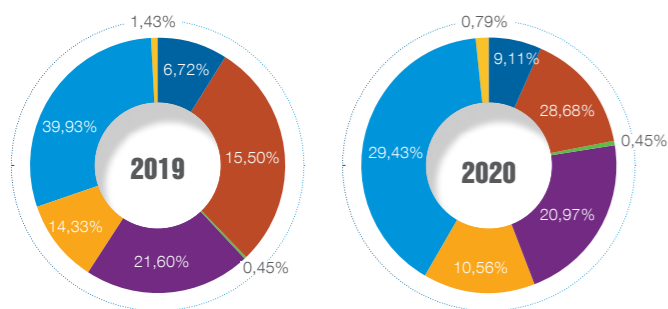
177

(TỶ VND)

Các khoản phải thu giảm mạnh 265 tỷ đồng, tương đương 26% so với cùng kỳ năm trước, do trong năm 2020 Tổng công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ với khách hàng.

Tổng tài sản đầu tư tài chính năm 2020 của VINARE tăng 177 tỷ đồng. Mặc dù mức chi trả cổ tức cho các cổ đông VINARE tăng 8% so với cùng kỳ 2019 đã làm giảm nguồn lợi nhuận để lại tương ứng 105 tỷ đồng nhưng trong năm VINARE cũng đã ghi nhận khoản lợi nhuận đầu tư 104,5 tỷ đồng từ việc bán một phần cổ phiếu TPB. Ngoài ra, do tận dụng có hiệu quả nguồn tiền thanh toán từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, nguồn vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ dẫn đến tài sản đầu tư của VINARE đã tăng 4,5% so với cùng kỳ. Giá trị các danh mục tiền gửi, trái phiếu chiếm tỷ trọng gần 80% tổng giá trị các danh mục đầu tư. Trong năm, trên cơ sở dự báo thị trường, để đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp, VINARE đã giảm danh mục đầu tư góp vốn cổ phần (45 tỷ đồng), giảm vốn đầu tư ủy thác (60 tỷ đồng), thực hiện cơ cấu vốn đầu tư tiền gửi theo hướng tăng tỷ trọng các hợp đồng dài hạn nhằm tận dụng mức lãi suất cao, đồng thời chuyển dịch, gia tăng vốn đầu tư vào danh mục trái phiếu, do vậy đã gia tăng tài sản đầu tư tài chính dài hạn, giảm tài sản đầu tư ngắn hạn. Việc duy trì đầu tư tiền gửi, trái phiếu là kênh đầu tư chính trong nhiều năm qua ngoài việc đảm bảo tính an toàn, hiệu quả của vốn đầu tư, còn đảm bảo tính thanh khoản của tài sản đầu tư để đáp ứng các trách nhiệm đã cam kết của VINARE với khách hàng.

Cơ cấu tài sản hợp nhất



- Tài sản khác
- Đầu tư dài hạn
- TS cố định, BĐS đầu tư, TS dở dang
- Tài sản tài bảo hiểm
- Phải thu ngắn hạn, dài hạn
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Tiền & Tương đương tiền

Do quy mô đầu tư tiền gửi ngắn hạn giảm mạnh nên tỷ trọng của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn trong cơ cấu tổng tài sản đã giảm từ 39,9% trong năm 2019 xuống còn 29,4% trong năm 2020. Định hướng điều chỉnh này của VINARE nhằm phù hợp với diễn biến thị trường khi mặt bằng chung của lãi suất tiền gửi trong năm 2020 có xu hướng giảm, lãi suất ngắn hạn duy trì ở mức thấp.

Tuy nhiên, để đảm bảo tính thanh khoản nhanh nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán trong kinh doanh bảo hiểm, tài sản đầu tư tài chính ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản (kết thúc năm 2020, đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 29,4%, tiếp đến là đầu tư tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng 28,7%).

NGUỒN VỐN HỢP NHẤT

Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2016-2020

ĐVT: Tỷ đồng

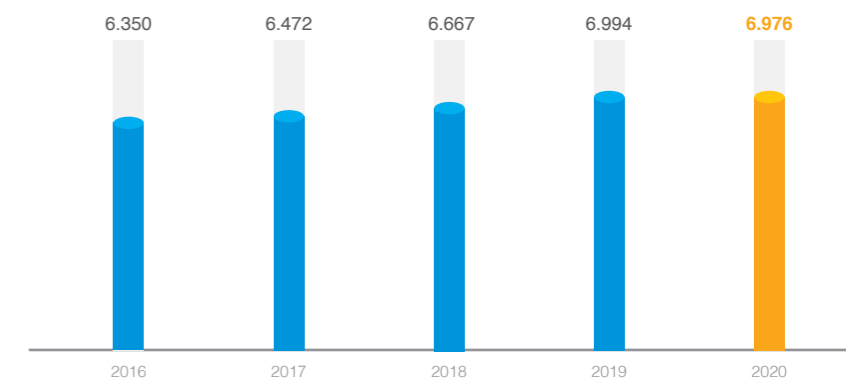
Chỉ tiêu	2020		2019		2018		2017		2016	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Vốn chủ sở hữu	3.145	45,1%	3.107	44,4%	2.986	44,8%	2.719	42,0%	2.755	43,4%
Dự phòng nghiệp vụ	3.006	43,1%	2.825	40,4%	2.734	41,0%	2.501	38,6%	2.564	40,4%
Nợ phải trả	825	11,8%	1.062	15,2%	947	14,2%	1.252	19,3%	1.031	16,2%
Cộng	6.976		6.994		6.667		6.472		6.350	

VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2020 ĐẠT

3.145

(TỶ VND)

Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2016-2020
ĐVT: Tỷ đồng



Nguồn vốn hợp nhất năm 2020, giảm nhẹ so với cùng kỳ 18 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu:

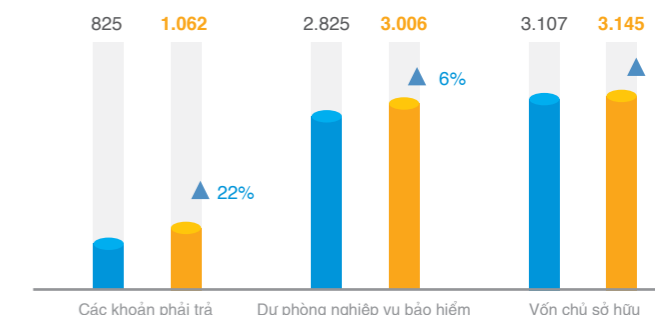
- Các khoản phải trả giảm 237 tỷ đồng (tương ứng 22%), do trong kỳ công tác đối trừ thanh toán công nợ của Tổng công ty được đẩy mạnh và VINARE đã thực hiện đầy đủ các cam kết với khách hàng, cổ đông.
- Vốn chủ sở hữu tăng 38 tỷ đồng do được bổ sung từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi chi trả cổ tức 20% tương ứng 262 tỷ đồng (Năm 2019 tỷ lệ chi trả cổ tức là 12% tương ứng với 157 tỷ đồng).
- Quỹ dự phòng nghiệp vụ tăng 182 tỷ đồng (tương ứng 6%); chủ yếu do tăng trích lập dự phòng phí nhận tái bảo hiểm trong kỳ (121 tỷ); dự phòng bồi thường và dự phòng dao động lớn tăng trích lập (61 tỷ). Quỹ dự phòng nghiệp vụ tăng cao góp phần giảm thiểu tác động của các tổn thất tài chính có thể xảy ra trong tương lai.

- Năm 2020, các khoản phải trả giảm 237 tỷ đồng so với cùng kỳ. Qua đó thể hiện tình hình tài chính vững mạnh, các cam kết về tài chính của VINARE với khách hàng được đảm bảo.

Nguồn vốn hợp nhất theo các khoản mục chính

ĐVT: Tỷ đồng

- Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tăng 182 tỷ đồng, VINARE luôn đảm bảo việc trích lập dự phòng nghiệp vụ đầy đủ theo quy định của Pháp luật, đảm bảo tình hình tài chính vững mạnh, ổn định, thực hiện đầy đủ trách nhiệm với khách hàng.
- Vốn chủ sở hữu tăng 38 tỷ đồng (tương ứng 1,2%).

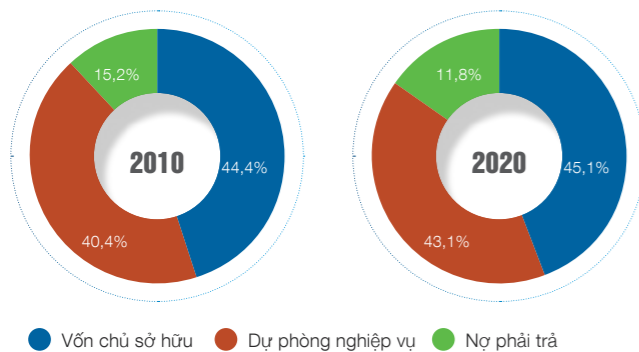




Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE



Cơ cấu Nguồn vốn



Cơ cấu nguồn vốn năm 2020 không có biến động nhiều so với năm 2019. Vốn chủ sở hữu và quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm vẫn tiếp tục là hai khoản mục chiếm tỷ trọng lớn với tỷ trọng lần lượt 45% và 43% (năm 2019 là 44% và 40%). Việc duy trì cơ cấu này, khẳng định năng lực tài chính vững mạnh và không ngừng được gia tăng, cũng như cam kết vững chắc về việc đảm bảo quyền lợi ổn định, lâu dài cho khách hàng của VINARE. Các khoản phải trả giảm mạnh về giá trị 237 tỷ đồng (tương ứng tỷ lệ giảm 22%), thể hiện trách nhiệm và cam kết về tài chính của VINARE với khách hàng, cổ đông được đảm bảo.

LUÔN ĐẢM BẢO VƯỢT MỨC QUY ĐỊNH VỀ BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN TỐI THIỂU

Biên khả năng thanh toán

Biên khả năng thanh toán được quy định theo Nghị định 73/2016/NĐ-CP và Thông tư 50/2017/TT-BTC:

1. Biên khả năng thanh toán tối thiểu là số lớn hơn của các kết quả tính toán sau:

- 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán;
- 12.5% của tổng phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.

2. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp

Là phần chênh lệch giữa giá trị tài sản (sau khi giảm trừ giá trị) và các khoản nợ phải trả tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.

Biên khả năng thanh toán của VINARE luôn duy trì ở mức cao, đảm bảo tốt nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, thực hiện đầy đủ các cam kết về tài chính với khách hàng.

Tại ngày 31/12/2020, biên khả năng thanh toán của VINARE ở mức an toàn, tỷ lệ biên khả năng thanh toán của VINARE gấp 5 lần so với Biên khả năng thanh toán tối thiểu, tuân thủ quy định của Bộ Tài chính (Biên khả năng thanh toán của VINARE năm 2019 là 6,6 lần).

Chỉ tiêu	2020	2019
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	2.939	2.921
2. Giá trị tài sản bị loại trừ tính biên khả năng thanh toán	850	678
3. Biên khả năng thanh toán của Tổng công ty	1.886	1.973
4. Biên khả năng thanh toán tối thiểu	374	298
5. So sánh (3) và (4)		
- Giá trị tuyệt đối	1.511	1.675
- Tỷ lệ phần trăm	504%	663%



PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ & KẾ HOẠCH KINH DOANH 2021

DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ 2021

Báo cáo Tình hình và Triển vọng Kinh tế thế giới do Liên hợp quốc công bố ngày 25/1/2021 dự báo kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng 4,7% sau khi giảm 4,3% trong năm ngoái. Mục tiêu tăng trưởng GDP trong năm 2021 được Quốc hội thông qua là 6%, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 6,5%. Một số tổ chức nghiên cứu đặt ra kịch bản tăng trưởng cao nhất ở mức 6,7 - 6,9%. Việt Nam sẽ hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do (CP TPP và EVFTA) và dòng vốn FDI ổn định.

Mục tiêu tăng trưởng tín dụng 2021 là 12%, trong bối cảnh nhu cầu vay vốn thấp do tình hình dịch bệnh. Mặt bằng lãi suất cho vay hiện đã thấp hơn 1% so với giai đoạn trước.

Một số động lực tăng trưởng kinh tế 2021 bao gồm: các chính sách hỗ trợ kinh tế sau đại dịch, đẩy nhanh giải ngân đầu tư công vào một số công trình quy mô lớn, xu hướng chuyển đổi kinh tế số, thanh toán không dùng tiền mặt, sự phát triển mạnh của thương mại điện tử.

DỰ BÁO TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM - TÁI BẢO HIỂM 2021

Tác động của dịch Covid-19 có ảnh hưởng không nhỏ đến lĩnh vực bảo hiểm (tốc độ tăng trưởng giảm nhanh trong năm 2020, đã tăng trưởng âm trong quý 4/2020), dự báo doanh thu phí bảo hiểm của thị trường Bảo hiểm Việt Nam chưa thể lấy lại được tốc độ tăng trưởng của các năm trước.

Nhiều doanh nghiệp bảo hiểm gốc lập kế hoạch tăng trưởng khiêm tốn, thậm chí không tăng trưởng. Tổng 5 doanh nghiệp đứng đầu thị trường này (chiếm ~ 60% thị phần bảo hiểm gốc) dự kiến kế hoạch 2021 tăng trưởng 4,7%.

Mùa tái tục tháng 1/2021 nhìn chung các thị trường bảo hiểm đều chịu áp lực tăng phí từ các nhà nhận tái bảo hiểm. Lãi suất tiền gửi giảm mạnh sẽ ảnh hưởng lớn đến thu nhập tài chính của các doanh nghiệp khi cơ cấu tiền gửi chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản đầu tư. Quan ngại về mức độ quan tâm đến quản lý rủi ro của người được bảo hiểm cũng như chất lượng rủi ro khi nhà xường hoạt động không đủ công suất nhiều ngày, hàng hóa tồn kho nhiều.

DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI TĂNG TRƯỞNG

4,7%

TỔNG 5 DOANH NGHIỆP ĐỨNG ĐẦU THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2021 TĂNG TRƯỞNG

4,7%



Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành về các hoạt động của VINARE

CHỦ TRƯỞNG CỦA VINARE 2021

“ Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm; Từng bước mở rộng thị trường tái bảo hiểm, nâng cao năng lực cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường (quản lý rủi ro, đào tạo, sản phẩm, chương trình tái bảo hiểm, các giải pháp phát triển bền vững)

Kinh doanh Tái bảo hiểm

- 1 Tăng cường kỷ luật khai thác, đặt hiệu quả kinh doanh là mục tiêu ưu tiên. Chú trọng các nghiệp vụ truyền thống, cốt lõi, mang lại doanh thu thật, hiệu quả tương đối tốt, tập trung thị trường trong nước, nhận có chọn lọc dịch vụ từ nước ngoài;
- 2 Tích cực hợp tác với các công ty bảo hiểm gốc triển khai nhận dịch vụ mới và phát triển sản phẩm;
- 3 Đẩy mạnh kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu bảo hiểm để chủ động hơn trong việc thu xếp dịch vụ với các công ty bảo hiểm gốc.

Tổ chức bộ máy và quản trị công ty

- 1 Tiếp tục hoàn chỉnh Tổ chức bộ máy quản trị công ty và các chính sách về phát triển nhân sự, quản trị công ty.

Kinh doanh Tái bảo hiểm

- 1 Tăng cường quản trị rủi ro, bảo toàn vốn;
- 2 Tăng cường giám sát hoạt động ủy thác đầu tư;
- 3 Rà soát phân bổ lại tài sản đầu tư trên cơ sở tuân thủ các quyết định của Bộ Tài chính và Quy chế Đầu tư của VINARE. Đánh giá rủi ro và phân bổ tài sản đầu tư và có giải pháp cụ thể, đảm bảo hiệu quả - bền vững;
- 4 Thúc đẩy tiến trình giải quyết công nợ và các dự án của VINARE Invest;
- 5 Rà soát, đánh giá danh mục góp vốn vào các doanh nghiệp.



Kế hoạch kinh doanh chung

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận			
• Các nghiệp vụ tái bảo hiểm cốt lõi	1.709.253	1.612.503	6,0%
• BH Tai nạn con người	310.000	835.202	-62,9%
Lợi nhuận trước thuế	377.000	357.214	5,5%
• Lợi nhuận không bao gồm CLTG	377.000	358.366	5,2%
• Chênh lệch tỷ giá	Chưa xác định	(1.152)	
Tỷ lệ cổ tức			
• Tiền mặt	12%	15%	
• Cổ phiếu thưởng	N/A	15%	
Tổng thu - Tổng chi không lương	435.000	414.767	5,0%

Kế hoạch phân bổ tài sản đầu tư

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2021	2020	Tăng/giảm trong năm	Tỷ trọng (31/12/2021)
Tiền gửi ngân hàng	2.715.000	2.965.000	(250.000)	66,2%
Trái phiếu	500.000	249.100	+250.900	12,2%
Góp vốn cổ phần	513.000	542.354	(29.354)	12,5%
Chứng khoán, chứng chỉ quỹ và ủy thác đầu tư	275.000	195.000	+80.000	6,7%
Văn phòng cho thuê	7.031	8.031	(1.000)	0,2%
Bất động sản	9.304	13.304	(4.000)	0,2%
Tiền tài khoản thanh toán	80.665	52.900	+27.765	2,0%
Tổng cộng	4.100.000	4.025.690	+74.310	100,0%

Nhiệm vụ trọng tâm 2021

- 01 Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2021;
- 02 Thiết lập chức năng Kiểm toán nội bộ;
- 03 Phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất trong lĩnh vực Bảo hiểm công;
- 04 Tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực: Bảo hiểm Tài sản công, Bancassurance, Rủi ro thiên tai, Nông nghiệp,... Tăng cường giải pháp/năng lực tái bảo hiểm cho thị trường;
- 05 Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường;
- 06 Đánh giá và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực; kiện toàn tổ chức bộ máy theo đề án; đưa vào sử dụng hệ thống IT cho Tài chính - Kế toán;
- 07 Tăng cường quản lý rủi ro (Rủi ro nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng về quản lý rủi ro cho thị trường);
- 08 Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm;
- 09 Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả;
- 10 Nâng cao năng lực đầu tư, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá định kỳ;
- 11 Tổ chức Hội nghị Tái bảo hiểm;
- 12 Tổ chức lại hệ thống lưu trữ văn bản;
- 13 Đưa vào vận hành hệ thống e-office;
- 14 Triển khai dự án nâng cấp và chuyển đổi chương trình phần mềm quản lý tái bảo hiểm.

NHIỆM VỤ/GIẢI PHÁP CƠ BẢN TRONG TỪNG LĨNH VỰC



Marketing

- 1 Phân nhóm khách hàng và đề xuất thực hiện các chính sách riêng biệt với từng nhóm khách hàng, đặc biệt chú trọng chính sách khách hàng trong nước;
- 2 Thúc đẩy thương hiệu và hình ảnh VINARE trên thị trường trong nước và quốc tế;
- 3 Khai thác dịch vụ quốc tế: xác định các thị trường tiềm năng và chiến lược tiếp cận và mở rộng trao đổi nhận/nhượng một cách thận trọng;
- 4 Tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm và giải pháp chuyển giao rủi ro mới (Bảo hiểm Nat Cat, Nông nghiệp, Trách nhiệm, ...) và kênh phân phối mới;
- 5 Tăng cường hợp tác với các công ty tái bảo hiểm quốc gia trong khu vực (Thai Re, Philipin Re, ..) trong việc phát triển sản phẩm tại thị trường Việt Nam và trao đổi dịch vụ với các thị trường trong khu vực.



Đầu tư

- 1 Tăng cường chất lượng và hiệu quả hoạt động cho thuê diện tích;
- 2 Đánh giá danh mục góp vốn vào doanh nghiệp khác và phân bổ tài sản đầu tư;
- 3 Tìm kiếm cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, thận trọng đánh giá danh mục ủy thác đầu tư;
- 4 Tăng cường kiểm soát hoạt động của VINARE Invest (tiến độ giải quyết công nợ, thúc đẩy dự án đang triển khai).



Tài chính - Kế toán

- 1 Tập trung kiểm soát, quản trị doanh thu - chi phí, các quy trình quản lý chi phí và các chính sách thúc đẩy tăng năng suất lao động;
- 2 Vận hành chương trình IT mới.



Quản lý rủi ro

- 1 Tăng cường hoạt động giám định rủi ro của VINARE và thị trường;
- 2 Nâng cao năng lực quản lý tài sản - nợ phải trả (Asset Liability Management).



Quản trị công ty & Tổ chức bộ máy

- 1 Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (tự đào tạo, thuê đào tạo ...) và chính sách phát triển nguồn lực;
- 2 Kiện toàn và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp.



Công nghệ thông tin

- 1 Vận hành hệ thống IT an toàn, hiệu quả;
- 2 Bảo đảm an ninh/an toàn hệ thống;
- 3 Tập trung triển khai xây dựng V-core.

Năm 2020 là giai đoạn then chốt trong việc rà soát, thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020 của VINARE. Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng Giám đốc, sự nỗ lực của tập thể Ban Điều hành, VINARE với tinh thần hợp lực, đoàn kết, quyết liệt triển khai đồng bộ các giải pháp trọng tâm hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2020. VINARE tiếp tục khẳng định Thương hiệu số 1 trên thị trường tái bảo hiểm Việt Nam, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế Quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Hội đồng Quản trị đánh giá cao và ghi nhận nỗ lực của Tổng Công ty trong việc hoàn thành toàn diện và vượt mức các mục tiêu năm 2020 đã được Hội đồng Quản trị đã giao.

Năng lực cạnh tranh của VINARE đã được cải thiện và nâng tầm.

Tổng Công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty, các quyết định của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông trong hoạt động kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc điều hành đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị.

Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

Ban Giám đốc tham dự đầy đủ và tích cực tham gia ý kiến tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Các đề xuất của Ban Giám đốc đối với Hội đồng Quản trị đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Tổng giám đốc đã chỉ đạo Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty niêm yết.

Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty cũng như đã có những giải pháp thích ứng và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị thông qua và chỉ đạo Tổng công ty thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021 như sau:

- Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2021;
- Thiết lập chức năng kiểm toán nội bộ;
- Phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất trong lĩnh vực Bảo hiểm công;
- Tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực: Bảo hiểm Tài sản công, Bancassurance, Rủi ro thiên tai, Nông nghiệp,... Tăng cường giải pháp/năng lực tái bảo hiểm cho thị trường;
- Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường;
- Đánh giá và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực; kiện toàn tổ chức bộ máy theo đề án; đưa vào sử dụng hệ thống IT cho Ban Tài chính - Kế toán;
- Tăng cường quản lý rủi ro (Rủi ro nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng về quản lý rủi ro cho thị trường);
- Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm;
- Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả;
- Nâng cao năng lực đầu tư, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá định kỳ;
- Tổ chức Hội nghị Tái bảo hiểm;
- Tổ chức lại hệ thống lưu trữ văn bản;
- Đưa vào vận hành hệ thống e-office;
- Triển khai dự án nâng cấp và chuyển đổi chương trình phần mềm quản lý tái bảo hiểm.



TỔNG NHÂN SỰ NĂM 2020
(người)

101

NHÂN SỰ TUYỂN MỚI

2%

Kết nối ESG

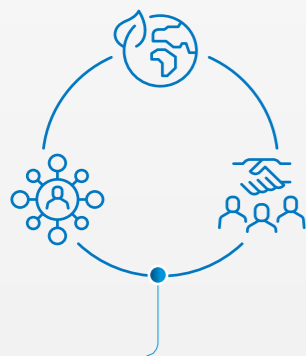
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Kết nối để tăng sức hút từ cam kết quản trị theo ESG	78
Tổng quan về quản trị công ty tại VINARE	80
Báo cáo của HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT	86
Báo cáo của Ban Kiểm soát	91
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	93
Phân tích thẻ điểm Quản trị dựa trên thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN	94
Hệ thống kiểm soát nội bộ	103
Quản lý rủi ro	104
Quan hệ cổ đông & Thông tin về sở hữu của cổ đông nội bộ và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	105



Kết nối để tăng sức hút từ cam kết quản trị theo ESG

Mục tiêu của quản trị công ty (QTCT) là để xây dựng một môi trường của lòng tin, tính minh bạch và tính giải trình, các yếu tố cần thiết để thúc đẩy phát triển đầu tư dài hạn, sự ổn định tài chính và đạo đức trong kinh doanh, từ đó hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng trong dài hạn của các doanh nghiệp.



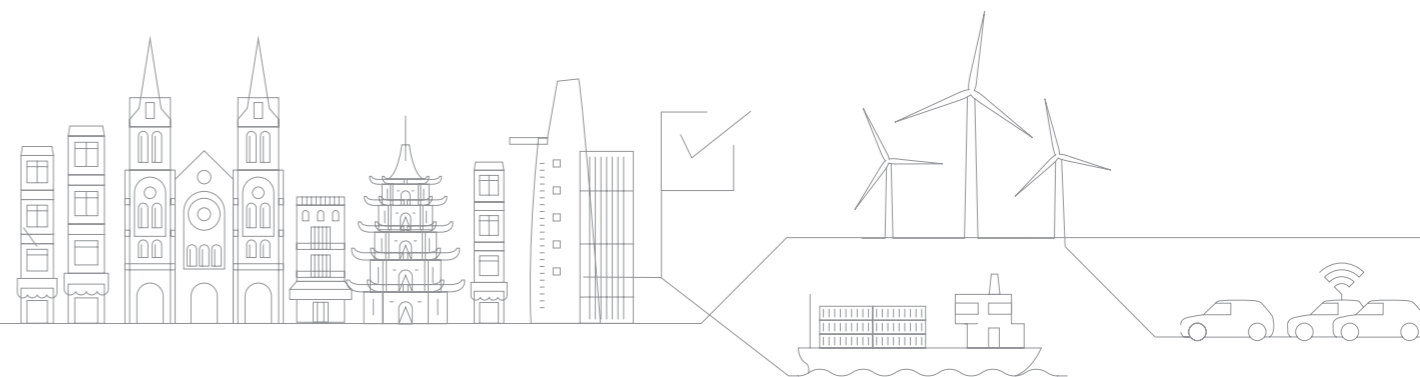
BlackRock - một quỹ đầu tư có trách nhiệm của Mỹ, quản lý danh mục tài sản lớn nhất thế giới giá trị 6.840 tỷ USD tính đến tháng 8/2019, đã áp dụng triết lý đầu tư: “Bền vững chính là cách kinh doanh, chứ không phải cách sử dụng tiền kinh doanh được, dựa trên 3 trụ cột ESG. Khả năng quản lý các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị minh chứng cho khả năng lãnh đạo từ cấp cao nhất là HĐQT và quản trị tốt - là các yếu tố thiết yếu đối với tăng trưởng bền vững”.



Chủ tịch HĐQT VINARE tham dự sự kiện công bố kết quả khảo sát Thù lao - Lương - Thưởng dành cho thành viên HĐQT và Ban điều hành năm 2020

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 vừa qua, Talentnet cùng Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) đã phối hợp tổ chức sự kiện công bố kết quả khảo sát Thù Lao - Lương - Thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban điều hành năm 2020. Khảo sát được thực hiện theo phương pháp của Mercer - công ty tư vấn toàn cầu về nhân tài, sức khỏe, hưu trí và đầu tư, hoạt động tại hơn 180 quốc gia trên thế giới, thuộc VINARE Marsh & McLennan. Đại diện của VINARE - Chủ tịch HĐQT Nguyễn Anh Tuấn và Phó Tổng giám đốc Nguyễn Mạnh Linh đã tham dự sự kiện này.

Chủ tịch Nguyễn Anh Tuấn cùng các diễn giả khác tại sự kiện đã cùng chia sẻ và thảo luận nhiều con số cũng như thông tin thú vị về phương pháp, thông lệ trả thù lao cho thành viên HĐQT tại Việt Nam, mang tới những góc nhìn thực tiễn để giúp các doanh nghiệp ngày càng chuẩn hóa kế hoạch trả thù lao cho thành viên HĐQT, từ đó nâng cao sự hiệu quả của hoạt động HĐQT tại các doanh nghiệp. Đây là năm thứ hai khảo sát này được thực hiện tại Việt Nam, với số lượng mẫu dữ liệu (data point) tăng gấp đôi so với năm 2019.





Tổng quan về Quản trị Công ty tại VINARE

Quản trị Công ty được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn và là yếu tố then chốt để VINARE gia tăng hình ảnh, giá trị thương hiệu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng và mạnh mẽ trong suốt hơn 26 năm qua.

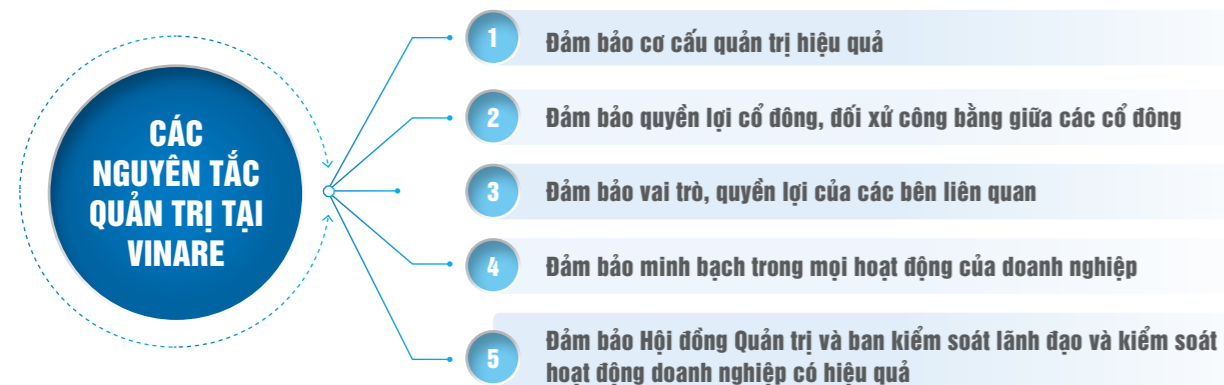


NGUYÊN TẮC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI VINARE

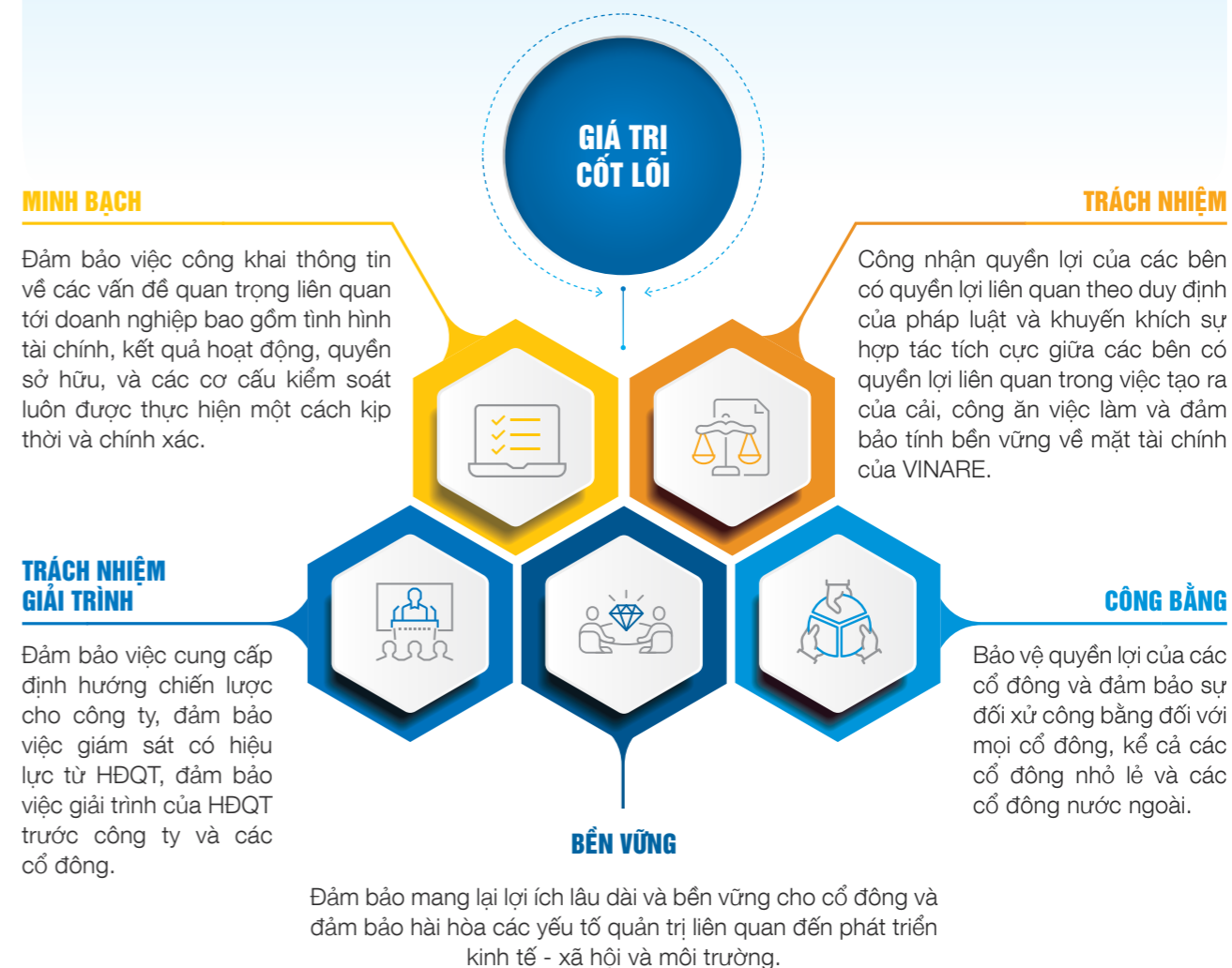
Trong những năm vừa qua, dưới sự định hướng và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, VINARE đã áp dụng các thông lệ tốt trong quản trị công ty, bao gồm các Quy tắc Quản trị Công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN. Các nguyên tắc quản trị liên quan đến: (i) Quyền của cổ đông, (ii) Đối xử bình đẳng với cổ đông, (iii) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, (iv) Công bố thông tin và minh bạch, và (v) Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, đã được VINARE chủ động tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống

quản trị nội bộ tại Tổng Công ty, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy, tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn VINARE. Bên cạnh đó, VINARE cũng nghiêm túc thực hiện các quy định về quản trị công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam bao gồm Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Để vận hành hiệu quả mô hình quản trị, VINARE đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.



Mô hình quản trị doanh nghiệp của VINARE được thực hiện dựa trên 5 giá trị cốt lõi sau:



Mô hình Quản trị công ty Bền vững của VINARE được thực hiện dựa trên các sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố sau:

1. Nền tảng cơ cấu quản trị công ty vững chắc	Cơ cấu quản trị của VINARE có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ủy ban trực thuộc HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành...).
2. Chuẩn mực quản trị quốc tế	Tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về Quản trị công ty của OECD, Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN và mô hình quản trị tiên tiến trên cơ sở vận dụng mô hình của các đối tác chiến lược nước ngoài.
3. Phù hợp thông lệ và Pháp luật Việt Nam	Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho công ty niêm yết tại Việt Nam, điều chỉnh, rà soát thay đổi thích nghi với điều kiện tại Việt Nam.
4. Áp dụng thống nhất trên toàn VINARE	Xây dựng và phát triển mô hình quản trị xuyên suốt toàn VINARE nhằm đảm bảo tính thống nhất và nhất quán trong mọi hoạt động.



KHUNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA VINARE

Khung quản trị doanh nghiệp của VINARE bao gồm các cấu phần sau:

1.

Thành phần & Cơ cấu của HĐQT

- Thành phần và tổ chức.
- Hướng dẫn và đào tạo.
- Thù lao cho HĐQT.
- Kế hoạch kế nhiệm.

(Tham chiếu Nội dung Chương IV: Báo cáo của HĐQT và Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát)

2.

Hoạt động & Hiệu quả của HĐQT

- Đạo đức và mối quan hệ của các thành viên HĐQT.
- Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO).
- Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm.
- Ủy ban Chiến lược và Đầu tư.
- Ủy ban Kiểm toán.

(Tham chiếu nội dung Chương IV: Báo cáo của HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT)

3.

Chiến lược, Kế hoạch & Giám sát

- Tầm nhìn và sứ mệnh.
- Kế hoạch chiến lược, kế hoạch kinh doanh.
- Giám sát hiệu quả hoạt động của VINARE và hiệu quả quản trị.
- Chiến lược CNTT.
- Quản lý nhân lực.

(Tham chiếu báo cáo tại Chương II của Báo cáo thường niên)

4.

Các quy trình quản lý rủi ro & Tuân thủ hiệu quả

- Hệ thống quản lý rủi ro.
- Hệ thống kiểm soát nội bộ.

5.

Minh bạch & Công bố thông tin

- Báo cáo tài chính.
- Tăng cường công tác báo cáo.

6.

Trách nhiệm của VINARE (xã hội, đạo đức & môi trường)

- Quy tắc ứng xử.
- Đạo đức kinh doanh.
- Quan hệ giữa các nhân viên/ An toàn và sức khỏe.
- Trách nhiệm xã hội.

Những năm gần đây, phát triển bền vững là một trong những mối quan tâm hàng đầu của các công ty trên thị trường vốn toàn cầu cũng như tại Việt Nam. Khái niệm này không chỉ đưa ra các vấn đề liên quan đến môi trường, mà còn bao hàm 3 lĩnh vực quan trọng:



hay còn được gọi tắt là ESG

Ý NGHĨA CỦA QUẢN TRỊ CÔNG TY (QTCT) TRONG ESG



Nhiều người trong chúng ta hiểu phát triển bền vững đặt sự quan tâm về các vấn đề môi trường (yếu tố E) đơn giản như việc giảm thiểu khí thải hoặc sử dụng năng lượng tái tạo, hay các vấn đề xã hội (yếu tố S) để hiểu như sự an toàn, sức khỏe của người tiêu dùng và môi trường làm việc tốt cho người lao động,... Trong khi đó, các vấn đề liên quan đến quản trị (yếu tố G)

hầu như ít được nhắc tới, nhưng lại luôn là giải pháp quan trọng để các công ty có thể sử dụng và tạo ra các tác động tích cực.

Lần đầu tiên, bộ nguyên tắc về QTCT của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), được sửa đổi và ban hành vào tháng 9/2015, đã đưa ra các nguyên tắc hướng dẫn về QTCT dành cho các nhà

đầu tư tổ chức, thị trường chứng khoán và các bên trung gian khác, khuyến nghị các nhà đầu tư tổ chức công bố chính sách liên quan đến QTCT; giao dịch nội gián và thao túng thị trường phải bị cấm và các quy định phù hợp phải được thực thi; thị trường cần tạo ra cách thức xác định giá chứng khoán một cách công bằng và hiệu quả.

Với các hướng dẫn này, QTCT tốt đã dần dần trở thành một trong các tiêu chí đầu tư quan trọng nhất đối với các quỹ đầu tư có trách nhiệm trên toàn cầu. Những quỹ này thường đưa ra các tiêu chí và chính sách liên quan đến QTCT đối với mục tiêu danh mục đầu tư có trách nhiệm của mình, tìm kiếm và đầu tư vào các doanh nghiệp có các chính sách tốt về môi trường, xã hội và quản trị. Thậm chí, một số quỹ sẽ trực tiếp tham gia để giúp các công ty cải thiện các thông lệ quản trị theo xu hướng quốc tế hóa.

6 THÔNG SỐ ĐÁNH GIÁ QTCT THEO ESG TẠI DOANH NGHIỆP



Tại Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), các chuẩn mực ESG tốt được áp dụng là yếu tố cơ bản cho sự thành công của các khoản đầu tư dài hạn trong khu vực kinh tế tư nhân. 90% trong tổng số 656 công ty trong danh mục đầu tư của IFC tại các thị trường mới nổi trên toàn cầu được khảo sát mới đây đều tin tưởng rằng, các yêu cầu về QTCT (bên cạnh các quy chuẩn về môi trường xã hội) của IFC là yếu tố quan trọng góp phần cho sự thành công về lâu dài của họ.

Phương pháp luận về QTCT của IFC hiện đang được 35 định chế tài chính toàn cầu ký kết áp dụng và được sửa đổi trong năm 2019 để cập nhật ma trận các tiêu chí về QTCT, bao gồm các vấn đề mới phát sinh từ các cuộc khủng hoảng tài chính gần đây, đồng thời hợp nhất các vấn đề liên quan đến môi trường xã hội để nhất quán với các chính sách về phát triển bền vững.

Bảng đối chiếu Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam với phương pháp luận về QTCT của IFC

Phương pháp luận của IFC	Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất
1. Cam kết thực hiện các chuẩn mực ESG tốt	Nguyên tắc 1: Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT
2. Cơ cấu và chức năng hoạt động của HĐQT	Nguyên tắc 2: Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp Nguyên tắc 3: Bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT Nguyên tắc 4: Thiết lập các ủy ban trực thuộc HĐQT Nguyên tắc 5: Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT Nguyên tắc 6: Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức công ty
3. Môi trường kiểm soát	Nguyên tắc 7: Thiết lập khung quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh
4. Công bố và minh bạch thông tin	Nguyên tắc 8: Tăng cường hoạt động công bố thông tin của công ty
5. Đối xử với cổ đông thiểu số	Nguyên tắc 9: Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông
6. Quản trị mối quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan	Nguyên tắc 10: Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các bên có quyền lợi liên quan




Phương pháp luận về QTCT của IFC đánh giá thực trạng, rủi ro về quản trị dựa trên 6 thông số (lĩnh vực) chính như sau:

- 

Tính cam kết thực hiện quản trị, môi trường và xã hội theo các chuẩn mực tốt (cam kết từ lãnh đạo và văn hóa công ty)

Công ty và các cổ đông thể hiện rõ cam kết trong việc triển khai thực hiện các thông lệ chuẩn mực cao về QTCT, trong đó bao gồm cả các chính sách, thủ tục về quản trị môi trường và xã hội.
- 

Cơ cấu và chức năng hoạt động của hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT có được cơ cấu một cách phù hợp và có đầy đủ năng lực để giám sát chiến lược, ban điều hành và năng lực hoạt động của công ty hay không.
- 

Môi trường kiểm soát

Các hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty, chức năng kiểm toán nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro, chức năng tuân thủ có được xây dựng đúng và đủ để bảo đảm việc theo dõi quản lý các tài sản, tính hiệu quả của hoạt động kinh doanh, tính chính xác trong báo cáo cũng như tính tuân thủ với các chính sách, quy trình thủ tục và các quy định pháp lý có liên quan.
- 

Công bố và minh bạch thông tin

Các công bố tài chính và phi tài chính của công ty có phù hợp, trung thực, kịp thời và quan trọng cho cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan hay không.
- 

Đối xử với cổ đông thiểu số

Các quyền của cổ đông thiểu số và các bên có quyền lợi liên quan có được tôn trọng, được thực hiện theo đúng luật và đối xử công bằng hay không.
- 

Quản trị mối quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan

Việc công ty quản trị các mối quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan có được thực hiện một cách đúng đắn, đặc biệt là việc giám sát phân loại, đưa ra các chính sách đối xử và cơ chế khiếu nại đối với các bên có quyền lợi liên quan.



Với vai trò tư vấn kỹ thuật cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong quá trình xây dựng và biên soạn Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng của Việt Nam (ban hành tháng 8/2019), phương pháp luận về QTCT của IFC đã được áp dụng và gắn kết các nguyên tắc này với 6 tham số nêu trên (xem bảng).

Từ bảng này cho thấy, có 5 nguyên tắc (từ số 2 đến số 6) của Bộ nguyên tắc QTCT được tập trung vào “Cơ cấu và chức năng hoạt động của HĐQT”. Để tăng

cường tính hiệu quả của HĐQT, Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam đưa ra nhiều nội dung hướng dẫn quan trọng liên quan đến tính đa dạng hóa của HĐQT (bao gồm đa dạng hóa về quan điểm, trình độ năng lực và giới tính); tính độc lập thông qua vai trò của thành viên HĐQT độc lập phù hợp; thiết lập cơ cấu HĐQT với sự trợ giúp của các ủy ban trực thuộc; vai trò của HĐQT trong việc định hướng chiến lược, giám sát môi trường kiểm soát tài chính và mới nhất là việc đề cập đến vai trò giám sát các vấn đề trọng yếu về môi trường xã hội trong hoạt động kinh doanh.

Việc cải thiện năng lực hoạt động và hiệu quả HĐQT có ý nghĩa lớn đối với hầu hết các công ty của Việt Nam khi vai trò và trách nhiệm HĐQT nói chung hiện đang bị xếp hạng ở mức thấp nhất (theo đánh giá chung của Thẻ điểm QTCT 6 nước khu vực ASEAN, trong đó có Việt Nam). Đây là mối quan tâm cũng như tiêu chí quyết định đầu tư hàng đầu của các nhà đầu tư tổ chức, đặc biệt là các quỹ đầu tư có trách nhiệm. Các yếu tố khác như môi trường đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp và tính liêm chính của lãnh đạo cấp cao nhất cũng đã và đang là các tiêu chí xét duyệt quan trọng, bên cạnh việc quyết định sự phát triển bền vững của chính các doanh nghiệp Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Song Lai	Nguyên Chủ tịch HĐQT	Giữ chức Chủ tịch HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015 và miễn nhiệm từ ngày 11/6/2020	01/01	100%	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 11/6/2020
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	05/05	100%	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020
3	Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Chủ tịch HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 24/4/2019 và Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 16/7/2019. Tiếp tục được bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	05/06	83,3%	Vắng mặt tại Kỳ họp HĐQT lần thứ 20 NK III vì bận công tác - Ủy quyền cho ông Nguyễn Đình An tham dự và biểu quyết
4	Ông Phạm Công Tứ	Thành viên HĐQT	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015. Tiếp tục được bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	03/03	100%	Thôi giữ chức Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT từ ngày 27/10/2020
5	Ông Đào Nam Hải	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015 và tiếp tục được bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	05/06	83,3%	Vắng mặt tại Kỳ họp HĐQT lần thứ 3 NK IV vì bận công tác - Ủy quyền cho ông Nguyễn Anh Tuấn tham dự và biểu quyết
6	Ông Phạm Sỹ Danh	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015 và miễn nhiệm từ ngày 11/6/2020	01/01	100%	Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 11/6/2020
7	Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015. Tiếp tục được bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020 và bầu Tổng Giám đốc từ ngày 17/11/2020	06/06	100%	
8	Ông Nguyễn Đình An	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 26/4/2017. Tiếp tục được bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	04/06	66,7%	Vắng mặt tại Kỳ họp HĐQT bất thường ngày 28/10/2020 và Kỳ họp HĐQT bất thường ngày 2/11/2020 vì bận công tác; Ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân Việt tham dự và biểu quyết
9	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 24/4/2019. Tiếp tục được bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	04/06	66,7%	Vắng mặt tại Kỳ họp HĐQT bất thường ngày 28/10/2020 và Kỳ họp HĐQT bất thường ngày 2/11/2020 vì bận công tác; Ủy quyền cho ông Nguyễn Anh Tuấn tham dự và biểu quyết
10	Ông Phạm Phan Dũng	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	04/05	80%	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020. Vắng mặt tại Kỳ họp HĐQT bất thường ngày 28/10/2020 vì bận công tác; Ủy quyền cho ông Nguyễn Anh Tuấn tham dự và biểu quyết
11	Ông Jared Orchard	Phó Chủ tịch HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	04/05	80%	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020. Không dự trực tiếp Kỳ họp HĐQT lần thứ nhất Nhiệm kỳ IV ngày 11/6/2020 do dịch Covid. Các cuộc họp còn lại tham dự họp qua Microsoft Teams

Ngoài các phiên họp trực tiếp nêu trên, khi có vấn đề phát sinh, để đảm bảo thực tiễn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, HĐQT Tổng công ty tổ chức họp qua telephone conference hoặc các hình thức thảo luận và lấy ý kiến biểu quyết khác. 100% các thành viên HĐQT đều tham dự và tham gia biểu quyết.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC



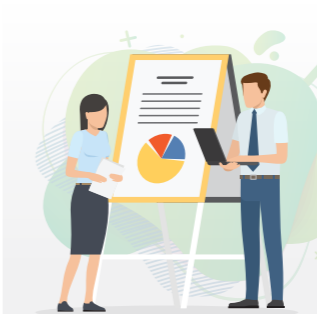
- Hội đồng Quản trị đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ và của HĐQT đối với Tổng Công ty.
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban kiểm soát và Ban Giám đốc điều hành.
- Mọi cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự và tham gia ý kiến của Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.
- Các đề xuất của Ban Giám đốc đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Tổng Công ty chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của HĐQT, ĐHCĐ và các quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty niêm yết.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tiểu ban Chính sách phát triển

Xây dựng kế hoạch kinh doanh 2020 - 2024.



Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng

Xây dựng chính sách lương thưởng đối với thành viên HĐQT chuyên trách.



Tiểu ban Nhân sự

Chủ trì việc bổ nhiệm nhân sự Tổng giám đốc: xây dựng điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm; lựa chọn ứng viên theo tiêu chuẩn; thực hiện quy trình bổ nhiệm.
Xây dựng quy chế về quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh quản lý điều hành.

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Quyết định số 01/2020/QĐ-HĐQT	03/01/2020	<ul style="list-style-type: none"> Phê chuẩn phương án tăng vốn của Khách sạn Sài Gòn Hạ Long. Đồng ý chủ trương VINARE thực hiện quyền mua thêm cổ phiếu.
2	Quyết định số 02/2020/QĐ-HĐQT	11/02/2020	Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Mạnh Linh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc VINARE thời hạn 3 năm tính từ ngày 01/09/2019.
3	Quyết định số 04/2020/QĐ-HĐQT	24/03/2020	<p>Kết quả Phiên họp HĐQT lần thứ XX, Nhiệm kỳ III</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2019. Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 và trình ĐHĐCĐ thông qua. Phê duyệt và trình ĐHĐCĐ thông qua thù lao của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2019. Thông qua Báo cáo giao dịch với các bên liên quan 2019. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và nhiệm kỳ 2015 - 2019. Thông qua phương án hiện thực hóa lợi nhuận vốn đầu tư của VINARE tại Ngân hàng Tiên Phong (TPB). Phê chuẩn kế hoạch kinh doanh năm 2020 và trình ĐHĐCĐ phê chuẩn. Phê chuẩn báo cáo và đề xuất của Tổng Giám đốc về danh mục góp vốn cổ phần. Thông qua về nguyên tắc định hướng, mục tiêu phát triển và các giải pháp giai đoạn 2020 - 2024. Thông qua cơ cấu nhân sự Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2024. Nhất trí và trình ĐHĐCĐ thông qua Quy chế Quản trị Tổng công ty sửa đổi. Nhất trí và trình ĐHĐCĐ thông qua đề xuất của Ban kiểm soát về danh sách các công ty kiểm toán độc lập lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2020. HĐQT ủy quyền Chủ tịch HĐQT phê chuẩn các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020.
			<p>Kết quả Phiên họp HĐQT lần thứ XXI, Nhiệm kỳ III</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2020.
4	Quyết định số 06/2020/QĐ-HĐQT	04/05/2020	Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2020.
5	Quyết định số 07/2020/QĐ-HĐQT	01/06/2020	<ul style="list-style-type: none"> Đồng ý đề xuất của người đại diện vốn VINARE tại VINARE Invest về cơ cấu, thành phần của HĐQT và BKS và nhân sự Tổng Giám đốc của VINARE Invest nhiệm kỳ 2020 - 2024. Cử đại diện vốn của VINARE tại VINARE Invest. Phê chuẩn phương án nhân sự Tổng Giám đốc của VINARE Invest.

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
6	Quyết định số 08/2020/QĐ-HĐQT	01/06/2020	<ul style="list-style-type: none"> Cử cán bộ tham gia Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 11/6/2020. Chỉ định Tổ thư ký tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 11/6/2020. Đề cử các cán bộ để Đại hội đồng cổ đông thường niên 11/6/2020 bầu vào Ban kiểm phiếu.
7	Quyết định số 09/2020/QĐ-HĐQT	02/06/2020	<ul style="list-style-type: none"> Giới thiệu các ứng viên tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024. Giới thiệu các ứng viên tham gia Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2024.
8	Quyết định số 10/2020/QĐ-HĐQT	11/06/2020	<p>Kết quả Phiên họp lần thứ I nhiệm kỳ IV:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bầu ông Nguyễn Anh Tuấn, thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2024, giữ chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024.
9	Quyết định số 11/2020/QĐ-HĐQT	08/07/2020	Lựa chọn công ty TNHH PWC Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của VINARE.
10	Quyết định số 12/2020/QĐ-HĐQT	22/07/2020	<ul style="list-style-type: none"> Không cử người tiếp tục tham gia là thành viên Hội đồng Quản trị TPBank. Cử ông Đỗ Anh Đức, Giám đốc Ban Đầu tư, là đại diện phần vốn góp của VINARE tại TPBank kể từ ngày 20/7/2020.
11	Quyết định số 14/2020/QĐ-HĐQT	10/09/2020	<p>Kết quả Phiên họp lần thứ II nhiệm kỳ IV:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận báo cáo hoạt động và kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 của Tổng công ty. Bầu ông Nguyễn Xuân Việt giữ chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2024. Bầu ông Jared Orchard giữ chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2024. Thông qua việc phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024. Ghi nhận đánh giá của Ban Điều hành tại Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng 2020 về khả năng thực hiện kế hoạch kinh doanh 2020 do tác động của đại dịch Covid-19 của VINARE. Ban Điều hành tiếp tục có các giải pháp trong hoạt động kinh doanh 6 tháng cuối năm 2020 để phấn đấu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được Đại hội cổ đông thông qua.
			<p>Kết quả Phiên họp HĐQT bất thường ngày 28/10/2020:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trích từ quỹ khen thưởng của Tổng công ty để tri ân ông Phạm Công Tử vì những công lao của ông trong sự nghiệp xây dựng và phát triển VINARE.
12	Quyết định số 16/2020/QĐ-HĐQT	28/10/2020	<ul style="list-style-type: none"> Nhất trí chủ trương kiện toàn, thay thế nhân sự Tổng Giám đốc. Thông qua điều kiện, tiêu chuẩn về ứng viên nhân sự Tổng Giám đốc. Giao Chủ tịch HĐQT chủ trì chỉ đạo và phối hợp với Ban Điều hành để trực tiếp giải quyết các công việc, đảm bảo hoạt động bình thường của Tổng công ty.



Báo cáo của Hội đồng Quản trị và các Ủy ban thuộc HĐQT



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
13	Quyết định số 1 8/2020/QĐ-HĐQT	02/11/2020	<p>Kết quả Phiên họp HĐQT bất thường ngày 02/11/2020:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm ông Mai Xuân Dũng, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam, giữ chức danh Tổng Giám đốc Tổng Công ty.
14	Quyết định số 19/2020/QĐ-HĐQT	18/11/2020	<p>Kết quả Phiên họp HĐQT lần thứ III, Nhiệm kỳ IV ngày 18/11/2020:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận báo cáo hoạt động và kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020 của Tổng công ty. Giao Ban Giám đốc tiếp tục có các giải pháp trong hoạt động kinh doanh 03 tháng cuối năm 2020 để phấn đấu thực hiện kế hoạch kinh doanh 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Phê chuẩn Chương trình Tái bảo hiểm 2021 của VINARE. Phê duyệt chủ trương triển khai xây dựng lại (nâng cấp và chuyển đổi) Hệ thống chương trình phần mềm quản lý nghiệp vụ Tái bảo hiểm. Giao Tiểu ban Nhân sự của HĐQT tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo Quy chế về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại. Giao Ban Điều hành tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Quy chế Đầu tư sửa đổi. Nghiên cứu, xem xét các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện dự án cải tạo và trang bị hội trường, văn phòng làm việc.
15	Quyết định số 20/2020/QĐ-HĐQT	25/11/2020	Phân công đại diện vốn của VINARE tại VINARE Invest.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên HĐQT đã có đầy đủ chứng chỉ về quản trị công ty.



Báo cáo của Ban Kiểm soát



THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Trần Trung Tính	Trưởng BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015. Tiếp tục được bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	02/02	100%	
2	Ông Trần Phan Việt Hải	Thành viên BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015 và miễn nhiệm từ ngày 11/6/2020	01/01	100%	Miễn nhiệm thành viên BKS từ ngày 11/6/2020
3	Bà Lê Thị Thanh Hiền	Thành viên BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015. Tiếp tục được bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	02/02	100%	
4	Ông Vũ Ngọc Vượng	Thành viên BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ III từ ngày 26/4/2017. Tiếp tục được bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	02/02	100%	
5	Ông Đào Mạnh Dương	Thành viên BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	01/01	100%	Bầu thành viên BKS từ ngày 11/6/2020
6	Ông Tushar Chatterjee	Thành viên BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	0/01	0%	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020. Không dự trực tiếp do dịch Covid



Báo cáo của Ban Kiểm soát



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT/PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG/CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- 1 Tham gia các cuộc họp của HĐQT.
- 2 Tổ chức họp BKS định kỳ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Tổng công ty.
- 3 Tham gia ý kiến về định hướng chiến lược hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- 4 Thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 5 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tổng công ty.
- 6 Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng năm lên đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 7 Xem xét các báo cáo và thư quản lý của tổ chức kiểm toán.
- 8 Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Tổng công ty về: đầu tư, các phương án phát triển hợp tác kinh doanh, công tác quản lý tổ chức, lao động tiền lương, thưởng, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động và Tổng công ty.
- 9 Phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban quản lý, nghiệp vụ Tổng công ty.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT: Không có.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/2013/NQ-DHĐCĐ ngày 25/4/2013, thù lao (bao gồm cả thuế) của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, tổ thu ký giúp việc là 3,85 tỷ VND/năm. Việc xác định mức thù lao của các thành viên được thực hiện theo quyết định số 11/2015/QĐ-HĐQT ngày 21/8/2015.

Lương và lợi ích khác của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách được thực hiện theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 25/2/2021 của Hội đồng quản trị

Đối với Ban Giám đốc và Kế toán trưởng, lương và các lợi ích khác thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị (quyết định số 02/2012/QĐ-HĐQT ngày 20/3/2012, quyết định số 01/2006/NQ-HĐQT ngày 19/1/2006).

Thu nhập của từng thành viên theo kết quả kinh doanh năm 2020:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (VND)
1 Lê Song Lai	Nguyên Chủ tịch, Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển (miễn nhiệm từ ngày 10/6/2020)	160.670.274
2 Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch chuyên trách (từ ngày 22/7/2020)	938.526.591
3 Nguyễn Xuân Việt	Thành viên, Phó Chủ tịch (từ ngày 10/9/2020)	239.417.856
4 Phạm Công Tứ	Thành viên, Tổng Giám đốc (thời giữ chức từ ngày 27/10/2020)	2.060.216.009
5 Đào Nam Hải	Thành viên	236.325.178
6 Phạm Sỹ Danh	Thành viên, Trưởng Tiểu ban Nhân sự (miễn nhiệm từ ngày 10/6/2020)	117.079.078
7 Mai Xuân Dũng	Thành viên, Tổng giám đốc (từ ngày 17/11/2020)	1.820.529.921
8 Nguyễn Đình An	Thành viên	209.325.178
9 Vũ Anh Tuấn	Thành viên	209.325.178
10 Phạm Phan Dũng	Thành viên, Trưởng Tiểu ban Thù lao và Lương thưởng (từ ngày 11/6/2020)	132.860.588
11 Jared Orchard	Thành viên (từ ngày 11/6/2020), Phó Chủ tịch (từ ngày 10/9/2020)	113.284.970

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (VND)
1 Trần Trung Tính	Trưởng Ban Kiểm soát	151.381.413
2 Lê Thị Thanh Hiến	Thành viên	139.819.609
3 Trần Phan Việt Hải	Thành viên (miễn nhiệm từ 10/6/2020)	55.908.756
4 Vũ Ngọc Vượng	Thành viên	125.837.648
5 Tushar Chatterjee	Thành viên (từ 11/6/2020)	62.159.016
6 Đào Mạnh Dương	Thành viên (từ 11/6/2020), Giám đốc Marketing	872.850.770

Ban Điều hành

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (VND)
1 Mai Xuân Dũng	Tổng giám đốc	Như trên
2 Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng giám đốc	1.591.368.983
3 Lưu Thị Việt Hoa	Kế toán trưởng, thư ký HĐQT	1.839.788.045

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Trần Phan Chí Tâm	Em của ông Trần Phan Việt Hải - Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2019, miễn nhiệm ngày 11/6/2020	10.000	0,01%	8.000	0,007%	Bán 10.000 cổ phiếu; ngày bắt đầu 26/06/2020, kết thúc giao dịch ngày 23/07/2020

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: không có

THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tổng công ty đã chấp hành tốt các quy định về quản trị công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Đối với quy định về số lượng thành viên HĐQT độc lập, hiện nay Tổng công ty mới có 1/8 thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Theo yêu cầu của Nghị định 71/2017/NĐ-CP, số thành viên HĐQT độc lập tối thiểu là 1/3 và được làm tròn xuống.

HĐQT đã tiến hành rà soát các yêu cầu của Nghị định 71/2017/NĐ-CP và sẽ hoàn thiện yêu cầu này trong thời gian sớm nhất có thể.



Phân tích thể điểm Quản trị dựa trên thể điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng năm 2020	Đánh giá
CÂU HỎI CẤP 1			
A. Quyền của Cổ đông			
A.1	Quyền cơ bản của cổ đông		
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	<input checked="" type="checkbox"/>	Sau khi ĐHĐCĐ có nghị quyết về trả cổ tức, VINARE tiến hành chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức. Danh sách cổ đông được trả cổ tức do Trung tâm lưu ký lập. Số tiền trả cổ tức được chuyển cho Trung tâm lưu ký và được chi trả đến tài khoản chứng khoán đối với cổ phiếu được lưu ký. Trường hợp không lưu ký, cổ đông nhận cổ tức tiền mặt tại trụ sở.
A.2	Quyền tham gia vào các quyết định liên quan - Tham chiếu nguyên tắc đến những thay đổi quan trọng của công ty.		
A.2.1	Sửa đổi quy chế công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 13 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động.
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3	Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định hợp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết.		
A.3.1	"Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị không điều hành?"	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 13 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động.
A.3.2	"Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền để cử thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị?"	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành?	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trên Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phân đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGD/Giám đốc Điều hành (nếu TGD/Giám đốc Điều hành không phải là thành viên HĐQT) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trên Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.12	"Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?"	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCD bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	<input checked="" type="checkbox"/>	Thực hiện theo quy định về CBTT của công ty niêm yết.
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trên Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE chưa thực hiện các giao dịch sáp nhập, mua lại và/hoặc thu tóm. Các giao dịch nếu được thực hiện sẽ tuân thủ theo quy định pháp luật.
A.5	Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư - Tham chiếu nguyên tắc tổ chức.		

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng năm 2020	Đánh giá
B. Đối xử Bình đẳng với Cổ đông			
B.1	Cổ phiếu và quyền biểu quyết - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II		
B.1.1	"Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?"	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.1.2	"Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)? (Chỉ có 1 loại cổ phiếu)"	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.2	Thông báo ĐHĐCĐ - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II		
B.2.1	Mọi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.2.2	"Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?"	<input checked="" type="checkbox"/>	
Thông báo về ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:			
B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên HĐQT đang tại vị trong các công ty niêm yết	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trong tài liệu họp ĐHĐCĐ.
B.2.4	"Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?"	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.2.5	"Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?"	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.3	Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) III & ICGN 4		
B.3.1	"Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?"	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 38 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động.
B.3.2	"Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?"	<input checked="" type="checkbox"/>	Thực hiện theo Quy chế CBTT. Cổ phiếu VNR được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, nhân viên công ty có thể được tự do mua bán.
B.4	Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II & ICGN 9.3		
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	<input checked="" type="checkbox"/>	Các nội dung này đã được quy định tại Điều lệ VINARE.
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 38 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động.
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.5	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II & ICGN 9.3, ICGN 9.3, ICGN 9.10		
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	<input checked="" type="checkbox"/>	Các giao dịch với bên liên quan được phê chuẩn theo quy định của Điều lệ và quyết định của HĐQT, được công bố rõ ràng đảm bảo yêu cầu minh bạch.
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	<input checked="" type="checkbox"/>	
C. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan			
C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (A & B)		
Công ty có công bố chính sách và các thực hành về:			
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE không có khách hàng cá nhân, chỉ có khách hàng doanh nghiệp. Các hợp đồng được giao kết trên cơ sở thỏa thuận.
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, quy trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	<input checked="" type="checkbox"/>	Tuân thủ theo quy định pháp luật có liên quan.
C.1.3	"Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững?"	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính, chuỗi giá trị không có ảnh hưởng đến môi trường.



Phân tích thể điểm Quản trị dựa trên thể điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng năm 2020	Đánh giá
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	<input checked="" type="checkbox"/>	Trong Báo cáo thường niên hàng năm, mục Báo cáo trách nhiệm môi trường và xã hội.
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE không có khoản vay, không có chủ nợ. Công nợ với khách hàng được thanh toán đầy đủ theo cam kết.
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	<input checked="" type="checkbox"/>	Được công bố trong Báo cáo thường niên của VINARE. Mục Báo cáo trách nhiệm môi trường và xã hội.
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thực hiện đầy đủ.
C.3	Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (C)		
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE có đầy đủ các quy chế quy định về các nội dung này:
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	<input checked="" type="checkbox"/>	1. Quy chế khen thưởng, phúc lợi; 2. Quy chế tuyển dụng, đào tạo;
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	<input checked="" type="checkbox"/>	3. Quy chế thi đua, khen thưởng; Đánh giá hiệu quả làm việc.
C.4	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc Tham chiếu nguyên tắc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ - Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (E)		
C.4.1	"Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được để cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên?"	<input checked="" type="checkbox"/>	Đang xây dựng.
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức?"	<input checked="" type="checkbox"/>	
D. Công bố thông tin và Minh bạch			
D.1	Cấu trúc sở hữu minh bạch - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V & ICGN 7.6		
D.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn?	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT?	<input checked="" type="checkbox"/>	Công bố trong Báo cáo thường niên.
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban điều hành?	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.1.5	"Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/(SPV)?"	<input checked="" type="checkbox"/>	
Báo cáo thường niên của công ty có công bố những nội dung sau (Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A)):			
	Mục tiêu của công ty	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.4	Chính sách cổ tức	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.1	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố trong Báo cáo thường niên.
D.2.5	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.6	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT	<input checked="" type="checkbox"/>	

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng năm 2020	Đánh giá
Tuyên bố Khẳng định về Quản trị Công ty (Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A)(B))			
D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố trong Báo cáo thường niên - Chương Quản trị công ty, mục Thực hiện các quy định về quản trị công ty.
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thực hiện.
D.4	Thành viên/ủy viên HĐQT giao dịch cổ phiếu - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A), ICGN 3.5, ICGN 5.5		
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của công ty thực hiện?	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố trong Báo cáo thường niên.
D.5	Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V		
Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán và phí kiểm toán			
D.5.1	Phí kiểm toán và phí kiểm toán có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thông tin đầy đủ đến HĐQT. VINARE không có dịch vụ phí kiểm toán.
D.5.2	Phí dịch vụ phí kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.6	Phương tiện truyền thông - Tham chiếu Nguyên tắc OECD VI (C), (E), (A) & ICGN 7.2, ICGN 7.3		
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây?			
D.6.1	Báo cáo quý	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.6.2	Trang thông tin điện tử của công ty	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thực hiện đầy đủ theo Quy chế CBTT.
D.7.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.7.2	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.7.3	"Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?"	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8	Trang thông tin điện tử của công ty - Tham chiếu Nguyên tắc OECD (2015) VI (A), (E) & ICGN 7.1, ICGN 7.2		
Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về:			
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quý gần nhất)	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8.2	"Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông"	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	<input checked="" type="checkbox"/>	Công bố đầy đủ trên website: www.vinare.com.vn
D.8.4	"Thông báo và tài liệu hợp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường"	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8.5	Biên bản họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.9	Quan hệ nhà đầu tư - Tham chiếu Nguyên tắc ICGN 7.1		
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (vd: số điện thoại, fax, và email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	<input checked="" type="checkbox"/>	Công bố đầy đủ trên website
E. Trách nhiệm của HĐQT			
E.1	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT		
Trách nhiệm của HĐQT và quy chế quản trị công ty được xác định rõ ràng (Nguyên tắc G20/OECD (2015) V, VI)			
E.1.1	Công ty có công bố quy chế quản trị công ty/điều lệ hoạt động của HĐQT?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 28 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT.
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	<input checked="" type="checkbox"/>	Phân công trách nhiệm giữa các thành viên HĐQT.



Phân tích thể điểm Quản trị dựa trên thể điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng năm 2020	Đánh giá
Tầm nhìn/sứ mệnh của công ty (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI & ICGN (2014) 1.2 & 4.1)			
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thực hiện đầy đủ
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	<input checked="" type="checkbox"/>	Thực hiện Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty.
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI)			
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	<input checked="" type="checkbox"/>	
Thành phần và cơ cấu của Hội đồng Quản trị (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E) & QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016))			
E.2.4	Thành viên HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên HĐQT?	<input type="checkbox"/>	Hiện chỉ có 1/8 thành viên độc lập.
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm ¹ đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập? ¹ Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thể Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 27 Điều lệ: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT.
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 26 Điều lệ: Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên HĐQT.
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	<input type="checkbox"/>	
Tiểu ban nhân sự (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (C) & (E))			
E.2.8	Công ty có Tiểu ban Nhân sự hay không?	<input checked="" type="checkbox"/>	Quy định về Tiểu ban Nhân sự, Thủ lao đã có đầy đủ trong Quy chế quản trị nội bộ.
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.10	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập?	<input type="checkbox"/>	
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?	<input checked="" type="checkbox"/>	Có 01 thành viên độc lập.
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm?	<input checked="" type="checkbox"/>	Họp định kỳ theo các cuộc họp của HĐQT.
Tiểu ban Thủ lao/Lương thưởng (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D) & (E))			
E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thủ lao không?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.14	Tiểu ban Thủ lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.15	"Chủ tịch của Tiểu ban Thủ lao có phải là thành viên HĐQT độc lập?"	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Thủ lao?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thủ lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thủ lao có họp tối thiểu hai lần trong năm?	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiểu ban Kiểm toán (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E) & QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016))			
E.2.18	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	<input checked="" type="checkbox"/>	Chuẩn bị thành lập Tiểu ban Kiểm toán theo Nghị định 05.
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm?	<input checked="" type="checkbox"/>	

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng năm 2020	Đánh giá
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	
Họp và tham dự họp HĐQT (Nguyên tắc Ngân hàng Thế Giới 6 & nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E))			
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã báo cáo tại:
E.3.2	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.4	"Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?"	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	<input type="checkbox"/>	
Tiếp cận thông tin (Nguyên tắc Ngân hàng Thế Giới 6 & nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (F))			
E.3.6	Vấn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?	<input checked="" type="checkbox"/>	Có thực hiện đầy đủ.
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	<input checked="" type="checkbox"/>	
Bổ nhiệm và tái cử thành viên HĐQT (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (C) & ICGN: 3.6 & Nguyên tắc Ngân hàng Thế Giới 6)			
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới?	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 26 Điều lệ: Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên HĐQT.
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm ² một lần? ² Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thể Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 27 Điều lệ: Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT.
Các vấn đề thù lao (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D) & ICGN: 6.1 & Quy định của Anh (2016) & Quy định của ASX (2016))			
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGD?	<input type="checkbox"/>	Đã công bố đầy đủ trong Báo cáo thường niên.
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deferred bonus)?	<input type="checkbox"/>	
Kiểm toán Nội bộ (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D) & Nguyên tắc Ngân hàng Thế Giới 6) & Quy định của ASX (2016))			
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?	<input type="checkbox"/>	Đang chuẩn bị thành lập Kiểm toán Nội bộ.
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	<input checked="" type="checkbox"/>	
Giám sát rủi ro (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (A), (D) & Quy định của Anh (2016))			
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố trong Báo cáo thường niên.
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.22	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	
Chủ tịch HĐQT (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E), (D) & ICGN: (2014))			



Phân tích thể điểm Quản trị dựa trên thể điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng năm 2020	Đánh giá
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGD?	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 29 Điều lệ: Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT.
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	<input type="checkbox"/>	
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	<input type="checkbox"/>	
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của chủ tịch có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 29 Điều lệ: Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT.
Trưởng thành viên HĐQT độc lập (King Code 2009 & ICGN (2014))			
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	<input type="checkbox"/>	
Kỹ năng và năng lực (ICGN (2014))			
E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	<input checked="" type="checkbox"/>	Có 3 thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm và chuyên môn BH/TBH.
Phát triển thành viên HĐQT (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E))			
E.5.1	"Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?"	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	<input checked="" type="checkbox"/>	Có đầy đủ.
Bổ nhiệm và Hiệu quả của TGD/Ban điều hành (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D))			
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	<input checked="" type="checkbox"/>	Có quy chế quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá.
Đánh giá thành viên HĐQT (Nguyên tắc OECD (2015) (D) & OECD VI (E))			
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	<input checked="" type="checkbox"/>	
Đánh giá thành viên HĐQT (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D) & OECD VI (E))			
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	<input checked="" type="checkbox"/>	
Đánh giá tiểu ban (Quy tắc của Anh (2016))			
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	<input checked="" type="checkbox"/>	
CÂU HỎI CẤP 2			
CÂU HỎI THƯỜNG			
(B)A. Quyền của cổ đông (Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C))			
(B)A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại đại hội cổ đông?	<input checked="" type="checkbox"/>	Cho phép đại diện được ủy quyền biểu quyết hoặc bằng phương thức điện tử (nếu có).
(B)B. Đối xử công bằng với cổ đông (Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C), OECD III (A), ICGN 8.3.2, ICGN 8.4.1 & CLSA-ACGA (2010) Theo dõi QTCT 2010 - Phụ lục 2)			
(B)B.1 Thông báo ĐHĐCĐ			
(B)B.1.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(B)C. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan (Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV)			
(B)C.1 Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng			
(B)C.1.1	Công ty có thực hiện khuôn khổ báo cáo được quốc tế công nhận về phát triển bền vững (nghĩa là GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB) không?	<input checked="" type="checkbox"/>	

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng năm 2020	Đánh giá
(B)D. Công bố thông tin và minh bạch (Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A), Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (E), ICGN 7.2, ICGN 7.3)			
(B)D.1 Chất lượng báo cáo thường niên			
(B)D.1.1	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính? (Thực hiện theo quy định về CBTT)	<input checked="" type="checkbox"/>	Việc công bố báo cáo tài chính thực hiện theo quy định CBTT
(B)D.1.2	Công ty có công bố chi tiết về thù lao của TGD?	<input checked="" type="checkbox"/>	Trong báo cáo thường niên.
(B)E.1 Năng lực và sự Đa dạng của HĐQT (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E))			
(B)E.1.1	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập là nữ?	<input type="checkbox"/>	
(B)E.1.2	Công ty có công bố chính sách và các mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được?	<input type="checkbox"/>	
(B)E.2 Cấu trúc HĐQT (ICGN 2.4.4 & Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D))			
(B)E.2.1	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT độc lập?	<input type="checkbox"/>	
(B)E.2.2	Tiểu ban Nhân sự có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(B)E.3 Bổ nhiệm và tái cử HĐQT (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D) & Nguyên tắc Ngân hàng Thế giới 6)			
(B)E.3.1	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài (như cơ sở dữ liệu thành viên HĐQT do các viện thành viên HĐQT hay hiệp hội cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng cử viên cho thành viên HĐQT?	<input checked="" type="checkbox"/>	Có phối hợp với VIOD.
(B)E.4 Cơ cấu & Thành phần HĐQT (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E))			
(B)E.4.1	Công ty có số thành viên HĐQT độc lập không điều hành chiếm trên 50% số thành viên HĐQT với chủ tịch là thành viên độc lập?	<input type="checkbox"/>	
(B)E.5 Quản lý rủi ro (King Code 2009)			
(B)E.5.1	HĐQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm họa, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và báo cáo cho hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	Báo cáo quản lý rủi ro.
(B)E.6 Hiệu quả hoạt động của HĐQT (ICGN 5.5)			
(B)E.6.1	Công ty có Tiểu ban quản lý Rủi ro riêng biệt?	<input type="checkbox"/>	
CÂU HỎI PHẠT			
(P)A. Quyền của cổ đông			
(P)A.1 Quyền cơ bản của cổ đông			
(P)A.2 Cổ đông, bao gồm cả cổ đông tổ chức, phải được trao đổi với nhau về các vấn đề liên quan tới quyền cơ bản của cổ đông như nêu trong bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty này, trừ trường hợp ngoại lệ nhằm ngăn ngừa lạm dụng. (Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (G))			
(P)A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác?	<input type="checkbox"/>	
(P)A.3 Quyền tham gia hiệu quả vào và biểu quyết trong đại hội đồng cổ đông và được thông báo về các quy định, bao gồm thủ tục biểu quyết diễn ra trong đại hội đồng cổ đông. (Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) & ICGN 2.4.2)			
(P)A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường?	<input type="checkbox"/>	
(P)A.3.2	Chủ tịch HĐQT, chủ tịch tiểu ban kiểm toán và tổng giám đốc/giám đốc có tham dự ĐHĐCĐ mới nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)A.4 Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai. (Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (D))			
Công ty không công bố sự tồn tại của:			
(P)A.4.1	Thỏa thuận cổ đông?	<input type="checkbox"/>	
(P)A.4.2	Giới hạn biểu quyết?	<input type="checkbox"/>	
(P)A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	<input type="checkbox"/>	



Phân tích thể điểm Quản trị dựa trên thể điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng năm 2020	Đánh giá
(P)A.5	Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai. (Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (D))		
(P)A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu chéo có tồn tại không?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)B.	Đối xử công bằng với cổ đông		
(P)B.1	Cản ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân.		
(P)B.2	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước hành vi lạm dụng (Nguyên tắc G20/OECD (2015) III (B), ICGN 2.11.1, ICGN 2.11.2, ICGN 8.5)		
(P)B.2.1	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trong ba năm trước không?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)B.2.2	Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp lý trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải là công ty con?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)C.	Vai trò của Các bên có quyền lợi liên quan		
(P)C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng.		
(P)C.2	Khi các bên có quyền lợi liên quan tham gia vào quá trình quản trị công ty, họ phải được tiếp cận với thông tin phù hợp, đầy đủ và đáng tin cậy một cách kịp thời và thường xuyên. (Nguyên tắc G20/OECD (2015) (IV))		
(P)C.2.1	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)D.	Công bố thông tin và minh bạch		
(P)D.1	Hình phạt của cơ quan quản lý liên quan đến báo cáo tài chính (Nguyên tắc G20/OECD (2015) (V) & ICGN 6.2)		
(P)D.1.1	Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)D.1.2	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)D.1.3	Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)D.1.4	Công ty có sửa đổi Báo cáo Tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.	Trách nhiệm của HĐQT		
(P)E.1	Tuân thủ quy định, quy tắc và luật hiện hành về niêm yết (Quy định của Anh)		
(P)E.1.1	Có trường hợp nào mà thành viên HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.2	Cấu trúc HĐQT (ICGN 3.3, ICGN 2.5 & Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E))		
(P)E.2.1	Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hay hai nhiệm kỳ 5 năm ¹ (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách? <small>¹ Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thể Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011</small>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.2.2	Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên HĐQT độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.2.3	Công ty có bất kỳ thành viên HĐQT độc lập nào giữ vai trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 HĐQT của các công ty đại chúng?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.3	Kiểm toán Độc lập (Nguyên tắc G20/OECD (2015) (V))		
(P)E.3.1	(Trong hai năm trước) Có thành viên HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.4	Thành phần và cơ cấu HĐQT (Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E), Quy định của Anh & Quy định của ASX)		
(P)E.4.1	Chủ tịch HĐQT có phải là TGD của công ty trong 3 năm qua không?	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.4.2	Các thành viên độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không?	<input checked="" type="checkbox"/>	



Hệ thống kiểm soát nội bộ

Bộ phận Kiểm tra Kiểm soát Nội bộ là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức của Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) có chức năng: tổ chức tự kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của VINARE; tổng hợp, rà soát, đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và kiến nghị xử lý những tồn tại, sai phạm trong mọi hoạt động nghiệp vụ của VINARE.



KIỂM TRA

- Xây dựng quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ và thực hiện các quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ sau khi đã được Tổng giám đốc phê duyệt.
- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của VINARE.
- Hướng dẫn các ban, chi nhánh, bộ phận trực thuộc tự kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra để tổng hợp báo cáo Tổng giám đốc.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, kiểm soát nội bộ (định kỳ hoặc đột xuất) và tổ chức các nội dung được Tổng giám đốc phê duyệt.
- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị đối với các ban, chi nhánh, bộ phận trực thuộc được kiểm tra.
- Tổng hợp, báo cáo và tổng kết rút kinh nghiệm kết quả của công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; lưu trữ hồ sơ và tài liệu theo quy định của pháp luật và quy chế, quy định của VINARE.
- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Tổng giám đốc.

RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ

- Rà soát, đánh giá việc áp dụng, tính hiệu lực và hiệu quả của các quy trình, phương pháp đo lường và quản trị rủi ro của VINARE.
- Tổ chức đánh giá về hệ thống thông tin quản lý, thông tin tài chính, tính đầy đủ khách quan, mức đầy đủ chính xác của hệ thống kế toán, thống kê.
- Rà soát, đánh giá cơ chế đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động nghiệp vụ của VINARE về trích lập dự phòng nghiệp vụ, hoạt động đầu tư, kiểm soát khả năng thanh toán cũng như các quy định, quy trình nghiệp vụ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

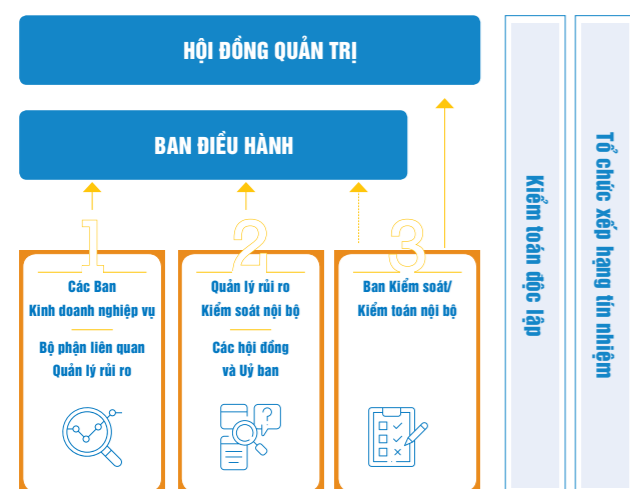
QUYỀN HẠN

- Được quyền yêu cầu các ban, chi nhánh, bộ phận trực thuộc liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra.
- Được quyền yêu cầu các ban, chi nhánh, bộ phận trực thuộc và cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu, chứng từ sổ sách phục vụ cho công tác kiểm tra, kiểm soát. Các bộ phận và cá nhân được yêu cầu cung cấp tài liệu phải chịu trách nhiệm về sự đúng đắn, tính trung thực, chính xác của tài liệu, số liệu, chứng từ sổ sách, thông tin đã cung cấp.
- Có quyền đề xuất Tổng giám đốc trung tập nhân sự cần thiết tại các ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc để thực hiện một số nhiệm vụ thuộc chứng năng nhiệm vụ của BPKTKSNB.
- Chủ động làm việc với Lãnh đạo các ban, chi nhánh, bộ phận trực thuộc và cá nhân có liên quan để nắm tình hình, số liệu phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát.
- Đề xuất Tổng giám đốc phê chuẩn kế hoạch kiểm tra, kiểm soát.
- Trong quá trình kiểm tra, kiểm soát nếu phát hiện tập thể hoặc cá nhân có sáng kiến trong kinh doanh hoặc hành vi vi phạm pháp luật thì đề xuất Tổng giám đốc khen thưởng hoặc chế tài theo đúng quy định của quy chế khen thưởng và quy định pháp luật để ra.
- Chủ động đề xuất với Tổng giám đốc về những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của BPKTKSNB và những vấn đề có liên quan hoạt động chung của VINARE, đưa ra các kiến nghị với các đơn vị khác; được tạo điều kiện đáp ứng đủ nguồn lực cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Với đặc thù của ngành bảo hiểm là kinh doanh rủi ro, việc xây dựng quy trình đánh giá và nhận/nhượng rủi ro một cách chặt chẽ, có kiểm soát là yếu tố tiên quyết để đảm bảo an toàn vốn, gia tăng giá trị đầu tư cho cổ đông. VINARE đã thực hiện quản lý rủi ro một cách có hệ thống, triển khai toàn diện đối với các ban/bộ phận để nhận diện các rủi ro có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp, từ đó đưa ra biện pháp xử lý phù hợp.

Công tác quản lý rủi ro của VINARE được thực hiện trên nguyên tắc là tất cả các bộ phận trong hệ thống đều phải tham gia vào quá trình quản lý rủi ro để đảm bảo mọi rủi ro trong quá trình kinh doanh của công ty được nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu.



Quy trình Quản lý rủi ro được thực hiện định kỳ. Ban Quản lý rủi ro của Tổng công ty thực hiện việc khảo sát/rà soát, trao đổi với tất cả các Ban kinh doanh nghiệp vụ/Bộ phận liên quan thông qua mẫu báo cáo RCSA (Risk Control Self Assessment) để nhận diện/cập nhật các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Các Ủy ban, Hội đồng cũng tham gia vào quá trình nhận diện rủi ro thông qua các động hỗ trợ cho Ban Điều hành. Các rủi ro sau khi được nhận diện sẽ được thảo luận đa chiều (giữa các Ban kinh doanh, Ban quản lý rủi ro, Ban Điều hành) về giải pháp đang thực hiện và mức tác động của các rủi ro đó. Báo cáo rủi ro được lập 6 tháng/1 lần để tổng hợp thông tin, làm cơ sở để theo dõi, đánh giá hiệu quả của các giải pháp đang áp dụng.

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO CHÍNH TRONG KỲ BÁO CÁO

- Phối hợp với các Ban Nghiệp vụ, Ban Quản trị nghiệp vụ & bồi thường rà soát, đốc thúc khách hàng phát sinh phí các dịch vụ tạm thời và dịch vụ thuộc hợp đồng cố định chưa thu đủ phí;**
- Đánh giá, phân tích vấn đề tích tụ rủi ro trong khai thác đối với Nghiệp vụ Kỹ thuật trên cơ sở cơ cấu nhận nhượng 2020; đề xuất giải pháp hạn chế để phối hợp cùng Ban BCA và Ban Kỹ thuật cùng thực hiện;**
- Tính toán dự phòng nghiệp vụ quý 4/2019, quý 1/2/3 năm 2020;**
- Sử dụng dịch vụ Actuary để có đánh giá độc lập các kết quả tính toán dự phòng nghiệp vụ trong 3 quý đầu năm 2020;**
- Đăng ký nhân sự nội bộ là chuyên gia tính toán dự phòng từ quý 4/2020;**
- Thực hiện các nội dung liên quan đến QLRR trong kỳ họp Management Meeting với A.M. Best: Chạy mô hình đánh giá rủi ro vốn (nghiệp vụ, đầu tư);**
- Tính toán dự phòng nghiệp vụ theo phương pháp Actuary để đánh giá tính đầy đủ trong trích lập dự phòng nghiệp vụ hiện tại;**
- Tiếp tục thực hiện chương trình quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM);**
- Kết hợp nghiệp vụ Tài sản, Kỹ thuật đánh giá dịch vụ nhận tái bảo hiểm (ngành nghề năng lượng mới).**

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên HĐQT: theo kết quả chốt danh sách cổ đông ngày 28/6/2019

TT	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu (30/6/2020)		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu (28/6/2019)		
	Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân	
Thành viên Hội đồng Quản trị					
1	Lê Song Lai (Miễn nhiệm từ ngày 11/6/2020)	15,26%	0,026%	15,26%	0,026%
2	Nguyễn Anh Tuấn (Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ 2020-2024 từ ngày 11/6/2020 và Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/7/2020)	28,23%	0%	0%	0%
3	Phạm Công Tú (Thôi giữ chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 27/10/2020)	12,97%	0,212%	12,97%	0,212%
4	Mai Xuân Dũng (Bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 17/11/2021)	12,13%	0,029%	12,13%	0,029%
5	Nguyễn Xuân Việt	9,18%	0%	9,18%	0%
6	Đào Nam Hải	2,50%	0%	2,50%	0%
7	Phạm Sỹ Danh (Miễn nhiệm từ ngày 11/6/2020)	0%	0%	0%	0%
8	Nguyễn Đình An	8,01%	0%	8,01%	0%
9	Vũ Anh Tuấn	6,43%	0%	6,43%	0%
10	Phạm Phan Dũng (Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ 2020-2024 từ ngày 11/6/2020)	0%	0%	0%	0%
11	Jared Orchard (Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ 2020-2024 từ ngày 11/6/2020)	0%	0%	0%	0%
Thành viên Ban Kiểm soát					
1	Trần Trung Tính	0,82%	0%	0,82%	0%
2	Lê Thị Thanh Hiền	0%	0%	0%	0%
3	Trần Phan Việt Hải	0%	0,003%	0%	0,003%
4	Vũ Ngọc Vượng	0%	0%	0%	0%
5	Đào Mạnh Dương (Bầu Thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ ngày 11/6/2020)	0%	0,045%	0%	0%
6	Tushar Chatterjee (Bầu Thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ ngày 11/6/2020)	0%	0%	0%	0%

Chú ý:
 Ông Phạm Công Tú: Thôi ủy quyền làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại VINARE từ ngày 28/10/2020.
 Ủy quyền có thời hạn làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại VINARE từ ngày 28/10/2020 đối với các ông:
 • Ông Nguyễn Anh Tuấn: số cổ phần làm đại diện 37.000.000 cổ phần (28,23%).
 • Ông Mai Xuân Dũng: số cổ phần làm đại diện 15.906.035 cổ phần (12,13%).



TÁI ĐẦU TƯ TRỞ LẠI NỀN KINH TẾ
NĂM 2020 (TỶ VND)

3.849

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(TỶ VND)

78,9

Kết nối VỮNG BỀN

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

8 xu hướng bền vững năm 2021	108
Tổng quan về báo cáo	110
Tổng quan về VINARE & hoạt động phát triển bền vững	112
Chiến lược phát triển bền vững	120
Quản trị phát triển bền vững	126
Sự tham gia của các bên liên quan	136
Các vấn đề trọng yếu	142
Các tiêu chuẩn về Kinh tế	145
Các tiêu chuẩn về Môi trường	152
Các tiêu chuẩn về Xã hội	155
Thực hiện trách nhiệm Xã hội	163



8 xu hướng Bền vững năm 2021

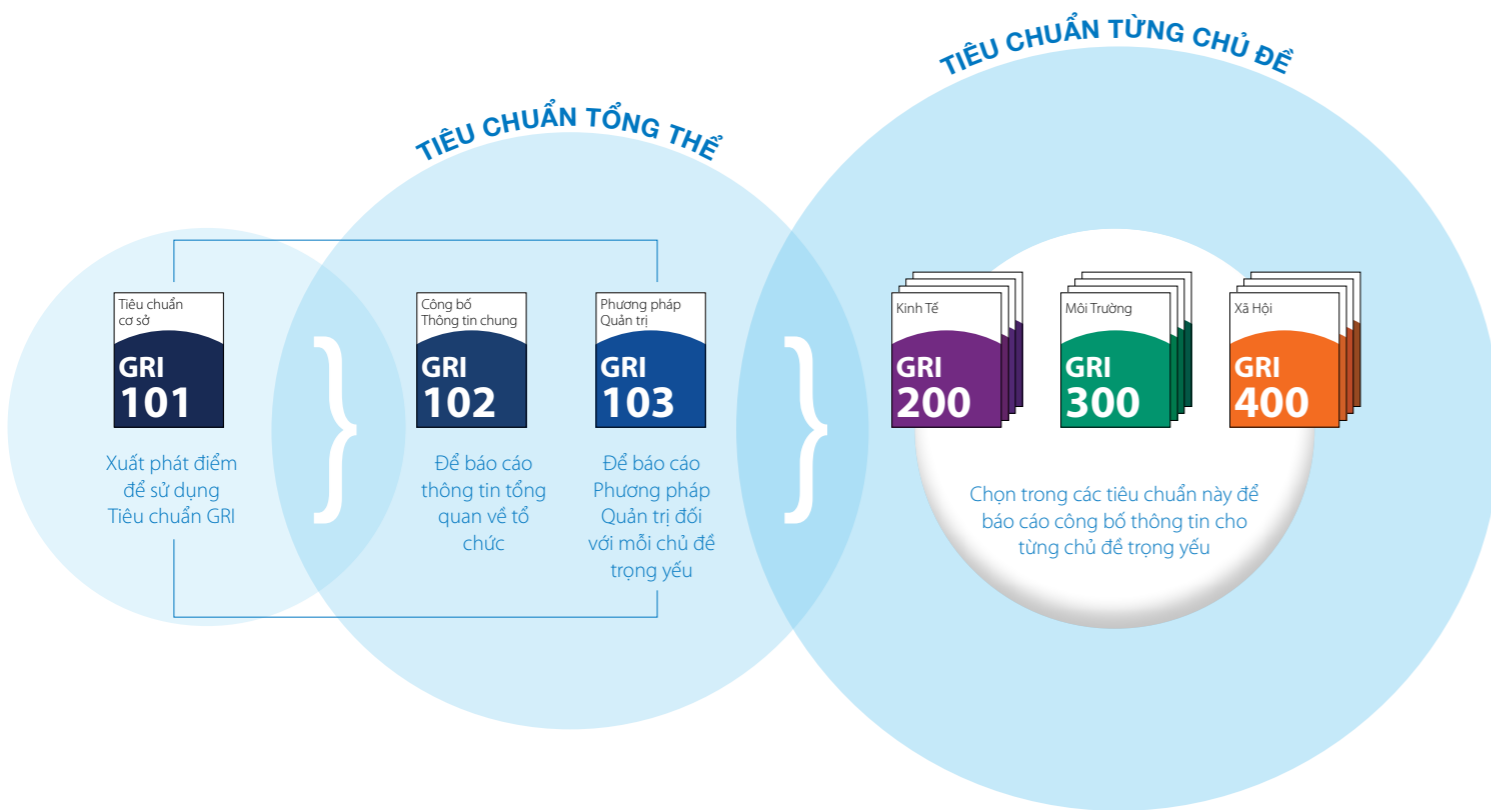
COVID-19 ĐÃ ĐẨY NHANH MỘT SỐ XU HƯỚNG BỀN VỮNG TRONG NĂM 2021

Đại dịch COVID-19 đã khiến thế giới lao đao trong năm vừa qua, nhưng đồng thời đã đẩy nhanh một số xu hướng bền vững như sự dịch chuyển mạnh mẽ sang các dạng năng lượng carbon thấp hay sự trỗi dậy của xu hướng làm việc từ xa. Khi càng nhiều quốc gia triển khai vaccine COVID-19 trên diện rộng, năm 2021 sẽ mang đến những điều gì? Những tác động nào của COVID-19 chỉ có tính ngắn hạn và những tác động nào sẽ vẫn còn dai dẳng? Sau đây là 8 xu hướng bền vững trong năm 2021.

- 1 XU HƯỚNG TẮY CHAY CÁC KHOẢN CHO VAY LIÊN QUAN ĐẾN NHIÊN LIỆU HÓA THẠCH
- 2 BIG OIL NHƯỜNG SÂN CHƠI CHO BIG TECH
- 3 SỰ TRỖI DẬY CỦA “LAO ĐỘNG XANH” TRONG NỀN KINH TẾ HẬU COVID-19
- 4 XANH HÓA SÁNG KIẾN “MỘT VÀNH ĐAI, MỘT CON ĐƯỜNG”
- 5 LÀM VIỆC TẠI NHÀ LÊN NGÔI
- 6 LÀN SÓNG DU LỊCH XANH
- 7 THỜI CỦA Y TẾ BỀN VỮNG
- 8 CƠN SỐT SĂN TÌM NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguồn <https://nhipcaudautu.vn/kinh-te-xanh/8-xu-huong-ben-vung-2021-3339324/>





THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO

Báo cáo ghi lại những hoạt động quan trọng của VINARE liên quan đến các vấn đề về bền vững trong năm 2020. Cách tiếp cận với các vấn đề bền vững của VINARE xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của doanh nghiệp kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

Nội dung phát triển bền vững được VINARE chia sẻ tích cực và chủ động với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này tiếp tục được chúng tôi đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong Báo cáo phát triển bền vững 2020.

PHẠM VI BÁO CÁO

- Bao gồm các chỉ số hoạt động của toàn VINARE.

GIỚI ĐOẠN BÁO CÁO

- 1/1/2020 - 31/12/2020

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Báo cáo được xây dựng theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững mới nhất - GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI). Báo cáo bao gồm các lĩnh vực, chỉ số hoạt động được chia ra theo các chỉ tiêu dành cho ngành tài chính GRI G4 (FS) và các chỉ tiêu công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung (GRI 100). Đồng thời, bổ sung thêm các nội dung chi tiết về 3 tiêu chuẩn: Kinh tế (GRI 200), Môi trường (GRI 300) và Xã hội (GRI 400).



LIÊN HỆ



Bà Nguyễn Thị Minh Châu

Để gửi các câu hỏi, các khuyến nghị liên quan đến hoạt động phát triển bền vững của VINARE cũng như nội dung của báo cáo, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo thông tin như sau:

- Người được ủy quyền công bố thông tin
- Giám đốc Ban Nhân sự Tổng hợp VINARE
- Điện thoại: +024-3942-2354
- Địa chỉ: Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ý kiến của các anh/chị sẽ giúp VINARE đưa ra các quyết sách phù hợp nhằm hiện thực hóa sứ mệnh phát triển bền vững của mình.

TỔNG QUAN VỀ VINARE & HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TỔNG QUAN VỀ VINARE

Phần nội dung này được chia sẻ cụ thể trong phần 2 giới thiệu thông tin chung về VINARE

TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINARE

Với chiến lược trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam và Khu vực, nhà đầu tư chuyên nghiệp, trong 26 năm qua, VINARE nhận thức rõ vai trò không chỉ là cung cấp cho khách hàng các dịch vụ gia tăng giá trị, tập trung khả năng sinh lời và tối ưu hóa lợi tức, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông, mà còn là doanh nghiệp tham gia trong các vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng.

Trong đó, mục tiêu tăng trưởng kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của VINARE vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm thực hiện sứ mệnh bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.

Chúng tôi nhận thức được rằng cùng với việc đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo lợi ích của xã hội và cộng đồng, bảo vệ môi trường thì “Quản trị doanh nghiệp” và “Phát triển nguồn nhân lực” cũng là hai yếu tố quan trọng, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của VINARE. Chính vì vậy, VINARE sẽ ưu tiên gắn kết 2 yếu tố này trong mô hình phát triển bền vững trung và dài hạn.

Nội dung phát triển bền vững được VINARE chia sẻ tích cực và chủ động với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này tiếp tục được chúng tôi đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong phần Báo cáo Phát triển bền vững tại Báo cáo thường niên 2020.

Báo cáo phát triển bền vững của VINARE ghi lại những hoạt động quan trọng của VINARE liên quan đến các vấn đề về phát triển bền vững trong năm 2020. Cách tiếp cận với các vấn đề phát triển bền vững của VINARE xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của doanh nghiệp kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

Tại Báo cáo thường niên 2020, VINARE đã tích hợp việc trình bày các nội dung về phát triển bền vững xuyên suốt từ định hướng chiến lược đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 đến các hoạt động kinh doanh hàng ngày tại VINARE và các đơn vị thành viên. Nội dung phát triển bền vững được VINARE được lập theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững mới nhất - GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI).

CÁC ẢNH HƯỞNG TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỚI VINARE

Trong xu hướng phát triển bền vững, VINARE nhìn nhận một số rủi ro và thách thức có thể tác động tới hoạt động của VINARE. Các thách thức và rủi ro này được đánh giá theo mức độ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của VINARE và lợi ích của các bên liên quan.

THÁCH THỨC từ biến đổi khí hậu



Biến đổi khí hậu là một thách thức lớn, tác động lớn đến sản xuất, đời sống và môi trường. Nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng gây ngập lụt, nhiễm mặn nguồn nước, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội. Biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ làm thay đổi toàn diện, sâu sắc quá trình phát triển và an ninh toàn cầu, đòi hỏi mỗi quốc gia, lãnh thổ và từng địa phương phải có phương án ứng phó.

Theo báo cáo của Liên hợp quốc, nguyên nhân của hiện tượng biến đổi khí hậu 90% là do con người gây ra, 10% là do tự nhiên. Những tác động từ biến đổi khí hậu đã khiến nhiệt độ toàn cầu tăng 2-5°C trong thế kỷ 21 kèm theo hậu quả tiêu cực cho con người và môi trường.

Hội nghị COP21 về phòng chống biến đổi khí hậu diễn ra tại Paris vừa qua với sự tham gia của 196 quốc gia. Việt Nam - một trong những nước sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu - đã cam kết cắt giảm 8% lượng khí thải nhà kính vào năm 2030.

Theo thống kê rủi ro lâu dài do biến đổi khí hậu, Việt Nam đứng thứ 5 trên toàn cầu về thiệt hại do biến đổi khí hậu và thiên tai gây ra. Trung bình mỗi năm có hàng trăm người thương vong và thiệt hại kinh tế do biến đổi khí hậu gây ra khoảng 1,9 tỷ USD tương đương 1,3% GDP. Những thiệt hại của biến đổi khí hậu đối với nền kinh tế của quốc gia gây ra rủi ro cho hoạt động kinh doanh của VINARE xét ở khía cạnh thu nhập của người dân giảm và các ưu tiên dành cho bảo hiểm có thể được thay thế cho những nguy cơ khác cấp bách hơn của khách hàng nhằm phục vụ cho các mục tiêu ngắn hạn.

VIỆT NAM đứng thứ 5 trên toàn cầu về thiệt hại do BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



CÁC ẢNH HƯỞNG TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỚI VINARE

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

gây ngập úng và xâm nhập mặn, gây rủi ro cho bảo hiểm nông nghiệp và thủy sản

Lượng mưa tăng lên cùng với mực nước biển dâng gây ra hiện tượng ngập úng và xâm nhập mặn tại các vùng, đặc biệt là các vùng như Đồng bằng Sông Cửu Long. Việc này ảnh hưởng đến canh tác nông nghiệp của người nông dân khi cây trồng ngập úng; sản lượng từ nuôi trồng thủy sản bị giảm sút do nhiễm mặn... Những thiệt hại này là nguy cơ lớn ảnh hưởng đến bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm thủy sản của VINARE.



THIÊN TAI LŨ LỤT

gia tăng

Thiên tai lũ lụt với những cơn bão mạnh hơn nhiều lần gây ra thiệt hại tài sản và con người, điển hình là trận lũ lịch sử tại miền Trung trong năm 2020 vừa qua gây ra nhiều tổn thất cho các nghiệp vụ bảo hiểm Tài sản và Kỹ thuật, làm tăng chi phí bồi thường.



“ NĂM 2020, MỘT SỐ ĐỢT NẮNG NÓNG GAY GẮT VỚI NỀN NHIỆT CAO KỶ LỤC VÀ CÁC ĐỢT GIÁ RÉT KÉO DÀI Ở BẮC BỘ ĐẾN NAM TRUNG BỘ KHIẾN HƠN 160.000 HA DIỆN TÍCH HOA MÀU, RAU MÀU BỊ THIẾT HẠI, HƠN 150.000 HA DIỆN TÍCH RỪNG HIỆN CÓ BỊ ẢNH HƯỞNG VÀ HƠN 48.000 GIA SÚC, GIA CẦM BỊ CHẾT.

HẠN HẠN & GIÁ RÉT

kéo dài làm thiệt hại cây trồng vật nuôi, gia tăng nguy cơ cháy nổ

Hạn hán kéo dài làm gia tăng các nguy cơ cháy rừng, cháy nổ các nhà máy. Đây cũng là rủi ro cho bảo hiểm Tài sản và bảo hiểm Nông nghiệp.

Theo kịch bản biến đổi khí hậu vào cuối thế kỷ này (năm 2100), nhiệt độ trung bình của nước ta sẽ tăng 2-3° C, sẽ có 10% dân số của Việt Nam chịu tác động trực tiếp từ biến đổi khí hậu, thiệt hại hàng năm ước tính khoảng 9% GDP.

Chính vì vậy, việc thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu. Biến đổi khí hậu đã là thách thức thực sự nhưng đây cũng có thể là cơ hội nếu biết khai thác, tận dụng. Nắm bắt vấn đề này, ngay từ năm 2011, Việt Nam đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu. Đây là cơ hội để mở ra việc thúc đẩy hợp tác toàn cầu, đa phương, song phương, qua đó tiếp cận, hình thành các cơ chế mới để tiếp nhận hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển.

Để làm được điều này cần sự quyết tâm của Chính phủ, sự hỗ trợ của quốc tế và đặc biệt là sự chung tay của cộng đồng doanh nghiệp trong việc đẩy mạnh sử dụng nguồn năng lượng xanh, thay thế cho nhiên liệu hóa thạch. VINARE nhìn nhận trách nhiệm của mình trong việc chung tay giải quyết các thách thức góp phần giảm nhẹ thiệt hại và hậu quả của biến đổi khí hậu.





PHÂN TÍCH CÁC TÁC ĐỘNG CỦA VINARE LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ

Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung.
Góp phần phát triển kinh tế địa phương.
Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước.

ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CHUNG

Là doanh nghiệp tiên phong khai mở thị trường tái bảo hiểm, đến nay VINARE trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam, nhà đầu tư chuyên nghiệp. Trong 26 năm qua, VINARE đã phát huy vai trò là bà đỡ của thị trường bảo hiểm, trung tâm trao đổi dịch vụ của thị trường, cung cấp giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành bảo hiểm Việt Nam.

VINARE cung cấp dịch vụ tái bảo hiểm, góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, đầu tư vốn nhàn rỗi trở lại cho nền kinh tế, cùng các doanh nghiệp bảo hiểm bảo vệ cho các rủi ro của doanh nghiệp trong nền kinh tế, góp phần nhanh chóng phục hồi và ổn định hoạt động kinh tế khi bị gián đoạn và đóng góp cho ngân sách.

TIÊN PHONG TRIỂN KHAI CÁC CHỦ TRƯỞNG CỦA NHÀ NƯỚC

Nắm giữ vị thế chính trị quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước, VINARE luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm theo chủ trương của Nhà nước như chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm khai thác thủy sản, bảo hiểm thiên tai,..



TÁC ĐỘNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

Tạo công ăn việc làm..
Chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của khách hàng.
Chung tay vì một cộng đồng phát triển.

CHUNG TAY VÌ MỘT CỘNG ĐỒNG PHÁT TRIỂN

VINARE cũng ưu tiên thực hiện mục tiêu phát triển cộng đồng vì một cộng đồng phát triển lành mạnh, an toàn và giàu có là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính như VINARE có thể phát triển và phục vụ lâu dài.

Với mong muốn đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng, VINARE cũng thực hiện đầu tư vào các dự án vì cộng đồng. Với VINARE, thực hiện các hoạt động vì cộng đồng là đầu tư dài hạn cho doanh nghiệp. Chúng tôi thay mặt cho các cổ đông, thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho chính VINARE thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án cộng đồng mang lại cho người dân địa phương và mức độ ảnh hưởng của VINARE tại địa phương đó.



TÁC ĐỘNG TỚI MÔI TRƯỜNG

Giảm thiểu tác động từ xả thải và tiêu thụ năng lượng.
Xanh hóa hoạt động kinh doanh.
Lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường.

CHUNG TAY VÌ MỘT HÀNH TINH XANH

VINARE tích cực hưởng ứng các hành động nhằm giảm thiểu tác hại tới môi trường của ngành bảo hiểm, điển hình là việc dùng hồ trợ tái bảo hiểm đối với các rủi ro điện than.

Với 90% danh mục đầu tư cổ phần, vốn góp của VINARE tập trung vào các ngành kinh doanh cốt lõi là tái bảo hiểm và đầu tư - những ngành nghề hoàn toàn thân thiện với môi trường. Chính vì vậy, các tác động đến môi trường của VINARE chủ yếu thông qua hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại trụ sở và ý thức bảo vệ môi trường.

Nhằm giảm thiểu tác động này, VINARE đã xây dựng đề án bảo vệ môi trường tại các trụ sở văn phòng của VINARE. Đề án này bao gồm các phân tích nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường tại tòa nhà văn phòng làm việc của VINARE và các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm.



NẮM BẮT CƠ HỘI TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông tin từ cuộc họp của Ủy ban Phát triển kinh doanh và Bền vững (BSDC) cho biết các mô hình kinh doanh bền vững có thể mở ra các cơ hội kinh tế trị giá lên tới 12 nghìn tỷ đô la Mỹ trong giai đoạn từ nay đến năm 2030.

Các mục tiêu Phát triển Bền vững hay các Mục tiêu Toàn cầu chính là trọng tâm của chiến lược kinh tế thế giới giai đoạn này và có thể mở ra sự thay đổi lớn về tăng trưởng và năng suất, với sự bùng nổ đầu tư vào cơ sở hạ tầng bền vững. Tuy nhiên, điều này sẽ không xảy ra nếu không có thay đổi cơ bản trong cộng đồng doanh nghiệp.

VINARE nhận thức rõ và hiện thực hóa Chiến lược Phát triển bền vững bằng các hành động cụ thể trong việc ra quyết định kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả về kinh tế, bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm sự bình an và phát triển cộng đồng trên cơ sở nắm bắt các xu hướng quốc tế về phát triển bền vững và đón đầu các cơ hội trên thị trường.

VINARE hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng tôi từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này. Và để làm được, chúng tôi cũng cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm bù đắp lại những thiếu hụt về nguồn lực tài nguyên mà con người đã khai thác quá mức trong quá khứ và trong hiện tại.



17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG của Liên Hợp quốc cho giai đoạn 2020 - 2030



NỀN KINH TẾ TUẦN HOÀN giúp phát triển bền vững



Trước những thách thức về sự cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường, khái niệm về một nền kinh tế mới, nền kinh tế tuần hoàn đang nhận được sự quan tâm và ủng hộ của nhiều tổ chức, chính phủ trên toàn cầu. Đây là mô hình phát triển nền kinh tế lấy tái sử dụng nguồn nguyên liệu, giảm tiêu hao nguyên liệu, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm tối đa ảnh hưởng tới môi trường làm trọng tâm.



Nền kinh tế tuần hoàn vẫn là một khái niệm, cách tiếp cận rất mới ở Việt Nam. Thông qua một chu trình sản xuất khép kín, các chất thải được quay trở lại, trở thành nguyên liệu cho sản xuất, từ đó giảm mọi tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe con người. Để làm được điều này đòi hỏi phải giải quyết hài hòa lợi ích kinh tế của doanh nghiệp, lợi ích môi trường và lợi ích xã hội.



VINARE hiểu rằng quá trình xây dựng nền kinh tế tuần hoàn đòi hỏi công nghệ và khả năng đổi mới nhằm tái sử dụng các nguồn lực hiệu quả, không chỉ tốt cho môi trường mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc chung tay cùng Chính phủ và các cơ quan hữu quan nâng cao nhận thức của cộng đồng để khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý.

GẮN KẾT MỤC TIÊU THIÊN NIÊN KỶ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP SDGs

Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp quốc về Phát triển bền vững được tổ chức từ ngày 25 đến ngày 27/9/2020 tại thành phố New York, Hoa Kỳ với mục đích thông qua Chương trình nghị sự 2030 với trọng tâm là các Mục tiêu Phát triển bền vững cho giai đoạn 2020 - 2030. Nói về vai trò của khối doanh nghiệp đối với việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững, Tổng Thư ký Liên Hợp quốc Ban Ki-moon nhấn mạnh:

“Doanh nghiệp là một đối tác quan trọng trong việc hiện thực hoá các mục tiêu phát triển bền vững. Các công ty có thể đóng góp vào quá trình này thông qua những hoạt động cốt lõi của họ và Liên Hiệp Quốc kêu gọi các công ty trên toàn thế giới đánh giá tác động của mình, đặt ra những mục tiêu tham vọng với quyết tâm mạnh mẽ và công bố kết quả thực hiện một cách minh bạch.”

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam
thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực
tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro
cho số đông dân cư

Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2020-2025

Trên cơ sở đánh giá các hoạt động đã triển khai trong năm 2020; phân tích các tác động của VINARE ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn trên cơ sở gắn kết các mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên Hợp quốc trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 để từ đó xây dựng định hướng phát triển bền vững xuyên suốt cho giai đoạn 2020-2025.



Trên cơ sở đánh giá các hoạt động đã triển khai trong năm 2020; phân tích các tác động của VINARE, ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn trên cơ sở gắn kết các mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên Hợp quốc trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 để từ đó xây dựng định hướng phát triển bền vững xuyên suốt cho giai đoạn 2020-2025.

MỤC TIÊU CHUNG

VINARE luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của VINARE. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của VINARE vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của VINARE.

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VINARE

Các nội dung từ các báo cáo trước của VINARE cùng với quá trình trao đổi, tiếp xúc với các bên liên quan giúp chúng tôi nhận thức được rằng cùng với việc đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo các lợi ích của xã hội mà không tổn hại tới môi trường theo mô hình sau:



MỤC TIÊU - ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, VINARE đã lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2020-2025 của doanh nghiệp bao gồm:

- 1 Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, hiệu quả và dài hạn; tạo công ăn việc làm và nâng cao năng suất lao động cho mọi người (SD8)
2 Xoá nghèo dưới mọi hình thức, ở mọi nơi (SD1)
3 Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho mọi lứa tuổi (SD3)
4 Đảm bảo giáo dục chất lượng một cách công bằng và có hiệu quả, đồng thời nâng cao cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người (SD4)
5 Đảm bảo các hình mẫu sản xuất và tiêu dùng bền vững (SD12)
6 Hành động Ứng phó với biến đổi khí hậu (SD13)

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VINARE

Các nội dung từ các báo cáo trước của VINARE cùng với quá trình trao đổi, tiếp xúc với các bên liên quan giúp chúng tôi nhận thức được rằng cùng với việc đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo các lợi ích của xã hội mà không tổn hại tới môi trường theo mô hình sau:

Table with 2 columns: Mục tiêu (SD) and Content. Rows include: Tăng trưởng hiệu quả và bền vững (Mục tiêu 1 SD8), Đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội (Mục tiêu 2 SD1, 3 SD3, 4 SD4), Chung tay bảo vệ môi trường (Mục tiêu 5 SD12, 6 SD13).

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2021



TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

MỤC TIÊU
GIẢI PHÁP

- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận;
- Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông theo cam kết;
- Tiết kiệm 10% chi phí hoạt động.

- Tăng cường kỷ luật khai thác, chú trọng hiệu quả kinh doanh. Chú trọng các nghiệp vụ truyền thống, cốt lõi, mang lại doanh thu thật, hiệu quả tương đối tốt, tập trung thị trường trong nước, nhận có chọn lọc dịch vụ từ nước ngoài;
- Tích cực hợp tác với các công ty bảo hiểm gốc triển khai nhận dịch vụ mới và phát triển sản phẩm;
- Đẩy mạnh kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu bảo hiểm để chủ động hơn trong việc thu xếp dịch vụ với các công ty bảo hiểm gốc;
- Thực hiện một cách hiệu quả phân bổ tài sản đầu tư, đảm bảo an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.
- Đảm bảo lợi nhuận để chi trả cổ tức cho cổ đông.



XÂY DỰNG XÃ HỘI BỀN VỮNG

MỤC TIÊU
GIẢI PHÁP

- Đảm bảo lợi ích và môi trường làm việc cho người lao động, đời sống và thu nhập cho cán bộ nhân viên;
- Tích cực tham gia các chương trình bảo hiểm của Chính phủ nhằm ổn định đời sống nhân dân.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ xóa nghèo theo NQ30A của Chính phủ, dành ngân sách cho các hoạt động cộng đồng khác như đầu tư cho thể hệ trẻ, khắc phục hậu quả thiên tai và tri ân anh hùng liệt sỹ;
- Đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Hoàn thiện cơ chế đánh giá và trả lương theo hiệu quả; Đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp, gắn kết người lao động.



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

MỤC TIÊU
GIẢI PHÁP

- Giảm 5% lượng xăng và điện tiêu thụ;
- Tăng tỷ lệ rà soát và thỏa thuận về môi trường xã hội với nhà cung cấp và dự án đầu tư lên 10%;
- Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững: áp dụng 100% chỉ tiêu đo lường năng lượng và nước tiêu thụ trên toàn hệ thống.

- Giảm phát khí thải nhà kính thông qua giảm tiêu thụ năng lượng các tòa nhà văn phòng;
- Tiết kiệm văn phòng phẩm, giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc;
- Triển khai các dự án trồng cây xanh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2021

1

Thiết lập chiến lược, mục tiêu phát triển và kế hoạch hành động một cách rõ ràng và thường xuyên đánh giá, xem xét và hiệu chỉnh trong quá trình thực hiện;

2

Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong nội bộ Tổng công ty để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả và bền vững;

3

Góp phần nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro trong thị trường bảo hiểm/tái bảo hiểm Việt Nam thông qua các hoạt động: đào tạo và chuyển giao kỹ thuật quản trị rủi ro và phòng ngừa rủi ro; cung cấp và đánh giá các thông tin về thị trường bảo hiểm và tái bảo hiểm và các thông tin có liên quan;

4

Cung cấp các sản phẩm mới cho thị trường đảm bảo đáp ứng nhu cầu của cộng đồng về bảo hiểm;

5

Tư vấn về các chính sách quản lý thị trường bảo hiểm và tái bảo hiểm, hướng tới sự phát triển bền vững;

6

Tích cực tham gia các chương trình bảo vệ rủi ro cho cộng đồng: Bảo hiểm Nông nghiệp thí điểm theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP và Quyết định 22/2019/QĐ-TTg và Bảo hiểm Tàu cá theo Nghị định 17/2018/NĐ-CP. Phối hợp với Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm (Bộ Tài chính), Ngân hàng Thế giới nghiên cứu triển khai Bảo hiểm Thiên tai tại Việt Nam;

7

Dành một nguồn ngân sách hợp lý cho các hoạt động hỗ trợ cộng đồng.





NGUYÊN TẮC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI TỔNG CÔNG TY VINARE

Tham khảo Phần quản trị công ty trong báo cáo

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN TRONG VẤN ĐỀ QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hội đồng Quản trị đã phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2021 và chiến lược giai đoạn 2020 - 2024 với trọng tâm là tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của Tổng Công ty, đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp hướng tới thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

HOẠCH ĐỊNH MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VINARE đã công bố định hướng phát triển bền vững trong chiến lược phát triển của VINARE với sự cam kết của Lãnh đạo cấp cao về việc đảm bảo thực hiện 3 mục tiêu kinh tế - xã hội và môi trường. Định hướng chiến lược này được hiện thực hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng Phòng/ban chức năng và đơn vị thành viên. Các mục tiêu này được lượng hóa theo chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs), trong đó bao gồm các chỉ tiêu tài chính (kinh tế) và phi tài chính (môi trường và xã hội).

VINARE triển khai định hướng phát triển bền vững từ Lãnh đạo cấp cao đến các Phòng/ban thực hiện đánh giá các KPIs này và báo cáo lên Hội đồng Quản trị. Có thể nói, hoạt động kinh doanh của VINARE gắn kết ngày một chặt chẽ hơn với các vấn đề xã hội và môi trường.

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VÀ CÁCH THỨC TRIỂN KHAI LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hiện thực hóa chiến lược thông qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả

Các định hướng chiến lược và kế hoạch hành động liên quan đến vấn đề kinh tế - xã hội - môi trường được đưa ra tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức hàng năm. Theo đó, HĐQT tổ chức triển khai các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Ban điều hành chỉ đạo cụ thể hóa thành các hành động thông qua hoạt động tại Tổng Công ty.

Theo dõi và chỉ đạo các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững

HĐQT nắm bắt tình hình triển khai các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường theo định kỳ hàng Quý cùng những báo cáo trực tiếp từ Ban điều hành, cụ thể:

Báo cáo tại các cuộc họp HĐQT định kỳ: HĐQT VINARE duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Tại các cuộc họp này, Tổng Giám đốc, các Tiểu ban trực thuộc HĐQT báo cáo về các vấn đề trọng tâm liên quan đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. HĐQT xem xét và có những đánh giá, định hướng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm: đánh giá tình hình kinh tế xã hội để có những sự thay đổi chiến lược kinh doanh hợp lý; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên; triển khai thực hiện các chương trình an sinh xã hội. Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo nghị quyết của HĐQT được ban hành sau các cuộc họp.

Báo cáo HĐQT thông qua phương thức xin ý kiến HĐQT bằng văn bản: Tổng Giám đốc có thể gửi báo cáo trực tiếp lên HĐQT về các vấn đề liên quan đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường. HĐQT tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các vấn đề có liên quan và ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng có liên quan có cơ sở thực hiện. Các thành viên HĐQT đã phát huy hết năng lực lãnh đạo và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tổng công ty.

Thực hiện rà soát các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường: Trong các văn bản chỉ đạo, HĐQT thường xuyên yêu cầu Ban Điều hành tập trung công tác dự báo, cập nhật và theo dõi sát sao diễn biến thực tiễn về tình hình kinh tế, xã hội và môi trường trong hoạt động kinh doanh, để chủ động điều chỉnh linh hoạt và kịp thời đưa ra các định hướng, quyết sách, giải pháp cho phù hợp, hiệu quả, đảm bảo chỉ đạo triển khai thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm và chiến lược kinh doanh.

Giám sát việc tổ chức triển khai các quyết định, nghị quyết và chính sách của Tổng công ty do Hội đồng Quản trị ban hành liên quan đến phát triển bền vững và các vấn đề môi trường, xã hội.

Chỉ đạo thực hiện báo cáo phát triển bền vững

HĐQT giám sát việc triển khai chiến lược của VINARE, trong đó bao gồm chiến lược phát triển bền vững. HĐQT có trách nhiệm phê duyệt chủ trương thực hiện và phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định trước khi trình ĐHCĐ xem xét thông qua lần cuối. Hội đồng Quản trị giao Ban điều hành và Bộ phận chịu trách nhiệm về báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo xây dựng nội dung phù hợp với chuẩn mực thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam.

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TIỂU BAN GIÚP VIỆC CHO HĐQT TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Tiểu ban Chiến lược phát triển là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của VINARE, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Tiểu ban là xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chính sách phát triển dài hạn, giám sát việc lập, triển khai và thực thi chính sách phát triển, định hướng về phát triển bền vững và có trách nhiệm của VINARE.

Trong năm 2020, Tiểu ban Chiến lược phát triển đã có 02 cuộc họp để đánh giá việc thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2015 - 2019 và thảo luận, bổ sung ý kiến đối với kế hoạch kinh doanh 5 năm 2020 - 2024 của Tổng công ty.

TIỂU BAN THÙ LAO VÀ LƯƠNG THƯỜNG

Tiểu ban Thù lao và Lương Thường là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của VINARE, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Tiểu ban là xây dựng và quản lý chế độ Lương thường cho thành viên HĐQT, Ban Điều hành, đưa ra khuyến nghị liên quan tới những thay đổi về quy mô và cơ cấu lương thường và lợi ích khác của từng thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

Trong năm 2020, Tiểu ban Thù lao và Lương Thường đã chủ trì 02 cuộc họp về việc xây dựng chính sách tiền lương cho chức danh Chủ tịch HĐQT chuyên trách.

TIỂU BAN NHÂN SỰ

Tiểu ban Nhân sự là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của VINARE, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính

của Tiểu ban là tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của VINARE, thực hiện công tác đánh giá đối với thành viên HĐQT và Ban Điều hành.

Trong năm 2020, Tiểu ban Nhân sự đã có 02 cuộc họp và cho ý kiến về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của VINARE, thay mặt ĐHCĐ thực hiện chức năng giám sát việc quản trị, điều hành của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và mọi hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Năm 2020, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2019, trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng Quản trị lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020, tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Tổng Công ty, xem xét các kế hoạch, báo cáo của Tổng Công ty về đầu tư, các phương án phát triển hợp tác kinh doanh, công tác quản lý tổ chức, lao động tiền lương, thưởng, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động và Tổng Công ty.

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc VINARE chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, chỉ đạo và giám sát tiến độ thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh của các Ban trong Tổng công ty, đảm bảo sự cân bằng tương đối giữa 3 yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường.

Thực hiện báo cáo các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường theo định kỳ mỗi quý 1 lần để HĐQT xem xét quyết định các thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc có báo cáo đột xuất trong những trường hợp xét thấy tình hình kinh tế - xã hội - môi trường có ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động của doanh nghiệp.



**NHÓM THƯỜNG TRỰC
VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINARE**



STT	Phòng/Ban	Trách nhiệm
I BAN CHỈ ĐẠO		
1	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Định hướng và chỉ đạo triển khai thực hiện định hướng chiến lược Phát triển bền vững của Tổng công ty.
2	Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chiến lược. Theo dõi giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.
II BAN GIÁM SÁT VÀ ĐIỀU PHỐI		
3	Phó Tổng giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát các hoạt động liên quan đến phát triển bền vững. Theo dõi và thống kê các chi phí liên quan đến phát triển bền vững.
4	Kế toán trưởng	<ul style="list-style-type: none"> Phối hợp theo dõi chi phí tiêu thụ năng lượng tại các tòa nhà, văn phòng của VINARE.
5	Giám đốc Ban Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Triển khai nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các hoạt động đầu tư.
III NHÓM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN		
Ban Nhân sự - Tổng hợp		<ul style="list-style-type: none"> Triển khai các vấn đề phát triển bền vững tại Công ty Mẹ và giám sát kết quả thực hiện mục tiêu bền vững tại các đơn vị thành viên.
Ban Quản trị		
8	Ban Quản lý rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> Phối hợp giữa các phòng ban triển khai thúc đẩy việc thực hiện phát triển bền vững trong Tổng Công ty.
Ban Đầu tư		
Ban Tài chính - Kế toán		



Rủi ro phát triển bền vững có thể phát sinh khi có các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của VINARE; các tác động từ hoạt động kinh doanh của VINARE đối với môi trường, xã hội, hoặc từ việc cung cấp các dịch vụ tài chính cho các đối tác hoặc dự án dẫn đến những tác động gián tiếp không thể chấp nhận đối với con người hoặc môi trường từ đối tác hoặc dự án đó.

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ



RỦI RO TÁI BẢO HIỂM

Là rủi ro liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm của Tổng công ty

NHẬN DIỆN

Rủi ro tái bảo hiểm là một trong các rủi ro trọng yếu cần quản lý vì doanh thu từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Tổng công ty. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như tình hình cạnh tranh của thị trường, tình hình tổn thất, tích tụ rủi ro.



RỦI RO ĐẦU TƯ/TÀI CHÍNH

Là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái

NHẬN DIỆN

Rủi ro đầu tư/tài chính có thể phát sinh do sự biến động của lãi suất, tỷ giá, thị trường chứng khoán.

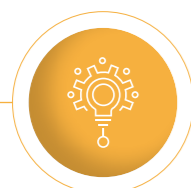


RỦI RO TÍN DỤNG

Là rủi ro xảy ra thiệt hại tài chính do khả năng trả nợ của đối tác có những thay đổi bất lợi

NHẬN DIỆN

Rủi ro tín dụng có thể phát sinh từ việc mất khả năng thanh toán hoặc không thực hiện đúng cam kết về thanh toán của đối tác trong lĩnh vực tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Là rủi ro gây ra tổn thất do các nguyên nhân như con người, sự hạn chế hoặc vận hành không hiệu quả của quy trình, hệ thống, các sự kiện khách quan bên ngoài.

NHẬN DIỆN

Rủi ro hoạt động có thể phát sinh từ các hoạt động hàng ngày trong nội bộ, hoặc với bên ngoài, hoặc các hoạt động khác có liên quan đến kinh doanh.

Rủi ro phát sinh từ hệ thống công nghệ thông tin, an toàn hệ thống, ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh, thất thoát tài sản thông tin.



RỦI RO PHÁP LÝ

Là rủi ro gây ra tổn thất từ hành vi vi phạm các nghĩa vụ tuân thủ bao gồm:

Rủi ro pháp lý: Là loại rủi ro phát sinh từ việc thực hiện không đúng và/hoặc không thực hiện các nghĩa vụ theo sự điều chỉnh của pháp luật và/hoặc quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Rủi ro vi phạm các quy định nội bộ: Là những rủi ro do không tuân thủ các quy định nội bộ của VINARE.

NHẬN DIỆN

Rủi ro có thể phát sinh trong việc quản trị doanh nghiệp.

Rủi ro phát sinh trong việc giao kết, thực hiện Hợp đồng với các đối tác (Điều khoản Hợp đồng không chặt chẽ, Hợp đồng bị vô hiệu,...).

Rủi ro liên quan tới các cơ quan quản lý nhà nước (bị truy thu thuế, bị xử lý vi phạm hành chính, ...).

Rủi ro liên quan tới việc vi phạm các quy định quản lý nội bộ trong doanh nghiệp.



RỦI RO DANH TIẾNG

Là các rủi ro có thể phá hoại danh tiếng từ việc xảy ra tranh chấp khiếu kiện với khách hàng hoặc bị giảm mức xếp hạng tín nhiệm

NHẬN DIỆN

Rủi ro danh tiếng có thể phát sinh do:

- Xảy ra tranh chấp, khiếu kiện với khách hàng gốc, người được bảo hiểm làm ảnh hưởng đến uy tín của VINARE trong thị trường.
- Không giữ được xếp hạng tín nhiệm.



RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Là rủi ro khi vị trí, thị phần của VINARE trên thị trường bị giảm sút do cả yếu tố chủ quan và khách quan

NHẬN DIỆN

Rủi ro chiến lược phát sinh đi kèm cùng Chiến lược 2020-2024 của Tổng công ty và kế hoạch triển khai chiến lược sau khi ban hành.

Việc chậm triển khai các chương trình bảo hiểm của Chính phủ làm ảnh hưởng tới việc thực hiện chiến lược kinh doanh của Tổng công ty.



RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là rủi ro mà các hoạt động, các sản phẩm, dịch vụ tài chính của doanh nghiệp tác động tiêu cực đến con người, môi trường, xã hội

NHẬN DIỆN

Rủi ro đến từ các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong hệ thống VINARE.

Rủi ro từ các tác động của môi trường, xã hội đối với VINARE.

Rủi ro từ các tác động trong hoạt động kinh doanh của VINARE đến môi trường xã hội.

QUẢN LÝ RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu quản lý rủi ro phát triển bền vững của VINARE là duy trì và phát triển doanh nghiệp gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp xây dựng cộng đồng, xã hội. Một trong những động lực chính làm gia tăng nhu cầu đối với việc áp dụng quản lý rủi ro phát triển bền vững là yêu cầu tuân thủ ngày càng nghiêm ngặt các quy định của pháp luật trong nước và quốc tế trong quá trình quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Rủi ro phát triển bền vững có thể phát sinh khi có các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của VINARE; các tác động từ hoạt động kinh doanh của VINARE đối với môi trường, xã hội, hoặc từ việc cung cấp các dịch vụ tài chính cho

các đối tác hoặc dự án dẫn đến những tác động gián tiếp không thể chấp nhận đối với con người hoặc môi trường từ đối tác hoặc dự án đó. Để quản lý tốt các rủi ro này, thể hiện trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng như quan tâm đến các yêu cầu cần phải tuân thủ khi quản lý chuỗi cung ứng, tạo ra giá trị bền vững cho VINARE cũng như tất cả các đối tác, khách hàng và cộng đồng, VINARE luôn hướng tới biện pháp thiết thực nhằm duy trì phát triển doanh nghiệp gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và xây dựng cộng đồng thịnh vượng. Năm 2020, VINARE đã chú trọng thực hiện quản lý rủi ro phát triển bền vững trên ba khía cạnh:

- 1** Đo lường bằng chỉ số tài chính và phi tài chính về mức độ ảnh hưởng.
- 2** Giám sát theo dõi định kỳ hàng quý.
- 3** Quản lý bằng quy trình, thủ tục, quy chế.

CÁC TÁC ĐỘNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG HỆ THỐNG VINARE



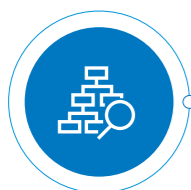
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chúng tôi xây dựng và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững của Tổng công ty vào chiến lược kinh doanh, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, cổ tức cho các cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Chúng tôi xây dựng các cơ chế cung cấp thông tin phi tài chính, báo cáo tài chính nhằm tăng cường tính minh bạch của các thông tin cung cấp cho các bên liên quan, thiết lập hình ảnh tích cực về doanh nghiệp trong mắt các nhà đầu tư và công chúng. Ngoài ra, thông tin phục vụ quản trị của các phòng ban luôn được thông suốt, đảm bảo các thông tin hoạt động, thông tin tài chính được báo cáo tới Lãnh đạo Tổng công ty kịp thời, chính xác.



TUÂN THỦ VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Cùng với hệ thống kiểm soát nội bộ, việc đánh giá các rủi ro tuân thủ giúp VINARE thực hiện chiến lược phát triển bền vững trong từng lĩnh vực kinh doanh của VINARE và xuyên suốt trong toàn hệ thống. Chúng tôi đánh giá rủi ro tuân thủ việc thực hiện các quy định pháp luật, các quy định nội bộ của VINARE, các quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động của Tổng công ty như lương thưởng và các chính sách nhân sự. Mặt khác, VINARE luôn tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin, nhằm tạo niềm tin của nhà đầu tư vào một thị trường minh bạch. Thông tin chính xác, kịp thời không chỉ mang ý nghĩa với thị trường, các nhà đầu tư mà còn giúp cho các doanh nghiệp sẽ có cơ hội tạo dựng, nâng cao uy tín của mình và hướng đến sự phát triển bền vững.



CÁC TÁC ĐỘNG CỦA MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI ĐỐI VỚI VINARE

VINARE là công ty kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Do vậy, các rủi ro từ môi trường xã hội có tác động trực tiếp đến các nghiệp vụ kinh doanh của VINARE, đặc biệt là nghiệp vụ kinh doanh tái bảo hiểm.

Sự biến đổi khí hậu kèm theo hiện tượng ấm lên toàn cầu là một trong những nguyên nhân gây ra thiên tai, lũ lụt, ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ lệ bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm. VINARE sử dụng mô hình đánh giá rủi ro thiên tai (Catastrophe modeling - CAT modeling) nhằm quản lý hiệu quả những rủi ro không xảy ra thường xuyên nhưng có sức tàn phá mạnh do thiên tai. Mô hình này sử dụng các kiến thức khoa học về những hiểm họa để ước tính tổn thất tài chính do các sự kiện có thể xảy ra trong khu vực nghiên cứu. Kết quả này cho phép VINARE xác định mức tái bảo hiểm cần mua phù hợp với mức độ tổn thất với xác suất nhất định.

“Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm của VINARE là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ các rủi ro bảo hiểm và đảm bảo rằng, với mức chi phí hợp lý, kết quả sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm.”



CÁC TÁC ĐỘNG TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA VINARE ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

Mục tiêu quản lý rủi ro phát triển bền vững giảm thiểu tác động của VINARE đến môi trường và xã hội. VINARE chú trọng xử lý các tác động môi trường của từng quá trình kinh doanh riêng lẻ và sau đó tìm cách để giảm thiểu chúng. Việc xác định các tác động (trực tiếp và gián tiếp) từ hoạt động kinh doanh của VINARE đến môi trường, xã hội giúp VINARE giảm thiểu được các rủi ro có thể phát sinh từ hai yếu tố này, từ đó góp phần hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững và đảm bảo lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

VINARE không tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất, do vậy chúng tôi đánh giá tác động từ hoạt động của VINARE đối với môi trường, xã hội là rất nhỏ, chủ yếu tập trung vào các tác động gián tiếp từ chuỗi giá trị của VINARE (bao gồm các nhà cung cấp, cung ứng đầu vào và các dự án đầu tư của VINARE).

QUẢN LÝ RỦI RO TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ

XÁC ĐỊNH VÀ TÍCH HỢP TẦM NHÌN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀO CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Tầm nhìn về phát triển bền vững của Tổng công ty VINARE được tích hợp với chiến lược kinh doanh, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, cổ tức cho các cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững.


XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thực hiện có hệ thống các quy trình để đảm bảo áp dụng thống nhất các chính sách, rà soát các yếu tố có rủi ro phát triển bền vững, đo lường và báo cáo về hiệu quả của hoạt động của VINARE đối với phát triển bền vững.


THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ CÁC RỦI RO CỦA HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Việc đánh giá và xử lý các rủi ro của hoạt động đầu tư giúp cho VINARE nhìn nhận và giảm thiểu những rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra các tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội. Khi quyết định thực hiện đầu tư, chúng tôi không chỉ quan tâm đến các giá trị kinh tế của phương án phân bổ tài sản, mà còn quan tâm tới những lợi ích, tác động lâu dài của việc đầu tư đối với cộng đồng và xã hội.


QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY VINARE ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Các tác động từ hoạt động khai thác, sử dụng các trụ sở, văn phòng làm việc của VINARE. Thông qua việc theo dõi các tác động môi trường từ hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại các đơn vị thuê diện tích văn phòng, VINARE đã thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội và cộng đồng. Chúng tôi đặt mục tiêu giảm tác động tiêu cực đối với môi trường hàng năm qua các dự án truyền thông nội bộ như sử dụng tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, sử dụng tiết kiệm và tái sử dụng giấy, hạn chế sử dụng bao bì ni-lon và thay thế bằng các loại vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường, đồng thời tiến tới sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng hoặc thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo.


ĐÁNH GIÁ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA NHÀ CUNG CẤP

VINARE xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng nhà cung cấp như: mô hình quản trị, tác động của nhà cung cấp đối với môi trường và xã hội... Tùy thuộc vào loại hình dịch vụ hoặc sản phẩm của nhà cung cấp mà các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) được chúng tôi đánh giá theo tỷ trọng khác nhau nhằm giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hợp tác với các nhà cung cấp, đồng thời hạn chế các tác động gián tiếp của VINARE đối với môi trường, xã hội.


ĐÀO TẠO VÀ NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA CÁN BỘ, NHÂN VIÊN TRONG TOÀN HỆ THỐNG

Tổ chức các chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức về các tác động đối với môi trường và xã hội, đảm bảo rủi ro phát triển bền vững được xác định và giảm thiểu phù hợp với các quy định pháp luật và quy định nội bộ của VINARE.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy tổ chức, thiết lập chức năng kiểm toán nội bộ để thực hiện kiểm toán việc quản lý các rủi ro trọng yếu của Tổng công ty;



Tiếp tục duy trì nguyên tắc phân bổ tài sản đầu tư: An toàn - hiệu quả - phát triển bền vững và đảm bảo tính thanh khoản cao



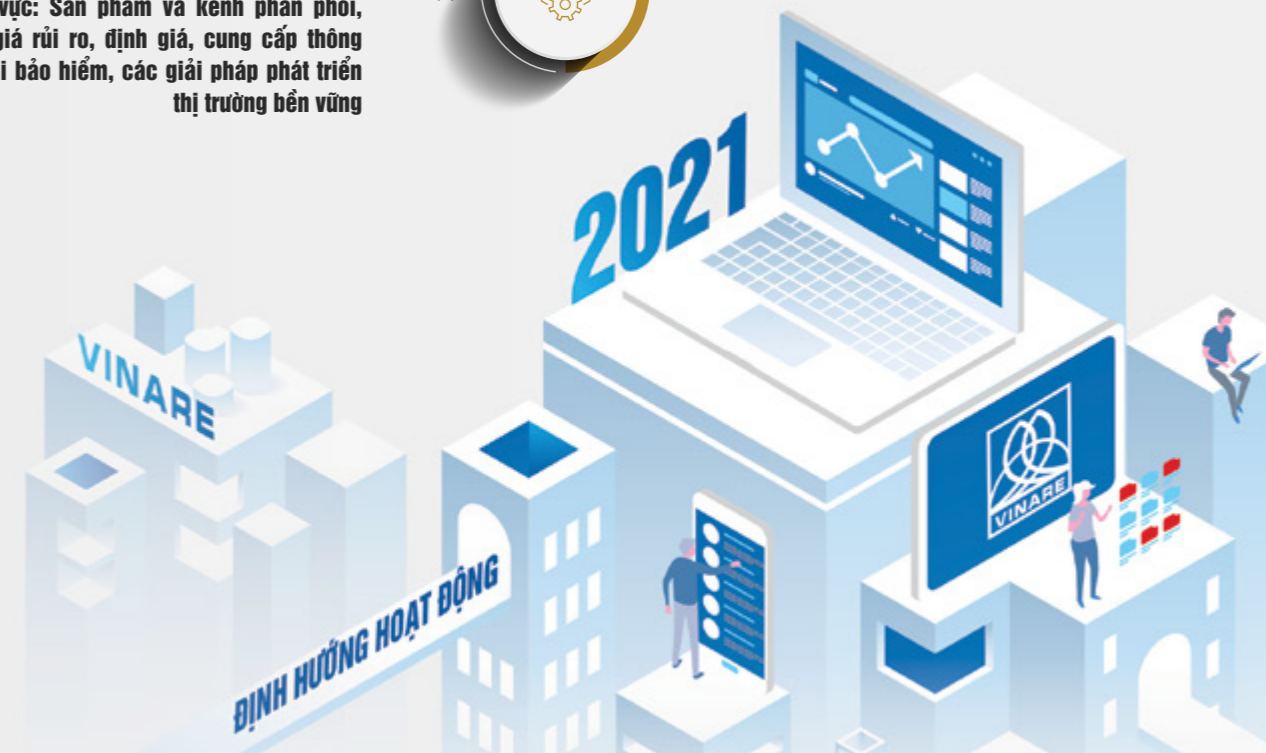
Từng bước triển khai các đề án và đưa vào ứng dụng phục vụ hoạt động kinh doanh: đề án nâng cấp nội địa hóa phần mềm IT; hệ thống IT cho lĩnh vực kế toán tài chính;



Phối hợp trong nội bộ và với các đối tác để tăng cường năng lực phát triển sản phẩm; công cụ định phí; công cụ đánh giá vốn theo rủi ro và quản trị rủi ro;



Tăng cường cung cấp chuỗi giá trị gia tăng cho thị trường Việt Nam một cách có hiệu quả, toàn diện trong các lĩnh vực: Sản phẩm và kênh phân phối, đào tạo, đánh giá rủi ro, định giá, cung cấp thông tin, giải pháp tái bảo hiểm, các giải pháp phát triển thị trường bền vững



PHÂN BỐ VÀ TỐI ƯU HÓA CÁC NGUỒN LỰC

XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

Trên cơ sở Mô hình kiến tạo các giá trị bền vững, VINARE xác định 7 yếu tố chính ảnh hưởng đến hoạt động của VINARE bao gồm Nguồn lực tài chính (vốn), Nguồn Nhân lực, Tài sản hữu hình, Tài sản vô hình và Sở hữu trí tuệ, Quản trị doanh nghiệp, Các yếu tố môi trường và xã hội. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào sao cho hiệu quả là nhân tố quyết định đến việc tạo ra giá trị bao gồm: Giá trị kinh tế (tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông); Giá trị gia tăng cho khách hàng (dịch vụ vượt trội), Giá trị vật chất và tinh thần cho Người lao động (phúc lợi, môi trường làm việc, thu nhập), Lợi ích cho các bên liên quan khác (xã hội, môi trường...)



TỐI ƯU HÓA NGUỒN LỰC ĐỂ TẠO RA GIÁ TRỊ

Các yếu tố đầu vào	Cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào trong quá trình hoạt động kinh doanh để tạo ra giá trị	Các yếu tố đầu ra (Kết quả kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ...)	Giá tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan
<p>Nguồn lực tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông). Vốn từ nguồn dự phòng phí bảo hiểm. 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng vốn hiệu quả thông qua việc đầu tư vào các tài sản an toàn (tỷ trọng trái phiếu chính phủ và tiền gửi luôn chiếm trên 60% tổng danh mục đầu tư). Tim kiếm các kênh đầu tư mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> Đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định và vững chắc về doanh thu, lợi nhuận. Đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông tối thiểu 12%/năm theo kế hoạch 5 năm 2020 - 2024. Năng lực tài chính vững mạnh, tăng cường đầu tư trở lại nền kinh tế. 	<ul style="list-style-type: none"> Cổ đông/Nhà đầu tư. Khách hàng Doanh nghiệp Bảo hiểm. Cơ quan quản lý nhà nước.
<p>Nguồn nhân lực</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhân viên. Văn hóa doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư cho hoạt động đào tạo (theo bản đồ học tập), phát triển nguồn nhân lực. Tuyển dụng và thu hút nhân tài. Bồi dưỡng nhân tài, tăng cường sự gắn kết của người lao động. Chính sách phúc lợi ưu việt. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng môi trường gắn kết - văn hóa vững mạnh. Tạo được sự gắn kết người lao động trong các hoạt động doanh nghiệp. Duy trì các chương trình phúc lợi hiện có (Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm nhân thọ) nhằm mang lại quyền lợi cao hơn cho người lao động, khuyến khích gắn kết lâu dài với Tổng công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> Người lao động.
<p>Tài sản hữu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại. 	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại theo chuẩn quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại. Tăng cường quản lý rủi ro, kiểm soát bồi thường. 	<ul style="list-style-type: none"> Khách hàng. Đối tác.
<p>Tài sản vô hình và sở hữu trí tuệ</p> <ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực từ cổ đông chiến lược nước ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao giá trị thương hiệu thông qua các giải thưởng uy tín. Tận dụng thế mạnh của cổ đông chiến lược để tạo nên sức mạnh cộng hưởng trong quản trị, điều hành và các mảng kinh doanh cốt lõi. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng các công cụ phục vụ hoạt động nghiệp vụ với sự hỗ trợ từ cổ đông chiến lược. 	<ul style="list-style-type: none"> Khách hàng. Đối tác. Cổ đông.
<p>Quản trị doanh nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế (Thẻ điểm quản trị ASEAN, Nguyên tắc quản trị OECD...). Tăng cường vai trò KSNB, QLRR, tuân thủ, phát huy sức mạnh hợp lực và nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành. 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo các quyền của cổ đông, đặc biệt là cổ đông nhỏ. Quản trị công ty theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> Cổ đông. Người lao động.
<p>Yếu tố môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> Biến đổi khí hậu. Giảm phát thải và hiệu ứng nhà kính. 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm khí thải nhà kính thông qua các dự án trồng cây xanh. Giảm phát khí thải nhà kính từ các tòa nhà văn phòng, điều hòa và tủ lạnh. Giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> Xanh hóa hoạt động kinh doanh: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên. Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. 	<ul style="list-style-type: none"> Môi trường kinh doanh. Môi trường sống.

GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

“Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp



PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Chúng tôi xác định các bên liên quan dựa trên những ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của VINARE đến họ hoặc những người có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của VINARE. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp.

CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG YẾU ĐỐI VỚI VINARE



Chúng tôi tiếp cận với các bên liên quan thông qua nhiều nguồn kênh thông tin khác nhau một cách phù hợp nhằm lắng nghe ý kiến và mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của VINARE, đặc biệt là các vấn đề quản trị công ty, phát triển nguồn nhân lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường.

Quá trình trao đổi với các bên cũng giúp VINARE chủ động nhận diện được các vấn đề mang xu hướng, thời sự cũng như giúp VINARE nhìn nhận một cách khách quan về những chính sách, báo cáo và công bố thông tin ra bên ngoài mà chúng tôi thực hiện.

VINARE xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với VINARE.



HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT CỦA VINARE VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cổ đông/Nhà đầu tư

- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư.
- Đại hội đồng cổ đông.
- Website VINARE.
- Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư.

Khách hàng

- Ban Marketing thu thập thông tin khách hàng, tiến hành đánh giá và phân nhóm, đề xuất chính sách khách hàng phù hợp.

Người lao động

- Hội nghị người lao động thường niên.
- Ấn phẩm nội bộ: Kênh Intranet, Bản tin nội bộ xuất bản định kỳ, Tạp chí nghiên cứu của VINARE.
- Các chương trình đào tạo.

Đối tác, nhà cung cấp

- Gặp gỡ trao đổi trực tiếp: bổ sung trong quy chế đấu thầu, hợp đồng hợp tác với nhà cung cấp.

Cộng đồng địa phương

- Phối hợp với chính quyền địa phương tiếp xúc, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.

Cơ quan Quản lý

- Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Chính Phủ, Bộ tổ chức.
- Tham gia các tổ chức, Hiệp hội: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam; Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững; Diễn đàn kinh tế thế giới;...

Cơ quan báo chí

- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư.
- Đại hội đồng cổ đông.
- Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư...



“Trong năm 2020, VINARE tiếp tục gắn kết các bên liên quan thông qua các kênh thông tin đa chiều ở đó các vấn đề phát triển bền vững được VINARE đề cập sâu hơn nhằm lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường.


SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề, chúng tôi thực hiện đầu tư, phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Các bên liên quan	Các vấn đề thảo luận	Hành động của VINARE
<p>Cổ đông/Nhà đầu tư</p> <p>Bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông thông qua hoạt động kinh doanh bền vững, đem lại lợi ích lâu dài và ngày một gia tăng cho cổ đông; Đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư.</p>	<p>Đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư: Minh bạch, thông tin.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tư vấn và trả lời các thông tin cho cổ đông trực tiếp nhằm giải quyết quyền lợi cho cổ đông nhanh chóng. Thực thi chính sách bình đẳng giữa các cổ đông lớn và cổ đông nhỏ về cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho mọi cổ đông thực hiện quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông 2020 có sự tham gia của 43 cổ đông, đại diện cho 95,81% số cổ phần có quyền biểu quyết của VINARE.
<p>Tăng trưởng hiệu quả, bền vững.</p>	<p>Đảm bảo chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm năm 2020 tăng trưởng 10,2% so với cùng kỳ; Lợi nhuận trước thuế tăng 7,6% so với cùng kỳ. Biên khả năng thanh toán của Tổng công ty cao gấp 5 lần so với quy định của Bộ Tài chính. Dự kiến mức chi trả cổ tức bằng tiền mặt 15%. Các giá trị tăng thêm ngoài lợi tức cho nhà đầu tư (bản tin IR, nâng cấp website...).
<p>Cổ đông/Nhà đầu tư</p> <p>Xây dựng các giải pháp bảo vệ đáp ứng nhu cầu đa dạng khách hàng; bảo vệ khách hàng trước các rủi ro, đem đến cho khách hàng các cơ hội để hiện thực hóa ước mơ, đảm bảo sự bình an và thịnh vượng cho khách hàng.</p>	<p>Đa dạng hóa các giá trị gia tăng cho khách hàng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức đào tạo nghiệp vụ cho khách hàng theo yêu cầu. Cung cấp thông tin và tư vấn hỗ trợ theo yêu cầu. Tổ chức các hội thảo về các vấn đề thị trường và khách hàng quan tâm.

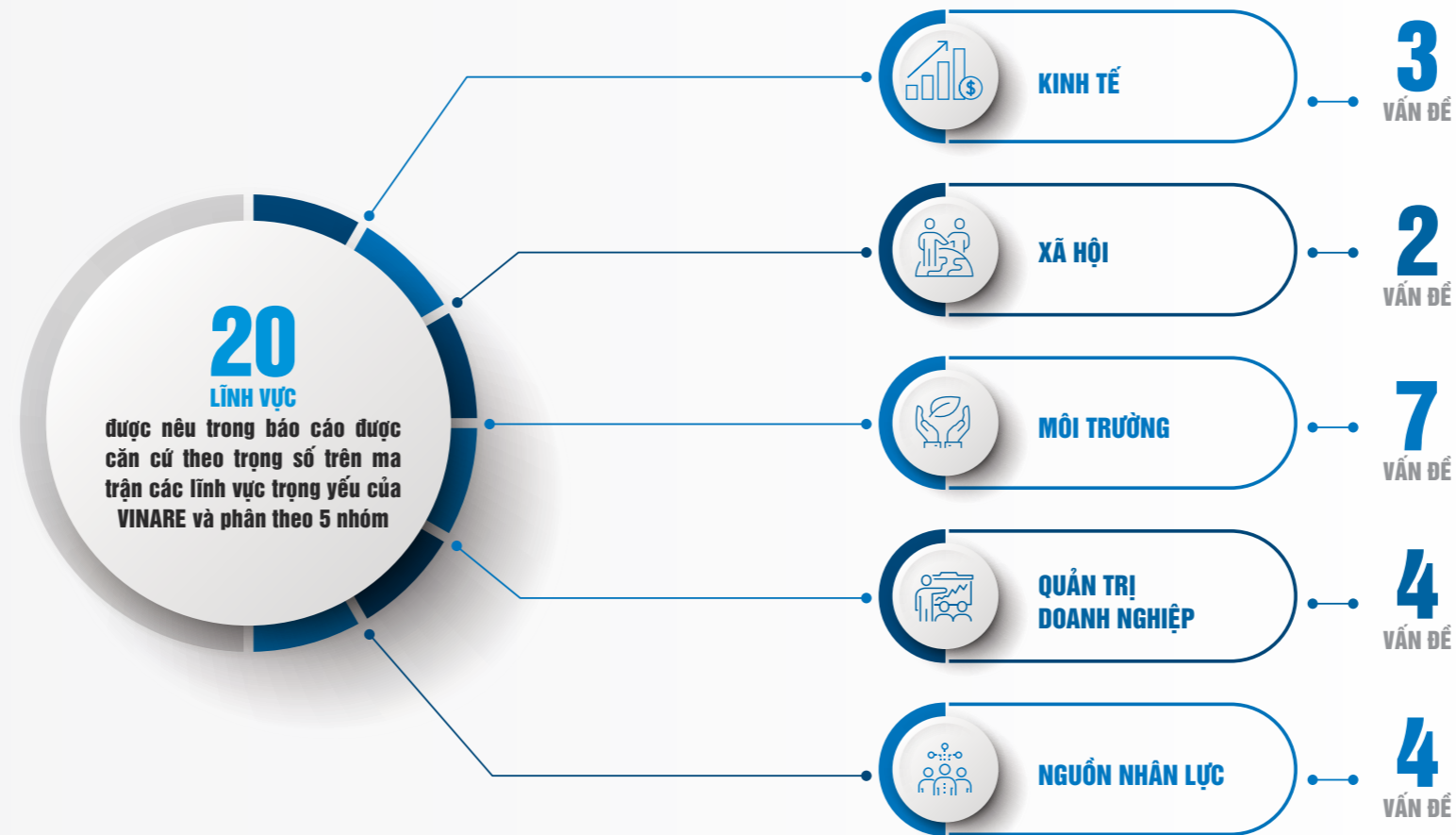
Các bên liên quan	Các vấn đề thảo luận	Hành động của VINARE
<p>Người lao động</p> <p>Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của VINARE.</p>	<p>Đảm bảo quyền lợi người lao động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì các chế độ phúc lợi hiện có cho người lao động.
<p>Cơ quan quản lý</p> <p>Tiên phong đi đầu trong việc thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của Chính phủ; xây dựng các mối quan hệ bền vững với các cơ quan Ban ngành, đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và của VINARE nói riêng.</p>	<p>Xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh; Gắn kết người lao động với hoạt động của doanh nghiệp.</p> <p>Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Huy động sự tham gia của 100% cán bộ trong các dự án cộng đồng, các chương trình thiện nguyện. Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, quy định các quy tắc, chuẩn mực trong hoạt động của VINARE. Bổ sung các đánh giá và rà soát về môi trường và xã hội trong các tờ trình về hoạt động đầu tư.
<p>Cơ quan báo chí</p> <p>Kết nối chặt chẽ với cơ quan báo chí, đảm bảo tin tức hoạt động của VINARE được cập nhật kịp thời và phản ánh một cách chân thực, khách quan tới các bên liên quan.</p>	<p>Đánh giá tác động môi trường; giảm tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính.</p> <p>Tăng cường tiếp xúc, cùng nhà báo đưa các tin tức về phát triển bền vững, giúp nhà báo và các bên hiểu rõ hơn về vấn đề phát triển bền vững của doanh nghiệp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát tiêu thụ năng lượng, xây dựng kế hoạch tiết kiệm tại trụ sở và các văn phòng. Truyền thông nội bộ trong hệ thống, nâng cao ý thức của cán bộ về bảo vệ môi trường. Theo dõi lượng chất thải từ các tòa nhà VINARE.
<p>Đối tác/Nhà cung cấp</p> <p>Đối xử bình đẳng với các nhà cung cấp, ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu quản lý, tuân thủ yêu cầu pháp luật và quá trình hoạt động không gây tổn hại đến môi trường và xã hội.</p>	<p>Đưa ra các tiêu chí cụ thể trong các đánh giá về môi trường và xã hội đối với nhà thầu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường số lượng thông tin gửi tới báo chí thông qua các thông cáo báo chí, các tin ngắn, các bài viết phân tích chuyên sâu nội bộ gửi tới các cơ quan báo chí mục tiêu Tăng cường trao đổi và chia sẻ thông tin với báo chí thông qua việc mời nhà báo tham dự một số chương trình do VINARE tổ chức hoặc VINARE tham gia Đưa yêu cầu về trách nhiệm với môi trường và xã hội trong điều khoản hợp đồng thương thảo với nhà thầu chính. Bổ sung các tiêu chí đánh giá về Quản trị - môi trường và xã hội trong các phương án đầu tư và các hoạt động khác của VINARE.

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề, chúng tôi thực hiện đầu tư, phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

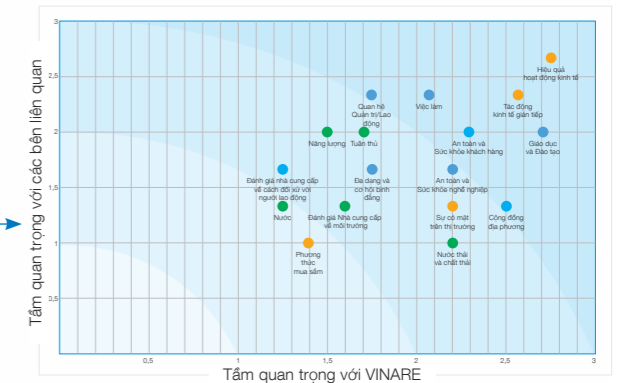
XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

VINARE thực hiện tham khảo ý kiến của những chuyên gia trong lĩnh vực phát triển bền vững đối với các lĩnh vực được coi là trọng yếu mà VINARE cần phải xem xét và cân nhắc tại thời điểm hiện tại. Đồng thời, chúng tôi cũng cân nhắc đến ý kiến của người lao động thông qua việc rà soát các đề xuất, các bình luận được nêu ra thông qua các kênh tương tác nội bộ.

Việc đánh giá các lĩnh vực trọng yếu đối với doanh nghiệp được căn cứ trên các phân tích chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, các phân tích thông tin báo chí và môi trường kinh doanh ngành. Từ đó chúng tôi lựa chọn các lĩnh vực và vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm. Mức độ quan trọng và phạm vi thực hiện của các vấn đề tiếp tục được sàng lọc, phân tích và làm rõ trong các buổi họp thảo luận với các Ban liên quan và trình lên Lãnh đạo cấp cao để xác định những vấn đề ưu tiên thực hiện trong năm 2020.



QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU





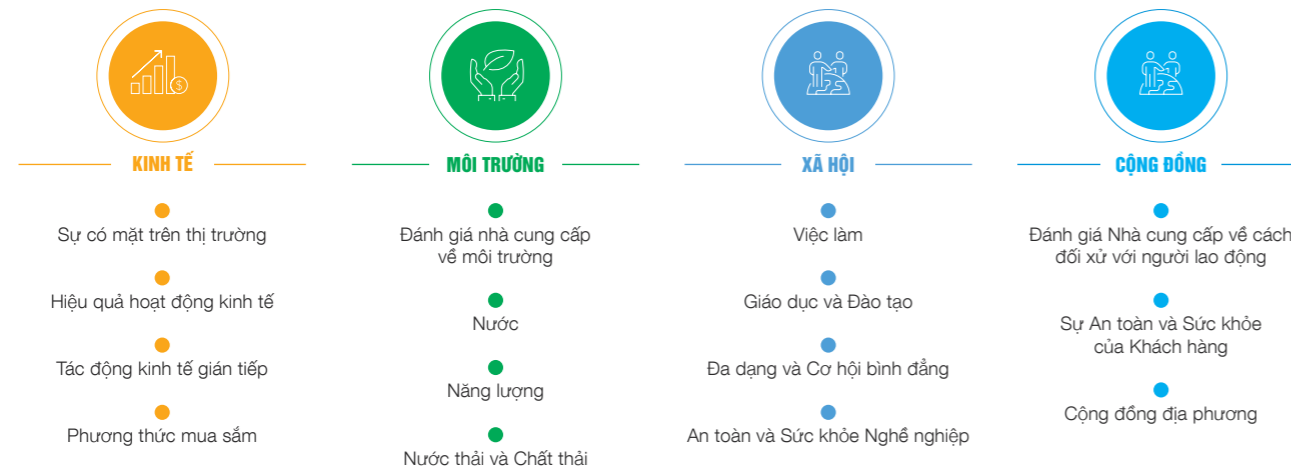
MA TRẬN CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các lĩnh vực xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, VINARE xây dựng “Ma trận các lĩnh vực trọng yếu” nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



13 LĨNH VỰC

được nêu trong báo cáo được căn cứ theo trọng số trên ma trận các lĩnh vực trọng yếu của VINARE và phân theo 4 nhóm:



CÁC TIÊU CHUẨN KINH TẾ GRI 200

VINARE xác định chiến lược phát triển bền vững chỉ có thể thực hiện khi mục tiêu kinh tế được đảm bảo, bởi chỉ khi xây dựng được nguồn lực vững chắc cho bản thân doanh nghiệp, VINARE mới có thể đem lại lợi ích lâu bền cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.



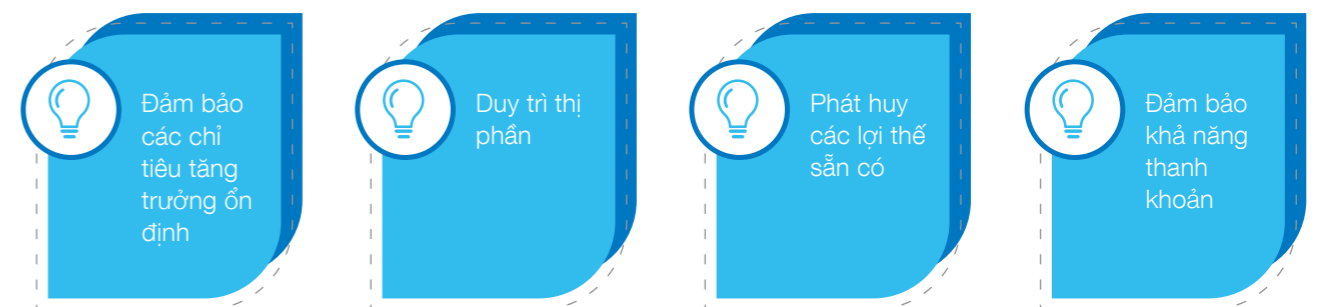
Từ đó, VINARE có thể gia tăng các đóng góp cho xã hội thông qua các đóng góp cho ngân sách nhà nước; đảm bảo các quyền lợi tài chính cho cổ đông; tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương; triển khai các hoạt động, chương trình, dự án bảo vệ môi trường.

Hướng tới mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị bền vững, VINARE đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố ESGs trong việc rà soát, đánh giá nhà cung ứng đầu vào, đồng thời áp dụng các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm đối với hoạt động đầu tư tài chính.

Các thông tin về tiêu chuẩn kinh tế được trình bày cụ thể trong phần phân tích về hoạt động kinh doanh của Báo cáo này.



Nhằm đảm bảo kinh tế vững chắc và tăng trưởng kinh tế bền vững, VINARE thực hiện các mục tiêu:





TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

PHÁT HUY TĂNG TRƯỞNG HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG

DOANH THU PHÍ NHẬN TÁI BẢO HIỂM ĐẠT

2.447,7

(TỶ VND)

TĂNG 10,2% SO VỚI 2019

LỢI TỨC TRƯỚC THUẾ ĐẠT

357,2

(TỶ VND)

TĂNG 7,6% SO VỚI 2019

PHÍ GIỮ LẠI ĐẠT

1.496.9

(TỶ VND)

TĂNG 25,7% SO VỚI 2019

Việc kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19 cùng với kinh tế vĩ mô ổn định đang giúp Việt Nam trở thành một trong những điểm đến của làn sóng dịch chuyển đầu tư từ nước ngoài. Theo đó, lĩnh vực tái bảo hiểm được cho là có cơ hội đón dòng vốn đầu tư nước ngoài mới, đặc biệt là từ các doanh nghiệp Hàn Quốc, Nhật Bản.

Đây cũng là cơ hội cho VINARE trong việc thu xếp tái bảo hiểm các dịch vụ về tài sản, kỹ thuật, hàng hải, ... với nhóm khách hàng này.

Năm 2020 là năm đầy khó khăn VINARE đã nỗ lực hết sức mình vào việc thực hiện các mục tiêu 2020 cũng như các mục tiêu chiến lược phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.447,7 tỷ VND, tăng trưởng 10,2% so với năm 2019. Lợi tức trước thuế đạt 357,2 tỷ VND và tăng 7,6% so với năm 2019. Phí giữ lại đạt 1,496.9 tỷ VND, tăng 25,7% so với 2019 và đạt 102,4% kế hoạch năm, chủ yếu do các nghiệp vụ Tài sản (tăng 12%), Kỹ thuật (tăng 10%), Bảo hiểm tai nạn con người cho người vay vốn (tăng 61%).

VINARE vẫn đạt được kết quả kinh doanh hiệu quả với lợi nhuận gộp nghiệp vụ đạt 93,2 tỷ VND, lợi nhuận đầu tư tài chính và hoạt động khác đạt 348,6 tỷ VND.

THAM GIA TÍCH CỰC VÀO CÁC CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM CỦA CHÍNH PHỦ

Tham gia các chương trình bảo hiểm nông nghiệp theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP và bảo hiểm tàu cá theo Nghị định 17/2018/NĐ-CP.



Bảo hiểm Nông nghiệp theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP



Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE) đã tham gia chương trình Bảo hiểm Nông nghiệp của Chính phủ ngay từ giai đoạn thí điểm năm 2011 theo quyết định 315/QĐ-TTg và tiếp tục đồng hành cùng các doanh nghiệp bảo hiểm trong việc triển khai các sản phẩm mới theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP.

VINARE là nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm cho các chương trình Bảo hiểm Nông nghiệp và được sự hỗ trợ của đối tác chiến lược là Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re. VINARE đã chủ động tích cực tư vấn và tham mưu cho Bộ Tài chính xây dựng hành lang pháp lý sản phẩm bảo hiểm, và xây dựng chính sách hỗ trợ người nông dân tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp. Đối với các đối tác bảo hiểm trong nước, VINARE đã hỗ trợ các doanh nghiệp bảo hiểm trong việc thiết kế sản phẩm, xây dựng biểu phí.

Bảo hiểm Tàu cá theo Nghị định 17/2018/NĐ-CP



Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm Quốc Gia Việt nam đã tham gia chương trình bảo hiểm tàu cá xa bờ theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản ngay từ thời gian đầu tiên, xây dựng điều kiện điều khoản, biểu phí và triển khai các công tác truyền thông để bà con ngư dân hiểu được chính sách hỗ trợ của nhà nước và tham gia bảo hiểm bảo tàu cá xa bờ mục tiêu bảo vệ quyền lợi về tài sản và tính mạng của bà con ngư dân để thúc đẩy việc phát triển kinh tế và bà con ngư dân an tâm bám biển bảo vệ chủ quyền đất nước.

Là nhà tái bảo hiểm chuyên nghiệp VINARE đã đồng hành với các công ty Bảo hiểm tham gia chương trình bảo hiểm tàu cá xa bờ trong suốt chương trình của nghị định 67/2014/NĐ-CP và giai đoạn tiếp theo của chương trình theo nghị định 17/2018/NĐ-CP từ năm 2018 đến năm 2020. VINARE luôn đồng hành, hỗ trợ tư vấn cho các doanh nghiệp bảo hiểm trong việc thiết kế sản phẩm, xây dựng biểu phí và phương án tái bảo hiểm an toàn cho các doanh nghiệp bảo hiểm tham gia chương trình.



SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

VINARE đã có 26 năm hoạt động kể từ khi được Bộ Tài chính thành lập năm 1994 và hiện là một trong hai doanh nghiệp tái bảo hiểm được cấp giấy phép hoạt động trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Với chức năng hoạt động chính từ ngày đầu thành lập là kinh doanh tái bảo hiểm trong và ngoài nước, trung tâm trao đổi dịch vụ tái bảo hiểm, tư vấn hỗ trợ về mọi mặt cho các doanh nghiệp bảo hiểm trong lĩnh vực tái bảo hiểm và thực hiện đầu tư theo luật định, VINARE đã xác lập vị trí trung tâm điều tiết nhận và nhượng tái bảo hiểm trên thị trường.

VINARE là doanh nghiệp đi đầu trong việc thực hiện chủ trương sắp xếp đổi mới nâng cao hiệu quả doanh nghiệp của Đảng với việc thực hiện cổ phần hóa thành công và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ 1/1/2005 với các cổ đông chính là các doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động trong nước. Bước đi chiến lược tiếp theo của VINARE là việc phát hành bổ sung vốn và lựa chọn đối tác chiến lược năm 2007. Tập đoàn Swiss Re - tập đoàn tái bảo hiểm lớn nhất thế giới với lịch sử 150 năm - đã được lựa chọn làm cổ đông chiến lược nước ngoài duy nhất của VINARE với tỷ lệ sở hữu 25% vốn điều lệ cùng các cam kết/hợp tác chiến lược đã tạo điều kiện cho VINARE được tiếp nhận những kinh nghiệm, công nghệ, sản phẩm bảo hiểm tiên tiến nhất thế giới, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín của VINARE trên thị trường bảo hiểm trong nước và quốc tế. Giao dịch lựa chọn đối tác chiến lược của VINARE đã được tạp chí Finance Asia bình chọn là "Giao dịch thành công nhất của Việt Nam năm 2008".

Với nguồn lực tài chính được tăng cường và sự hỗ trợ toàn diện của cổ đông chiến lược Swiss Re, VINARE đã không ngừng nỗ lực nhằm cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng cũng như toàn thị trường bảo hiểm Việt Nam trên các lĩnh vực: tư vấn, hỗ trợ đánh giá, kiểm soát rủi ro, thiết lập chương trình tái bảo hiểm; đào tạo và chuyển giao kiến thức công nghệ; tổng hợp và xử lý thông tin thị trường; hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm mới;...

TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

VINARE là nhà tái bảo hiểm hàng đầu trên thị trường Việt Nam, cung cấp các giải pháp tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam, góp phần bảo đảm giải quyết tốt quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng.



ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH CỦA NỀN KINH TẾ

VINARE hợp tác chặt chẽ với các công ty tái bảo hiểm, công ty bảo hiểm trong nước và quốc tế, luôn giữ vai trò đầu tàu trong việc thực hiện các chương trình Bảo hiểm của Chính phủ, cung cấp sản phẩm mới và các giải pháp phát triển bền vững phát triển thị trường: chương trình thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, chương trình bảo hiểm tàu cá, đồng thời tham gia đóng góp vào các chương trình/giải pháp phát triển của thị trường: Bảo hiểm thiên tai, Bảo hiểm tài sản công, các chương trình Bảo hiểm Vi mô, quản trị rủi ro..., và mở rộng thị trường quốc tế, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy thị trường bảo hiểm Việt Nam phát triển và nâng tầm hoạt động trên trường quốc tế.

Số tiền chi trả bồi thường năm 2020 là 371 tỷ VND. Năm 2019 là 406,2 tỷ VND

GIÁN TIẾP ĐẦU TƯ TRỞ LẠI NỀN KINH TẾ

VINARE là doanh nghiệp có hoạt động tái đầu tư nguồn vốn nhân rồi trở lại nền kinh tế, đóng góp vào sự phát triển nền kinh tế xã hội.

Số tiền tái đầu tư trở lại nền kinh tế năm 2020 là 3.849 tỷ VND. Năm 2019 là 3.682 tỷ VND.

GẮN KẾT TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ QUẢN TRỊ (ESG) TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA VINARE

VINARE luôn chú trọng đến việc tối ưu hóa những giá trị mà các hoạt động đầu tư đóng góp cho cộng đồng. VINARE tập trung đầu tư theo cơ cấu danh mục dưới đây và luôn cân nhắc các yếu tố ESG trong mọi quyết định đầu tư và chỉ đầu tư vào những doanh nghiệp, cổ phiếu hoạt động trong những ngành nghề thân thiện với môi trường. Trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục định hướng ưu tiên phát triển ngành nghề kinh doanh bền vững vừa để đảm bảo sự phát triển bền vững của VINARE, vừa góp phần giảm thiểu những tác động gây hại tới môi trường.

CHI TRẢ BỒI THƯỜNG NĂM 2020

371 (TỶ VND)

CHI TRẢ BỒI THƯỜNG NĂM 2019

406,2 (TỶ VND)

TÁI ĐẦU TƯ TRỞ LẠI NỀN KINH TẾ NĂM 2020

3.849 (TỶ VND)

Tại VINARE, phương châm hàng đầu trong chiến lược đầu tư của chúng tôi là đầu tư an toàn, hiệu quả trên cơ sở đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng Công ty, qua đó đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, khách hàng và người lao động. Trong quá trình đầu tư



Danh mục đầu tư của VINARE chủ yếu là tiền gửi, chiếm 73,7%, theo bảng phân bố dưới đây. ĐVT: Triệu đồng

Danh mục đầu tư	Giá trị đầu tư 31/12/2020	Giá trị đầu tư 01/01/2020	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
Tiền gửi	2.965.000	2.690.000	275.000	73,7%
Trái phiếu	249.100	270.000	(20.900)	6,2%
Góp vốn doanh nghiệp khác	542.354	588.155	(45.801)	13,5%
Đầu tư chứng khoán, Chứng chỉ quỹ, Ủy thác đầu tư	195.000	255.000	(60.000)	4,8%
Văn phòng cho thuê	8.031	9.409	(1.378)	0,2%
Đầu tư bất động sản	13.304	13.304	0	0,3%
Tiền gửi trên tài khoản thanh toán	52.900	101.616	(48.716)	1,3%
Tổng cộng	4.025.690	3.927.483	98.205	100,0%

Chúng tôi tin rằng các vấn đề về cơ chế quản trị công ty, môi trường và xã hội là một phần quan trọng để đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn. Do đó, bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả, chúng tôi cũng luôn chú trọng tới các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình thẩm định, lựa chọn phương án đầu tư và tiếp tục duy trì việc áp dụng Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm khi xây dựng kế hoạch phân bổ tài sản đầu tư.

05 NGUYÊN TẮC ĐẦU TƯ CÓ TRÁCH NHIỆM MÀ VINARE ĐANG ÁP DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ BAO GỒM:

- 1** Gắn kết vấn đề ESG trong các quy trình phân tích đầu tư và đưa ra quyết định đầu tư
- 2** Gắn kết ESG trong các vấn đề liên quan đến quyền lợi của chủ đầu tư
- 3** Xây dựng quy chế công bố thông tin phù hợp đối với vấn đề ESG tại các doanh nghiệp mà VINARE đầu tư
- 4** Hợp tác với các tổ chức tài chính khác để đẩy mạnh hiệu quả triển khai
- 5** Thực hiện báo cáo các hoạt động triển khai

CÁC ĐÓNG GÓP GIÁN TIẾP VỀ KINH TẾ

Đóng góp cho ngân sách nhà nước

Năm 2020, tổng thuế nộp Ngân sách Nhà nước ước đạt gần 78,9 tỷ đồng, cũng là mức cao nhất trong vòng những năm trở lại đây, chủ yếu nhờ đóng góp của thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”), thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân. Kết quả hoạt động kinh doanh tốt và thu nhập của cán bộ nhân viên được cải thiện là hai tác động chính khiến thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân nộp Ngân sách Nhà nước tăng. Nộp Ngân sách nhà nước của VINARE: năm 2020 (78,9 tỷ), năm 2019 (64 tỷ), năm 2018 (53 tỷ).

Năm 2020, VINARE là một trong 342 tổ chức, cá nhân được nhận Giấy khen “Đã chấp hành tốt chính sách, pháp luật về Thuế năm 2019” của Cục thuế Hà Nội.

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

78,9 (TỶ VND)

TỔNG GIÁ TRỊ CỔ TỨC VINARE ĐÃ CHI TRẢ CHO CỔ ĐỒNG TỪ 2011-2019

1.700 (TỶ VND)

TỶ LỆ CHI TRẢ CỔ TỨC CỦA VINARE DỰ KIẾN NĂM 2020 LÀ 15% TƯƠNG ƯNG

196,5 (TỶ VND)

Chi trả cổ tức cho cổ đông

Năm 2020, tỷ lệ chi trả cổ tức của VINARE dự kiến là 15%, tương ứng với 196,5 tỷ đồng. Chiến lược của VINARE là duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định hàng năm nhằm để dành nguồn lực cho đầu tư phát triển dài hạn thông qua tăng nguồn quỹ cho đầu tư phát triển và gia tăng giá trị dài hạn cho cổ đông.

Xây dựng chuỗi giá trị bền vững

Phát triển bền vững là một trong các mục tiêu chiến lược của VINARE, do vậy các yếu tố bền vững luôn được lồng ghép trong tất cả các hoạt động của doanh nghiệp, các chuỗi giá trị từ cung ứng đầu vào đến hoạt động kinh doanh và các yếu tố đầu ra đều được xem xét ở 3 khía cạnh: Kinh tế - Xã hội - Môi trường. Phần lợi nhuận thu được sẽ trả lại đầu tư (cổ tức) cho cổ đông, người lao động; thực hiện đầu tư ngược lại cho cộng đồng và môi trường. Phần lợi nhuận còn lại được dùng để tiếp tục tái đầu tư, bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh để tạo ra các giá trị gia tăng mới.

Lồng ghép tính bền vững trong kinh doanh nhận nhượng tái bảo hiểm, cải tiến quy trình lựa chọn nhà cung cấp

VINARE tích cực tham gia các chủ trương, giải pháp của ngành bảo hiểm hướng tới việc bảo vệ môi trường. Cụ thể là từ năm 2021, VINARE giảm dần và tiến tới không hỗ trợ tái bảo hiểm đối với các dự án điện than.

VINARE chủ trương ưu tiên nhận tái bảo hiểm quá trình xây dựng, lắp đặt và vận hành cho các dự án năng lượng sạch như điện mặt trời, điện gió.

Số lượng các dự án thuộc loại này được VINARE nhận tái bảo hiểm đã tăng mạnh trong năm 2020.

Để đảm bảo yếu tố bền vững trong hoạt động, chúng tôi đã lựa chọn những nhà cung ứng tuân thủ đầy đủ yêu cầu luật pháp, có ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, có đạo đức kinh doanh. Việc lồng ghép vấn đề bền vững trong các quyết định mua sắm giúp chúng tôi bám sát mục tiêu bền vững hơn, đặc biệt là đối với các vấn đề về môi trường.



CHỐNG THAM NHŨNG

Trong năm 2020, tại Tổng công ty VINARE không có vụ việc tham nhũng nào được xác nhận.

CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG



“ Là doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của VINARE tác động không đáng kể đến môi trường. Vì vậy đối với hoạt động nội bộ, chúng tôi đẩy mạnh việc nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; chú trọng thực hiện kiểm soát hệ thống xử lý chất thải tại các tòa nhà của VINARE - đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường cho phép; giảm thiểu việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính.

GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Áp dụng tiêu chí môi trường trong chuỗi cung ứng, dự án đầu tư	Nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Kiểm soát hệ thống xử lý chất thải	Giảm thiểu sử dụng năng lượng, tài nguyên thiên nhiên	Trao đổi với các bên liên quan xác định vấn đề trọng yếu
--	--	------------------------------------	---	--

Đối với các bên liên quan, vấn đề môi trường được chúng tôi đưa vào trong các nội dung trao đổi liên quan đến phát triển bền vững và đánh giá dựa trên mức độ quan tâm của các bên. Đặc biệt, tiêu chí về môi trường cũng được xem xét trong Quản trị chuỗi cung ứng và đánh giá các dự án đầu tư của VINARE.



THEO DÕI VÀ KIỂM SOÁT SỐ LIỆU NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ

Nhằm kiểm soát tốt hơn tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động, VINARE đã thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng.

Số liệu thống kê lượng xăng tiêu thụ của Tổng công ty VINARE năm 2020

Tổng lượng xăng tiêu thụ của VINARE năm 2020 là 9.739 lít, tương ứng với 372,61 GJ. Nguồn tiêu thụ xăng của VINARE chủ yếu là từ các xe ô tô chở các cán bộ công tác tại Hà Nội.

Năng lượng điện tiêu thụ của VINARE: Theo đó, tổng lượng điện tiêu thụ của VINARE năm 2020: 507.242 Kwh tương ứng với 1.826 GJ.

Như vậy, trong năm 2020, tổng năng lượng tiêu thụ của VINARE là 2.198,61 GJ. Việc thực hiện kiểm soát chỉ số năng lượng năm 2020 là cơ hội để VINARE xây dựng hệ thống tiêu chuẩn các dữ liệu báo cáo liên quan đến việc thống kê năng lượng tiêu thụ tại tòa nhà trụ sở và chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh; từ đó có cơ sở kiểm soát tốt hơn với các chỉ tiêu tiết giảm cụ thể trong những năm sau.

CÁC GIẢI PHÁP GIẢM TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG GÓP PHẦN GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Tiết kiệm điện trong các toà nhà

Theo số liệu Báo cáo tóm tắt về sử dụng năng lượng hợp lý tại các tòa nhà của Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững thế giới, tại hầu hết các nước, các tòa nhà tiêu thụ ít nhất 40% nguồn năng lượng, góp phần gia tăng cường độ phát thải khí nhà kính. Chính vì vậy, VINARE đã đẩy mạnh việc tiết kiệm điện năng tại các tòa nhà văn phòng của VINARE trên hệ thống.

Nguồn tiêu thụ điện năng	Giải pháp tiêu thụ điện hiệu quả
Hệ thống điều hoà không khí (tiêu thụ 40-60% điện năng)	<ul style="list-style-type: none"> Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27° C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hoà, bố trí các phòng lạnh tiếp xúc trực tiếp với các bức xạ mặt trời,... Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h30
Hệ thống chiếu sáng (tiêu thụ 15-20%)	<ul style="list-style-type: none"> Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ,...) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử,...). Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường,...).



PHÁT THẢI, NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

SỐ LIỆU THỐNG KÊ NĂM 2020

NƯỚC THẢI

5.078

(M³)

CHẤT THẢI

168,25 & 252

(M³)

(KG)



Năm 2020, VINARE tiếp tục duy trì hoạt động đánh giá các tác động tới môi trường từ hoạt động của tòa nhà trụ sở văn phòng. Các đánh giá này bao gồm:

- Phân tích tình hình sử dụng năng lượng bao gồm tiêu thụ điện và nhiên liệu trong năm 2020.
Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian qua bao gồm biện pháp khống chế môi trường không khí, ô nhiễm môi trường nước, xử lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại; lực lượng và phương tiện Phòng cháy chữa cháy tại chỗ.

Nội dung tóm tắt các biện pháp xử lý đối với nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường trong Đề án của VINARE như sau:

Table with 3 columns: Nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường, Biện pháp xử lý kỹ thuật, Các giải pháp môi trường. Rows include: Nguồn chất thải rắn thông thường, Nguồn chất thải khí.

CÁC TIÊU CHUẨN XÃ HỘI



CON NGƯỜI LÀ YẾU TỐ CỐT LÕI TẠO NÊN SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GRI 400

VINARE xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chính vì vậy, trong chiến lược quản trị nguồn nhân lực của VINARE, các giải pháp được tập trung vào việc xây dựng, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ trong các lĩnh vực then chốt; xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, thân thiện; triển khai hệ thống đánh giá hiệu quả làm việc... được liên kết với nhau chặt chẽ, dựa trên tầm nhìn, quy tắc đạo đức ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của VINARE.

CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC




Những quyền lợi cơ bản của nhân viên, cán bộ VINARE

- Những chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
- Khám sức khỏe định kỳ: hàng năm, Tổng công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- Các chế độ bảo hiểm: ngoài các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định hiện hành của Nhà nước như Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp, Tổng công ty mua Bảo hiểm Tai nạn thân thể và Trợ cấp nằm viện, Bảo hiểm Nhân thọ cho người lao động. Chế độ Bảo hiểm Nhân thọ bắt đầu thực hiện từ năm 2019.
- Các khoản trợ cấp: người lao động được hưởng các khoản trợ cấp từ quỹ phúc lợi trong các trường hợp sau:
 - Khó khăn đột xuất, ốm đau, bệnh tật;
 - Trợ cấp đối với lao động nữ nghỉ sinh con;
 - Tặng quà nhân dịp sinh nhật, nghỉ hưu, kết hôn;
 - Chi phí nghỉ mát hàng năm,...
- Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn: tùy theo nhu cầu hoạt động, kế hoạch và quy hoạch cán bộ, người lao động được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước.
- Trong năm 2020, đã có 6 lượt cán bộ được cử đi đào tạo trong nước (Trong đó: 4 lượt đào tạo 1 ngày, 1 lượt đào tạo 2 ngày, 1 lượt đào tạo 6 ngày)
- Người lao động được hưởng thu nhập từ lương và các lợi ích khác theo cơ chế gắn liền với hiệu quả lao động sản xuất kinh doanh.
- Chính sách bổ nhiệm cán bộ được minh bạch - công khai theo quy trình và cần trọng.

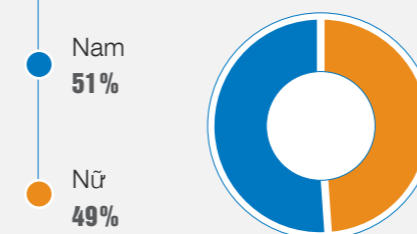
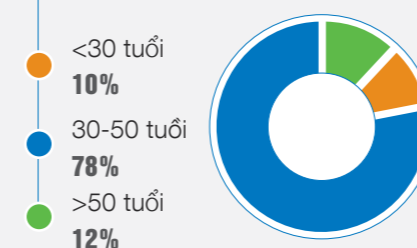

VIỆC LÀM
CƠ CẤU LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TẠI VINARE

Năm 2020, tổng số lao động của VINARE là 101 người (tăng 2% so với năm 2019) bao gồm 14 Ban và Chi nhánh. Về cơ cấu lao động năm 2020 ít có sự thay đổi so với năm 2019, tỉ lệ lao động Nam chiếm 51% so với lao động Nữ 49%; tỉ lệ lao động trẻ vẫn được VINARE duy trì trong những năm gần đây, năm 2020, lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 10%, lao động trong độ tuổi trung niên (từ 30 đến dưới 50 tuổi) chiếm 79%, lao động từ 50 tuổi trở lên đã gần bó lâu năm với VINARE chiếm 12%.

Về trình độ lao động, với mục tiêu xây dựng, duy trì đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, năm 2020 lao động của VINARE tiếp tục duy trì tỉ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học ở mức cao, chiếm 80%, riêng lao động có trình độ trên đại học chiếm 25%, lao động có trình độ cao đẳng trở xuống không có sự thay đổi so với năm trước, giữ ở mức 20% (trong đó lao động có trình độ cao đẳng chiếm 7%).

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG NĂM 2020

101
(NGƯỜI)
TĂNG 2% SO VỚI 2019

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO ĐỘ TUỔI


Cơ cấu lao động theo các tiêu chí	Số lượng cán bộ	Tỷ lệ trên tổng số cán bộ VINARE
Giới tính:		
• Nam:	51	51%
• Nữ	50	49%
Độ tuổi:		
• Dưới 30 tuổi	10	10%
• 30-50 tuổi	79	78%
• Trên 50 tuổi	12	12%
Trình độ đào tạo		
• Trên Đại học	25	25%
• Đại học	56	55%
• Cao đẳng	7	7%
• Khác	13	12%
Cấp quản lý		
• Cấp cao	3	3%
• Cấp trung	25	25%
• Nhân viên	73	72%



TỶ LỆ THỜI VIỆC

TỶ LỆ THỜI VIỆC NĂM 2020

2%

Năm 2020, tỷ lệ thôi việc của VINARE là 2%, trong đó sự chênh lệch về tỉ lệ thôi việc của nam giới (1%) và nữ giới (1%) là cân bằng. Lao động trên 50 tuổi có xu hướng ổn định cao nhất nên tỉ lệ thôi việc là 0%, trong khi đó, lao động dưới 30 tuổi chiếm tỉ lệ thôi việc là 1% và lao động trong độ tuổi từ 30-50 tuổi có tỉ lệ thôi việc ở mức trung bình là 1%.

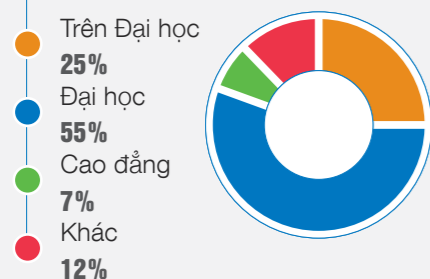
Dữ liệu thống kê		Độ tuổi			Giới tính		Tổng cộng
		<30	30-50	>50	Nam	Nữ	
Số lượng cán bộ nghỉ việc năm 2019	Số lượng (người)	1	2	0	1	2	3
	Tỷ lệ (%)	1	2	0	1	2	3
Số lượng cán bộ nghỉ việc năm 2020	Số lượng (người)	1	1	0	1	1	2
	Tỷ lệ (%)	1	1	0	1	1	2



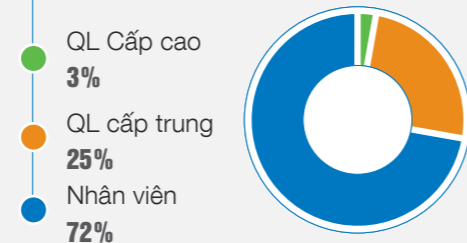
MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ

Về cơ cấu cán bộ quản lý, VINARE tiếp tục duy trì tỉ lệ hợp lý giữa cán bộ quản lý và nhân viên, đảm bảo tính tối ưu trong quản trị, điều hành doanh nghiệp. Năm 2020, tổng số cán bộ quản lý của VINARE là 28 người, chiếm tỉ lệ 28% trong tổng số lao động; trong đó, cán bộ quản lý cấp cao là 3 người, chiếm 3% và cán bộ quản lý cấp trung là 25 người, chiếm 25%.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO CẤP QUẢN LÝ



AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

VINARE hiểu rằng để tổ chức có thể thành công và đi đến đích cần dựa vào đội ngũ nhân lực với sự quyết tâm và đồng lòng vì mục tiêu chung. Vì vậy, VINARE luôn trân trọng những đóng góp và cống hiến của đội ngũ cán bộ cho thành công chung của VINARE.



Điều này được thể hiện qua chính sách lương thưởng và hệ thống phúc lợi cạnh tranh với thị trường nhằm đảm bảo về mặt vật chất, đồng thời cũng là sự nhìn nhận của VINARE đối với sự gắn bó và cam kết với công việc của cán bộ.

Chính sách chăm sóc sức khỏe người lao động và người thân

Kết quả khảo sát năm 2020 của VINARE về sự hài lòng của nhân viên cho thấy trên 95% người lao động cảm thấy rất hài lòng với các chế độ phúc lợi ngoài tiền lương mà VINARE đang áp dụng.

qua việc tổ chức các lớp học, các câu lạc bộ như lớp học Yoga, lớp học nhảy, giải thi đấu tennis, giải giao hữu bóng đá, giải giao hữu golf.

Đối với các cán bộ nghỉ hưu, ngoài việc tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp lễ, Tết, VINARE vẫn duy trì mua Bảo hiểm Tai nạn thân thể và Trợ cấp nằm viện.

Năm 2020, VINARE tiếp tục thể hiện sự quan tâm đến sức khỏe của người lao động thông qua việc thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, với danh mục khám được mở rộng hơn, gia tăng quyền lợi tối đa cho người lao động.

Thực hiện các quy định của pháp luật lao động hiện hành, các hoạt động đối thoại thông qua chương trình Hội nghị người lao động, tổ chức công đoàn, các khảo sát nội bộ nhằm tìm hiểu tâm tư nguyện vọng, cũng như chia sẻ định hướng kinh doanh, kết quả hoạt động của VINARE, gắn kết và hài hòa mục tiêu và động cơ cá nhân với mục tiêu chung của tổ chức.

Bên cạnh đó, các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe của cán bộ được chúng tôi khuyến khích thông

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trong xu thế hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, VINARE xác định đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức để duy trì và phát triển các thành tựu đã đạt được. Nhận thức rõ việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là xu thế chung, VINARE đã đầu tư xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng để tạo lợi thế cạnh tranh thông qua các hoạt động.



Đầu tư cho hoạt động đào tạo

Trong năm 2020, VINARE đã dành ngân sách 62 triệu để đầu tư cho các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, tiến hành đào tạo cho 6 lượt đào tạo trong nước (Trong đó: 4 lượt đào tạo 1 ngày, 1 lượt đào tạo 2 ngày, 1 lượt đào tạo 6 ngày) (So sánh số liệu năm 2019: 866 triệu. Do ảnh hưởng của Covid nên các cán bộ không tham gia các khóa đào tạo nước ngoài). Các cán bộ có nhu cầu học thêm để nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, ngoại ngữ đều được tài trợ chi phí đào tạo theo quy chế, quy định của Tổng công ty.



SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

Tuyển dụng nhân sự và thu hút người tài

Nhận thức rõ tầm quan trọng của nguồn lực con người trong việc thực hiện thành công mục tiêu kinh doanh hằng năm và chiến lược phát triển bền vững của VINARE, VINARE không ngừng hoàn thiện cơ chế chính sách, đầu tư nguồn lực tài chính để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện thu nhập, gia tăng các lợi ích, phúc lợi tài chính và phi tài chính cho người lao động để tạo động lực làm việc, tăng cường sự gắn kết và nâng cao năng suất lao động thông qua nhiều chính sách nhân sự.



Đối xử công bằng với người lao động

Việc đối xử công bằng với người lao động có vai trò quan trọng trong việc hình thành một môi trường làm việc tốt, tạo động lực cho nhân viên, phát huy khả năng, gắn bó với VINARE. Các hoạt động trong chính sách nhân sự của VINARE đều hướng tới các mục tiêu chính:

- Không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của pháp luật lao động;
- Trả lương công bằng cho nhân viên theo hiệu quả làm việc;
- Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người lao động. Mọi nhân viên đều có quyền đóng góp ý kiến vào việc xây dựng và phát triển VINARE;
- Mọi nhân viên có cơ hội như nhau trong hoạt động tuyển dụng, đào tạo và thăng tiến.

VINARE đảm bảo sự công bằng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cũng như tạo điều kiện để các cán bộ nữ được thực sự tham gia công tác chuyên môn, quy hoạch và bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo.

Cùng với Công đoàn, “Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ” của VINARE giữ vai trò quan trọng trong việc trong việc đưa vấn đề giới vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách nhân sự tại VINARE; đảm bảo các cán bộ nữ được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và chế độ phúc lợi như: BHXH bắt buộc, nghỉ hằng năm, nghỉ theo chế độ BHXH, tham gia các loại hình bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, khám sức khỏe định kỳ và sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp.

Trong bộ máy quản lý, điều hành của VINARE đều có sự tham gia của nữ cán bộ.



Hệ thống quản lý và trả lương theo hiệu quả làm việc

VINARE chủ trương xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực, thu hút nhân tài, gìn giữ nguồn lao động có chất lượng cao, tạo động lực làm việc và nâng cao năng suất lao động.

Với chiến lược phát triển nguồn nhân lực đã được Hội đồng Quản trị thông qua, năm 2020, VINARE tiếp tục triển khai chính sách thu nhập gắn liền với hiệu quả làm việc, tham gia khảo sát, điều tra tiền lương thị trường để xác định dải lương, mức lương trả cho người lao động tương ứng với từng cấp bậc công việc, hiệu quả công việc đạt được, đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với bên ngoài.

Chính sách đánh giá hiệu quả làm việc

VINARE tiếp tục duy trì chính sách quản lý hiệu quả làm việc nhằm thiết lập, kiểm soát, đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, phân loại hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân, làm căn cứ xem xét điều chỉnh lương hằng năm và thưởng hiệu quả làm việc đối với cá nhân người lao động dựa trên thành tích, mức độ đóng góp vào thành công của tổ chức; góp phần tạo cơ chế thu nhập công bằng, cạnh tranh trong chính sách lương của VINARE.

Hệ thống quản lý hiệu quả làm việc vẫn tiếp tục được áp dụng và ngày càng hoàn thiện để nâng cao hiệu quả trong thực tiễn. Kể từ khi triển khai, hệ thống này giúp cho việc gắn kết giữa mục tiêu của VINARE đến từng ban và cấp nhân viên, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, bằng cách trang bị cho mọi cá nhân trong tổ chức năng lực và các công cụ giúp nhận biết rõ ràng về các mong đợi của VINARE, tạo điều kiện để các cá

nhân có thể hoạt động hiệu quả, phát huy được mọi khả năng, tiềm năng của họ và đóng góp vào thành công của VINARE.

Kết quả đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm được VINARE sử dụng làm cơ sở để điều chỉnh lương hàng năm và trả lương hiệu quả làm việc. Chính sách này đảm bảo người lao động được trả lương nhất quán, minh bạch rõ ràng, đúng với tính chất công việc, hiệu quả làm việc và nỗ lực của bản thân, tạo động lực làm việc cho người lao động.

Thu nhập người lao động VINARE trong năm 2020

Tiền lương

- Lương cơ bản, lương cố định hàng tháng;
- Lương theo hiệu quả làm việc;
- Lương cho các ngày nghỉ hàng năm mà người lao động chưa nghỉ.

Các chế độ đãi ngộ khác

- Phúc lợi nhân dịp ngày thành lập VINARE, nhân ngày Lễ, Tết;
- Các khoản trợ cấp điện thoại, công tác phí, phương tiện đi lại, trang phục, nghỉ mát, ...;
- Các chế độ Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ;
- Chế độ bảo hiểm sức khỏe và nằm viện;
- Chế độ bảo hiểm nhân thọ cho đội ngũ lãnh đạo cấp trung trở lên và cán bộ có thâm niên từ 15 năm trở lên.



Xã hội
GRI 407

QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GẮN KẾT VĂN HÓA VỮNG MẠNH

VINARE đã xây dựng văn hóa đoàn kết, lối ứng xử hòa nhã trong môi trường làm việc. Các hoạt động team-building, các sinh hoạt thể thao, văn hóa, văn nghệ được tổ chức định kỳ vào các dịp kỷ niệm được sự tham gia hưởng ứng của toàn thể cán bộ nhân viên trong Tổng công ty.

GẮN KẾT TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH MỖI CÁN BỘ LÀ MỘT ĐẠI SỨ THƯƠNG HIỆU

Với mong muốn cán bộ có thể cảm nhận rõ hơn về ý nghĩa những hoạt động cộng đồng mà VINARE đang thực hiện, chúng tôi khuyến khích cán bộ tham gia vào các trải nghiệm thực tế khi cùng tham gia các dự án cộng đồng của VINARE

GẮN KẾT TRONG HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG GÓP SỨC VÌ MỤC TIÊU CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

Cụm từ "Phát triển bền vững" đang ngày trở nên quen thuộc hơn với cán bộ nhân viên VINARE với các thông điệp được truyền thông liên tục trong bản tin toàn hệ thống. Thông qua chuỗi các bài viết truyền thông, hệ thống chữ ký điện tử, poster kêu gọi sử dụng năng lượng hiệu quả...nhằm nâng cao ý thức của cán bộ đối với vấn đề phát triển bền vững và mục tiêu bảo vệ môi trường.

XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP GIÀU BẢN SẮC VINARE KẾT NỐI THỊ TRƯỜNG NÂNG TẦM CAO MỞI

Văn hóa doanh nghiệp VINARE là tài sản vô hình, bao gồm toàn bộ các giá trị văn hóa được xây dựng và hình thành trong suốt quá trình tồn tại và phát triển và trở thành các giá trị tinh thần, quan niệm, tập quán truyền thống, chi phối tình cảm, suy nghĩ và hành vi của mỗi cán bộ nhân viên.

Việc duy trì nét bản sắc văn hóa riêng giúp VINARE trở nên khác biệt, tạo dấu ấn thương hiệu và góp phần tạo nên lợi thế cạnh tranh cho VINARE. Góp phần tạo dựng và truyền tải nét văn hóa đặc trưng ấy là các Lãnh đạo, cán bộ nhân viên VINARE thông qua hành động, thái độ của mỗi cá nhân trong giao tiếp ứng xử nội bộ và bên ngoài.

Thực hiện trách nhiệm xã hội

Cùng với mục tiêu tăng trưởng vững chắc về kinh tế, chiến lược phát triển bền vững của VINARE hướng tới cân bằng các lợi ích cho cộng đồng và môi trường. Chính vì vậy, thực hiện trách nhiệm xã hội là trọng tâm hướng tới của VINARE.



Với mong muốn đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng, VINARE cũng thực hiện đầu tư vào các dự án vì cộng đồng. Với VINARE, thực hiện các hoạt động vì cộng đồng là đầu tư dài hạn cho doanh nghiệp. Chúng tôi thay mặt cho các cổ đông, thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho chính VINARE thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án cộng đồng mang lại cho người dân địa phương và mức độ ảnh hưởng của VINARE tại địa phương đó.

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG TIÊU BIỂU CỦA VINARE NĂM 2020

- Năm 2020, Tổng Công ty đã kêu gọi cán bộ, nhân viên Tổng công ty tham gia chương trình thiện nguyện đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa cho người nghèo tại xã Mường Hoong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum với kinh phí xây dựng là 60 triệu đồng. Với mục tiêu giúp những gia đình khó khăn, kinh tế chậm phát triển giảm bớt tác động của nền kinh tế gây bất cân đối kinh tế giữa thành thị và nông thôn, VINARE coi đây là một trong những chính sách của Tổng Công ty, sẵn sàng kêu gọi và đồng hành theo chủ trương của Chính phủ và Bộ Tài chính.
- Công đoàn Tổng Công ty đã đến thăm và tặng quà tình nghĩa cho đồng bào gặp khó khăn và học sinh trường Tiểu học xã Phúc Sơn, Thị xã Nghĩa Lộ, xã Suối Giàng, xã Tú Lệ, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.
- Công đoàn, Đoàn Thanh niên Tổng Công ty đã kêu gọi ủng hộ, đóng góp của cán bộ nhân viên tự nguyện ủng hộ bằng tiền và vật chất nhằm hỗ trợ kinh phí an ninh phòng chống cháy nổ; tặng sổ tiết kiệm các gia đình chính sách, đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ trẻ em thiệt thòi thuộc Trung tâm Hướng nghiệp trẻ thiệt thòi. Số tiền trên được huy động bằng vật chất và quỹ tự nguyện đóng góp một ngày lương của cán bộ nhân viên Tổng Công ty.
- Tặng sổ tiết kiệm cho các gia đình chính sách phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm.
- VINARE cũng dành khoản ngân sách đáng kể cho các hoạt động từ thiện khác: ủng hộ ngày Thương binh Liệt sĩ, ủng hộ quỹ hưu trí và các hoạt động từ thiện khác.
- Chương trình "Ngày hội hiến máu tình nguyện" hàng năm đã được cán bộ, nhân viên, người lao động hưởng ứng và tham gia nhiệt tình.

Chúng tôi thực hiện báo cáo này trước tiên là phục vụ cho chính doanh nghiệp trong việc triển khai chiến lược phát triển bền vững. Chỉ khi mỗi thành viên của VINARE nhận thức và hiểu rõ cần phải làm gì về vấn đề này, từ đó đưa vào hành động cụ thể thì chiến lược phát triển bền vững mới được thực hiện thành công.

Hướng dẫn GRI phiên bản GRI Sustainability Reporting Standards là bản đánh giá toàn diện và mới nhất về hoạt động bền vững của doanh nghiệp, đồng thời công bố chi tiết hơn về nhóm 3 vấn đề chính Kinh tế - Môi trường - Xã hội, chính vì vậy VINARE đã chủ động nghiên cứu và áp dụng cho "Báo cáo phát triển bền vững thực hiện năm 2020".

Báo cáo này bao gồm các Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung, theo 3 tiêu chuẩn Kinh tế - Môi trường - Xã hội và các công bố bổ sung của GRI cho ngành Dịch vụ Tài chính.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP
VINARE



101 người



Nhân sự
tại ngày 31/12/2020



↑2%



Nhân sự năm 2020
tăng so với năm 2019



95%



người lao động cảm
thấy rất hài lòng với các
chế độ phúc lợi ngoài
tiền lương mà VINARE
đang áp dụng.



CON NGƯỜI
GIÁ TRỊ NỀN TẢNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN

TỔNG GIÁ TRỊ CỔ TỨC VINARE
ĐÃ CHI TRẢ CHO CỔ ĐÔNG
TỪ 2011-2019 (Tỷ VND)

1.700

CỔ TỨC CỦA VINARE DỰ KIẾN
NĂM 2020 (Tỷ VND)

196,5

Kết nối MINH BẠCH

LỢI TỨC TRƯỚC THUẾ
NĂM 2020
(Tỷ VND)

357,2

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ
(31/12/2020) (Tỷ VND)

4.025,6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép Thành lập và Hoạt động	Số 28/GP/KDBH để ngày 15 tháng 11 năm 2004 do Bộ Tài chính cấp có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày của Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất là số 28/GPĐC4/KDBH được cấp ngày 12 tháng 8 năm 2014.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020)
	Ông Lê Song Lai	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020)
	Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Công Tứ	Thành viên (từ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2020)
	Ông Đào Nam Hải	Thành viên
	Ông Phạm Sỹ Danh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020)
	Ông Phạm Phan Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020)
	Ông Jared Orchard	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020)
	Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên
	Ông Nguyễn Đình An	Thành viên
	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Trần Trung Tính	Trưởng ban
	Ông Vũ Ngọc Vượng	Thành viên
	Bà Lê Thị Thanh Hiền	Thành viên
	Ông Tushar Chatterjee	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020)
	Ông Đào Mạnh Dương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020)
	Ông Trần Phan Việt Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Mai Xuân Dũng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 11 năm 2020) Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17 tháng 11 năm 2020)
	Ông Phạm Công Tứ	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2020)
	Ông Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Mai Xuân Dũng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 11 năm 2020)
	Ông Phạm Công Tứ	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2020)
Trụ sở chính	Tầng 7, 141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tổng Công ty và công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty và công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty và công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 71. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2021

**GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam ("Tổng Công ty") và công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 22 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 172 đến trang 226.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và công ty con liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội
Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm,
Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 24 3946 2246, www.pwc.com/vn

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 7(a) - Các khoản phải thu ngắn hạn khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó có 53.513.866.700 Đồng thể hiện khoản đầu tư của Tổng Công ty và công ty con theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 02/2010/HĐĐC để ngày 1 tháng 7 năm 2010 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long ("Chủ đầu tư") để xây dựng Dự án Tincom Plaza (nay là Dự án Skyview Plaza) ("Dự án"). Theo Quyết định số 14/2019/QĐST-KDTM để ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân, Thỏa thuận thanh toán công nợ ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ để ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa công ty con và Chủ đầu tư, tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 mà Chủ Đầu tư phải trả bằng tiền mặt hoặc bù trừ bằng các căn hộ của Dự án cho công ty con là 132.633.052.958 Đồng, bao gồm tiền đầu tư gốc là 60.149.250.000 Đồng (Thuyết minh 7(a) - Các khoản phải thu khác) và tiền lãi phát sinh là 72.483.802.958 Đồng (Thuyết minh 40 - Tài sản tiềm tàng). Giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu gốc này được Ban Tổng Giám đốc xác định bằng cách bù trừ với giá trị hợp lý của các căn hộ sẽ được Chủ đầu tư bàn giao cho công ty con khi công trình xây dựng được hoàn thành và trên cơ sở Tổng Công ty và công ty con đóng tiếp 30% giá trị căn hộ, tương đương 42.939.960.000 Đồng đối với các căn hộ thuộc tòa HH3 và 5% giá trị căn hộ, tương đương 581.701.750 Đồng đối với các căn hộ thuộc tòa HH2 để đủ điều kiện nhận bàn giao theo các hợp đồng mua bán căn hộ được ký kết giữa công ty con và Chủ đầu tư trong năm 2020. Khoản phải thu gốc này dự kiến sẽ được thu hồi khi Tổng Công ty và công ty con nhận bàn giao và bán các căn hộ nói trên theo quy định Luật Nhà ở.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 5 tháng 3 năm 2020.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội.

Nguyễn Phi Lan
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0573-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Bùi Phương Hạnh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3823-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 2633
Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021



Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.893.422.736.475	5.844.725.307.673
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	55.424.073.810	103.163.125.222
111	Tiền		55.424.073.810	103.163.125.222
120	Đầu tư ngắn hạn		2.053.240.931.318	2.792.546.231.902
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	173.907.022	173.907.022
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	4(a)	(173.907.022)	(173.907.022)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	2.053.240.931.318	2.795.615.165.741
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	4(b)	-	(3.068.933.839)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		700.282.516.268	978.807.649.823
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	564.034.646.896	813.498.418.453
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		563.619.791.897	608.720.497.533
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		414.854.999	204.777.920.920
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		106.018.000	62.550.480
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7(a)	166.095.471.952	191.911.542.585
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(29.953.620.580)	(26.664.861.695)
140	Hàng tồn kho	8	36.417.776.783	40.500.614.410
141	Hàng tồn kho		40.964.900.921	45.047.738.548
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.547.124.138)	(4.547.124.138)
150	Tài sản ngắn hạn khác		585.394.346.564	418.865.030.529
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	580.190.581.169	413.364.664.958
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		580.190.581.169	406.888.443.007
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		-	6.476.221.951
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	14(a)	5.203.765.395	5.500.365.571
190	Tài sản tái bảo hiểm		1.462.663.091.732	1.510.842.655.787
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	18(a)	470.264.225.140	508.147.652.582
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18(a)	992.398.866.592	1.002.695.003.205

Các thuyết minh từ trang 180 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2020 VND	31/12/2019 VND (Phân loại lại)
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.082.317.191.954	1.149.656.517.136
210	Các khoản phải thu dài hạn		36.303.139.726	23.304.767.125
218	Phải thu dài hạn khác		36.303.139.726	23.304.767.125
218.1	- Ký quỹ bảo hiểm	2.11	22.000.000.000	22.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	7(b)	14.303.139.726	1.304.767.125
220	Tài sản cố định		8.020.286.076	4.684.443.147
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	8.020.286.076	4.684.443.147
222	Nguyên giá		29.980.897.654	25.795.808.154
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(21.960.611.578)	(21.111.365.007)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	-	-
228	Nguyên giá		32.434.195.934	32.434.195.934
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.434.195.934)	(32.434.195.934)
230	Bất động sản đầu tư	11	8.031.430.158	9.408.782.725
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(26.023.631.735)	(24.646.279.168)
240	Tài sản dở dang dài hạn		15.652.813.679	17.142.387.324
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	12	14.036.123.679	14.036.123.679
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.616.690.000	3.106.263.645
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.000.881.548.394	1.084.413.654.319
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(c)	297.645.573.026	274.951.845.713
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	357.354.024.845	403.155.876.046
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(d)	-	(94.817.694)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(d)	1.345.881.950.523	406.400.750.254
260	Tài sản dài hạn khác		13.427.973.921	10.702.482.496
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	5.569.640.588	2.844.149.163
268	Tài sản dài hạn khác	7(b)	7.858.333.333	7.858.333.333
270	TỔNG TÀI SẢN		6.975.739.928.429	6.994.381.824.809

Các thuyết minh từ trang 180 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tại ngày

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		3.830.456.981.846	3.887.040.153.264
310	Nợ ngắn hạn		3.828.953.753.466	3.884.243.615.709
311	Phải trả cho người bán	13	581.516.210.025	825.996.707.924
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		580.352.904.664	613.498.599.822
311.2	- Phải trả khác cho người bán		1.163.305.361	212.498.108.102
312	Người mua trả tiền trước		1.503.634.974	1.882.361.089
313	Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	14(b)	16.220.037.904	17.896.496.743
314	Phải trả người lao động		25.352.582.932	21.508.923.286
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		302.524.570	-
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15(a)	51.429.072.572	48.492.213.904
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	15(a)	102.957.752.564	111.386.015.883
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	21.468.757.438	12.909.096.840
322	Quỹ khen thưởng phúc lợi	17	22.690.170.128	18.970.301.148
329	Dự phòng nghiệp vụ	18	3.005.513.010.359	2.825.201.498.892
329.1	-Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		1.196.704.406.560	1.077.521.983.191
329.2	-Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		1.636.743.500.588	1.590.506.312.001
329.3	-Dự phòng dao động lớn		172.065.103.211	157.173.203.700
330	Nợ dài hạn		1.503.228.380	2.796.537.555
337	Phải trả dài hạn khác	15(b)	1.503.228.380	2.796.537.555
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.145.282.946.583	3.107.341.671.545
410	Vốn chủ sở hữu		3.145.282.946.583	3.107.341.671.545
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19	1.310.759.370.000	1.310.759.370.000
411a	-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.310.759.370.000	1.310.759.370.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	566.368.537.309	566.368.537.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	211.573.836.051	211.573.836.051
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	20	131.075.937.000	131.075.937.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	20	891.887.455.949	852.773.676.716
421a	-Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước		588.621.802.716	578.594.879.212
421b	-Lợi nhuận sau thuế của năm nay		303.265.653.233	274.178.797.504
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	20	33.617.810.274	34.790.314.469
440	TỔNG NGUỒN VỐN		6.975.739.928.429	6.994.381.824.809

Nguyễn Thành Công
 Người lập

Lưu Thị Việt Hoa
 Kế toán trưởng

Mai Xuân Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 180 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tại ngày

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2020	31/12/2019
1.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	1.834.964,63	3.690.944,67
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	3.419,87	498,16
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	115.531,26	127.138,70

Nguyễn Thành Công
 Người lập

Lưu Thị Việt Hoa
 Kế toán trưởng

Mai Xuân Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 180 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.578.398.460.337	1.236.537.905.553
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	14.164.995.805	13.954.420.816
12	Doanh thu hoạt động tài chính	365.586.847.756	321.098.695.596
13	Thu nhập khác	641.715.981	1.515.996.401
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.485.160.867.556)	(1.139.889.342.515)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư	(7.605.566.971)	(1.606.162.584)
22	Chi phí hoạt động tài chính	(41.806.408.317)	(56.787.234.485)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(84.657.729.594)	(66.065.341.829)
24	Chi phí khác	(1.205.969.139)	(1.180.411.468)
25	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	38.838.017.475	36.609.701.752
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	377.193.495.777	344.188.227.237
51	Thuế TNDN hiện hành	(66.121.705.916)	(57.564.870.285)
52	Thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	311.071.789.861	286.623.356.952
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.314	2.118

Nguyễn Thành Công
Người lập

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 180 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
1	Doanh thu phí bảo hiểm	22	2.328.522.737.462	2.018.063.530.162
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		2.447.705.160.831	2.221.248.294.242
1.3	- Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc		119.182.423.369	203.184.764.080
2	Phí nhượng tái bảo hiểm	23	(988.683.109.085)	(1.025.624.314.273)
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(950.799.681.643)	(1.030.278.614.236)
2.2	- (Giảm)/tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		(37.883.427.442)	4.654.299.963
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần		1.339.839.628.377	992.439.215.889
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		238.558.831.960	244.098.689.664
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		216.930.820.188	222.442.099.623
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	24	21.628.011.772	21.656.590.041
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.578.398.460.337	1.236.537.905.553
11	Chi bồi thường	25	(950.313.250.918)	(1.075.927.565.712)
11.1	- Tổng chi bồi thường	25	(950.313.250.918)	(1.075.927.565.712)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25	579.287.329.344	669.723.131.637
13	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	25	59.871.801.757	(74.250.457.020)
14	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25	105.536.227	(146.364.312.427)
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	25	(430.792.187.104)	(478.318.289.482)
16	Tăng/(giảm) dự phòng dao động lớn		14.891.899.511	(34.127.288.514)
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.039.476.780.941)	(695.698.341.547)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	26	(1.002.846.259.958)	(668.970.621.756)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	27	(36.630.520.983)	(26.727.719.791)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.485.160.867.556)	(1.139.889.342.515)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		93.237.592.781	96.648.563.038
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		14.164.995.805	13.954.420.816
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(7.605.566.971)	(1.606.162.584)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản		6.559.428.834	12.348.258.232

Các thuyết minh từ trang 180 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
23	Doanh thu hoạt động tài chính	28	365.586.847.756	321.098.695.596
24	Chi phí hoạt động tài chính	29	(41.806.408.317)	(56.787.234.485)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính		323.780.439.439	264.311.461.111
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(84.657.729.594)	(66.065.341.829)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		338.919.731.460	307.242.940.552
31	Thu nhập khác		641.715.981	1.515.996.401
32	Chi phí khác		(1.205.969.139)	(1.180.411.468)
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác		(564.253.158)	335.584.933
40.1	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết		38.838.017.475	36.609.701.752
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		377.193.495.777	344.188.227.237
51	Thuế TNDN hiện hành	34	(66.121.705.916)	(57.564.870.285)
52	Thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		311.071.789.861	286.623.356.952
	Phân bổ cho			
61	Cổ đông của Tổng Công ty		312.244.294.056	288.085.060.920
62	Cổ đông không kiểm soát		(1.172.504.195)	(1.461.703.968)
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	2.314	2.118

Nguyễn Thành Công
Người lập

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 180 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	574.997.091.053	576.934.658.888
02	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	(437.534.364.332)	(344.231.365.167)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(44.125.159.885)	(42.719.487.169)
05	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(67.641.470.965)	(56.770.816.820)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	8.229.266.254	5.679.021.174
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(29.539.293.174)	(34.234.833.285)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	4.386.068.951	104.657.177.621
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.641.835.855)	(2.490.942.645)
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.146.460.954.990)	(1.438.810.460.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.911.604.517.959	1.179.085.520.133
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	45.801.851.201	59.210.487.951
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	401.818.699.523	294.643.723.600
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	210.122.277.838	91.638.329.039
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(262.150.813.160)	(157.090.344.240)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(262.150.813.160)	(157.090.344.240)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(47.642.466.371)	39.205.162.420
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	103.163.125.222
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(96.585.041)	154.733.526
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	55.424.073.810

Nguyễn Thành Công
Người lập

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 180 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON

Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (“Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 28/GP/KDBH để ngày 15 tháng 11 năm 2004 do Bộ Tài Chính cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất là số 28/GPĐC4/KDBH được cấp ngày 12 tháng 8 năm 2014.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã chính thức niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 13 tháng 3 năm 2006.

Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có một công ty con và một công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 4(c) - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Chi tiết như sau:

	Lĩnh vực hoạt động kinh doanh	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ
Công ty con				
Công ty Cổ phần (“CP”) Đầu tư Vinare	Đầu tư	Hà Nội, Việt Nam	63,9%	60%
Công ty liên kết				
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	Bảo hiểm	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty và công ty con có 101 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 100 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng Công ty và công ty con sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”). Tổng Công ty và công ty con xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch thu phí nhận tái bảo hiểm, thanh toán phí nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng nhận tái/nhượng tái bảo hiểm; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá phí nhận tái/nhượng tái và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc thu/chi tiền bồi thường; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, chi phí bồi thường, chi phí hoa hồng tái bảo hiểm và các chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có nguồn thu bằng Đồng từ các hoạt động kinh doanh và các khoản tiết kiệm.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo một tỷ giá là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch. Tổng Công ty và công ty con đảm bảo tỷ giá xấp xỉ có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình, và không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua hoặc tỷ giá bán của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng Công ty áp dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty và công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng Công ty và công ty con vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng Công ty và công ty con được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong các công ty liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng Công ty và công ty con trong các công ty liên kết, Tổng Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty và công ty con áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty và công ty con với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tổng Công ty và công ty con sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải thu của khách hàng về hợp đồng tái bảo hiểm là khoản phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm bao gồm các khoản phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm, phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm, dự thu phí tái lập và các khoản phải thu khác từ nghiệp vụ tái bảo hiểm;
- Phải thu khác của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ngoài hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Khi trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của một đối tượng nợ có số dư cả nợ phải thu và nợ phải trả, Tổng Công ty và công ty con căn cứ biên bản đối chiếu công nợ đã gửi đi để trích lập dự phòng trên cơ sở số còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả của đối tượng này. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để mua sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tổng Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

2.10 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, đầu tư vào các quỹ ủy thác có thời điểm tất toán được thống nhất trước với các công ty quản lý quỹ theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Đối với các khoản đầu tư vào các quỹ ủy thác, Ban Tổng Giám đốc lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ một khoản đầu tư cao hơn giá trị của khoản đầu tư đó trên báo cáo giá trị tài sản ròng tại ngày kết thúc năm tài chính do các quỹ ủy thác cung cấp.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(d) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM), Ban Tổng Giám đốc căn cứ vào giá đóng cửa của phiên giao dịch tại ngày báo cáo (hoặc phiên trước liền kề nếu thị trường không giao dịch vào ngày báo cáo) để thực hiện ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư. Ban Tổng Giám đốc thực hiện xem xét tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm tài chính hiện thời hoặc kỳ gần nhất đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ/năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hợp đồng. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

2.12 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4%
Phương tiện vận tải	17%
Thiết bị văn phòng	25%
TSCĐ hữu hình khác	20 - 25%
Phần mềm kỹ thuật tái bảo hiểm	20%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư là 25 năm.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.15 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

2.16 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng chưa phân bổ, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty và công ty con. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ được Tổng Công ty xác định tại thời điểm kết thúc năm tài chính theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với phần dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng (Thuyết minh 2.21(a)) như sau:

Loại hình hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tái bảo hiểm	
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm
Bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không)	25%	55%
Các loại hình bảo hiểm khác	50%	55%

Đối với các khoản chi phí trả trước khác, các khoản chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.17 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải trả liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ không liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.18 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tổng Công ty và công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tổng Công ty và công ty con đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tổng Công ty và công ty con trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty và công ty con chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty và công ty con không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

2.21 Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các giả định và phương pháp mà chuyên gia tính toán được chỉ định của Tổng Công ty xác lập đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê chuẩn và các quy định và hướng dẫn trong:

- Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 (thay thế Thông tư 125/2012/TT-BTC);
- Công văn số 2713/BTC-QLBH do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018. Công văn áp dụng từ năm tài chính 2017;
- Công văn số 2134/BTC-QLBH do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 2 năm 2019. Công văn áp dụng từ năm tài chính 2019;
- Thông tư số 01/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 1 năm 2019 (sửa đổi Thông tư số 50/2017/TT-BTC); và
- Thông tư số 89/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2020 (sửa đổi Thông tư số 50/2017/TT-BTC).

Dự phòng nghiệp vụ của Công ty bao gồm:

(a) Dự phòng phí chưa được hưởng

Tái bảo hiểm phi nhân thọ

Tỷ lệ trích lập quỹ dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được tính trên tổng phí nhận tái/nhượng tái bảo hiểm được quy định như sau:

Loại hình hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tái bảo hiểm	
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm
Bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không)	25%	55%
Các loại hình bảo hiểm khác	50%	55%

Tái bảo hiểm nhân thọ

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính cho từng hợp đồng tái bảo hiểm nhân thọ.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm nhưng có quy định về thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống, tái tục hàng năm ký trước ngày Thông tư 50/2017/TT-BTC có hiệu lực, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính cho từng hợp đồng tái bảo hiểm nhân thọ.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm sau ngày Thông tư 50/2017/TT-BTC có hiệu lực, Tổng Công ty sẽ trích lập dự phòng toán học theo quy định.

(b) Dự phòng bồi thường

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết: được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp tái bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường ("IBNR") được Tổng Công ty trích lập bằng 5% tổng phí bảo hiểm nhận tái/nhượng tái thuộc năm tài chính đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.21 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(c) Dự phòng dao động lớn

Tổng Công ty thực hiện trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% trên mức phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính.

(d) Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo từng loại hình tái bảo hiểm như sau:

- Tái bảo hiểm sức khỏe: Tổng Công ty thực hiện trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% trên mức phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính.
- Tái bảo hiểm nhân thọ: Tổng Công ty trích lập hàng năm với mức 1% lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp, được trích lập cho đến khi khoản dự phòng này bằng mức 5% của phí nhận tái bảo hiểm nhân thọ thu được trong năm tài chính của Tổng Công ty.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính ban hành bốn (4) chuẩn mực kế toán theo quyết định số 100/2005/QĐ-BTC, trong đó có Chuẩn mực Kế toán số 19 ("VAS 19") - Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, dự phòng đảm bảo cân đối sẽ không cần tiếp tục trích lập vì khoản dự phòng này thể hiện "các yêu cầu bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính".

Tuy nhiên, do Bộ Tài Chính vẫn chưa ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện VAS 19 và theo Nghị định 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016 hướng dẫn thi hành luật kinh doanh bảo hiểm áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty vẫn tiếp tục trích dự phòng bảo đảm cân đối hàng năm với tỷ lệ đã nêu trên.

(e) Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn bảo hiểm trên 1 năm, dự phòng toán học được trích lập như sau:

- Đối với hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn):
 - Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm: Áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số 1/8;
 - Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm nhưng có quy định về thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống, tái tục hàng năm: Áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính. Trong mọi trường hợp Tổng Công ty phải đảm bảo kết quả trích lập không thấp hơn phương pháp trích lập theo hệ số 1/8.
- Đối với hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày theo công thức tổng quát như sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

2.22 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng được Tổng Công ty xác định tại thời điểm kết thúc năm tài chính theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với phần phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận (Thuyết minh 2.21(a)) như sau:

Loại hình hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tái bảo hiểm	
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm
Bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không)	25%	55%
Các loại hình bảo hiểm khác	50%	55%

2.23 Hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch tỷ giá xác định trước. Tại ngày hiệu lực của cam kết, Tổng Công ty thanh toán cho đối tác một số tiền gốc bằng ngoại tệ và ghi nhận như một khoản phải thu. Đồng thời, Tổng Công ty hạch toán số tiền VND nhận được từ đối tác trên các khoản mục phải trả. Lãi lỗ phát sinh từ các hợp đồng hoán đổi được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn hợp đồng.

2.24 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận dựa trên khoản vốn góp thực tế.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty và công ty con tại thời điểm báo cáo.

2.25 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Tổng Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty và công ty con trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Điều 77 của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP đề ngày 1 tháng 7 năm 2016, Tổng Công ty phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty. Căn cứ vào Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ/2006 đề ngày 28 tháng 4 năm 2006 và số 08/NQ-ĐHĐCĐ/2008 đề ngày 28 tháng 4 năm 2008, quỹ đầu tư phát triển được trích lập với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế hàng năm và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông hàng năm.

(c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.26 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau đây:

- Việc giao kết bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm được xác lập; và
- Bảng thanh toán về nhận tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm.

Việc ghi nhận này được thực hiện theo quy định trong Thông tư 50/2017/TT-BTC đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu phí tái lập. Đây là số tiền mà các nhà nhượng tái bảo hiểm đóng để khôi phục lại tổng mức bồi thường ban đầu. Căn cứ ghi nhận của doanh thu phí tái lập là bảng thanh toán về nhận tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm đối với các tổn thất đã được chi bồi thường. Cuối năm tài chính, Tổng Công ty thực hiện dự thu doanh thu phí tái lập đối với những tổn thất đã xảy ra nhưng chưa được bồi thường.

(b) Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

Thu nhập hoa hồng gồm các khoản thu hoa hồng đã nhận hoặc sẽ nhận từ các công ty nhận tái bảo hiểm. Thu nhập này được tính toán trên cơ sở phí bảo hiểm gộp nhượng tái và được ghi nhận vào cùng kỳ kế toán quý mà phí nhượng tái bảo hiểm tương ứng được ghi nhận.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tổng Công ty và công ty con xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.27 Phí nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản giảm trừ đối với doanh thu nhận tái bảo hiểm đã ghi nhận. Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau đây:

- Việc giao kết bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm được xác lập; và
- Bảng thanh toán về nhượng tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm.

Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm không làm giảm trách nhiệm của Tổng Công ty đối với khách hàng được bảo hiểm trong trường hợp các công ty nhận tái bảo hiểm không có khả năng hoàn thành các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng tái bảo hiểm.

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường, Tổng Công ty ghi nhận phí tái lập phải trả. Đây là số tiền mà nhà nhận tái bảo hiểm đóng để khôi phục lại tổng mức bồi thường ban đầu. Căn cứ ghi nhận của phí tái lập phải trả là bảng thanh toán về nhượng tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm đối với các tổn thất đã được chi bồi thường. Cuối năm tài chính, Tổng Công ty thực hiện dự chi phí tái lập phải trả đối với những tổn thất đã xảy ra nhưng chưa được bồi thường.

2.28 Chi phí hoa hồng bảo hiểm

Chi phí hoa hồng là các khoản hoa hồng phải trả cho các đơn vị nhượng tái bảo hiểm cho Tổng Công ty. Các chi phí này tính toán và ghi nhận dựa trên phí nhận tái bảo hiểm khi phát sinh.

2.29 Chi phí bồi thường

Các khoản chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp nhận bồi thường.

2.30 Thu bồi thường từ nhượng tái bảo hiểm

Thu bồi thường từ nhượng tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phát sinh được thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm theo các điều khoản trong thỏa thuận tái bảo hiểm.

2.31 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ tỷ giá hối đoái.

2.32 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tổng Công ty và công ty con.

2.33 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.34 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty và công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty và công ty con, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty và công ty con căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)
2.35 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.8, Thuyết minh 6 và Thuyết minh 7);
- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (Thuyết minh 2.16 và Thuyết minh 9 (a));
- Dự phòng nghiệp vụ (Thuyết minh 2.21 và Thuyết minh 18);
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng (Thuyết minh 2.22 và Thuyết minh 15); và
- Doanh thu phí tái lập và phí tái lập phải trả (Thuyết minh 2.26(a), Thuyết minh 2.27 và Thuyết minh 16).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con và được Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền mặt	978.027.728	1.263.421.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.446.046.082	101.899.704.222
	55.424.073.810	103.163.125.222

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
 (a) Chứng khoán kinh doanh

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 31/12/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND
Cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	173.907.022	-	(173.907.022)	173.907.022	-	(173.907.022)

(b) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 31/12/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	1.936.500.000.000	1.936.500.000.000	-	2.548.300.000.000	2.548.300.000.000	-
Tái phiếu ngắn hạn (ii)	10.000.000.000	(*)	-	110.000.000.000	(*)	-
Ủy thác đầu tư (iii)	106.740.931.318	131.544.679.778	-	137.315.165.741	134.246.231.902	(3.068.933.839)
	2.053.240.931.318	(*)	-	2.795.615.165.741	(*)	(3.068.933.839)

i. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc tiền 3 tháng và thời hạn đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại các ngân hàng thương mại trong nước với mức lãi suất từ 4,9% đến 8%/năm.

ii. Trái phiếu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 với mức lãi suất là 8,3%/năm. Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh vì đây là trái phiếu chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán chưa có hướng dẫn cụ thể. Giá trị hợp lý của trái phiếu này có thể khác với giá gốc.

iii. Các khoản ủy thác đầu tư căn cứ theo các hợp đồng ủy thác ký với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("VCBF"), Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI ("SSIAM") và Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt ("BVF"), có thời hạn tất toán cố định theo hợp đồng còn lại dưới 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác đầu tư. Chi tiết như sau:

	Số dư gốc VND	Chi phí quản lý quỹ ủy thác VND	Số dư trên sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Dự phòng tổn thất VND
VCBF	30.000.000.000	(1.532.244.868)	28.467.755.132	40.801.707.117	-
SSIAM	50.000.000.000	(780.163.418)	49.219.836.582	55.323.886.576	-
BVF	30.000.000.000	(946.660.396)	29.053.339.604	35.419.086.085	-
	110.000.000.000	(3.259.068.682)	106.740.931.318	131.544.679.778	-

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 31/12/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND
Đầu tư vào công ty liên kết	297.645.573.026	(*)	-	274.951.845.713		(*)
Đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	357.354.024.845	(*)	-	403.155.876.046		(*)
	654.999.597.871	(*)	-	678.107.721.759		(*)

Biến động về đầu tư góp vốn vào công ty liên kết trong năm như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Số đầu năm	274.951.845.713	258.842.891.150
Phần lợi nhuận sau thuế trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	38.838.017.475	36.609.701.752
Cổ tức nhận được	(16.144.290.162)	(20.500.747.189)
Số cuối năm	297.645.573.026	274.951.845.713

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác mà Tổng Công ty và công ty con không có quyền chi phối và không có ảnh hưởng đáng kể. Chi tiết góp vốn cổ phần như sau:

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 31/12/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	76.046	173.200	-	76.046	156.000	-
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện	38.416.000.000	78.236.928.000	-	38.416.000.000	69.346.368.000	-
Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	10.139.800.000	(*)	-	10.139.800.000	(*)	-
Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu	17.600.000.000	(*)	-	17.600.000.000	(*)	-
Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	32.000.000.000	133.760.000.000	-	32.000.000.000	100.800.000.000	-
Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương	30.000.000.000	(*)	-	30.000.000.000	(*)	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	229.198.148.799	1.048.901.133.600	-	275.000.000.000	809.046.225.000	-
	357.354.024.845	(*)	-	403.155.876.046	(*)	-

(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 31/12/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND
Tiền gửi dài hạn (i)	1.023.000.000.000	1.023.000.000.000	-	133.000.000.000	133.000.000.000	-
Trái phiếu dài hạn (ii)	239.100.000.000	(*)	-	160.000.000.000	(*)	-
Ủy thác đầu tư (iii)	78.781.950.523	102.209.875.777	-	108.400.750.254	108.305.932.560	(94.817.694)
Chứng chỉ quỹ mở của Quỹ đầu tư cổ phiếu triển vọng Bảo Việt	5.000.000.000	(*)	-	5.000.000.000	(*)	-
	1.345.881.950.523	(*)	-	406.400.750.254	(*)	(94.817.694)

i. Các khoản tiền gửi có thời hạn còn lại trên 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại các ngân hàng thương mại trong nước với mức lãi suất từ 4,9% đến 7,1%/năm.

ii. Trái phiếu tại các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam, có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến 5 năm tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 với mức lãi suất từ 6,9% đến 8,5%/năm.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

- ii. Trái phiếu tại các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam, có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến 5 năm tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 với mức lãi suất từ 6,9% đến 8,5%/năm.

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 31/12/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	76.046	173.200	76.046	156.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện	38.416.000.000	78.236.928.000	38.416.000.000	69.346.368.000
Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	10.139.800.000	(*)	10.139.800.000	(*)
Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu	17.600.000.000	(*)	17.600.000.000	(*)
Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	32.000.000.000	133.760.000.000	32.000.000.000	100.800.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương	30.000.000.000	(*)	30.000.000.000	(*)
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	229.198.148.799	1.048.901.133.600	275.000.000.000	809.046.225.000
	357.354.024.845	(*)	403.155.876.046	(*)

(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 31/12/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi dài hạn (i)	1.023.000.000.000	1.023.000.000.000	133.000.000.000	133.000.000.000
Trái phiếu dài hạn (ii)	239.100.000.000	(*)	160.000.000.000	(*)
Ủy thác đầu tư (iii)	78.781.950.523	102.209.875.777	108.400.750.254	108.305.932.560 (94.817.694)
Chứng chỉ quỹ mở của Quỹ đầu tư cổ phiếu triển vọng Bảo Việt	5.000.000.000	(*)	5.000.000.000	(*)
	1.345.881.950.523	(*)	406.400.750.254	(94.817.694)

- i. Các khoản tiền gửi có thời hạn còn lại trên 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại các ngân hàng thương mại trong nước với mức lãi suất từ 4,9% đến 7,1%/năm.
-
- ii. Trái phiếu tại các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam, có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến 5 năm tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 với mức lãi suất từ 6,9% đến 8,5%/năm.
-
- iii. Các khoản ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác ký với VCBF, có thời hạn tất toán cố định theo hợp đồng còn lại trên 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác đầu tư. Chi tiết như sau:

	Số dư gốc VND	Chi phí quản lý quỹ ủy thác VND	Số dư trên sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Dự phòng tổn thất VND
VCBF	80.000.000.000	(1.218.049.477)	78.781.950.523	102.209.875.777	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	563.619.791.897	608.720.497.533
- Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	294.365.347.246	308.835.473.393
- Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	245.467.645.205	280.656.327.862
- Dự thu phí tái lập	19.240.694.610	15.092.609.931
- Phải thu khác từ nghiệp vụ tái bảo hiểm	4.546.104.836	4.136.086.347
Phải thu khác của khách hàng	414.854.999	204.777.920.920
- Phải thu liên quan đến các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ	-	203.368.000.000
- Các khoản phải thu khác	414.854.999	1.409.920.920
	564.034.646.896	813.498.418.453

6 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 31/12/2020		Thời gian quá hạn VND	
	Số dư phải thu khách hàng đã quá hạn VND	Số dư phải trả người bán VND	Số dư phải thu khách hàng thuần đã quá hạn VND	Dự phòng tổn thất VND		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng						
1) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	6.338.175.073	(364.391.214)	5.973.783.859	(5.142.121.071)	831.662.788	Trên 6 tháng
2) Willis (Singapore) Pte Ltd	9.032.237.681	(2.010.899.783)	7.021.337.898	(6.758.122.294)	263.215.604	Trên 2 năm
3) Tổng Công ty CP Bảo hiểm Xuân Thành	9.156.880.622	(6.311.616.731)	2.845.263.891	(1.082.919.165)	1.762.344.726	Trên 6 tháng
4) Tổng Công ty bảo hiểm PVI	1.690.331.228	(661.095.787)	1.029.235.441	(1.019.142.310)	10.093.131	Trên 1 năm
5) Khác	11.044.918.540	(6.614.703.756)	4.430.214.783	(3.251.754.311)	1.178.459.472	Trên 6 tháng
	37.262.543.144	(15.962.707.271)	21.299.835.872	(17.254.059.151)	4.045.775.721	
Phải thu ngắn hạn khác						
1) Dự án Comtrexim Complex	10.077.541.667	-	-	(10.077.541.667)	-	Trên 3 năm
2) Dự án Hà Nội Paragon	3.745.742.517	-	-	(2.622.019.762)	1.123.722.755	Từ 2 - 3 năm
	13.823.284.184	-	-	(12.699.561.429)	1.123.722.755	
Tổng số dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng				(29.953.620.580)		

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 31/12/2019		Thời gian quá hạn VND	
	Số dư phải thu khách hàng đã quá hạn VND	Số dư phải trả người bán VND	Số dư phải thu khách hàng thuần đã quá hạn VND	Dự phòng tổn thất VND		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng						
1) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	9.352.140.770	(3.775.663.913)	5.576.476.857	(4.885.481.091)	690.995.766	Trên 6 tháng
2) Willis (Singapore) Pte Ltd	10.069.238.049	(4.829.229.413)	5.240.008.636	(4.686.142.842)	553.865.794	Trên 1 năm
3) Munich Re Syndicate Singapore Pte Ltd	3.750.498.489	(3.180.747.779)	569.750.710	(241.240.222)	328.510.488	Trên 6 tháng
4) J.B.Boda & Co Ltd	2.981.179.049	(158.422.520)	2.822.756.529	(2.050.743.674)	772.012.855	Trên 6 tháng
5) Khác	8.059.595.983	(4.129.562.399)	3.930.033.584	(3.046.686.908)	883.346.676	Trên 6 tháng
	34.212.652.340	(16.073.626.024)	18.139.026.316	(14.910.294.737)	3.228.731.579	
Phải thu ngắn hạn khác						
1) Dự án Comtrexim Complex	10.077.541.667	-	-	(10.077.541.667)	-	Trên 3 năm
2) Dự án Hà Nội Paragon	3.745.742.517	-	-	(1.677.025.291)	2.068.717.226	Từ 2 - 3 năm
	13.823.284.184	-	-	(11.754.566.958)	2.068.717.226	
Tổng số dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				(26.664.861.695)		

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC
(a) Ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Dự thu lãi tiền gửi ngắn hạn	75.219.600.002	98.070.375.343
Dự thu lãi trái phiếu ngắn hạn	1.771.630.137	3.311.260.274
Phí nhận tái bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm gốc giữ lại	20.366.418.458	15.002.723.514
Góp vốn đầu tư tại dự án Tincom Plaza (i)	53.513.866.700	60.149.250.000
Phải thu vốn gốc dự án Contrexim Complex (ii)	7.500.000.000	7.500.000.000
Phải thu lãi dự án Contrexim Complex (ii)	2.577.541.667	2.577.541.667
Phải thu nợ dự án Hà Nội Paragon (iii)	3.745.742.517	3.745.742.517
Khác	1.400.672.471	1.554.649.270
	166.095.471.952	191.911.542.585
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
- Dự án Comtrexim Complex (ii)	(10.077.541.667)	(10.077.541.667)
- Dự án Hà Nội Paragon (iii)	(2.622.019.762)	(1.677.025.291)
	(12.699.561.429)	(11.754.566.958)
	153.395.910.523	180.156.975.627

(i) Dự án Tincom Plaza

Số dư thể hiện khoản đầu tư của Tổng Công ty và công ty con theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 02/2010/HĐDC-Tincom Plaza để ngày 1 tháng 7 năm 2010 giữa công ty con và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long ("Công ty Thăng Long", "Chủ đầu tư") để xây dựng Dự án Tincom Plaza (nay là Dự án Skyview Plaza) ("Dự án") tại số 360 đường Giải Phóng.

Tổng số tiền công ty con đầu tư vào Dự án là 60.149.250.000 Đồng trong đó Tổng Công ty góp 7.134.674.895 Đồng và các nhà đầu tư khác góp 53.014.575.105 Đồng.

Tuy nhiên, Chủ đầu tư đã trì hoãn việc xây dựng Dự án trong thời gian dài và đã tạm ngừng thi công tòa nhà HH3 từ năm 2019 khi đã xây đến tầng 14, do có khó khăn về tài chính.

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con đã quyết định dừng đầu tư theo Quyết định số 02/2018/QĐ-HDQT để ngày 22 tháng 6 năm 2018 và khởi kiện Chủ đầu tư.

Theo Quyết định số 14/2019/QĐST-KDTM của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân để ngày 15 tháng 11 năm 2019 ("Quyết định số 14"), Công ty Thăng Long có nghĩa vụ thanh toán cho công ty con tổng số tiền là 126.376.061.750 Đồng (bao gồm 60.149.250.000 Đồng nợ gốc và 66.226.811.750 Đồng nợ lãi tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2019) bằng tiền hoặc bằng hình thức chuyển nhượng các căn hộ thuộc Dự án cho công ty con.

Tại ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty Thăng Long và công ty con ký thỏa thuận thanh toán công nợ, theo đó Công ty Thăng Long sẽ bàn giao 65 căn hộ (bao gồm 7 căn hộ đã hoàn thiện thuộc tòa nhà HH2 và 58 căn hộ chưa xây dựng xong thuộc tòa nhà HH3) với giá trị bằng với giá trị trong hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai đối với 65 căn hộ, tương đương 117.880.956.550 Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty Thăng Long và công ty con ký Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ để tính thêm phần nợ lãi phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tổng số tiền mà Công ty Thăng Long phải trả bằng tiền hoặc bằng hình thức chuyển nhượng các căn hộ thuộc tòa nhà HH2 và tòa nhà HH3 của Dự án cho công ty con là 132.633.052.958 Đồng (bao gồm 60.149.250.000 Đồng nợ gốc và 72.483.802.958 Đồng nợ lãi).

Theo đó, công ty con và công ty Thăng Long đã ký 65 hợp đồng mua bán căn hộ để ngày 10 tháng 1 năm 2020 cho các căn hộ HH2 và ngày 31 tháng 8 năm 2020 cho các căn hộ HH3. Các hợp đồng mua bán căn hộ này không xác lập quyền sở hữu các căn hộ đối với công ty con cho đến khi công ty con thanh toán đầy đủ giá bán căn hộ và các khoản thanh toán khác theo hợp đồng. Cụ thể, công ty con sẽ cần tiếp tục thanh toán thêm 30% giá trị căn hộ, tương đương 42.939.960.000 Đồng đối với các căn hộ thuộc tòa HH3 và 5% giá trị căn hộ, tương đương 581.701.750 Đồng đối với các căn hộ thuộc tòa HH2.

Theo các hợp đồng mua bán căn hộ giữa công ty con và Công ty Thăng Long và văn bản số 85/2020/CV-TL của Công ty Thăng Long gửi công ty con để ngày 21 tháng 12 năm 2020, việc xây dựng của tòa nhà HH3 sẽ được tiếp tục vào tháng 3 năm 2021 và được hoàn thành vào tháng 3 năm 2022. Đến ngày ký báo cáo tài chính này, tòa nhà HH3 vẫn chưa được tiếp tục xây dựng.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, 3 căn hộ tại tòa nhà HH2 đã được công ty con nhận bàn giao và đã bán. 62 căn hộ còn lại chưa được bàn giao cho công ty con nên khoản đầu tư gốc này được phản ánh là khoản phải thu với giá trị sau khi trừ giá bán 3 căn hộ tại tòa HH2 là 53.513.866.700 Đồng. Giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu gốc này được Ban Tổng Giám đốc xác định bằng cách bù trừ với giá trị hợp lý của các căn hộ sẽ được Chủ đầu tư bàn giao cho công ty con khi công trình xây dựng được hoàn thành và trên cơ sở Tổng Công ty và công ty con sẽ đóng tiếp 30% giá trị căn hộ, tương đương 42.939.960.000 Đồng đối với các căn hộ thuộc tòa HH3 và 5% giá trị căn hộ, tương đương 581.701.750 Đồng đối với các căn hộ thuộc tòa HH2, để đủ điều kiện nhận bàn giao căn hộ.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 200517/CT-VNVC để ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Việt Nam, giá trị được thẩm định của 62 căn hộ này là 145.913.479.333 Đồng (đã bao gồm thuế GTGT), chưa tính đến yếu tố chậm trễ bàn giao. Dựa trên kết quả thẩm định này, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục đánh giá khả năng suy giảm giá trị các căn hộ do việc chậm trễ bàn giao và sử dụng hệ số chiết khấu để xác định giá trị hợp lý của các căn hộ này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, giá trị có thể thu hồi của các căn hộ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 56.365.507.491 Đồng cao hơn giá trị phải thu gốc 53.513.866.700 Đồng đang được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất, do vậy không cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản phải thu gốc. Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá rằng khả năng thu hồi khoản lãi 72.483.802.958 Đồng là chưa chắc chắn nên ghi nhận khoản phải thu lãi là Tài sản tiềm tàng (Thuyết minh 40 - Tài sản tiềm tàng) trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản phải thu gốc này dự kiến sẽ được thu hồi khi Tổng Công ty và công ty con nhận bàn giao và bán các căn hộ trên theo quy định Luật nhà ở.

(ii) Dự án Contrexim Complex

Theo Hợp đồng số 0911210/HĐKT để ngày 10 tháng 12 năm 2009 giữa công ty con và Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San ("Công ty Việt San") về việc góp vốn để đầu tư vào dự án Contrexim Complex, công ty con được quyền phân chia các sản phẩm của dự án.

Trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2010, nếu công ty con không có nhu cầu nhận phân chia số sản phẩm tương ứng với số vốn góp thì công ty con được quyền bán cho Công ty Việt San. Vào ngày 4 tháng 11 năm 2010, công ty con đã có Công văn số 38/2010/HTĐT thông báo về việc chấm dứt hợp đồng góp vốn, nhượng lại quyền mua cho Công ty Việt San. Công ty con đã khởi kiện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Công ty Việt San để thu hồi khoản phải thu này từ Công ty Việt San.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, công ty con vẫn chưa thu hồi được khoản đầu tư bao gồm cả gốc và lãi là 10.077.541.667 Đồng này. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản phải thu này là nợ khó đòi và công ty con đã trích lập dự phòng 100% cho khoản phải thu này.

(iii) Dự án Hà Nội Paragon

Đây là số dư nợ mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VT còn phải trả công ty con sau khi cản trở công nợ bằng căn hộ tại dự án Hà Nội Paragon - Khu đô thị Dịch Vọng Hậu. Công ty con đã lập dự phòng cho khoản phải thu này dựa trên tuổi nợ (Thuyết minh 7 và 8).

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

(b) Dài hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Dự thu lãi tiền gửi dài hạn	14.303.139.726	1.304.767.125
Dự án Tincom City (*)	7.858.333.333	7.858.333.333
	22.161.473.059	9.163.100.458

(*) Thể hiện số tiền gốc và lãi của Vinare Invest đã góp liên quan đến việc hợp tác và khai thác sản phẩm tại dự án Tincom City Plaza với Công ty Thăng Long tại địa chỉ số 360 Đường Giải Phóng. Công ty con sẽ được nhận một lô đất kèm nhà ở được xây năm tầng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các thủ tục pháp lý đảm bảo điều kiện chuyển nhượng của lô đất dự án chưa được hoàn thiện do phía Chủ đầu tư thay đổi quy hoạch.

Theo chứng thư thẩm định giá số 200517/CT-VNVC để ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Việt Nam, giá trị thẩm định của lô đất này là 10.740.037.212 Đồng (bao gồm thuế GTGT). Theo Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về các dự án kinh doanh bất động sản đang triển khai để ngày 31 tháng 12 năm 2020 của công ty con, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị mà Tổng Công ty và công ty con có thể thu được từ lô đất này cao hơn giá trị ghi sổ của khoản phải thu này. Do đó, Tổng Công ty và công ty con không trích lập dự phòng cho khoản phải thu này trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

8 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho chủ yếu gồm giá trị 10 căn hộ mà công ty con nhận để cấn trừ công nợ từ Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại VT, bao gồm:

- 9 căn hộ với tổng giá trị ghi nhận theo giá gốc là 36.895.972.638 Đồng, thuộc sở hữu của công ty con tại dự án Hà Nội Paragon - Khu đô thị Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Tổng Công ty và công ty con trích lập dự phòng giảm giá 9 căn hộ này theo kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định giá của công ty con và hai chứng thư thẩm định giá:

- Chứng thư thẩm định giá số 070119/CT-TLVC-VNRI ngày 7 tháng 1 năm 2019 của Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thẩm định giá Thăng Long, theo đó giá trị thẩm định của 9 căn hộ này là 32.348.848.500 Đồng và
- Chứng thư thẩm định giá số 200453/CT-VNVC để ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Việt Nam, theo đó giá trị thẩm định của 9 căn hộ này là 32.057.578.316 Đồng.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có khác biệt trọng yếu đối với giá trị gốc của 9 căn hộ này so với giá trị theo chứng thư thẩm định giá nêu trên, do đó không trích lập thêm dự phòng giảm giá cho khoản mục tồn kho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- 1 căn hộ với giá trị 4.039.917.818 Đồng, thuộc sở hữu của nhà đầu tư hợp vốn với công ty con tại dự án Hà Nội Paragon - Khu đô thị Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội mà công ty con phải trả cho các nhà đầu tư này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các thủ tục pháp lý đảm bảo điều kiện chuyển nhượng của căn hộ này đang được Chủ đầu tư hoàn thiện. Do đó, trên báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty vẫn trình bày căn hộ này trên khoản mục hàng tồn kho và ghi nhận khoản phải trả tương ứng cho nhà đầu tư hợp vốn như đã được trình bày ở Thuyết minh 15(a).

Chi tiết của hàng tồn kho theo giá gốc cụ thể như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Căn hộ B0303	4.065.155.091	(607.151.091)	4.065.155.091	(607.151.091)
Căn hộ B0601	4.046.033.727	(450.498.227)	4.046.033.727	(450.498.227)
Căn hộ B0603	4.065.155.091	(607.151.091)	4.065.155.091	(607.151.091)
Căn hộ B1101	4.261.046.455	(520.374.455)	4.261.046.455	(520.374.455)
Căn hộ B1103	4.281.202.364	(680.644.364)	4.281.202.364	(680.644.364)
Căn hộ B12A03	4.065.155.091	(607.151.091)	4.065.155.091	(607.151.091)
Căn hộ B2101	4.281.361.909	(527.482.909)	4.281.361.909	(527.482.909)
Căn hộ B2103	3.915.431.455	(302.039.455)	3.915.431.455	(302.039.455)
Căn hộ B2704	3.915.431.455	(244.631.455)	3.915.431.455	(244.631.455)
Căn hộ 12A04	4.039.917.818	-	4.039.917.818	-
Căn hộ B1804	-	-	4.075.584.182	-
Khác	29.010.465	-	36.263.910	-
	40.964.900.921	(4.547.124.138)	45.047.738.548	(4.547.124.138)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.547.124.138)	-	(4.547.124.138)	-
	36.417.776.783	-	40.500.614.410	-

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

(a) Ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	580.190.581.169	406.888.443.007
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	6.476.221.951
	580.190.581.169	413.364.664.958

(*) Biến động về chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Số dư đầu năm	406.888.443.007	244.016.133.558
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	1.176.148.398.120	831.842.931.205
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	(1.002.846.259.958)	(668.970.621.756)
Số dư cuối năm	580.190.581.169	406.888.443.007

(b) Dài hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Chi phí ủy thác đầu tư dài hạn	4.477.118.159	1.599.249.746
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.092.522.429	1.244.899.417
	5.569.640.588	2.844.149.163

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1/1/2020	15.170.997.037	2.980.277.071	6.928.749.747	715.784.299	25.795.808.154
Mua trong năm	3.183.532.000	53.680.000	775.487.500	172.390.000	4.185.089.500
Tại ngày 31/12/2020	18.354.529.037	3.033.957.071	7.704.237.247	888.174.299	29.980.897.654
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1/1/2020	(11.138.661.580)	(2.980.277.071)	(6.642.102.112)	(350.324.244)	(21.111.365.007)
Khấu hao trong năm	(590.293.958)	(10.065.000)	(216.242.822)	(32.644.791)	(849.246.571)
Tại ngày 31/12/2020	(11.728.955.538)	(2.990.342.071)	(6.858.344.934)	(382.969.035)	(21.960.611.578)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1/1/2020	4.032.335.457	-	286.647.635	365.460.055	4.684.443.147
Tại ngày 31/12/2020	6.625.573.499	43.615.000	845.892.313	505.205.264	8.020.286.076

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 10.359.605.603 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.322.605.603 Đồng).

b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kỹ thuật tái bảo hiểm VND	
Nguyên giá		
Tại ngày 1/1/2020		32.434.195.934
Tại ngày 31/12/2020		32.434.195.934
Giá trị khấu hao lũy kế		
Tại ngày 1/1/2020		(32.434.195.934)
Tại ngày 31/12/2020		(32.434.195.934)
Giá trị còn lại		
Tại ngày 1/1/2020		-
Tại ngày 31/12/2020		-

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 32.434.195.934 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 32.434.195.934 Đồng).

11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Bất động sản đầu tư cho thuê VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1/1/2020	34.055.061.893
Tại ngày 31/12/2020	34.055.061.893
Giá trị khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1/1/2020	(24.646.279.168)
Khấu hao trong năm	(1.377.352.567)
Tại ngày 31/12/2020	(26.023.631.735)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1/1/2020	9.408.782.725
Tại ngày 31/12/2020	8.031.430.158

Bất động sản đầu tư thể hiện phần giá trị của tòa nhà số 141 Lê Duẩn tương ứng với phần diện tích cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên chưa trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

12 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỨ DANG DÀI HẠN

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Dự án 142 Định Công (*)	14.036.123.679	14.036.123.679

(*) Thể hiện khoản góp vốn đầu tư thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở, dịch vụ và thương mại tại địa chỉ số 142 Định Công giữa Tổng Công ty, công ty con và Công ty Cổ phần Viễn thông - Tín hiệu Đường sắt, theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 25/201/HĐHTKD để ngày 25 tháng 7 năm 2011 và Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư để ngày 28 tháng 10 năm 2017. Dự án đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đồng ý về quy hoạch kiến trúc dự án theo đề xuất của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 1369/VP-ĐT của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội để ngày 23 tháng 2 năm 2018. Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và công ty con vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để đưa dự án vào xây dựng.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	580.352.904.664	613.498.599.822
- Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	238.830.722.156	282.969.056.308
- Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	340.584.747.561	329.397.190.803
- Phải trả khác về nghiệp vụ tái bảo hiểm	937.434.947	1.132.352.711
Phải trả khác cho người bán	1.163.305.361	212.498.108.102
- Phải trả khác liên quan đến hợp đồng hoán đổi ngoại tệ	-	209.573.955.000
- Phải trả khác	1.163.305.361	2.924.153.102
	581.516.210.025	825.996.707.924

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực thu/ thực nộp/ bù trừ trong năm VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
a) Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước				
Thuế GTGT	5.500.365.571	671.846.253	(968.446.429)	5.203.765.395
b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT	158.911.177	948.696.473	(1.055.939.991)	51.667.659
Thuế TNCN	247.879.077	7.510.946.959	(7.427.170.967)	331.655.069
Thuế TNDN	17.306.240.598	66.121.705.916	(67.641.470.965)	15.786.475.549
Thuế khác	183.465.891	915.826.031	(1.049.052.295)	50.239.627
	17.896.496.743	75.497.175.379	(77.173.634.218)	16.220.037.904

15 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
a) Ngắn hạn	154.386.825.136	159.878.229.787
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng (*)	102.957.752.564	111.386.015.883
Phí nhượng tái bảo hiểm giữ lại	15.215.855.236	10.087.324.463
Phải trả cho các nhà đầu tư cùng góp vốn tại dự án Tincom Plaza (Thuyết minh 7)	22.641.503.475	22.641.503.475
Phải trả cho các nhà đầu tư cùng góp vốn tại dự án Hà Nội Paragon (Thuyết minh 8)	5.915.459.941	10.383.394.941
Phải trả cho các nhà đầu tư cùng góp vốn tại dự án 142 Định Công (Thuyết minh 12)	646.765.000	646.765.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.009.488.920	4.733.226.025
b) Dài hạn	1.503.228.380	2.796.537.555
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.503.228.380	2.796.537.555
	155.890.053.516	162.674.767.342

(*) Biến động về doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Số dư đầu năm	111.386.015.883	107.386.456.892
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	208.502.556.869	226.441.658.614
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng đã phân bổ vào doanh thu trong năm	(216.930.820.188)	(222.442.099.623)
Số dư cuối năm	102.957.752.564	111.386.015.883

16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Dự phòng phí tái lập phải trả	21.468.757.438	12.909.096.840

17 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Số dư đầu năm	18.970.301.148	19.210.767.385
Tăng trong năm (Thuyết minh 20)	10.978.640.823	8.410.048.643
Sử dụng trong năm	(7.258.771.843)	(8.650.514.880)
Số dư cuối năm	22.690.170.128	18.970.301.148

18 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	1.196.704.406.560	1.077.521.983.191
Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.636.743.500.588	1.590.506.312.001
Trong đó:		
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết ("OSLR")	1.514.358.242.545	1.479.443.897.290
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR")	122.385.258.043	111.062.414.711
Dự phòng dao động lớn	172.065.103.211	157.173.203.700
	3.005.513.010.359	2.825.201.498.892

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần VND
Dự phòng bồi thường	1.636.743.500.588	(992.398.866.592)	644.344.633.996
Trong đó			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1.514.358.242.545	(944.858.882.510)	569.499.360.035
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo	122.385.258.043	(47.539.984.082)	74.845.273.961
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.196.704.406.560	(470.264.225.140)	726.440.181.420
	2.833.447.907.148	(1.462.663.091.732)	1.370.784.815.416

Trong đó chi tiết biến động các khoản dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần VND
Số dư đầu năm	1.590.506.312.001	(1.002.695.003.205)	587.811.308.796
Số tăng/(giảm) trong năm	46.237.188.587	(10.296.136.613)	56.533.325.200
Số dư cuối năm	1.636.743.500.588	(992.398.866.592)	644.344.633.996
Dự phòng phí chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần VND
Số dư đầu năm	1.077.521.983.191	(508.147.652.582)	569.374.330.609
Số tăng/(giảm) trong năm (Thuyết minh 22 và 23)	119.182.423.369	(37.883.427.442)	157.065.850.811
Số dư cuối năm	1.196.704.406.560	(470.264.225.140)	726.440.181.420

18 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (Tiếp theo)

Trong đó chi tiết biến động các khoản dự phòng như sau (tiếp theo):

Dự phòng phí chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần VND
Số dư đầu năm	1.077.521.983.191	(508.147.652.582)	569.374.330.609
Số tăng/(giảm) trong năm (Thuyết minh 22 và 23)	119.182.423.369	(37.883.427.442)	157.065.850.811
Số dư cuối năm	1.196.704.406.560	(470.264.225.140)	726.440.181.420

(b) Dự phòng dao động lớn

	2020 VND	2019 VND
I. Hoạt động chính		
Số dư đầu năm	147.884.005.692	182.011.294.206
Số tăng trong năm	14.891.899.511	11.872.711.486
Số sử dụng trong năm	-	(46.000.000.000)
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp		
Số dư đầu năm	9.289.198.008	8.876.683.166
Số tăng trong năm	-	412.514.842
Số dư cuối năm	172.065.103.211	157.173.203.700

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU
(a) Số lượng cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu phổ thông	31/12/2019 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	131.075.937	131.075.937
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	131.075.937	131.075.937
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	131.075.937	131.075.937

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020		31/12/2019	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.310.759.370.000	100,00	1.310.759.370.000	100,00
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước ("SCIC")	529.060.350.000	40,36	529.060.350.000	40,36
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	327.689.890.000	25,00	327.689.890.000	25,00
Tập đoàn Bảo Việt	120.268.200.000	9,18	120.268.200.000	9,18
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt	104.956.000.000	8,01	104.956.000.000	8,01
Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh	84.275.100.000	6,43	84.275.100.000	6,43
Các cổ đông khác	144.509.830.000	11,02	144.509.830.000	11,02
Thặng dư vốn cổ phần	566.368.537.309		566.368.537.309	
Tổng	1.877.127.907.309		1.877.127.907.309	

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi nhuận không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2019	1.310.759.370.000	566.368.537.309	206.077.621.278	131.075.937.000	735.886.003.612	36.252.018.437	2.986.419.487.636
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	288.085.060.920	(1.461.703.968)	286.623.356.952
Phân bổ lợi nhuận quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.496.214.773	-	(5.496.214.773)	-	-
Phân bổ lợi nhuận vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	(8.410.048.643)	-	(8.410.048.643)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	(157.291.124.400)	-	(157.291.124.400)
Tại ngày 1/1/2020	1.310.759.370.000	566.368.537.309	211.573.836.051	131.075.937.000	852.773.676.716	34.790.314.469	3.107.341.671.545
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	312.244.294.056	(1.172.504.195)	311.071.789.861
Phân bổ lợi nhuận vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	(10.978.640.823)	-	(10.978.640.823)
Chia cổ tức cho cổ đông (**)	-	-	-	-	(262.151.874.000)	-	(262.151.874.000)
Tại ngày 31/12/2020	1.310.759.370.000	566.368.537.309	211.573.836.051	131.075.937.000	891.887.455.949	33.617.810.274	3.145.282.946.583

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 số 06/2013/NQ-DHĐCĐ đề ngày 25 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc sửa đổi một số quy định về phân phối lợi tức, trong đó quỹ phúc lợi được tính bằng 1 tháng lương thực hiện và quỹ Khen thưởng tối đa được trích hàng năm bằng 1,5% lợi nhuận sau thuế nhưng mức tối đa không vượt quá 2 tháng lương thực hiện trong năm.

Tổng Công ty đã tạm phân bổ vào quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 với số tiền là 10.978.640.823 Đồng, trong đó bao gồm 2.000.000.000 Đồng khen thưởng cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty trích từ nguồn quỹ lợi nhuận chưa phân phối kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 nhân kỳ nhiệm vụ 25 năm ngày thành lập Tổng Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 10/2020/NQ-DHĐCĐ đề ngày 11 tháng 6 năm 2020. Quyết định cuối cùng về phân phối lợi nhuận năm 2020 sẽ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông năm 2021.

(**) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 10/2020/NQ-DHĐCĐ đề ngày 11 tháng 6 năm 2020, Đại hội cổ đông Cổ đông đã quyết định chi trả cổ tức năm 2019

cho cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ 20%, tương đương số tiền 262.151.874.000 Đồng.

21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	312.244.294.056	288.085.060.920
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.978.640.823)	(10.410.048.643)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	303.265.653.233	277.675.012.277
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	131.075.937	131.075.937
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.314	2.118

22 DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	2020 VND	2019 VND
Phí nhận tái bảo hiểm	2.474.291.508.984	2.248.571.400.872
Bảo hiểm tai nạn con người	835.201.664.655	516.060.945.993
Bảo hiểm tài sản, cháy nổ	695.839.542.148	684.731.513.368
Bảo hiểm kỹ thuật	249.420.568.501	215.445.154.866
Bảo hiểm thân tàu và P&I	244.940.290.411	274.409.814.106
Bảo hiểm hàng hóa	125.983.968.432	151.560.450.126
Bảo hiểm tàu cá	13.675.726.722	29.241.881.568
Bảo hiểm K-Care	7.264.476.623	8.850.149.541
Bảo hiểm hàng không	5.630.879.254	4.184.020.607
Bảo hiểm nông nghiệp	3.870.086.921	25.781.441.919
Bảo hiểm năng lượng	3.123.922.775	3.237.532.041
Bảo hiểm nhân thọ	1.268.044.333	2.557.541.100
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	288.072.338.209	332.510.955.637
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(26.586.348.153)	(27.323.106.630)
Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc (Thuyết minh 18(a))	(119.182.423.369)	(203.184.764.080)
	2.328.522.737.462	2.018.063.530.162

23 PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	2020 VND	2019 VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	958.330.948.151	1.033.527.384.272
Bảo hiểm tài sản, cháy nổ	418.070.061.172	431.697.311.268
Bảo hiểm kỹ thuật	111.414.050.053	88.844.901.742
Bảo hiểm thân tàu và P&I	163.913.715.448	187.194.664.506
Bảo hiểm hàng hóa	25.259.554.088	32.638.709.393
Bảo hiểm tàu cá	6.688.381.632	8.023.955.855
Bảo hiểm K-Care	2.717.556.600	3.316.496.900
Bảo hiểm hàng không	3.428.025.266	3.038.812.614
Bảo hiểm nông nghiệp	2.935.880.433	23.761.441.801
Bảo hiểm năng lượng	2.861.960.663	2.283.080.581
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	221.041.762.796	252.728.009.612
Thu hoàn phí nhượng tái bảo hiểm	(7.531.266.508)	(3.248.770.036)
(Giảm)/tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 18(a))	(37.883.427.442)	4.654.299.963
	988.683.109.085	1.025.624.314.273

24 DOANH THU KHÁC TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	2020 VND	2019 VND
Thu khác nhận tái bảo hiểm	4.926.416.898	1.021.421.214
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	16.701.594.874	20.635.168.827
Trong đó:		
-Thu từ môi giới hợp đồng tái bảo hiểm	8.555.910.444	8.685.782.064
-Thu từ hoa hồng thưởng	4.845.230.260	11.629.746.813
-Thu khác	3.300.454.170	319.639.950
	21.628.011.772	21.656.590.041

25 TỔNG CHI PHÍ BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	2020 VND	2019 VND
Chi bồi thường	950.313.250.918	1.075.927.565.712
Bảo hiểm tai nạn con người	25.607.737.106	37.522.668.897
Bảo hiểm tài sản, cháy nổ	264.861.892.401	364.796.202.168
Bảo hiểm kỹ thuật	124.279.312.926	108.337.965.895
Bảo hiểm thân tàu và P&I	160.472.179.953	139.962.661.928
Bảo hiểm hàng hóa	45.135.491.764	45.550.328.148
Bảo hiểm tàu cá	33.444.097.253	45.941.068.447
Bảo hiểm K-Care	2.172.625.000	1.551.550.000
Bảo hiểm hàng không	2.788.359.754	14.260.444.522
Bảo hiểm nông nghiệp	25.818.521.144	45.833.604.016
Bảo hiểm năng lượng	17.545.697.688	11.260.406.914
Bảo hiểm nhân thọ	174.165.470	2.121.973.200
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	248.013.170.459	258.788.691.577
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	579.287.329.344	669.723.131.637
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm (*)	59.871.801.757	(74.250.457.020)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (*)	105.536.227	(146.364.312.427)
	430.792.187.104	478.318.289.482

(*) Ngoài việc phản ánh số liệu tăng, giảm của dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (chỉ tiêu 192) và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (chỉ tiêu 329.2), các chỉ tiêu này còn phản ánh dự phòng bồi thường nhận và nhượng tái bảo hiểm cho các tổn thất đã được thông báo, ghi nhận và thanh toán của các hợp đồng Sirius và KRIC cho các

nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và kỹ thuật.

26 CHI HOA HỒNG BẢO HIỂM

	2020 VND	2019 VND
Bảo hiểm tai nạn con người	623.596.590.586	297.493.724.563
Bảo hiểm tài sản, cháy nổ	163.454.416.990	140.608.624.907
Bảo hiểm kỹ thuật	69.875.621.371	61.664.593.341
Bảo hiểm thân tàu và P&I	30.035.009.205	32.851.456.632
Bảo hiểm hàng hóa	36.915.703.205	39.501.611.078
Bảo hiểm tàu cá	6.038.367.235	16.565.268.150
Bảo hiểm K-Care	2.214.757.578	1.961.707.151
Bảo hiểm hàng không	706.350.710	479.409.457
Bảo hiểm nông nghiệp	1.001.880.903	2.532.459.048
Bảo hiểm năng lượng	189.618.810	200.769.625
Bảo hiểm nhân thọ	37.778.420	42.104.680
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	68.780.164.945	75.068.893.124
	1.002.846.259.958	668.970.621.756

27 CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	2020 VND	2019 VND
Chi khác nhận tái bảo hiểm	26.738.533.882	28.141.693.338
Trong đó:		
-Chi môi giới hợp đồng tái bảo hiểm	11.523.022.450	18.110.996.133
-Thưởng do không phát sinh bồi thường	9.085.850.901	8.630.113.315
-Chi khác	6.129.660.531	1.400.583.890
Chi khác nhượng tái bảo hiểm	9.891.987.101	(1.413.973.547)
	36.630.520.983	26.727.719.791

28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	200.734.997.111	186.191.337.466
Lãi kinh doanh chứng khoán	104.499.665.799	50.188.572.049
Cổ tức và lợi nhuận được chia (*)	11.502.230.400	15.925.824.800
Lãi từ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.453.169.773	39.239.042.579
Lãi trái phiếu	19.703.664.383	18.680.093.152
Lãi ủy thác đầu tư	6.598.277.037	10.681.550.805
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	94.843.253	192.274.745
	365.586.847.756	321.098.695.596

(*) Chi tiết khoản cổ tức mà Tổng Công ty nhận được trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn	6.400.000.000	3.840.000.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện	3.556.224.000	2.844.979.200
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	18.400	7.474.857.600
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu	880.000.000	1.100.000.000
Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	665.988.000	665.988.000
	11.502.230.400	15.925.824.800

29 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	21.235.488.248	39.793.733.154
Chi phí hoạt động ủy thác đầu tư	8.119.068.784	5.597.936.586
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(2.630.970.980)	(6.070.080.902)
Chi phí hoạt động hoán đổi ngoại tệ	2.545.907.973	5.995.970.688
Chi phí tài chính khác	12.536.914.292	11.469.674.959
	41.806.408.317	56.787.234.485

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên, chuyên gia	58.125.393.292	55.341.977.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.255.497.303	10.680.907.760
Chi phí giao dịch, hội nghị, quảng cáo	5.020.652.552	4.693.286.476
Chi các khoản thuế, phí, lệ phí	2.906.569.603	1.469.046.835
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	2.343.764.414	(14.837.487.151)
Chi phí khấu hao TSCĐ	849.246.571	765.009.517
Chi phí văn phòng	589.952.456	524.549.686
Chi phí quản lý khác	4.566.653.403	7.025.131.523
	84.657.729.594	66.065.341.829

31 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2020 VND	2019 VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.485.160.867.556	1.139.889.342.515
Chi phí nhân viên	58.125.393.292	55.744.897.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.255.497.303	10.680.907.760
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	2.343.764.414	(14.837.487.151)
Chi phí khấu hao TSCĐ	849.246.571	765.009.517
Chi phí khác bằng tiền	13.083.828.014	13.712.014.520
	1.569.818.597.150	1.205.954.684.344

32 THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Ngày 1 tháng 3 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2013 nhằm hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại tài chính do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần bảo đảm ổn định an sinh xã hội nông thôn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Theo Quyết định này, Tổng Công ty có trách nhiệm nhận tái bảo hiểm nông nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ngày 17 tháng 8 năm 2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 121/2011/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Quyết định số 315/QĐ-TTg để ngày 1 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, nguyên tắc triển khai thí điểm là các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam triển khai thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hạch toán tách biệt doanh thu, chi phí từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp với các hoạt động khác và hoạt động bảo hiểm nông nghiệp mà doanh nghiệp bảo hiểm đang triển khai. Phần phí bảo hiểm giữ lại trong năm sau khi đã trừ đi các khoản chi phí theo quy định, được dùng để bổ sung vào dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất.

Ngày 20 tháng 6 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 101/2012/TT-BTC quy định một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg để ngày 1 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm có trách nhiệm theo dõi riêng khoản lỗ hàng năm từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Trong kỳ, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm lỗ từ hoạt động triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hạch toán khoản lỗ này vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trong trường hợp bị lỗ do lỗ của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp thì được chuyển lỗ sang năm sau theo quy định của pháp luật. Trong năm, Tổng Công ty không phát sinh hoạt động liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp (năm 2019: số lãi phát sinh từ thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp là 412.514.842 Đồng được kết chuyển vào quỹ dự phòng dao động lớn).

Từ năm 2012, Tổng Công ty bắt đầu nhận tái bảo hiểm cho hoạt động bảo hiểm nông nghiệp thí điểm. Lỗ lũy kế của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 42.015.277.691 Đồng.

Theo Quyết định số 315/QĐ-TTg, hoạt động thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đã kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục để quyết toán hoạt động này với Bộ Tài chính. Quyết định cuối cùng về kết quả hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của Bộ Tài chính.

33 HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TÀU KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ

Ngày 7 tháng 7 năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, trong đó quy định chính sách bảo hiểm đối với đội tàu khai thác hải sản xa bờ ("bảo hiểm tàu cá"), cùng với các công ty bảo hiểm trong nước, Tổng Công ty tham gia loại hình bảo hiểm này với mục đích hỗ trợ thị trường và thực hiện các mục tiêu, chính sách của Chính phủ.

Ngày 20 tháng 8 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 116/2014/TT-BTC hướng dẫn một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP nói trên. Theo quy định tại Thông tư số 116/2014/TT-BTC, kết quả kinh doanh hoạt động bảo hiểm tàu cá được hạch toán chung vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm. Doanh nghiệp có trách nhiệm theo dõi riêng doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh của loại hình bảo hiểm này. Trường hợp cuối kỳ quyết toán có chênh lệch dương từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm tàu cá, doanh nghiệp bảo hiểm chuyển toàn bộ khoản chênh lệch này vào quỹ dự phòng dao động lớn.

Trong năm 2020 và 2019, Tổng Công ty không phát sinh chênh lệch dương từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm tàu cá.

34 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	377.193.495.777	344.188.227.237
Thuế tính ở thuế suất 20%	75.438.699.155	68.837.645.447
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	863.368.928	651.435.442
Chi phí không được khấu trừ	(10.682.192.491)	(12.692.878.896)
Lỗ của công ty con	501.830.324	768.668.292
Chi phí thuế TNDN (*)	66.121.705.916	57.564.870.285
Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	66.121.705.916	57.564.870.285
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (*)	66.121.705.916	57.564.870.285

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

35 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON

	Đơn vị	2020	2019
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	29,85	16,44
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	70,15	83,56
1.2 Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	54,91	55,57
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	45,09	44,43
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,82	1,80
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,28	1,51
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,55	0,75
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	19,26	21,88
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	15,88	18,22
3.2 Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	5,41	4,92
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,46	4,10
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	9,89	9,22

36 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH
Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty và công ty con quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty và công ty con có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và nợ phải trả.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty và công ty con chỉ bao gồm vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty và công ty con áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh 2.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.424.073.810	103.163.125.222
Phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	730.130.118.848	1.005.409.961.038
Đầu tư ngắn hạn	2.053.240.931.318	2.795.615.165.741
Đầu tư dài hạn	1.345.881.950.523	406.400.750.254
Tổng cộng	4.184.677.074.499	4.310.589.002.255
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	581.516.210.025	825.996.707.924
Phải trả dài hạn khác	1.503.228.380	2.796.537.555
Tổng cộng	583.019.438.405	828.793.245.479

Tổng Công ty và công ty con chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ báo cáo do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty và công ty con đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty và công ty con phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty và công ty con.

Các hoạt động của Tổng Công ty và công ty con có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung, các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và công ty con là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con.

(a) Rủi ro tái bảo hiểm

Rủi ro hoạt động khai thác nhận tái bảo hiểm là các rủi ro từ danh mục rủi ro mà Tổng Công ty nhận tái bảo hiểm. Mức độ các rủi ro này chủ yếu ảnh hưởng do chất lượng quá trình khai thác:

- Đánh giá rủi ro nhận tái bảo hiểm;
- Định giá, xác định khả năng nhận tái bảo hiểm;
- Điều kiện và điều khoản áp dụng; và
- Kiểm soát mức độ tập trung rủi ro và các rủi ro thảm họa.

36 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(a) Rủi ro tái bảo hiểm (tiếp theo)

Mục tiêu chính của quản trị rủi ro trong lĩnh vực khai thác là nhằm nâng cao chất lượng của danh mục rủi ro nhận bảo hiểm bằng cách thực hiện đầy đủ và tốt nhất có thể các bước nêu trên. Theo đó, các rủi ro từ hoạt động khai thác bảo hiểm có thể bao gồm:

- Đánh giá rủi ro nhận tái bảo hiểm không đầy đủ, điều kiện và điều khoản áp dụng không phù hợp;
- Định phí tái bảo hiểm không tương đương với mức độ rủi ro nhận tái bảo hiểm;
- Chính sách nhượng tái bảo hiểm không phù hợp;
- Quy trình xử lý bồi thường không hợp lý;
- Trích lập các khoản dự phòng không đầy đủ;
- Không thu đòi được các khoản phải thu nhượng tái bảo hiểm.

Mục tiêu, chính sách và các quy trình Quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu cuối cùng của việc quản lý rủi ro bảo hiểm là kiểm soát các sự kiện về mặt nghiệp vụ bảo hiểm có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

Chính sách quản trị rủi ro của Tổng Công ty được thiết lập thông qua việc xác định các giới hạn rủi ro cho phép và cụ thể hóa Hướng dẫn khai thác bảo hiểm/nhận tái bảo hiểm của Tổng Công ty như hướng dẫn khai thác nhận/nhượng tái bảo hiểm cố định/tạm thời, và hướng dẫn giải quyết bồi thường.

Tổng Công ty đã thiết lập hệ thống quản lý rủi ro bảo hiểm ở nhiều cấp bậc khác nhau từ các phòng ban nghiệp vụ bảo hiểm đến toàn bộ Tổng Công ty để đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro. Ban Quản trị Rủi ro đóng vai trò quan trọng trong quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm, có nhiệm vụ kết nối và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban nghiệp vụ, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty.

Hoạt động quản trị rủi ro bảo hiểm được giám sát từ các cấp lãnh đạo thông qua các hướng dẫn khai thác bảo hiểm/tái bảo hiểm, và các tiêu chuẩn quản trị rủi ro. Quy trình báo cáo cũng được thiết lập từ cấp thấp nhất và được thực hiện định kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng quý nhằm đảm bảo hiệu quả giám sát. Các quy trình quản trị rủi ro được thực hiện một cách có hệ thống để xác định, đo lường, kiểm soát và xử lý rủi ro nhằm đảm bảo các chỉ số đo lường rủi ro không vượt quá giới hạn cho phép.

Tổng Công ty áp dụng nhiều biện pháp khác nhau trong việc phát hiện các rủi ro bảo hiểm bao gồm các phương pháp đánh giá rủi ro, thảo luận thông qua các cuộc họp nội bộ, và kinh nghiệm của các chuyên gia. Tùy thuộc vào các hoàn cảnh thực tế và đặc điểm của rủi ro cần đo lường, xác định, các biện pháp đo lường định lượng và định tính khác nhau sẽ được áp dụng. Biện pháp đo lường định tính chủ yếu bao gồm việc đánh giá rủi ro của các chuyên gia khai thác đối với từng nghiệp vụ đơn lẻ hoặc các danh mục rủi ro. Các biện pháp đo lường định lượng bao gồm việc định giá, phân tích danh mục rủi ro thông qua các thống kê quá khứ (mức phí, loại hình rủi ro, tổn thất).

Chương trình nhận và nhượng tái bảo hiểm giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì và đảm bảo mức độ rủi ro của Tổng Công ty luôn nằm trong hạn mức rủi ro cho phép, vì vậy, bên cạnh việc đặt ra các hạn mức rủi ro phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong từng thời kỳ, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng trực tiếp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhận và nhượng tái bảo hiểm trong khuôn khổ chương trình tái bảo hiểm hàng năm do Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Quản lý vốn

Tổng Công ty ưu tiên duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định, cũng như các yêu cầu về Biên khả năng thanh toán theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan. Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

	Biên khả năng thanh toán của Công ty	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.882 tỷ Đồng	374 tỷ Đồng	503%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.973 tỷ Đồng	298 tỷ Đồng	662%

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá.

Trong năm, Tổng Công ty và công ty con đã tham gia vào các giao dịch hoán đổi tiền tệ với các ngân hàng để thực hiện phòng ngừa rủi ro về tỷ giá hối đoái.

Nhằm đảm bảo nguồn ngoại tệ trong thanh toán tái bảo hiểm, Tổng Công ty và công ty con thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty và công ty con sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá hối đoái.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Nợ phải trả	
	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Đô la Mỹ (USD)	302.013.535.702	551.827.509.788	280.399.898.125	286.841.095.714
Euro (EUR)	3.227.980.573	3.281.595.648	973.305.361	890.972.815
Bảng Anh (GBP)	179.211.555	174.432.303	-	-
Đô la Úc (AUD)	6.044.477	5.546.284	-	-
Đô la Singapore (SGD)	58.835.238	8.505.713	27.697.590	27.836.305
Yên Nhật (JPY)	287.728.168	313.162.468	108.651.354	107.605.768
Ringgit Malaysia (MYR)	-	-	1.567.841	1.536.413

36 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

 (i) *Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)*

Tổng Công ty và công ty con chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty và công ty con sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2020 VND	2019 VND
Đô la Mỹ (USD)	1.080.681.879	13.249.320.704
Euro (EUR)	112.733.761	119.531.142

 (ii) *Rủi ro về giá*

Các cổ phiếu do Tổng Công ty và công ty con nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty và công ty con quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Tổng Công ty và công ty con đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty và công ty con cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích ngắn hạn mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty và công ty con không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần. Định kỳ, Tổng Công ty và công ty con tiến hành rà soát và đánh giá các khoản đầu tư có chính sách cụ thể, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và hiệu quả đầu tư.

 (iii) *Rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty và công ty con chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản tiền gửi tại ngân hàng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam của Tổng Công ty và công ty con có nhiều mức lãi suất khác nhau và sẽ chịu rủi ro lãi suất khi tái đầu tư

 (c) *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty và công ty con. Tổng Công ty và công ty con có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty và công ty con có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty và công ty con tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, Tổng Công ty và công ty con có khoản rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng. Tổng Công ty và công ty con đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ cho các khoản phải thu này.

 (d) *Rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty và công ty con quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty và công ty con tin rằng có thể tạo ra trong kỳ báo cáo đó. Chính sách của Tổng Công ty và công ty con là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty và công ty con duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền theo hợp đồng của tài sản tài chính và dòng tiền theo hợp đồng của nợ phải trả tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty và công ty con phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty và công ty con khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở

 (d) **36 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**
 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

nợ phải trả và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2020	Tổng giá trị ghi sổ VND	Không xác định kỳ hạn VND	Kỳ hạn gốc dưới 1 năm VND	Kỳ hạn gốc từ 1 đến 5 năm VND	Kỳ hạn gốc trên 5 năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.424.073.810	55.424.073.810	-	-	-
Phải thu khách hàng (*)	730.130.118.848	-	730.130.118.848	-	-
Đầu tư ngắn hạn (*)	2.053.240.931.318	-	2.053.240.931.318	-	-
Đầu tư dài hạn (*)	1.345.881.950.523	-	-	1.345.881.950.523	-
Tổng cộng	4.184.677.074.499	-	2.783.371.050.166	1.345.881.950.523	-
Phải trả người bán	(581.516.210.025)	-	(581.516.210.025)	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	(1.503.228.380)	-	-	(1.503.228.380)	-
Tổng cộng	(583.019.438.405)	-	(581.516.210.025)	(1.503.228.380)	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.601.657.636.094	55.424.073.810	2.201.854.840.141	1.344.378.722.143	-
Tại ngày 31/12/2019					
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.163.125.222	103.163.125.222	-	-	-
Phải thu khách hàng (*)	1.005.409.961.038	-	1.005.409.961.038	-	-
Đầu tư ngắn hạn (*)	2.795.615.165.741	-	2.795.615.165.741	-	-
Đầu tư dài hạn (*)	406.400.750.254	-	-	406.400.750.254	-
Tổng cộng	4.310.589.002.255	103.163.125.222	3.801.025.126.779	406.400.750.254	-
Phải trả người bán	(825.996.707.924)	-	(825.996.707.924)	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	(2.796.537.555)	-	-	(2.796.537.555)	-
Tổng cộng	(828.793.245.479)	-	(825.996.707.924)	(2.796.537.555)	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.481.795.756.776	103.163.125.222	2.975.028.418.855	403.604.212.699	-

(*) Các số liệu được trình bày là số liệu trước dự phòng.

37 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty và công ty con có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Cổ đông lớn
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	Công ty liên kết

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2020 VND	2019 VND
<i>i) Tập đoàn tái bảo hiểm Swiss Re</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	249.543.008.892	243.239.126.942
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	71.801.808.322	69.175.721.621
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	100.665.348.396	142.223.341.779
Cổ tức đã trả	65.537.978.000	39.322.786.800
<i>ii) Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	396.774.886	1.429.233.152
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	108.749.920	282.972.215
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	251.788.042	865.111.359
Phí nhận tái bảo hiểm	115.959.632.569	104.822.197.657
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	25.604.629.352	22.771.897.850
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	29.589.256.125	32.415.414.321
Cổ tức đã nhận được	16.144.290.162	20.500.747.189
<i>iii) Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước</i>		
Cổ tức đã trả	105.812.070.000	63.487.242.000

iv) Các khoản chi trong năm cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Hội đồng Quản trị	Chức danh	2020 VND	2019 VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 11/6/2020)	938.526.591	-
Ông Lê Song Lai	Chủ tịch, Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển (miễn nhiệm ngày 11/6/2020)	160.670.274	366.229.734
Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10/9/2020)	239.417.856	158.862.418
Ông Jared Orchard	Phó Chủ tịch (Thành viên HĐQT từ 11/6/2020 và Phó Chủ tịch HĐQT từ 10/9/2020)	113.284.970	-
Ông Phạm Công Tứ	Thành viên, Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 27/10/2020)	2.060.216.009	2.278.806.463
Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên, Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/11/2020)	1.820.529.921	1.660.532.240
Ông Phạm Phan Dũng	Thành viên, Trưởng Tiểu ban Lương thưởng (bổ nhiệm ngày 11/6/2020)	132.860.588	-
Ông Đào Nam Hải	Thành viên	236.325.178	267.091.510
Ông Nguyễn Đình An	Thành viên	209.325.178	213.091.510
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên	209.325.178	142.061.007
Ông Phạm Sỹ Danh	Thành viên, Trưởng ban Nhân sự (miễn nhiệm ngày 11/6/2020)	117.079.078	267.091.510
		6.237.560.821	5.353.766.392
Ban Kiểm soát	Chức danh		
Ông Trần Trung Tính	Trưởng ban	151.381.413	154.833.883
Ông Vũ Ngọc Vượng	Thành viên	125.837.648	128.976.258
Bà Lê Thị Thanh Hiền	Thành viên	139.819.609	143.306.953
Ông Tushar Chatterjee	Thành viên	62.159.016	-
Ông Đào Mạnh Dương	Thành viên	872.850.770	-
Ông Trần Phan Việt Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11/6/2020)	55.908.756	128.976.258
		1.407.957.212	556.093.352
Ban Tổng Giám đốc	Chức danh		
Ông Mai Xuân Dũng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/11/2020)	Như trên	Như trên
Ông Phạm Công Tứ	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 27/10/2020)	Như trên	Như trên
Bà Lưu Thị Việt Hoa	Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT	1.839.788.045	1.726.420.073
Ông Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng Giám đốc	1.591.368.983	1.448.446.651
		3.431.157.028	3.174.866.724
		11.076.675.061	9.084.726.468

37 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tập đoàn tái bảo hiểm Swiss Re		
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	30.317.434.631	37.849.144.545
Phả trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	85.659.522.563	71.249.053.212
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	6.367.138.445	5.188.655.304
Phả trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	63.995.583	1.504.780.306

38 TỔNG HỢP TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

	Năm tổn thất xảy ra			Tổng số VND
	2018 VND	2019 VND	2020 VND	
i. Số ước tính chi bồi thường lũy kế				
Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại: 2020 (1)	288.099.296.254	385.508.867.894	266.462.716.080	940.070.880.228
ii. Số đã chi trả bồi thường lũy kế				
Chi trả trong năm 2018	(41.951.581.376)	-	-	(41.951.581.376)
Chi trả trong năm 2019	(128.124.455.298)	(82.503.031.532)	-	(210.627.486.830)
Chi trả trong năm 2020	(44.946.937.967)	(188.034.493.364)	(41.993.786.854)	(274.975.218.185)
Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)	(215.022.974.641)	(270.537.524.896)	(41.993.786.854)	(527.554.286.391)
iii. Dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3) = (1) + (2)	73.076.321.613	114.971.342.998	224.468.929.226	412.516.593.837
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các năm trước				156.982.766.197
Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm				569.499.360.034

39 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm, đầu tư tài chính từ nguồn vốn nhàn rỗi. Các khoản đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh khác là không trọng yếu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá việc không lập báo cáo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

40 TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Như đã trình bày trong Thuyết minh 7(a) - Phải thu ngắn hạn khác, theo Quyết định số 14/2019/QĐST-KDTM để ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân, và các Thỏa thuận thanh toán công nợ để ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31 tháng 12 năm 2020, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số tiền Công ty Thăng Long phải trả bằng tiền mặt hoặc bù trừ bằng các căn hộ của dự án Tincom Plaza cho công ty con là 132.633.052.958 Đồng (bao gồm 60.149.250.000 Đồng phải thu gốc và 72.483.802.958 Đồng phải thu lãi). Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi của khoản lãi 72.483.802.958 Đồng được đánh giá là không chắc chắn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không ghi nhận khoản lãi này vào báo cáo tài chính hợp nhất mà trình bày khoản lãi này là tài sản tiềm tàng.

41 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Sự tái bùng phát và lan rộng trở lại của Covid-19 sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 là một sự kiện khó khăn và thách thức đối với tất cả các ngành kinh tế. Tổng Công ty và công ty con đã thực hiện đánh giá về tác động của sự kiện này đối với hoạt động của Tổng Công ty và công ty con, bao gồm khả năng thu hồi của các phải thu khách hàng và các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết luận là ảnh hưởng sẽ không đáng kể trong tương lai gần. Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này, chưa có tổn thất đáng kể nào phát sinh từ sự kiện này. Tổng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, có các biện pháp phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động.

42 SỐ LIỆU SO SÁNH

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại để một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất để tăng cường tính so sánh với số liệu của năm hiện tại. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (trích dẫn):

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Mã	Đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Phân loại lại VND
100 TÀI SẢN NGẮN HẠN	5.846.030.074.798	(1.304.767.125)	5.844.725.307.673
130 Các khoản phải thu ngắn hạn	980.112.416.948	(1.304.767.125)	978.807.649.823
131 Phải thu ngắn hạn khách hàng	916.184.821.195	(102.686.402.742)	813.498.418.453
131.2 <i>Phải thu khác của khách hàng (i)</i>	307.464.323.662	(102.686.402.742)	204.777.920.920
136 Các khoản phải thu ngắn hạn khác (i) (ii)	90.529.906.968	101.381.635.617	191.911.542.585
200 TÀI SẢN DÀI HẠN	1.148.351.750.011	1.304.767.125	1.149.656.517.136
210 Các khoản phải thu dài hạn	22.000.000.000	1.304.767.125	23.304.767.125
218 Phải thu dài hạn khác	22.000.000.000	1.304.767.125	23.304.767.125
218.2 - <i>Phải thu dài hạn khác (i)</i>	-	1.304.767.125	1.304.767.125
241 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (ii)	-	14.036.123.679	14.036.123.679
242 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (ii)	17.142.387.324	(14.036.123.679)	3.106.263.645

Tổng Công ty đã phân loại lại các khoản mục trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau để nhất quán về tính so sánh của số liệu:

- (i) Phân loại lại khoản lãi dự thu 102.686.402.742 Đồng từ khoản mục phải thu ngắn hạn khách hàng sang phải thu ngắn hạn khác 101.381.635.617 Đồng và phải thu dài hạn khác 1.304.767.125 Đồng;
- (ii) Phân loại lại khoản 14.036.123.679 Đồng liên quan khoản đầu tư thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở, dịch vụ và thương mại tại địa chỉ số 142 Định Công từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn.



42 SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (trích dẫn):

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Mã	Đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Phân loại lại VND	
10	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-	13.954.420.816	13.954.420.816
13	Thu nhập khác	15.470.417.217	(13.954.420.816)	1.515.996.401
21	Giá vốn bất động sản đầu tư	-	(1.606.162.584)	(1.606.162.584)
24	Chi phí khác	(2.786.574.052)	1.606.162.584	(1.180.411.468)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (trích dẫn):

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Mã	Đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Phân loại lại VND	
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-	13.954.420.816	13.954.420.816
21	Giá vốn bất động sản đầu tư	-	(1.606.162.584)	(1.606.162.584)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản	-	12.348.258.232	12.348.258.232
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	294.894.682.320	12.348.258.232	307.242.940.552
31	Thu nhập khác	15.470.417.217	(13.954.420.816)	1.515.996.401
32	Chi phí khác	(2.786.574.052)	1.606.162.584	(1.180.411.468)
40	Lợi nhuận khác	12.683.843.165	(12.348.258.232)	335.584.933

Tổng Công ty phân loại doanh thu và giá vốn liên quan đến bất động sản đầu tư của năm 2019 từ khoản mục thu nhập khác và chi phí khác để nhất quán về tính so sánh của số liệu.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 22 tháng 3 năm 2021.

Nguyễn Thành Công
Người lập

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020



Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2020 VND	31/12/2019 VND (Phân loại lại)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.784.925.999.430	5.728.582.537.162
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	52.900.251.472	101.616.124.112
111	Tiền		52.900.251.472	101.616.124.112
120	Đầu tư ngắn hạn	4(a)	2.036.740.931.318	2.779.246.231.902
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.036.740.931.318	2.782.315.165.741
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn		-	(3.068.933.839)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		652.402.133.274	923.476.596.493
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	564.034.646.896	813.498.418.453
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		563.619.791.897	608.720.497.533
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		414.854.999	204.777.920.920
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		23.518.000	46.050.480
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7(a)	105.598.027.529	124.842.422.297
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(17.254.059.151)	(14.910.294.737)
140	Hàng tồn kho		29.010.465	36.263.910
141	Hàng tồn kho		29.010.465	36.263.910
150	Tài sản ngắn hạn khác		580.190.581.169	413.364.664.958
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	580.190.581.169	413.364.664.958
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		580.190.581.169	406.888.443.007
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		-	6.476.221.951
190	Tài sản tái bảo hiểm		1.462.663.091.732	1.510.842.655.787
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	470.264.225.140	508.147.652.582
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16(a)	992.398.866.592	1.002.695.003.205
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.953.413.755.296	1.043.979.588.344
210	Các khoản phải thu dài hạn		42.472.513.659	29.474.141.058
218	Phải thu dài hạn khác		42.472.513.659	29.474.141.058
218.1	- Kỳ quỹ bảo hiểm	2.9	22.000.000.000	22.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	7(b)	20.472.513.659	7.474.141.058
220	Tài sản cố định		8.020.286.076	4.684.443.147
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	8.020.286.076	4.684.443.147
222	Nguyên giá		29.980.897.654	25.795.808.154
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(21.960.611.578)	(21.111.365.007)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	-	-
228	Nguyên giá		32.392.480.734	32.392.480.734
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.392.480.734)	(32.392.480.734)
230	Bất động sản đầu tư	10	8.031.430.158	9.408.782.725
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(26.023.631.735)	(24.646.279.168)
240	Tài sản dở dang dài hạn		1.616.690.000	3.106.263.645
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.616.690.000	3.106.263.645
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.887.703.194.815	994.461.808.606
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	60.000.000.000	60.000.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	125.000.000.000	125.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	357.354.024.845	403.155.876.046
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b), 4(c)	(532.780.553)	(94.817.694)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(c)	1.345.881.950.523	406.400.750.254
260	Tài sản dài hạn khác		5.569.640.588	2.844.149.163
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	5.569.640.588	2.844.149.163
270	TỔNG TÀI SẢN		6.738.339.754.726	6.772.562.125.506

Mã số	Thuyết minh	Tại ngày	
		31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ	3.799.320.191.443	3.851.503.899.798
310	Nợ ngắn hạn	3.797.816.963.063	3.848.707.362.243
311	Phải trả cho người bán	581.516.210.025	825.996.707.924
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	580.352.904.664	613.498.599.822
311.2	- Phải trả khác cho người bán	1.163.305.361	212.498.108.102
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	240.934.974	619.661.089
313	Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	16.187.287.904	17.887.827.194
314	Phải trả người lao động	25.352.582.932	21.508.923.286
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	302.524.570	-
319	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13(a)	14.227.829.987
319.1	- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	13(a)	111.386.015.883
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	14	12.909.096.840
322	Quỹ khen thưởng phúc lợi	15	18.969.801.148
329	Dự phòng nghiệp vụ	16	2.825.201.498.892
329.1	-Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		1.077.521.983.191
329.2	-Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		1.590.506.312.001
329.3	-Dự phòng dao động lớn		157.173.203.700
330	Nợ dài hạn	1.503.228.380	2.796.537.555
337	Phải trả dài hạn khác	13(b)	2.796.537.555
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.939.019.563.283	2.921.058.225.708
410	Vốn chủ sở hữu	2.939.019.563.283	2.921.058.225.708
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17	1.310.759.370.000
411a	-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.310.759.370.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	17, 18	566.368.537.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	211.311.595.298
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	18	131.075.937.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	18	701.542.786.101
421a	-Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước		440.887.305.670
421b	-Lợi nhuận sau thuế của năm nay		260.655.480.431
440	TỔNG NGUỒN VỐN	6.738.339.754.726	6.772.562.125.506

Nguyễn Thành Công
Người lập

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2021



Tại ngày

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	31/12/2020	31/12/2019
1.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	1.834.964,63	3.690.944,67
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	3.419,87	498,16
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	115.531,26	127.138,70

Nguyễn Thành Công
Người lập**Lưu Thị Việt Hoa**
Kế toán trưởng**Mai Xuân Dũng**
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2021**PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP**Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.578.398.460.337	1.236.537.905.553
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		8.467.926.462	13.954.420.816
12	Doanh thu hoạt động tài chính	25	380.878.976.246	340.805.119.079
13	Thu nhập khác		641.715.981	1.881.704.038
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.485.160.867.556)	(1.139.889.342.515)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(1.542.259.810)	(1.606.162.584)
22	Chi phí hoạt động tài chính	26	(38.606.694.613)	(52.311.276.958)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(84.657.729.594)	(66.065.341.829)
24	Chi phí khác		(1.205.969.139)	(1.180.411.468)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		357.213.558.314	332.126.614.132
51	Thuế TNDN hiện hành	31	(66.121.705.916)	(57.564.870.285)
52	Thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		291.091.852.398	274.561.743.847

Nguyễn Thành Công
Người lập**Lưu Thị Việt Hoa**
Kế toán trưởng**Mai Xuân Dũng**
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2021

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
1	Doanh thu phí bảo hiểm	19	2.328.522.737.462	2.018.063.530.162
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		2.447.705.160.831	2.221.248.294.242
1.3	- Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc		119.182.423.369	203.184.764.080
2	Phí nhượng tái bảo hiểm	20	(988.683.109.085)	(1.025.624.314.273)
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(950.799.681.643)	(1.030.278.614.236)
2.2	- (Giảm)/tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		(37.883.427.442)	4.654.299.963
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần		1.339.839.628.377	992.439.215.889
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		238.558.831.960	244.098.689.664
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		216.930.820.188	222.442.099.623
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	21	21.628.011.772	21.656.590.041
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.578.398.460.337	1.236.537.905.553
11	Chi bồi thường	22	(950.313.250.918)	(1.075.927.565.712)
11.1	- Tổng chi bồi thường	22	(950.313.250.918)	(1.075.927.565.712)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	22	579.287.329.344	669.723.131.637
13	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	22	59.871.801.757	(74.250.457.020)
14	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	22	105.536.227	(146.364.312.427)
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	22	(430.792.187.104)	(478.318.289.482)
16	Tăng/(giảm) dự phòng dao động lớn		14.891.899.511	(34.127.288.514)
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.039.476.780.941)	(695.698.341.547)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	23	(1.002.846.259.958)	(668.970.621.756)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	24	(36.630.520.983)	(26.727.719.791)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.485.160.867.556)	(1.139.889.342.515)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		93.237.592.781	96.648.563.038
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		8.467.926.462	13.954.420.816
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(1.542.259.810)	(1.606.162.584)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản		6.925.666.652	12.348.258.232

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
23	Doanh thu hoạt động tài chính	25	380.878.976.246	340.805.119.079
24	Chi phí hoạt động tài chính	26	(38.606.694.613)	(52.311.276.958)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính		342.272.281.633	288.493.842.121
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(84.657.729.594)	(66.065.341.829)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		357.777.811.472	331.425.321.562
31	Thu nhập khác		641.715.981	1.881.704.038
32	Chi phí khác		(1.205.969.139)	(1.180.411.468)
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác		(564.253.158)	701.292.570
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		357.213.558.314	332.126.614.132
51	Thuế TNDN hiện hành	31	(66.121.705.916)	(57.564.870.285)
52	Thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		291.091.852.398	274.561.743.847

Nguyễn Thành Công
Người lập

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2021



Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	574.997.091.053	576.934.658.888
02	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	(437.534.364.332)	(344.231.365.167)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(44.125.159.885)	(41.307.107.247)
05	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(67.641.470.965)	(54.624.848.662)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.838.971.478	3.628.549.541
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(26.561.559.599)	(32.473.759.037)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	973.507.750	107.926.128.316
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.641.835.855)	(2.490.942.645)
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.130.460.954.990)	(1.433.810.460.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.898.804.517.959	1.172.285.520.133
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	45.801.851.201	59.210.487.951
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	401.054.439.496	293.785.539.620
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	212.558.017.811	88.980.145.059
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(262.150.813.160)	(157.090.344.240)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(262.150.813.160)	(157.090.344.240)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(48.619.287.599)	39.815.929.135
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	101.616.124.112	61.645.461.451
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(96.585.041)	154.733.526
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	52.900.251.472	101.616.124.112

Nguyễn Thành Công
Người lập

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2021

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

TRỤ SỞ CHÍNH



141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội



(84 024) 3942 2354/65-69



(84 024) 3942 2351

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH



11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM



(84 028) 3821 1615



(84 028) 3821 1616

www.vinare.com.vn



QUÉT MÃ ĐỂ XEM
PHIÊN BẢN TRỰC TUYẾN